

International Ethics Standards Board for Accountants®

SỔ TAY BỘ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ CHO KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP

bao gồm các chuẩn mực quốc
tế về tính độc lập

Phiên bản 2018

ỦY BAN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC QUỐC TẾ CHO KẾ TOÁN VIÊN

SỔ TAY
BỘ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ
CHO KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP

bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập
Phiên bản 2018

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH
Năm 2021

Liên đoàn Kế toán Quốc tế[®]
529 Đại lộ số 5
New York, New York 10017 USA

Ấn phẩm này được xuất bản bởi Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC[®]). Nhiệm vụ IFAC là phục vụ lợi ích công chúng bằng cách: hỗ trợ phát triển các chuẩn mực quốc tế chất lượng cao; thúc đẩy việc áp dụng và thực hiện các chuẩn mực này; xây dựng năng lực của các tổ chức kế toán chuyên nghiệp; và lên tiếng về các vấn đề lợi ích công chúng. Ấn phẩm này có thể được tải xuống để sử dụng cho mục đích cá nhân hoặc mua từ trang web của Ủy ban Chuẩn mực đạo đức quốc tế cho kế toán viên (IESBA[®]): www.ethicsboard.org.

Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp[™] (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập[™]), Dự thảo xin ý kiến, các hồ sơ tư vấn và các ấn phẩm IESBA khác được xuất bản bởi IFAC, và bản quyền của IFAC.

IESBA và IFAC không chịu trách nhiệm đối với thiệt hại gây ra cho bất kỳ người nào hành động hoặc không hành động dựa theo tài liệu trong ấn phẩm này, cho dù sự thiệt hại đó có phải do bất cẩn hay không.

Ủy ban Chuẩn mực đạo đức quốc tế cho kế toán viên, Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp[™] (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập[™]), 'Liên đoàn Kế toán Quốc tế', 'IESBA', 'IFAC', logo IESBA và logo IFAC là các thương hiệu của IFAC hoặc nhãn hiệu dịch vụ và nhãn hiệu dịch vụ đã đăng ký của IFAC tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Bản quyền © tháng 7 năm 2018 bởi Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC). Đã đăng ký bản quyền. Cần có sự cho phép bằng văn bản từ IFAC để sao chép, lưu trữ hoặc chuyển giao hoặc sử dụng các tài liệu tương tự khác của tài liệu này, lưu vào nơi tài liệu đang được sử dụng cho mục đích cá nhân, phi thương mại. Liên hệ với allow@ifac.org.

ISBN: 978-1-60815-464-7



LỜI GIỚI THIỆU

Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam hiện hành được VACPA biên soạn trình Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 70/2015/TT-BTC ngày 8/5/2015 dựa trên phiên bản năm 2014 Chuẩn mực đạo đức quốc tế cho kế toán viên của Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC). Đến nay, IFAC đã liên tục cập nhật các phiên bản mới của Chuẩn mực đạo đức quốc tế cho kế toán viên, đặc biệt phiên bản năm 2018 có sự thay đổi đáng kể cả về cấu trúc và nội dung.

Để giúp hội viên, kiểm toán viên, doanh nghiệp kiểm toán, giảng viên và độc giả nắm được những thay đổi trong chuẩn mực đạo đức quốc tế nhằm hỗ trợ quá trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng các tài liệu chuyên môn, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) đã phối hợp với giảng viên của Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh (IUH), Đại học Điện lực (EPU), Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh (UEH), Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh (BUH) và sự tài trợ của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc (ACCA) để biên dịch, soát xét, hiệu đính và phát hành cuốn sách “Sổ tay Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập) Phiên bản 2018” sau khi được cấp phép của Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC).

Cuốn sách “Sổ tay Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập) Phiên bản 2018” được VACPA biên dịch từ nguyên bản tiếng Anh với mong muốn chuyển tải đến người đọc đầy đủ các quy định cập nhật của quốc tế, theo đó độc giả cần nhắc khi liên hệ, so sánh với Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam hiện hành và các quy định có liên quan, đặc biệt là một số từ ngữ, thuật ngữ đã được sử dụng phổ biến trong hệ thống chuẩn mực nghề nghiệp Việt Nam. Tên và nội dung cuốn sách sử dụng cụm từ “kế toán viên chuyên nghiệp” dịch từ tiếng Anh, tuy nhiên cụm từ này được hiểu bao gồm cả người có chứng chỉ kế toán viên và chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính cấp theo quy định hiện hành của Việt Nam. Đồng thời cụm từ “kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề” trong cuốn sách này phải được hiểu bao gồm cả người có chứng chỉ kế toán viên và chứng chỉ kiểm toán viên làm việc trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán và doanh nghiệp kiểm toán.

VACPA tin tưởng việc biên dịch cuốn sách “Sổ tay Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập) Phiên bản 2018” cùng các tài liệu mà VACPA đã ban hành trong thời gian qua như “Hướng dẫn kiểm toán cho các đơn vị là công ty riêng” của Hội Kế toán công chứng Singapore (ISCA), “Hướng dẫn sử dụng các chuẩn mực kiểm toán quốc tế trong kiểm toán đơn vị nhỏ và vừa” của Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC),... sẽ giúp hội viên, kiểm toán viên, giảng viên và các độc giả hiểu rõ hơn quy định, thông lệ quốc tế, từ đó vận dụng phù hợp trong quá trình hoạt động, giúp nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán và hỗ trợ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu của các cơ sở đào tạo. Cuốn sách này cũng là tài liệu tham khảo hữu ích để các cơ quan quản lý nghiên cứu, sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan đến kế toán, kiểm toán cho phù hợp thông lệ quốc tế và để VACPA sử dụng trong quá trình soạn thảo, cập nhật hệ thống chuẩn mực nghề nghiệp Việt Nam trong thời gian tới.

Để hoàn thành cuốn sách này, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) xin trân trọng cảm ơn các giảng viên của Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh (IUH) và Đại học Điện lực (EPU) đã cùng trực tiếp tham gia biên dịch; Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh (UEH) và Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh (BUH) đã hỗ trợ soát xét và hiệu đính cuốn sách này, đồng thời chân thành cảm ơn Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) đã tạo điều kiện thuận lợi cấp phép xuất bản và Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc (ACCA) đã tài trợ dự án.

Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) mong muốn tiếp tục nhận sự hỗ trợ, hợp tác của các thầy, cô giáo và các đối tác trong các lần cập nhật, biên soạn tiếp theo của cuốn sách và các tài liệu chuyên môn khác trong thời gian tới.

Trân trọng!

**T/M BCH HỘI KTV HÀNH NGHỀ VIỆT NAM
CHỦ TỊCH**



Phạm Sỹ Danh

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA BIÊN DỊCH

Họ và tên	
Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)	
TS. Trần Khánh Lâm	Phó Chủ tịch, kiêm Tổng Thư ký
Bà Lê Thị Bích Hải	Phó Trưởng Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh
Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh (IUH)	
TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng khoa Kế toán - Kiểm toán
TS. Huỳnh Tấn Dũng	Phó Trưởng khoa Kế toán - Kiểm toán
ThS. Phạm Trường Quân	Trưởng bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, khoa Kế toán - Kiểm toán
ThS. Lê Thị Hải Bình	Giảng viên khoa Kế toán - Kiểm toán
TS. Trần Ngọc Hùng	Giảng viên khoa Kế toán - Kiểm toán
TS. Nguyễn Thị Thu Hoàn	Trưởng bộ môn Kế toán, khoa Kế toán - Kiểm toán
TS. Phan Hồng Hải	Giảng viên khoa Kế toán - Kiểm toán
Trường Đại học Điện Lực (EPU)	
TS. Nguyễn Tố Tâm	Phụ trách khoa, khoa Kinh tế và quản lý
ThS. Ngô Thị Thuý Ngân	Giảng viên khoa Kinh tế và quản lý
ThS. Lê Quỳnh Anh	Giảng viên khoa Kinh tế và quản lý
ThS. Nguyễn Thị Kiều Trang	Giảng viên khoa Kinh tế và quản lý
ThS. Bùi Nhất Giang	Giảng viên khoa Kinh tế và quản lý

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA SOÁT XÉT

Họ và tên	
Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh (UEH)	
PGS. TS. Trần Thị Giang Tân	Giảng viên Khoa Kế toán
TS. Lê Vũ Ngọc Thanh	Trưởng bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán
Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh (BUH)	
TS. Đặng Đình Tân	Trưởng khoa Kế toán – Kiểm toán
Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)	
TS. Trần Khánh Lâm	Phó Chủ tịch, kiêm Tổng Thư ký
TS. Hà Thị Ngọc Hà	Phó Chủ tịch phụ trách Chuyên môn
Ông Trần Anh Quân	Trưởng Ban chuyên môn/Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH KPMG
Bà Lê Thị Bích Hải	Phó Trưởng Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh
ThS. Hoàng Thị Nga	Phó Trưởng Văn phòng Hà Nội
ThS. Lê Thị Hoàn	Cán bộ Chuyên môn
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Cán bộ Chuyên môn

**SỔ TAY BỘ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ
CHO KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP
(BAO GỒM CÁC CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VỀ TÍNH ĐỘC LẬP)**

PHIÊN BẢN 2018

Cấu trúc của Sổ tay

Nội dung của Sổ tay được sắp xếp theo phần như sau:

Giới thiệu về Ủy ban Chuẩn mực đạo đức quốc tế cho kế toán viên.....	1
Vai trò của Liên đoàn Kế toán Quốc tế	2
Phạm vi của Sổ tay	3
Những thay đổi quan trọng từ Phiên bản 2016.....	4
Hướng dẫn sử dụng Bộ Quy tắc	6
Mục lục	11
Lời nói đầu	14
Phần 1 - Tuân thủ Bộ Quy tắc, các nguyên tắc cơ bản và khuôn khổ khái niệm.....	15
Phần 2 - Kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp.....	32
Phần 3 - Kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề.....	70
Các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập (Phần 4A và 4B)	
Phần 4A - Tính độc lập áp dụng cho dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét...	116
Phần 4B - Tính độc lập áp dụng cho dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét.....	197
Bảng giải thích thuật ngữ, gồm cả danh mục viết tắt	235
Ngày có hiệu lực	248

Bản quyền và dịch thuật

IFAC xuất bản các sổ tay, chuẩn mực và các ấn phẩm khác của IESBA, và là cơ quan sở hữu bản quyền.

IFAC nhận thấy rằng điều quan trọng là những người lập và người sử dụng báo cáo tài chính, các kiểm toán viên và kế toán viên chuyên nghiệp khác, các cơ quan quản lý, những người soạn thảo chuẩn mực quốc gia, các cơ quan thành viên IFAC, các luật sư, học viện, sinh viên và các nhóm người quan tâm khác ở các quốc gia không nói tiếng Anh có quyền truy cập vào các chuẩn mực bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của họ. Do đó, IFAC khuyến khích và tạo điều kiện cho việc sao chép, hoặc dịch và sao chép các ấn phẩm của mình.

Chính sách của IFAC, liên quan đến dịch thuật và sao chép các ấn phẩm có bản quyền được nêu trong *Chính sách dịch thuật và sao chép các chuẩn mực được công bố bởi Liên đoàn Kế toán Quốc tế và chính sách sao chép, hoặc dịch và sao chép, xuất bản của Liên đoàn Kế toán Quốc tế*. Các bên quan tâm muốn sao chép, hoặc dịch thuật và sao chép Sổ tay này phải liên hệ với permission@ifac.org để biết các điều khoản và điều kiện liên quan.

Sách *Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp, phiên bản năm 2018* của Ủy ban Chuẩn mực đạo đức quốc tế cho kế toán viên, do Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) ban hành vào tháng 7 năm 2018 bằng tiếng Anh đã được Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) dịch sang tiếng Việt vào tháng 06 năm 2021, và được sao chép với sự đồng ý của IFAC. Quy trình dịch Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập) đã được IFAC xem xét và bản dịch được thực hiện theo “Tuyên bố Chính sách – Chính sách dịch các ấn phẩm của Liên đoàn Kế toán Quốc tế”. Văn bản chấp thuận sách *Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp, phiên bản năm 2018* được IFAC cung cấp bằng tiếng Anh. IFAC không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của bản dịch hoặc các hành động xảy ra sau đó.

Bản tiếng Anh của *Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp, phiên bản năm 2018* ban hành năm 2018 thuộc bản quyền của IFAC. Đã đăng ký bản quyền.

Bản tiếng Việt của *Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp, phiên bản năm 2018* ban hành năm 2021 thuộc bản quyền của IFAC. Đã đăng ký bản quyền.

Tiêu đề gốc: *Handbook of the International Code of Ethics for Professional Accountants, 2018 Edition*. ISBN: 978-1-60815-369-5.

Vui lòng liên hệ theo địa chỉ Permissions@ifac.org để được sao chép, lưu trữ hay truyền tải hoặc sử dụng tài liệu này với các mục đích tương tự.

GIỚI THIỆU VỀ ỦY BAN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC QUỐC TẾ CHO KẾ TOÁN VIÊN

Ủy ban Chuẩn mực đạo đức quốc tế cho kế toán viên (IESBA®) là cơ quan độc lập thiết lập chuẩn mực với mục đích xây dựng *Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với kế toán viên chuyên nghiệp (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lậpTM)* (gọi tắt là Bộ Quy tắc - the Code).

Như được nêu trong phạm vi thẩm quyền của IESBA, mục tiêu của Ủy ban là phục vụ lợi ích công chúng bằng cách thiết lập các chuẩn mực đạo đức chất lượng cao cho kế toán viên chuyên nghiệp. Mục tiêu dài hạn của IESBA là sự hội tụ của các chuẩn mực đạo đức quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp, bao gồm các chuẩn mực về tính độc lập của kiểm toán viên độc lập, với các chuẩn mực được ban hành bởi các cơ quan quản lý và các Hội đồng thiết lập chuẩn mực ở mỗi quốc gia. Sự hội tụ về một Bộ Quy tắc duy nhất có thể giúp nâng cao chất lượng và tính nhất quán của các dịch vụ được cung cấp bởi các kế toán viên chuyên nghiệp trên toàn thế giới cũng như có thể giúp cải thiện hiệu quả của thị trường vốn toàn cầu.

IESBA bao gồm 18 thành viên trên thế giới, trong đó tối đa có 9 thành viên đang hành nghề, có tối thiểu 3 thành viên của các đơn vị có lợi ích công chúng (đây là những cá nhân được mong đợi và xem là phản ánh lợi ích toàn diện của công chúng). Các thành viên được bổ nhiệm bởi Ủy ban Liên đoàn Kế toán Quốc tế, dựa trên các khuyến nghị từ Ủy ban Đề cử Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC Nominating Committee) với sự chấp thuận của Ủy ban Giám sát Lợi ích Công chúng (PIOB), đây là cơ quan giám sát các hoạt động của IESBA.

Quy trình thiết lập chuẩn mực của IESBA bao gồm sự tham gia của PIOB và Nhóm Chuyên gia Tư vấn (CAG) của IESBA. Nhóm CAG này cung cấp thông tin đầu vào về lợi ích công chúng trong việc xây dựng các chuẩn mực và hướng dẫn của IESBA.

Trong quá trình xây dựng các chuẩn mực, IESBA được yêu cầu phải minh bạch trong các hoạt động của mình và tuân thủ đúng quy trình do PIOB phê duyệt. Các cuộc họp của Ủy ban, bao gồm cả các cuộc đàm thoại, được công bố công khai và các tài liệu về chương trình nghị sự được cung cấp trên trang tin điện tử (website) của Ủy ban.

Vui lòng truy cập trang tin điện tử www.ethicsboard.org để biết thêm thông tin.

VAI TRÒ CỦA LIÊN ĐOÀN KẾ TOÁN QUỐC TẾ

Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) phục vụ lợi ích công chúng bằng cách đóng góp cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của các tổ chức, các thị trường và các nền kinh tế. IFAC ủng hộ tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng so sánh được của các báo cáo tài chính; giúp phát triển nghề nghiệp kế toán; và truyền thông tầm quan trọng và giá trị của kế toán viên đối với cơ sở hạ tầng tài chính toàn cầu. Được thành lập vào năm 1977, hiện tại IFAC bao gồm hơn 175 thành viên và hội viên liên kết tại hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, đại diện cho gần 3 triệu kế toán viên chuyên nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ kế toán, kiểm toán, giáo dục, dịch vụ công, ngành công nghiệp và thương mại.

Như một phần nhiệm vụ đối với lợi ích công chúng, IFAC đóng góp vào việc phát triển, áp dụng và thực hiện các chuẩn mực đạo đức quốc tế chất lượng cao cho kế toán viên chuyên nghiệp, chủ yếu thông qua hỗ trợ của IESBA. IFAC cung cấp nguồn nhân lực, quản lý phương tiện, chức năng, hỗ trợ truyền thông và tài trợ cho Ủy ban thiết lập chuẩn mực độc lập này và tạo điều kiện cho các đề cử và quy trình lựa chọn các thành viên thuộc ủy ban IESBA.

IESBA thiết lập các chương trình nghị sự riêng và phê duyệt các ấn phẩm theo thủ tục hợp pháp và không có sự tham gia của IFAC. IFAC không có khả năng ảnh hưởng đến chương trình nghị sự hoặc ấn phẩm. IFAC xuất bản các sổ tay, chuẩn mực, các ấn phẩm khác và sở hữu bản quyền tác giả.

Sự độc lập của IESBA được bảo vệ theo một số cách như sau:

- Sự giám sát lợi ích công chúng độc lập trong việc thiết lập chuẩn mực bởi PIOB một cách chính thức (xem www.ipiob.org để biết thêm thông tin), bao gồm tính nghiêm ngặt liên quan đến quy trình tham vấn cộng đồng;
- Lựa chọn công khai đối với các ứng viên và tiến hành giám sát bởi PIOB một cách độc lập, chính thức về quá trình đề cử/lựa chọn bởi PIOB;
- Minh bạch đầy đủ, cả về quy trình hợp pháp trong thiết lập chuẩn mực, cũng như quyền truy cập công khai vào các tài liệu chương trình nghị sự, các cuộc họp và cơ sở để đưa ra kết luận với từng chuẩn mực cuối cùng được công bố;
- Sự tham gia của nhóm chuyên gia tư vấn và các nhà giám sát trong quy trình thiết lập chuẩn mực; và
- Sự yêu cầu các thành viên của IESBA, cũng như các tổ chức được đề cử/tổ chức sử dụng lao động, cam kết về sự độc lập, chính trực của Ủy ban và sứ mệnh phục vụ lợi ích công chúng.

Truy cập trang tin điện tử của IFAC tại www.ifac.org để biết thêm thông tin

PHẠM VI CỦA SỔ TAY

PHIÊN BẢN 2018

Cuốn sổ tay này tiếp tục cung cấp thông tin về vai trò của IFAC và văn bản chính thức của *Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập)* (gọi tắt là Bộ Quy tắc) do IESBA ban hành.

NHỮNG THAY ĐỔI QUAN TRỌNG SO VỚI PHIÊN BẢN 2016

Cuốn Sổ tay này thay thế phiên bản 2016 của “Sổ tay Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp” được hiệu chỉnh do:

- Tuyên bố NOCLAR - *Biện pháp xử lý khi Không Tuân Thủ Pháp luật và các Quy định;*
- Tài liệu hết hiệu lực - *Sự thay đổi của Bộ Quy tắc chú trọng đến việc nhân sự thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng kiểm toán hoặc dịch vụ đảm bảo trong nhiều năm; và*
- Tài liệu hết hiệu lực - *Sự thay đổi Phần C của Bộ Quy tắc chú trọng đến việc thiết lập và trình bày thông tin và áp lực dẫn đến sự vi phạm các Nguyên tắc Cơ bản.*

Các thay đổi

Phiên bản 2018 của Sổ tay này được viết lại hoàn toàn theo cấu trúc và quy ước soạn thảo mới giúp cho chuẩn mực dễ dàng định hướng, sử dụng và thực thi. Đổi tên thành *Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập)*, Bộ Quy tắc kết hợp một số bổ sung và sửa đổi đáng kể, bao gồm:

- Cải thiện lớn và đưa ra đặc điểm nổi bật hơn về khuôn khổ khái niệm.
- Các điều khoản rõ ràng và mạnh hơn về các biện pháp bảo vệ phù hợp hơn với các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản nhằm tăng cường độc lập.
- Tăng cường các điều khoản về tính độc lập liên quan đến nhân sự thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng kiểm toán hoặc dịch vụ đảm bảo trong nhiều năm.
- Các phần mới và sửa đổi dành riêng cho kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp (professional accountants in business (PAIBs)) liên quan đến:
 - o Lập và trình bày thông tin; và
 - o Áp lực dẫn đến việc vi phạm các nguyên tắc cơ bản.
- Hướng dẫn rõ ràng cho kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề (professional accountants in public practice (PAPPs)) rằng các điều khoản PAIBs có liên quan được nêu trong Phần 2 của Bộ Quy tắc được áp dụng cho họ.
- Tăng cường các điều khoản cho PAIBs và PAPP liên quan đến việc đề nghị hoặc chấp nhận các khoản biếu tặng, bao gồm cả quà tặng và các ưu đãi.
- Hướng dẫn áp dụng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiểu biết tình huống khi thực hiện xét đoán chuyên môn.
- Hướng dẫn áp dụng giải thích việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản hỗ trợ việc thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp trong một cuộc kiểm toán hoặc dịch vụ đảm bảo khác.

Ngày có hiệu lực

Phần 1-3

- Phần 1, 2 và 3 sẽ có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2019.

Các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập (Phần 4A và 4B)

- Phần 4A liên quan đến tính độc lập đối với các hợp đồng dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét sẽ có hiệu lực đối với cuộc kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính cho các kỳ bắt đầu vào hoặc sau ngày 15 tháng 6 năm 2019.
- Phần 4B liên quan đến tính độc lập đối với các hợp đồng dịch vụ đảm bảo liên quan đến các đối tượng vụ đảm bảo sẽ có hiệu lực bắt đầu vào hoặc sau ngày 15 tháng 6 năm 2019; các hợp đồng khác nó sẽ có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2019.

Áp dụng sớm được cho phép.

Các điều khoản về cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong nhiều năm

Ngày có hiệu lực của Bộ Quy tắc được tái cấu trúc không phủ định ngày có hiệu lực của các điều khoản của Điều khoản về cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong nhiều năm được ban hành lại trong các Mục 290 và 291 còn tồn tại (như được thiết lập vào tháng 1 năm 2017 trong tài liệu đã hết hiệu lực về cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong nhiều năm), như sau:

- Theo quy định chuyển tiếp trong mục (c) dưới đây, các đoạn từ 290.148 đến 290.168 có hiệu lực đối với hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính cho các kỳ bắt đầu vào hoặc sau ngày 15 tháng 12 năm 2018.
- Đối với các hợp đồng dịch vụ bảo đảm gồm các kỳ, các đoạn từ 29.137 đến 29.141 sẽ có hiệu lực cho các kỳ bắt đầu vào hoặc sau ngày 15 tháng 12 năm 2018; các hợp đồng khác sẽ có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.
- Đoạn 290.163 chỉ ảnh hưởng duy nhất đến hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính cho các kỳ kế toán kết thúc cho đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2023. Việc này tạo thuận tiện cho việc chuyển đổi thời kỳ “giảm nhiệt” là 05 năm liên tục sau đó cho thành viên điều hành phụ trách hợp đồng kiểm toán ở các khu vực pháp lý mà ở đó tổ chức lập pháp hoặc cơ quan quản lý (hoặc tổ chức được ủy quyền hay được công nhận bởi tổ chức lập pháp hoặc cơ quan quản lý) xác định thời kỳ “giảm nhiệt” ít hơn 05 năm liên tục.

Những thay đổi về Bộ Quy tắc được ban hành sau đến tháng 7 năm 2018 và Dự thảo lấy ý kiến

Để biết thông tin về những phát triển gần đây và để có được những tuyên bố cuối cùng được ban hành sau tháng 7 năm 2018 hoặc dự thảo lấy ý kiến lưu hành, hãy truy cập trang tin điện tử (website) của IESBA tại www.ethicsboard.org.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BỘ QUY TẮC

(Đây chỉ là hướng dẫn sử dụng Bộ Quy tắc - không phải là một yêu cầu bắt buộc)

Mục đích của Bộ Quy tắc

1. Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập) gọi tắt là “Bộ Quy tắc”, thiết lập những nguyên tắc cơ bản về đạo đức cho kế toán viên chuyên nghiệp, phản ánh nhận thức nghề nghiệp đối với trách nhiệm với lợi ích công chúng. Những nguyên tắc này thiết lập chuẩn mực cho hành vi được kỳ vọng đối với kế toán viên chuyên nghiệp. Những nguyên tắc cơ bản là: tính chính trực, tính khách quan, năng lực chuyên môn và tính thận trọng, tính bảo mật và tư cách nghề nghiệp.
2. Bộ Quy tắc đưa ra khuôn khổ khái niệm để kế toán viên chuyên nghiệp áp dụng nhằm xác định, đánh giá và xử lý các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản. Bộ Quy tắc thiết lập những yêu cầu và cung cấp tài liệu liên quan đến các yêu cầu và hướng dẫn áp dụng cho các lĩnh vực khác nhau để hỗ trợ kế toán viên áp dụng khuôn khổ khái niệm vào những lĩnh vực khác nhau đó.
3. Liên quan đến kiểm toán, soát xét và các dịch vụ đảm bảo khác, Bộ Quy tắc thiết lập các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập, việc thiết lập được thực hiện bằng áp dụng khuôn khổ khái niệm cho các nguy cơ đe dọa đối với sự độc lập liên quan đến các dịch vụ này.

Cấu trúc của Bộ Quy tắc

4. Bộ Quy tắc bao gồm các phần sau:
 - Phần 1 - *Tuân thủ Bộ Quy tắc, các nguyên tắc cơ bản và khuôn khổ, khái niệm*, trong đó bao gồm các nguyên tắc cơ bản và khuôn khổ khái niệm và được áp dụng chung cho tất cả các kế toán viên chuyên nghiệp.
 - Phần 2 - *Kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp*, phần này cung cấp các tài liệu bổ sung áp dụng cho kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp. Kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp bao gồm kế toán viên chuyên nghiệp được tuyển dụng là nhân sự của đơn vị, được thỏa thuận hay ký hợp đồng cung cấp dịch vụ như một nhân sự điều hành hay không điều hành trong đơn vị, ở các lĩnh vực như:
 - o Thương mại, công nghiệp hoặc dịch vụ.
 - o Lĩnh vực công.
 - o Giáo dục.
 - o Lĩnh vực phi lợi nhuận.
 - o Các cơ quan chức năng hoặc hội nghề nghiệp.

Phần 2 cũng được áp dụng cho các cá nhân là kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong mối liên hệ của họ với doanh nghiệp kiểm toán, như người cung cấp dịch vụ, nhân viên hay là chủ sở hữu.

- Phần 3 - Kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề, cung cấp các tài liệu bổ sung áp dụng cho kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề khi thực hiện cung cấp các dịch vụ.
 - Các chuẩn mực quốc tế về tính Độc lập, phần này cung cấp tài liệu bổ sung áp dụng cho kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề khi cung cấp các dịch vụ đảm bảo, như sau:
 - o Phần 4A - *Tính độc lập áp dụng cho dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét*, phần này được áp dụng khi thực hiện các hợp đồng dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét.
 - o Phần 4B - *Tính độc lập áp dụng cho dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét*, phần này được áp dụng khi thực hiện các hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác ngoài hợp đồng dịch vụ kiểm toán hoặc hợp đồng dịch vụ soát xét.
 - *Thuật ngữ*, phần này bao gồm các định nghĩa (cùng với các giải thích bổ sung khi thích hợp) và giải thích các thuật ngữ có ý nghĩa cụ thể trong một số phần trong Bộ Quy tắc. Ví dụ, như đã lưu ý trong phần giải thích thuật ngữ trong Phần 4A, thuật ngữ “Hợp đồng kiểm toán” được sử dụng như nhau cho cả hai loại hợp đồng dịch vụ kiểm toán và hợp đồng dịch vụ soát xét. Thuật ngữ cũng bao gồm danh mục chữ viết tắt được sử dụng trong Bộ Quy tắc này và các chuẩn mực khác được đề cập trong Bộ Quy tắc này.
5. Bộ Quy tắc bao gồm các mục để xử lý với các vấn đề cụ thể. Một số mục được chia thành các tiểu mục liên quan cụ thể của các chủ đề đó. Mỗi mục của Bộ Quy tắc có cấu trúc như sau:
- Giới thiệu - Xác định các vấn đề cần giải quyết trong mục này, giới thiệu các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong ngữ cảnh của khuôn khổ khái niệm. Tài liệu giới thiệu có chứa đựng thông tin, bao gồm giải thích các thuật ngữ sử dụng, tài liệu này rất quan trọng để hiểu và áp dụng trong mỗi phần và các mục của nó.
 - Các yêu cầu - Thiết lập yêu cầu chung và cụ thể đối với các vấn đề cần giải quyết tương ứng.
 - Tài liệu hướng dẫn - Cung cấp tình huống, giải thích đề xuất phương án cho hành động hoặc vấn đề cần xem xét, minh họa và hướng dẫn khác để hỗ trợ trong việc tuân thủ các quy định.

Áp dụng Bộ Quy tắc

Các Nguyên tắc Cơ bản, Tính Độc lập và Khuôn khổ Khái niệm

6. Bộ Quy tắc yêu cầu kế toán viên chuyên nghiệp tuân thủ những nguyên tắc cơ bản về đạo đức. Bộ Quy tắc cũng yêu cầu kế toán viên chuyên nghiệp áp dụng khuôn khổ khái niệm để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản. Áp dụng khuôn khổ khái niệm đòi hỏi phải thực hiện việc xét đoán chuyên môn, thận trọng với các thông tin mới, các thay đổi trong thực tế và các tình huống phát sinh, sử dụng việc kiểm tra mức độ hợp lý và đầy đủ thông tin của bên thứ ba.
7. Khuôn khổ khái niệm nhận thấy rằng sự tồn tại của các điều kiện, chính sách và các thủ tục được thiết lập của giới nghề nghiệp, pháp luật, quy định, doanh nghiệp kế toán, kiểm toán, hoặc tổ chức sử dụng lao động có thể ảnh hưởng đến việc nhận diện các nguy cơ. Các điều kiện, chính sách và thủ tục này cũng có thể là một yếu tố thích hợp khi các kế toán viên chuyên nghiệp đánh giá về một nguy cơ có ở mức chấp nhận được hay không. Khi các nguy cơ ở mức không chấp nhận được, khuôn khổ khái niệm đòi hỏi kế toán viên chuyên nghiệp phải giải quyết những nguy cơ đó. Áp dụng các biện pháp bảo vệ là cách giải quyết các nguy cơ đó. Biện pháp bảo vệ là những hành động đơn lẻ hay kết hợp mà kế toán viên chuyên nghiệp thực hiện để giảm thiểu một cách hiệu quả các nguy cơ đến một mức có thể chấp nhận được.
8. Ngoài ra, Bộ Quy tắc yêu cầu kế toán viên chuyên nghiệp phải độc lập khi thực hiện dịch vụ kiểm toán, soát xét và các hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác. Khuôn khổ khái niệm cũng được áp dụng cùng một cách như nhau để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ, ảnh hưởng tới tính độc lập cũng như các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản.
9. Tuân thủ Bộ Quy tắc đòi hỏi phải nhận biết, thấu hiểu và áp dụng cho:
 - Tất cả điều khoản có liên quan của các Mục cụ thể trong bối cảnh của Phần 1, cùng với các tài liệu bổ sung được nêu trong Phần 200, 300, 400 và 900 khi áp dụng.
 - Tất cả điều khoản có liên quan của từng Mục cụ thể, ví dụ, áp dụng các quy định được nêu ra dưới các tiêu mục có tên “Chung” và “Tất cả các khách hàng kiểm toán” cùng với các điều khoản chi tiết, dưới tiêu mục “Khách hàng kiểm toán không phải là đơn vị có lợi ích công chúng” hoặc “Khách hàng kiểm toán là các đơn vị có lợi ích công chúng”.
 - Tất cả các điều khoản có liên quan được nêu trong từng Mục cụ thể cùng với bất kỳ điều khoản bổ sung được tiết lập trong các mục cụ thể.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

10. Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn phải được đọc và áp dụng cho mục đích tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, áp dụng khuôn khổ khái niệm và khi thực hiện dịch vụ kiểm toán, soát xét và các hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác, phải đảm bảo tính độc lập.

Các yêu cầu

11. Các yêu cầu được chỉ định bằng chữ viết hoa “R” và, trong hầu hết các trường hợp, bao gồm từ “Phải”. Từ “Phải” trong Bộ Quy tắc ấn định nghĩa vụ cho kế toán viên chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kế toán, kiểm toán tuân thủ điều khoản cụ thể trong đó từ “Phải” phải được sử dụng.
12. Trong một số tình huống, Bộ Quy tắc cung cấp một ngoại lệ cụ thể đối với một yêu cầu nào đó. Trong tình huống này, điều khoản được chỉ định bằng chữ viết hoa “R” nhưng sử dụng từ “có thể” hoặc các từ ngữ tùy thuộc ngữ cảnh.
13. Khi từ “có khả năng thực hiện được” được sử dụng trong Bộ Quy tắc, nó biểu thị sự cho phép thực hiện một hành động cụ thể trong một số trường hợp nhất định, bao gồm sự ngoại lệ đối với một yêu cầu. Nó không được sử dụng để biểu thị khả năng xảy ra.
14. Khi từ “có khả năng xảy ra” được sử dụng trong Bộ Quy tắc, nó biểu thị khả năng vấn đề xảy ra, sự kiện phát sinh hay một chuỗi hành động được thực hiện. Thuật ngữ này không ghi nhận mức độ cụ thể khả năng xảy ra hoặc mức độ có thể xảy ra đối với nguy cơ nào đó, vì việc đánh giá mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào thực tế và tình huống của bất kỳ vấn đề cụ thể nào đó, sự kiện hoặc chuỗi các hành động./

Tài liệu hướng dẫn

15. Ngoài các yêu cầu, Bộ Quy tắc còn bao gồm các tài liệu hướng dẫn áp dụng đưa ra các tình huống thích hợp cung cấp sự hiểu biết đúng đắn về Bộ Quy tắc. Cụ thể, tài liệu hướng dẫn nhằm giúp kế toán viên chuyên nghiệp hiểu cách áp dụng khuôn khổ khái niệm cho các hoàn cảnh cụ thể để hiểu và tuân thủ một yêu cầu cụ thể nào đó. Trong lúc các tài liệu hướng dẫn không tự áp đặt yêu cầu, thì việc xem xét các tài liệu thật sự cần thiết để áp dụng đúng các yêu cầu của Bộ Quy tắc, bao gồm cả việc áp dụng khuôn khổ khái niệm. Tài liệu hướng dẫn áp dụng được chỉ định bằng chữ viết hoa “A”.
16. Trường hợp tài liệu hướng dẫn bao gồm danh mục các tình huống cụ thể, thì các danh mục tình huống này không thể hiện đại diện cho toàn bộ các khía cạnh của vấn đề.

Phụ lục hướng dẫn về Bộ Quy tắc

17. Phụ lục của tài liệu Hướng dẫn này cung cấp cái nhìn tổng quan về Bộ Quy tắc.

Phụ lục hướng dẫn về Bộ Quy tắc

TỔNG QUAN VỀ BỘ QUY TẮC

PHẦN 1
TUÂN THỦ BỘ QUY TẮC, CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN VÀ KHUÔN KHỔ KHÁI NIỆM
(Cho tất cả kế toán viên chuyên nghiệp - Mục 100 đến 199)

PHẦN 2
KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP
TRONG DOANH NGHIỆP
(Mục từ 200 đến 299)

(Phần 2 cũng áp dụng cho các kế toán viên hoạt động với tư cách cá nhân khi cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho doanh nghiệp)

PHẦN 3
KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP
HÀNH NGHỀ
(Mục từ 300 đến 399)

CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VỀ TÍNH ĐỘC LẬP
(PHẦN 4A VÀ 4B)
PHẦN 4A - TÍNH ĐỘC LẬP ÁP DỤNG CHO
DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ DỊCH
VỤ SOÁT XÉT
(Mục 400 đến 899)
PHẦN 4 - TÍNH ĐỘC LẬP CỦA DỊCH VỤ
ĐẢM BẢO NGOÀI DỊCH VỤ
KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT
(Mục 900 đến 999)

THUẬT NGỮ
(CHO TẤT CẢ KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP)

**SỔ TAY BỘ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ CHO
KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP
(BAO GỒM CÁC CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VỀ TÍNH ĐỘC LẬP)**

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	14
PHẦN 1 - TUÂN THỦ BỘ QUY TẮC, CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN VÀ KHUÔN KHỔ KHÁI NIỆM	15
100 Tuân thủ Bộ Quy tắc	16
110 Những nguyên tắc cơ bản.....	18
111 – Tính chính trực	19
112 – Tính khách quan	19
113 – Năng lực chuyên môn và tính thận trọng	20
114 – Tính bảo mật	20
115 – Tư cách nghề nghiệp.....	22
120 – Khuôn khổ khái niệm	24
PHẦN 2 - KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP TRONG DOANH NGHIỆP	32
200 Vận dụng khuôn khổ khái niệm đối với kế toán viên trong doanh nghiệp	33
210 Xung đột lợi ích	38
220 Lập và trình bày thông tin	41
230 Hành động với đầy đủ kỹ năng chuyên môn.....	46
240 Các lợi ích tài chính, tiền lương, tiền thưởng gắn với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và ra quyết định	48
250 Quà tặng và ưu đãi	50
260 Ứng phó với những việc không tuân thủ pháp luật và các quy định.....	56
270 Áp lực vi phạm các nguyên tắc cơ bản	66
PHẦN 3 - KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP HÀNH NGHỀ	70
300 Áp dụng khuôn khổ khái niệm - Kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề	71
310 Xung đột về lợi ích.....	78

320	Bổ nhiệm cung cấp dịch vụ chuyên môn	85
321	Đưa ra ý kiến thứ hai	89
330	Giá phí dịch vụ và các khoản phụ phí khác	90
340	Các khoản quà tặng và các ưu đãi	93
350	Giữ hộ tài sản của khách hàng	99
360	Ứng phó việc không tuân thủ pháp luật và các quy định	100

CÁC CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VỀ TÍNH ĐỘC LẬP (PHẦN 4A VÀ 4B)..... 116

PHẦN 4A - TÍNH ĐỘC LẬP ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ

DỊCH VỤ SOÁT XÉT..... 116

400	Áp dụng khuôn khổ khái niệm đối với tính độc lập áp dụng cho dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét.....	118
410	Phí dịch vụ.....	132
411	Chính sách đánh giá và lương, thưởng.....	136
420	Quà tặng và ưu đãi.....	137
430	Tranh chấp hoặc nguy cơ xảy ra tranh chấp pháp lý.....	138
510	Lợi ích tài chính	139
511	Các khoản cho vay và bảo lãnh	144
520	Các mối quan hệ kinh doanh	146
521	Các mối quan hệ gia đình và mối quan hệ cá nhân	148
522	Dịch vụ gần đây với khách hàng kiểm toán	151
523	Làm việc với vai trò là giám đốc hoặc nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán	153
524	Làm việc cho khách hàng kiểm toán	154
525	Cử nhân viên đến làm việc tạm thời cho khách hàng kiểm toán.....	158
540	Cung cấp dịch vụ kiểm toán cho khách hàng kiểm toán trong nhiều năm (bao gồm việc luân chuyển thành viên điều hành với khách hàng kiểm toán)	159
600	Cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán	165
601	- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính	170
602	- Dịch vụ hành chính.....	173
603	- Dịch vụ định giá	173
604	- Dịch vụ thuế	175
605	- Dịch vụ kiểm toán nội bộ	181

606 - Dịch vụ công nghệ thông tin	184
607 - Dịch vụ hỗ trợ kiện tụng, tranh chấp.....	186
608 - Dịch vụ tư vấn pháp lý	187
609 - Dịch vụ tuyển dụng	189
610 - Dịch vụ tài chính doanh nghiệp	191
800 Các báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt bao gồm hạn chế sử dụng và cung cấp (Dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét)	193

**PHẦN 4B - TÍNH ĐỘC LẬP ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ ĐẢM BẢO NGOÀI
DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ SOÁT XÉT.....** 197

900 Áp dụng khuôn khổ khái niệm cho tính độc lập của dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét.....	198
905 Phí dịch vụ.....	206
906 Quà tặng và ưu đãi	209
907 Tranh chấp hoặc nguy cơ xảy ra tranh chấp pháp lý.....	210
910 Lợi ích tài chính	211
911 Các khoản cho vay và bảo lãnh.....	215
920 Các mối quan hệ kinh doanh.....	217
921 Các mối quan hệ gia đình và cá nhân.....	219
922 Dịch vụ gần đây với khách hàng dịch vụ đảm bảo	222
923 Làm việc với vai trò giám đốc hoặc quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo	223
924 Làm việc cho khách hàng dịch vụ đảm bảo	224
940 Cung cấp dịch vụ đảm bảo cho khách hàng trong nhiều năm.....	226
950 Quy định về các dịch vụ phi đảm bảo đối với khách hàng dịch vụ đảm bảo ngoài khách hàng dịch vụ kiểm toán và soát xét.....	228
990 Các báo cáo có bao gồm hạn chế sử dụng và cung cấp (hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài hợp đồng dịch vụ kiểm toán và soát xét).....	232
BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ, GỒM CẢ DANH MỤC VIẾT TẮT	235
NGÀY CÓ HIỆU LỰC	248

LỜI NÓI ĐẦU

Cơ quan soạn thảo chuẩn mực của IESBA xây dựng và ban hành *Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập)* (“Bộ Quy tắc”). Bộ Quy tắc được sử dụng bởi các kế toán viên chuyên nghiệp trên toàn thế giới. IESBA thiết lập Bộ Quy tắc cho việc áp dụng trên toàn quốc tế theo đúng quy trình.

Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) thiết lập các yêu cầu riêng cho các cơ quan thành viên liên quan đến Bộ Quy tắc.

PHẦN 1 - TUÂN THỦ BỘ QUY TẮC, CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN VÀ KHUÔN KHỔ KHÁI NIỆM

	Trang
Mục 100 Tuân thủ Bộ Quy tắc	16
Mục 110 Những nguyên tắc cơ bản	18
Tiểu mục 111 - Tính chính trực	19
Tiểu mục 112 - Tính khách quan	19
Tiểu mục 113 - Năng lực chuyên môn và tính thận trọng	20
Tiểu mục 114 - Tính bảo mật.....	20
Tiểu mục 115 - Tư cách nghề nghiệp	22
Mục 120 Khuôn khổ khái niệm.....	24

PHẦN 1 - TUÂN THỦ BỘ QUY TẮC, CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN VÀ KHUÔN KHỔ KHÁI NIỆM

MỤC 100

TUÂN THỦ BỘ QUY TẮC

Phần chung

- 100.1 A1 Tính khác biệt của nghề nghiệp kế toán là tuân thủ đối với trách nhiệm hành động vì lợi ích công chúng. Trách nhiệm của một kế toán viên chuyên nghiệp không chỉ để đáp ứng nhu cầu của một khách hàng riêng lẻ hay tổ chức nơi mình làm việc. Do đó, Bộ Quy tắc bao gồm các quy định và tài liệu hướng dẫn áp dụng để kế toán viên chuyên nghiệp thực hiện trách nhiệm trong hoạt động vì lợi ích công chúng.
- 100.2 A1 Các yêu cầu trong Bộ Quy tắc, quy ước bằng chữ viết hoa “R”, có nghĩa là bắt buộc.
- 100.2 A2 Tài liệu hướng dẫn áp dụng, quy ước bằng chữ viết hoa “A” đề cập tình huống, giải thích, đề xuất cho các hành động hoặc vấn đề cần xem xét, minh họa và hướng dẫn khác liên quan đến cách hiểu đúng đắn về Bộ Quy tắc. Trong những tình huống cụ thể, tài liệu hướng dẫn nhằm hỗ trợ kế toán viên chuyên nghiệp hiểu cách áp dụng khuôn khổ khái niệm cho một nhóm tình huống cụ thể nào đó nhằm để hiểu, tuân thủ một yêu cầu cụ thể. Mặc dù tài liệu hướng dẫn này không đặt ra yêu cầu, việc xem xét tài liệu hướng dẫn là cần thiết cho việc thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ Quy tắc, bao gồm cả việc áp dụng khuôn khổ khái niệm.
- R100.3** Kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ Bộ quy tắc. Có những trường hợp có thể pháp luật hoặc các quy định không cho phép kế toán viên tuân thủ một số phần nhất định của Bộ Quy tắc. Trong những trường hợp như vậy, pháp luật và các quy định đó sẽ được áp dụng, và kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ tất cả các phần nội dung khác của Bộ Quy tắc.
- 100.3 A1 Nguyên tắc hành vi nghề nghiệp đòi hỏi kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan. Trong một số thể chế pháp lý có thể có các điều khoản khác biệt hay ngoài những quy định nêu trong Bộ Quy tắc. Trong các thể chế pháp lý đó, kế toán viên chuyên nghiệp cần phải nhận biết được sự khác biệt và phải tuân thủ các điều khoản nào nghiêm ngặt hơn các điều khoản trừu tượng hợp bị cấm bởi pháp luật hoặc các quy định.
- 100.3 A2 Kế toán viên chuyên nghiệp có thể gặp phải tình huống bất thường, mà kế toán viên cho rằng hậu quả của việc áp dụng một yêu cầu cụ thể của Bộ Quy tắc sẽ không phù hợp hay có thể không phục vụ lợi ích của công chúng. Trong những tình huống đó, kế toán viên chuyên nghiệp được khuyến khích tham khảo ý kiến với một hội nghề nghiệp hay các cơ quan chức năng.

Sự vi phạm Bộ Quy tắc

- R100.4** Đoạn R400.80 đến R400.89 và R900.50 đến R900.55 xử lý việc vi phạm Chuẩn mực Quốc tế về tính Độc lập. Kế toán viên chuyên nghiệp nhận diện sự vi phạm bất kỳ điều khoản nào khác của Bộ Quy tắc sẽ đánh giá mức độ của việc vi phạm và tác động của nó đối với khả năng kế toán viên tuân thủ các nguyên tắc cơ bản. Kế toán viên phải:
- a) Hành động có thể thực hiện một cách nhanh nhất để xử lý một cách thỏa đáng các hậu quả do việc vi phạm; và
 - b) Quyết định xem có cần báo cáo các vi phạm cho các bên liên quan hay không.
- 100.4 A1 Những vi phạm cần được báo cáo cho các bên liên quan thích hợp, trong đó bên liên quan bao gồm tất cả các đối tượng có thể bị ảnh hưởng, các hội nghề nghiệp, các cơ quan chức năng hay cơ quan giám sát.

MỤC 110

NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

Phần chung

110.1 A1 Có 05 (năm) nguyên tắc cơ bản về đạo đức cho kế toán viên chuyên nghiệp:

- (a) Tính chính trực - phải thẳng thắn và trung thực trong tất cả các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh.
- (b) Tính khách quan - không cho phép sự thiên vị, xung đột lợi ích hoặc bất cứ ảnh hưởng không hợp lý nào chi phối các xét đoán chuyên môn và kinh doanh của mình.
- (c) Năng lực chuyên môn và tính thận trọng:
 - (i) Đạt được và duy trì sự hiểu biết và kỹ năng chuyên môn cần thiết nhằm đảm bảo rằng khách hàng hoặc tổ chức nơi họ làm việc được cung cấp dịch vụ chuyên môn có chất lượng dựa trên những chuẩn mực kỹ thuật, chuyên môn nghề nghiệp và quy định pháp lý có liên quan; và
 - (ii) Hành động một cách thận trọng và phù hợp với các chuẩn mực nghề nghiệp và kỹ thuật được áp dụng phù hợp với mục b, R113.1.
- (d) Tính bảo mật - Phải bảo mật thông tin có được từ các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh;
- (e) Tư cách nghề nghiệp - Phải tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan, tránh bất kỳ hành động nào có khả năng làm giảm uy tín nghề nghiệp của mình.

R110.2 Kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ từng nguyên tắc cơ bản trong Bộ Quy tắc.

110.2 A1 Các nguyên tắc cơ bản về đạo đức thiết lập chuẩn mực về các hành vi mong đợi một kế toán viên chuyên nghiệp cần có. Khuôn khổ khái niệm thiết lập cách tiếp cận để kế toán viên chuyên nghiệp phải thực hiện nhằm tuân thủ các nguyên tắc cơ bản. Mục 111 đến 115 đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn áp dụng cho mỗi nguyên tắc cơ bản.

110.2 A2 Kế toán viên chuyên nghiệp có khả năng gặp phải tình huống trong đó việc tuân thủ một nguyên tắc cơ bản này mâu thuẫn với việc tuân thủ một hay các nguyên tắc cơ bản khác. Trong tình huống như thế, kế toán viên chuyên nghiệp có thể cân nhắc việc tư vấn, trên cơ sở ẩn danh nếu cần thiết, với:

- Những người khác trong doanh nghiệp hay tổ chức nơi họ làm việc.
- Ban quản trị.

- Hội nghề nghiệp.
- Cơ quan chức năng.
- Chuyên gia tư vấn pháp luật.

Tuy nhiên sự tư vấn như vậy không làm giảm trách nhiệm của kế toán viên khi thực hiện các xét đoán chuyên môn để xử lý xung đột hay, nếu cần thiết, và ngoại trừ trường hợp bị cấm bởi pháp luật hoặc các quy định, thì tách rời khỏi sự việc tạo ra xung đột này.

- 110.2 A3 Kế toán viên chuyên nghiệp được khuyến khích lưu trữ tài liệu liên quan đến vấn đề, chi tiết của bất kỳ cuộc thảo luận, quyết định nào được đưa ra và lý do cho những quyết định đó.

TIÊU MỤC 111 - TÍNH CHÍNH TRỰC

R111.1 Một kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ theo nguyên tắc tính chính trực. Nguyên tắc này yêu cầu kế toán viên chuyên nghiệp phải thẳng thắn và trung thực trong tất cả các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh.

111.1 A1 Tính chính trực có nghĩa việc hành xử một cách công bằng và sự trung thực.

R111.2 Kế toán viên chuyên nghiệp không được để liên quan đến các báo cáo, tờ khai, thông báo hoặc các thông tin khác mà họ cho rằng các thông tin đó:

- (a) Có sai sót trọng yếu hoặc gây hiểu nhầm;
- (b) Được đưa ra một cách thiếu thận trọng; hoặc
- (c) Bỏ sót hoặc che đậy những thông tin cần thiết mà việc bỏ sót hoặc che đậy đó có thể dẫn tới việc thông tin bị hiểu nhầm.

111.2 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp được coi là không vi phạm quy định tại đoạn R111.2 nêu trên, nếu họ phát hành báo cáo kiểm toán không phải là chấp nhận toàn phần.

R111.3 Khi kế toán viên chuyên nghiệp nhận thấy họ có liên quan đến các thông tin vi phạm quy định tại đoạn R111.2 nêu trên, họ phải tiến hành các bước cần thiết để chấm dứt việc bị liên quan đến các thông tin trên.

TIÊU MỤC 112 - TÍNH KHÁCH QUAN

R112.1 Một kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ theo nguyên tắc về tính khách quan. Nguyên tắc này yêu cầu tất cả kế toán viên chuyên nghiệp không để sự thiên vị, xung đột lợi ích hoặc ảnh hưởng không hợp lý của những đối tượng khác chi phối các xét đoán chuyên môn hay kinh doanh của mình.

R112.2 Kế toán viên chuyên nghiệp không được thực hiện hoạt động chuyên môn hoặc cung cấp dịch vụ chuyên môn nếu gặp phải một tình huống hoặc một mối quan hệ tạo ra sự thiên vị hoặc ảnh hưởng không hợp lý đến xét đoán chuyên môn của mình liên quan đến dịch vụ đó.

TIÊU MỤC 113 - NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN VÀ TÍNH THẬN TRỌNG

- R113.1** Một kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ theo nguyên tắc về năng lực chuyên môn và tính thận trọng. Nguyên tắc này yêu cầu tất cả kế toán viên chuyên nghiệp phải:
- (a) Đạt được và duy trì kiến thức và kỹ năng chuyên môn ở mức được yêu cầu để đảm bảo cung cấp dịch vụ chuyên môn đạt chất lượng cho khách hàng hoặc tổ chức nơi họ làm việc dựa trên những kiến thức mới nhất về chuyên môn, pháp luật và kỹ thuật; và
 - (b) Hành động một cách thận trọng và phù hợp với các chuẩn mực nghề nghiệp và kỹ thuật được áp dụng.
- 113.1 A1 Để cung cấp dịch vụ chuyên môn đạt chất lượng, kế toán viên chuyên nghiệp phải thực hiện các xét đoán hợp lý khi áp dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong việc thực hiện dịch vụ đó.
- 113.1 A2 Việc duy trì năng lực chuyên môn đòi hỏi kế toán viên chuyên nghiệp phải hiểu và nắm được những kiến thức mới nhất về kỹ thuật, chuyên môn, ngành nghề kinh doanh và công nghệ có liên quan. Việc cập nhật kiến thức chuyên môn giúp kế toán viên chuyên nghiệp phát triển và duy trì khả năng cung cấp dịch vụ đạt chất lượng trong môi trường làm việc chuyên nghiệp.
- 113.1 A3 Sự thận trọng bao gồm trách nhiệm hành động phù hợp với các yêu cầu của công việc một cách cẩn thận, kỹ lưỡng và kịp thời.
- R113.2** Tuân thủ nguyên tắc về năng lực chuyên môn và tính thận trọng, kế toán viên chuyên nghiệp phải tiến hành các bước thích hợp để đảm bảo rằng những ai đang làm việc chuyên nghiệp thuộc quyền quản lý về mặt chuyên môn của họ có được đào tạo và giám sát thích hợp.
- R113.3** Khi thích hợp, kế toán viên chuyên nghiệp phải thông báo cho khách hàng, tổ chức nơi họ làm việc hoặc đối tượng sử dụng dịch vụ kế toán chuyên nghiệp hoặc hoạt động của họ biết về các hạn chế vốn có của các dịch vụ hoặc hoạt động đó.

TIÊU MỤC 114 - TÍNH BẢO MẬT

- R114.1** Một kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ theo nguyên tắc về tính bảo mật. Nguyên tắc này yêu cầu kế toán viên chuyên nghiệp phải bảo mật thông tin có được từ các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh. Kế toán viên chuyên nghiệp phải:
- (a) Phải cảnh giác với rủi ro tiết lộ thông tin một cách không cố ý, ngay cả trong môi trường xã hội, đặc biệt đối với các đối tác thân thiết trong công việc kinh doanh hoặc đối với thành viên có quan hệ gia đình gần gũi hoặc trực tiếp;

- (b) Duy trì sự bảo mật thông tin trong nội bộ doanh nghiệp kế toán, kiểm toán hoặc doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động;
- (c) Duy trì sự bảo mật thông tin có được từ khách hàng tiềm năng hoặc tổ chức có khả năng tuyển dụng họ trong tương lai;
- (d) Không được phép tiết lộ các thông tin bảo mật có được từ các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh ra bên ngoài doanh nghiệp kế toán, kiểm toán hoặc doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc mà không được cấp thẩm quyền cho phép, trừ trường hợp do yêu cầu của pháp luật hay trách nhiệm nghề nghiệp hay quyền được công bố;
- (e) Không được sử dụng những thông tin mật có được từ mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh để phục vụ lợi ích cá nhân hay lợi ích của bên thứ ba;
- (f) Không được sử dụng hay tiết lộ các thông tin bí mật có được từ các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh sau khi chấm dứt mối quan hệ giữa hai bên; và
- (g) Tiến hành các bước hợp lý để đảm bảo rằng các nhân viên thuộc quyền quản lý của họ, những người cung cấp ý kiến tư vấn hoặc hỗ trợ họ cũng tôn trọng trách nhiệm bảo mật của kế toán viên chuyên nghiệp đó.

114.1 A1 Tính bảo mật thông tin phục vụ lợi ích công chúng bởi vì điều này tạo điều kiện cho thông tin thuận lợi thông suốt từ khách hàng hay tổ chức nơi họ làm việc đến được kế toán viên chuyên nghiệp với sự hiểu biết rằng thông tin này không được tiết lộ cho bên thứ ba. Tuy nhiên, sau đây là những trường hợp mà kế toán viên chuyên nghiệp có khả năng được yêu cầu công bố thông tin mật hoặc khi những công bố thông tin là thích hợp:

- (a) Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của pháp luật, ví dụ:
 - (i) Cung cấp tài liệu hoặc chứng cứ khác trong quá trình tố tụng; hoặc
 - (ii) Cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền thích hợp về một hành vi vi phạm pháp luật đã bị phát hiện;
- (b) Công bố thông tin được pháp luật cho phép và được khách hàng hoặc tổ chức nơi họ làm việc chấp thuận; và
- (c) Có quyền hoặc nghĩa vụ chuyên môn phải công bố khi mà quyền và nghĩa vụ này không bị cấm theo quy định của pháp luật:
 - (i) Tuân thủ quy trình soát xét chất lượng của hội nghề nghiệp;
 - (ii) Cung cấp thông tin cho quá trình thẩm vấn hoặc điều tra của hội nghề nghiệp nơi họ là thành viên hoặc cơ quan có thẩm quyền;

- (iii) Bảo vệ quyền lợi của kế toán viên chuyên nghiệp trong quá trình tố tụng; hoặc
- (iv) Tuân thủ chuẩn mực về chuyên môn kỹ thuật, kể cả yêu cầu về đạo đức.

114.1 A2 Khi quyết định có nên cung cấp thông tin mật hay không, kế toán viên chuyên nghiệp cần xem xét các yếu tố và tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể, bao gồm:

- Liệu quyền lợi của các bên, bao gồm cả bên thứ ba có khả năng bị ảnh hưởng, có bị tổn hại hay không nếu khách hàng hoặc tổ chức nơi họ làm việc đồng ý để kế toán viên chuyên nghiệp cung cấp thông tin.
- Liệu kế toán viên chuyên nghiệp có nhận biết và có chứng cứ rõ ràng, trong điều kiện thực tế cho phép về các thông tin liên quan hay không. Nhân tố tác động đến việc công bố bao gồm:
 - Sự kiện không có chứng cứ.
 - Thông tin không đầy đủ.
 - Kết luận không có chứng cứ.
- Cách thức công bố thông tin phù hợp và đối tượng tiếp nhận thông tin đó.
- Liệu các bên tiếp nhận thông tin có phải là đối tượng phù hợp tiếp nhận hay không.

R114.2 Một kế toán viên chuyên nghiệp phải tiếp tục tuân thủ các nguyên tắc về tính bảo mật ngay cả sau khi họ đã kết thúc mối quan hệ với khách hàng hay tổ chức nơi họ làm việc. Khi một kế toán viên chuyên nghiệp thay đổi đơn vị làm việc hay tiếp nhận một khách hàng mới thì họ có thể sử dụng các kinh nghiệm làm việc trước đó nhưng không được sử dụng hay tiết lộ bất kỳ thông tin mật nào thu thập được hoặc nhận được từ các mối quan hệ chuyên môn hay kinh doanh trước đó.

TIÊU MỤC 115 - TƯ CÁCH NGHỀ NGHIỆP

R115.1 Một kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ theo nguyên tắc về tư cách nghề nghiệp. Nguyên tắc này yêu cầu kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan và tránh bất kỳ hành vi mà họ biết hay cần phải biết có khả năng ảnh hưởng xấu đến uy tín nghề nghiệp. Kế toán viên chuyên nghiệp không được phép cố ý tham gia vào việc kinh doanh, công việc hay hoạt động nào làm suy giảm hay có khả năng làm suy giảm tính chính trực, tính khách quan hay uy tín nghề nghiệp, và hậu quả dẫn đến sự không phù hợp với các nguyên tắc cơ bản.

- 115.1 A1 Hành vi có khả năng ảnh hưởng xấu đến uy tín nghề nghiệp là các hành vi khiến cho bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin, có thể kết luận rằng những hành vi đó có ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín nghề nghiệp.
- R115.2** Khi thực hiện các hoạt động quảng bá hoặc tiếp thị, kế toán viên chuyên nghiệp phải tránh làm giảm uy tín nghề nghiệp. Kế toán viên chuyên nghiệp phải trung thực, thẳng thắn và không được:
- (a) Cường điệu về các dịch vụ mà họ có thể thực hiện, về trình độ hay kinh nghiệm của kế toán viên; hoặc
 - (b) Đưa ra những thông tin, giới thiệu làm mất uy tín hay đưa ra những so sánh không có căn cứ về công việc của các bên khác.
- 115.2 A1 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp còn hoài nghi về tính phù hợp của phương thức tiếp thị hay quảng bá, kế toán viên nên tham khảo ý kiến tư vấn từ hội nghề nghiệp liên quan.

MỤC 120

KHUÔN KHỔ KHÁI NIỆM

Phần giới thiệu

- 120.1 Môi trường làm việc của kế toán viên chuyên nghiệp có khả năng phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản. Mục 120 thiết lập các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn bao gồm khuôn khổ khái niệm để hỗ trợ kế toán viên chuyên nghiệp tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và phù hợp với trách nhiệm vì lợi ích công chúng. Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn này bao gồm nhiều sự kiện và tình huống, bao gồm các hoạt động nghề nghiệp, lợi ích và mối quan hệ, có thể làm phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản. Ngoài ra, các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn áp dụng này còn ngăn không cho phép một kế toán viên chuyên nghiệp thực hiện một hành vi, kể cả khi hành vi đó không bị quy định cấm một cách cụ thể (chưa đề cập trong danh mục cấm của Bộ Quy tắc).
- 120.2 Khuôn khổ khái niệm đưa ra cách tiếp cận cho kế toán viên chuyên nghiệp để:
- Xác định các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản;
 - Đánh giá các nguy cơ được nhận diện; và
 - Áp dụng các biện pháp bảo vệ cần thiết, nhằm loại trừ hoặc làm giảm các nguy cơ xuống mức có thể chấp nhận được.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- R120.3** Kế toán viên chuyên nghiệp phải áp dụng khuôn khổ khái niệm trong việc xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản đề ra trong Mục 110.
- 120.3 A1 Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn bổ sung cho việc áp dụng khuôn khổ khái niệm được thiết lập trong các phần:
- Phần 2 - *Kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp*;
 - Phần 3 - *Kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề*; và
 - Chuẩn mực quốc tế về tính độc lập*, cụ thể:
 - Phần 4A - *Tính độc lập áp dụng cho dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét*; và
 - Phần 4B - *Tính độc lập áp dụng cho dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét*.

R120.4 Khi giải quyết một việc liên quan đến vấn đề đạo đức nghề nghiệp, kế toán viên chuyên nghiệp phải xem xét tình huống mà vấn đề đó đã xảy ra hay có thể xảy ra. Khi một kế toán viên chuyên nghiệp thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ, tùy theo quan hệ với doanh nghiệp kế toán, kiểm toán với cương vị là một đối tác, người lao động hay chủ sở hữu, kế toán viên chuyên nghiệp đó phải tuân thủ các điều khoản trong Phần 2 áp dụng cho các tình huống này.

R120.5 Khi áp dụng khuôn khổ khái niệm, kế toán viên chuyên nghiệp phải:

- (a) Thực hiện việc xét đoán chuyên môn;
- (b) Luôn xem xét thận trọng với các thông tin mới, các biến động trong thực tế và các tình huống phát sinh; và
- (c) Sử dụng xét đoán chuyên môn và cân nhắc xem liệu một bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin như mô tả tại đoạn 120.5 A4.

Thực hiện xét đoán chuyên môn

120.5 A1 Xét đoán chuyên môn bao gồm việc vận dụng các kiến thức đào tạo, chuyên môn liên quan, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp với các sự kiện hay tình huống xảy ra, bao gồm bản chất và phạm vi của các hoạt động chuyên môn cụ thể, các lợi ích và mối quan hệ liên quan. Trong việc thực hiện các hoạt động chuyên môn, việc tiến hành xét đoán chuyên môn là bắt buộc khi kế toán viên chuyên nghiệp ứng dụng khuôn khổ khái niệm trong việc ra các quyết định về các hành động có thể thực hiện, và xác định các quyết định đó có phù hợp trong các tình huống hay không.

120.5 A2 Am hiểu về các sự kiện và tình huống đã xảy ra là điều tiên quyết để áp dụng đúng khung khái niệm. Xác định các hành động cần thiết để có được sự am hiểu và đưa ra kết luận rằng các nguyên tắc đạo đức cơ bản đã được tuân thủ và cũng là yêu cầu của việc xét đoán chuyên môn.

120.5 A3 Trong việc thực hiện việc xét đoán chuyên môn để có sự am hiểu này, kế toán viên chuyên nghiệp phải xem xét, giữa các sự việc khác nhau, dù có hay không:

- Có nguyên nhân tác động đến thông tin liên quan có khả năng bị bỏ sót từ những sự kiện hay các tình huống đã xảy ra không.
- Có sự khác biệt giữa các sự kiện và tình huống đã xảy ra với quan điểm của kế toán viên không.
- Kiến thức và kinh nghiệm của kế toán viên có đủ để ra kết luận hay không.

x

- Có cần tham khảo ý kiến từ những người có kiến thức và kinh nghiệm liên quan không.
- Thông tin cung cấp có phù hợp trong việc đưa ra kết luận không.
- Định kiến và thiên vị cá nhân của kế toán viên có tác động đến việc thực hiện xét đoán chuyên môn không.
- Có thể có các kết luận hợp lý khác từ các thông tin có sẵn hay không.

Bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin

120.5 A4 Việc kiểm tra của bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin là việc xem xét của kế toán viên chuyên nghiệp về việc liệu có đưa ra cùng một kết luận bởi một bên khác hay không. Việc xem xét như thế được thực hiện đến từ quan điểm của bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin mà người này đã cân nhắc toàn bộ các sự kiện và tình huống liên quan mà kế toán viên chuyên nghiệp biết, hay được kỳ vọng có hiểu biết, tại thời điểm ra ý kiến. Bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin không nhất thiết là kế toán viên chuyên nghiệp nhưng có kiến thức và kinh nghiệm phù hợp để nhận biết và đánh giá mức độ phù hợp một cách khách quan đối với các kết luận của kế toán viên chuyên nghiệp.

Xác định các nguy cơ

R120.6 Kế toán viên chuyên nghiệp phải xác định các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản.

120.6 A1 Sự hiểu biết về các sự kiện và tình huống, bao gồm bất kỳ hoạt động nghề nghiệp, các lợi ích và mối quan hệ có thể liên quan đến việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, là điều kiện tiên quyết để kế toán viên chuyên nghiệp xác định các nguy cơ ảnh hưởng đến việc tuân thủ. Sự hiện diện của các điều khoản, chính sách và thủ tục do hoạt động nghề nghiệp, pháp luật, các quy định, doanh nghiệp hay tổ chức sử dụng lao động thiết lập nên nhằm có thể tăng cường đạo đức của kế toán viên chuyên nghiệp cũng như hỗ trợ cho việc xác định các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản. Đoạn 120.8 A2 bao gồm các ví dụ chung nhất về các điều khoản, chính sách và quy trình như vậy cũng là các nhân tố phù hợp trong việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ.

120.6 A2 Các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản có thể phát sinh với rất nhiều các sự kiện và tình huống đa dạng. Không thể xác định cụ thể các mối nguy cơ phát sinh cho từng trường hợp. Ngoài ra, bản chất của các hợp đồng và nhiệm vụ công việc có thể khác biệt và do đó, các mối nguy cơ khác biệt có thể phát sinh.

- 120.6 A3 Các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản có thể phân loại thành một hay nhiều trường hợp sau đây:
- (a) *Nguy cơ do tư lợi*: Nguy cơ khi lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác gây ảnh hưởng tới xét đoán hay hành vi của kế toán viên chuyên nghiệp;
 - (b) *Nguy cơ tự kiểm tra*: Nguy cơ khi một kế toán viên chuyên nghiệp không đánh giá được một cách hợp lý kết quả xét đoán chuyên môn hay kết quả dịch vụ do chính họ hoặc do một cá nhân khác trong doanh nghiệp kế toán, kiểm toán hoặc trong doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc thực hiện trước đó, mà kế toán viên chuyên nghiệp sẽ dựa vào đó để hình thành xét đoán khi thực hiện các hoạt động hiện tại hoặc cung cấp dịch vụ hiện tại của mình;
 - (c) *Nguy cơ về sự bào chữa*: Nguy cơ khi một kế toán viên chuyên nghiệp tìm cách bênh vực khách hàng hoặc doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc tới mức làm ảnh hưởng tới tính khách quan của bản thân;
 - (d) *Nguy cơ từ sự quen thuộc*: Nguy cơ gây ra do quan hệ lâu dài hoặc thân thiết với khách hàng hoặc doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc, khiến kế toán viên chuyên nghiệp dễ thông cảm cho quyền lợi hoặc dễ dàng chấp nhận cho việc làm của họ;
 - (e) *Nguy cơ bị đe dọa*: Nguy cơ kế toán viên chuyên nghiệp bị ngăn cản hành xử một cách khách quan do các đe dọa có thực hoặc do cảm nhận thấy, bao gồm sức ép gây ảnh hưởng không hợp lý đến kế toán viên chuyên nghiệp.
- 120.6 A4 Một tình huống có thể gây ra nhiều nguy cơ và nguy cơ đó có thể ảnh hưởng đến việc tuân thủ nhiều hơn một nguyên tắc cơ bản.

Đánh giá nguy cơ

R120.7 Khi kế toán viên chuyên nghiệp xác định được một nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, kế toán viên phải đánh giá liệu nguy cơ đó có ở mức có thể chấp nhận được hay không.

Mức có thể chấp nhận được

120.7 A1 Một mức có thể chấp nhận được là mức độ mà kế toán viên chuyên nghiệp sử dụng các thử nghiệm của bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin đưa ra kết luận rằng kế toán viên chuyên nghiệp tuân thủ các nguyên tắc cơ bản.

Các nhân tố liên quan đến đánh giá mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ

120.8 A1 Các nhân tố định tính cũng như định lượng đều phải được xem xét khi kế toán viên chuyên nghiệp đánh giá các nguy cơ, cũng như tác động tổng hợp của nhiều nguy cơ, nếu có.

120.8 A2 Sự hiện diện của các điều kiện, chính sách và thủ tục được mô tả trong đoạn 120.6 A1 cũng có thể là các nhân tố có liên quan trong việc đánh giá mức độ các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản.

Các ví dụ về các điều khoản, chính sách và thủ tục bao gồm:

- Các yêu cầu về quản trị doanh nghiệp.
- Các yêu cầu về học vấn, đào tạo và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp.
- Hệ thống tiếp nhận, giải quyết khiếu nại hiệu quả cho phép kế toán viên chuyên nghiệp và công chúng phản ánh về các hành vi phi đạo đức. Yêu cầu rõ ràng về trách nhiệm cho việc báo cáo các vi phạm yêu cầu về đạo đức.
- Sự giám sát của hội nghề nghiệp hoặc cơ quan quản lý và các hình thức kỷ luật.

Xem xét các thông tin mới hoặc biến động trong các sự kiện và tình huống

R120.9 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp nhận thức được thông tin mới hoặc biến động trong các sự kiện và tình huống có thể tác động đến việc nguy cơ đã được loại trừ hoặc giảm đến mức có thể chấp nhận được hay không, kế toán viên chuyên nghiệp sẽ tái đánh giá và giải quyết nguy cơ đó một cách phù hợp.

120.9 A1 Duy trì sự cảnh giác xuyên suốt khi hoạt động chuyên môn giúp kế toán viên chuyên nghiệp trong việc xác định rằng thông tin mới đã nảy sinh hay biến động trong các sự kiện và tình huống đã xảy ra hay không:

- (a) Tác động đến mức độ của một nguy cơ; hay
- (b) Ảnh hưởng đến các kết luận của kế toán viên chuyên nghiệp về các biện pháp bảo vệ được áp dụng có tiếp tục phù hợp để xử lý các nguy cơ đã xác định hay không.

120.9 A2 Nếu thông tin mới dẫn đến việc xác định một nguy cơ mới, kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu đánh giá và, giải quyết thích đáng nguy cơ này. (Tham chiếu: Đoạn R120.7 và R120.10).

Giải quyết nguy cơ

R120.10 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp xác định rằng các nguy cơ đã được xác định đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản không ở mức có thể chấp nhận được, kế toán viên chuyên nghiệp phải giải quyết các nguy cơ bằng cách loại bỏ hoặc giảm thiểu đến mức có thể chấp nhận được. Kế toán viên chuyên nghiệp sẽ thực hiện bằng việc:

- (a) Loại trừ các tình huống, bao gồm các lợi ích và mối quan hệ, làm phát sinh nguy cơ;
- (b) Áp dụng các biện pháp bảo vệ có thể và có khả năng áp dụng được, để giảm các nguy cơ đến mức chấp nhận được; hay
- (c) Từ chối hay chấm dứt cung cấp dịch vụ chuyên môn.

Biện pháp để loại bỏ các nguy cơ

- 120.10 A1 Căn cứ vào các sự kiện và tình huống, một nguy cơ có thể được xử lý bằng cách loại bỏ các tình huống tạo ra các nguy cơ đó. Tuy nhiên, có một số trường hợp trong đó các nguy cơ chỉ có thể chỉ được xử lý bằng cách từ chối hoặc kết thúc cung cấp dịch vụ chuyên môn. Bởi vì các tình huống tạo ra nguy cơ không thể được loại trừ và các biện pháp bảo vệ không thể áp dụng được để giảm nguy cơ xuống mức có thể chấp nhận được.

Các biện pháp bảo vệ

- 120.10 A2 Các biện pháp bảo vệ là những hành động, khi xét riêng lẻ hoặc kết hợp lại, mà kế toán viên chuyên nghiệp thực hiện nhằm làm giảm một cách hữu hiệu nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản đến mức có thể chấp nhận được.

Xem xét việc thực hiện các xét đoán quan trọng và đưa ra được kết luận tổng thể

R120.11 Kế toán viên chuyên nghiệp phải đưa ra một kết luận tổng thể về việc các hoạt động mà kế toán viên chuyên nghiệp thực hiện, hoặc dự kiến thực hiện, để xử lý các nguy cơ phát sinh bằng cách sẽ loại bỏ hay suy giảm chúng đến mức có thể chấp nhận được. Trong việc hình thành một kết luận tổng thể, kế toán viên chuyên nghiệp phải:

- (a) Soát xét tất cả các xét đoán hay kết luận quan trọng; và
- (b) Áp dụng các thử nghiệm phù hợp và thử nghiệm do bên bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin cung cấp.

Xem xét các hợp đồng kiểm toán, soát xét và dịch vụ đảm bảo khác

Tính độc lập

120.12 A1 Chuẩn mực Quốc tế về tính Độc lập yêu cầu kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề phải độc lập khi thực hiện dịch vụ kiểm toán, soát xét hay thực hiện các hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác. Tính độc lập là sự kết nối các nguyên tắc cơ bản là tính khách quan và tính chính trực. Tính độc lập bao gồm:

- (a) Độc lập về tư tưởng - là trạng thái tư tưởng cho phép đưa ra kết luận mà không bị ảnh hưởng bởi các tác động đến xét đoán chuyên môn, do đó cho phép một cá nhân hành động với sự chính trực và thực hiện được nguyên tắc khách quan cũng như duy trì thái độ hoài nghi nghề nghiệp;
- (b) Độc lập về hình thức - là việc cần tránh các sự kiện và tình huống nghiêm trọng tới mức một bên bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin, sau khi đánh giá sự kiện và tình huống thực tế, có thể kết luận rằng tính chính trực, tính khách quan hay thái độ hoài nghi nghề nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán hoặc thành viên nhóm kiểm toán hay dịch vụ đảm bảo khác đã bị ảnh hưởng.

120.12 A2 *Các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập* đặt ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn về cách ứng dụng khung khái niệm để duy trì tính độc lập khi thực hiện hợp đồng kiểm toán, hợp đồng soát xét hoặc hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác. Kế toán viên chuyên nghiệp và doanh nghiệp kế toán, kiểm toán được yêu cầu phải tuân thủ các chuẩn mực này để duy trì tính độc lập khi thực hiện các hợp đồng dịch vụ đó. Khuôn khổ khái niệm cho việc xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ đến việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản được áp dụng theo cùng phương thức để tuân thủ những yêu cầu về tính độc lập. Các nhóm nguy cơ ảnh hưởng đến việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản được mô tả tại đoạn 120.6 A3 cũng là các nhóm nguy cơ ảnh hưởng đến yêu cầu về tính độc lập.

Thái độ hoài nghi nghề nghiệp

120.13 A1 Theo các chuẩn mực kiểm toán, soát xét và dịch vụ đảm bảo khác, bao gồm các chuẩn mực do IAASB ban hành, kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề được yêu cầu duy trì thái độ hoài nghi nghề nghiệp khi lập kế hoạch và thực hiện dịch vụ kiểm toán, soát xét và các dịch vụ bảo đảm khác. Thái độ hoài nghi nghề nghiệp và các nguyên tắc cơ bản được mô tả trong Mục 110 là các khái niệm sử dụng chung.

120.13 A2 Trong một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản – tập hợp hay từng nguyên tắc riêng lẻ - giúp nâng cao thái độ hoài nghi nghề nghiệp, như trong các ví dụ sau:

- *Tính chính trực* đòi hỏi kế toán viên chuyên nghiệp phải thẳng thắn và trung thực. Ví dụ, kế toán viên tuân thủ nguyên tắc về tính chính trực bằng cách:
 - (a) Phải thẳng thắn và trung thực khi phát sinh các mối quan ngại về tình hình hiện tại của khách hàng; và
 - (b) Thái độ nghi vấn đối với các thông tin không nhất quán và tìm kiếm bằng chứng kiểm toán bổ sung để xử lý quan ngại về các báo cáo có thể có sai sót trọng yếu hoặc có thể bị hiểu nhầm khi sử dụng để ra các quyết định trong các tình huống liên quan.

Làm được như vậy, kế toán viên chuyên nghiệp thể hiện sự đánh giá phản biện về bằng chứng kiểm toán góp phần thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp.

- *Tính khách quan* yêu cầu kế toán viên chuyên nghiệp không được thỏa hiệp trong việc xét đoán chuyên môn hay kinh doanh do sự thiên vị, xung đột lợi ích hoặc ảnh hưởng bất hợp lý của người khác. Ví dụ, kế toán viên chuyên nghiệp tuân thủ nguyên tắc khách quan bằng cách:

- (a) Nhận diện những tình huống hay các mối quan hệ như từ sự quen thuộc với khách hàng, điều đó có thể làm tổn hại đến sự xét đoán chuyên môn hoặc kinh doanh của kế toán viên chuyên nghiệp; và
- (b) Xem xét tác động của các tình huống và mối quan hệ như thế đến xét đoán của kế toán viên chuyên nghiệp khi đánh giá mức độ đầy đủ và thích hợp của bằng chứng kiểm toán liên quan đến một vấn đề trọng yếu trên báo cáo tài chính của khách hàng.

Làm được như vậy, kế toán viên chuyên nghiệp đã góp phần thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp của mình.

- *Năng lực chuyên môn và tính thận trọng* đòi hỏi kế toán viên chuyên nghiệp phải có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cần thiết để đảm bảo cung cấp dịch vụ chuyên môn có chất lượng, và hành động một cách thận trọng để tuân thủ các chuẩn mực, pháp luật và các quy định. Ví dụ, kế toán viên chuyên nghiệp tuân thủ nguyên tắc năng lực chuyên môn và tính thận trọng bằng cách:
 - (a) Sử dụng sự hiểu biết liên quan đến ngành nghề và hoạt động kinh doanh của khách hàng để xác định đúng rủi ro dẫn đến sai sót trọng yếu;
 - (b) Thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán phù hợp; và
 - (c) Sử dụng kiến thức liên quan trong việc đánh giá phản biện rằng liệu bằng chứng kiểm toán thu thập được có đầy đủ và thích hợp hay không trong các tình huống thực tế.

Làm được như vậy, kế toán viên đã góp phần thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp của mình.

PHẦN 2 - KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP TRONG DOANH NGHIỆP

	Trang
Mục 200 Vận dụng khuôn khổ khái niệm đối với kế toán viên trong doanh nghiệp	33
Mục 210 Xung đột lợi ích	38
Mục 220 Lập và trình bày thông tin	41
Mục 230 Hành động với đầy đủ kỹ năng chuyên môn	46
Mục 240 Các lợi ích tài chính, tiền lương, tiền thưởng gắn với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và ra quyết định	48
Mục 250 Quà tặng và ưu đãi	50
Mục 260 Ứng phó với những việc không tuân thủ pháp luật và các quy định	56
Mục 270 Áp lực vi phạm các nguyên tắc cơ bản	66

MỤC 200

VẬN DỤNG KHUÔN KHỔ KHÁI NIỆM ĐỐI VỚI KẾ TOÁN VIÊN TRONG DOANH NGHIỆP

Giới thiệu

- 200.1 Phần này của Bộ Quy tắc đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cho kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp khi vận dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120. Bộ Quy tắc này không mô tả tất cả các sự kiện và tình huống, bao gồm các hoạt động, lợi ích và mối quan hệ làm phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản mà kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp có thể gặp phải. Do đó, khuôn khổ khái niệm đòi hỏi kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp phải chú ý đến những sự kiện và tình huống tương tự như vậy.
- 200.2 Các nhà đầu tư, chủ nợ, tổ chức sử dụng lao động và các đối tượng khác trong cộng đồng kinh doanh, cũng như chính phủ và công chúng, có thể trông đợi vào công việc của kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp. Kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp có thể chịu trách nhiệm một cách độc lập hoặc liên đới về việc lập và trình bày báo cáo tài chính và thông tin khác, những thông tin này được tổ chức nơi họ làm việc và các bên thứ ba sử dụng. Họ cũng có thể phải chịu trách nhiệm cung cấp cách quản lý tài chính hiệu quả và tư vấn chuyên môn về nhiều vấn đề liên quan đến kinh doanh.
- 200.3 Kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp có thể là một nhân viên, người làm kế toán theo hợp đồng, thành viên điều hành, Giám đốc (điều hành hoặc không điều hành), chủ sở hữu tham gia quản lý hoặc tình nguyện viên của một tổ chức sử dụng lao động. Hình thức pháp lý của mối quan hệ của kế toán viên với tổ chức sử dụng lao động không có liên quan đến trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp của họ.
- 200.4 Trong phần này, thuật ngữ “kế toán viên chuyên nghiệp”, đề cập đến:
- Một kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp; và
 - Một cá nhân là kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề khi thực hiện các hoạt động chuyên môn theo mối quan hệ của kế toán viên với doanh nghiệp kế toán, kiểm toán, cho dù là người làm kế toán theo hợp đồng, nhân viên hay chủ sở hữu. Thông tin thêm về thời điểm mà Phần 2 được áp dụng cho kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề được nêu trong các đoạn R120.4, R300.5 và 300.5 A1.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- R200.5** Kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản được nêu trong Mục 110 và vận dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản.
- 200.5 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp có trách nhiệm phát triển các mục tiêu hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc. Bộ Quy tắc không tìm cách cản trở kế toán viên thực hiện trách nhiệm đó, mà chỉ quy định các trường hợp việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản có thể bị vi phạm.
- 200.5 A2 Kế toán viên chuyên nghiệp có thể phát huy vị trí của tổ chức sử dụng lao động khi góp phần thực hiện các các mục đích và mục tiêu hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc, kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp có thể quảng bá vị thế của tổ chức đó, với điều kiện lời quảng bá không được sai sự thật hoặc gây hiểu nhầm. Những hành động như vậy thường không phát sinh nguy cơ về sự bào chữa.
- 200.5 A3 Kế toán viên chuyên nghiệp làm việc càng lâu năm sẽ càng có nhiều khả năng và cơ hội tiếp cận thông tin hơn, và gây ảnh hưởng đến chính sách, quyết định và hành động của doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc hơn. Trong phạm vi khả năng của họ, có tính đến vị trí và thâm niên trong tổ chức, kế toán viên được kỳ vọng sẽ khuyến khích và thúc đẩy văn hóa dựa trên đạo đức trong tổ chức. Ví dụ về các hành động họ có thể thực hiện bao gồm giới thiệu, thực hiện và giám sát:
- Chương trình giáo dục và đào tạo đạo đức.
 - Đạo đức và chính sách tố giác sai phạm.
 - Chính sách và thủ tục được thiết kế để ngăn chặn việc không tuân thủ pháp luật và các quy định.

Xác định các nguy cơ

- 200.6 A1 Các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản có thể phát sinh trong các sự kiện và các tình huống đa dạng. Các loại nguy cơ được mô tả trong đoạn 120.6 A3. Sau đây là các ví dụ về sự kiện và tình huống trong mỗi loại có thể tạo ra nguy cơ cho một kế toán viên chuyên nghiệp khi thực hiện một hoạt động chuyên môn:
- (a) Nguy cơ do tư lợi
- Kế toán viên chuyên nghiệp nắm giữ lợi ích tài chính hoặc nhận khoản vay hoặc bảo lãnh từ doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc.

- Kế toán viên chuyên nghiệp tham gia vào các thỏa thuận về lương, thưởng với doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc.
- Kế toán viên chuyên nghiệp sử dụng tài sản của doanh nghiệp, tổ chức cho mục đích cá nhân.
- Kế toán viên chuyên nghiệp nhận quà tặng hoặc ưu đãi từ nhà cung cấp của doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc.

(b) Nguy cơ tự kiểm tra

- Kế toán viên chuyên nghiệp xác định việc xử lý kế toán phù hợp cho giao dịch hợp nhất kinh doanh sau khi chính mình đã thực hiện nghiên cứu tính khả thi hỗ trợ cho quyết định mua bán đó.

(c) Nguy cơ về sự bào chữa

- Kế toán viên chuyên nghiệp có cơ hội thao túng thông tin trong bản cáo bạch để thu được lợi ích tài chính.

(d) Nguy cơ từ sự quen thuộc

- Kế toán viên chuyên nghiệp chịu trách nhiệm về lập báo cáo tài chính của tổ chức sử dụng lao động khi thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi của họ cũng làm ở doanh nghiệp, tổ chức đó chịu trách nhiệm đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính đó.
- Kế toán viên chuyên nghiệp có mối liên hệ lâu dài với các cá nhân có ảnh hưởng đến các quyết định kinh doanh.

(e) Nguy cơ bị đe dọa

- Kế toán viên chuyên nghiệp hoặc thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi của họ đối mặt với nguy cơ sa thải hoặc thay thế vì bất đồng về:
 - Việc áp dụng một nguyên tắc kế toán.
 - Cách thức báo cáo các thông tin tài chính.
- Một cá nhân có khả năng chi phối gây ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của kế toán viên chuyên nghiệp, ví dụ liên quan đến các hợp đồng thưởng hoặc áp dụng một nguyên tắc kế toán.

Đánh giá các nguy cơ

- 200.7 A1 Các điều kiện, chính sách và thủ tục được mô tả trong đoạn 120.6 A1 và 120.8 A2 có thể ảnh hưởng đến việc đánh giá liệu một nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản ở mức chấp nhận được hay không.
- 200.7 A2 Đánh giá của kế toán viên chuyên nghiệp về mức độ nghiêm trọng của nguy cơ cũng bị ảnh hưởng bởi tính chất và phạm vi hoạt động chuyên môn.
- 200.7 A3 Đánh giá của kế toán viên chuyên nghiệp về mức độ nghiêm trọng của nguy cơ có thể bị ảnh hưởng bởi môi trường làm việc và môi trường hoạt động doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc. Ví dụ:
- Phong cách lãnh đạo chú trọng vào việc ứng xử có đạo đức và kỳ vọng vào việc nhân viên sẽ hành động một cách có đạo đức.
 - Các chính sách và thủ tục để trao quyền và khuyến khích nhân viên trao đổi các vấn đề đạo đức mà họ quan ngại với các cấp lãnh đạo cao hơn trong doanh nghiệp, tổ chức mà không sợ bị trừ dập.
 - Các chính sách và thủ tục nhằm triển khai và giám sát chất lượng đối với các kết quả hoạt động của nhân viên.
 - Hệ thống giám sát doanh nghiệp hoặc cơ chế giám sát khác và hệ thống kiểm soát nội bộ vững mạnh.
 - Thủ tục tuyển dụng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuyển dụng nhân viên có năng lực và phẩm chất.
 - Trao đổi kịp thời với tất cả các nhân viên về các chính sách và thủ tục, bao gồm những thay đổi, và các chương trình đào tạo phù hợp về các chính sách và thủ tục đó.
 - Các quy tắc đạo đức và hành vi ứng xử.
- 200.7 A4 Kế toán viên chuyên nghiệp có thể cân nhắc việc tìm kiếm sự tư vấn pháp lý của chuyên gia tư vấn pháp luật khi họ tin rằng hành vi hoặc ứng xử phi đạo đức của người khác đã xảy ra hoặc sẽ tiếp tục xảy ra trong doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc.

Giải quyết các nguy cơ

- 200.8 A1 Mục 210 đến 270 mô tả các nguy cơ nhất định có thể phát sinh trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn và bao gồm các ví dụ về các biện pháp bảo vệ có thể giải quyết các nguy cơ đó.
- 200.8 A2 Trong các tình huống nghiêm trọng, nếu các biện pháp bảo vệ có thể thực hiện đều không hiệu quả và không thể làm giảm nguy cơ xuống mức có thể chấp nhận được, thì kế toán viên chuyên nghiệp có thể cân nhắc xin thôi việc khỏi tổ chức nơi họ làm việc.

Trao đổi với Ban quản trị

- R200.9** Khi trao đổi với Ban quản trị theo Bộ Quy tắc, kế toán viên chuyên nghiệp sẽ xác định (các) cá nhân phù hợp trong cấu trúc quản trị của doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động để trao đổi. Nếu kế toán viên chuyên nghiệp trao đổi với một nhóm nhỏ những người trong Ban quản trị thì kế toán viên chuyên nghiệp sẽ xác định liệu có cần thiết phải trao đổi với tất cả những thành viên khác trong Ban quản trị để họ nắm được thông tin đầy đủ hay không.
- 200.9 A1 Khi xác định người cần trao đổi, kế toán viên chuyên nghiệp có thể xem xét:
- (a) Bản chất và tầm quan trọng của tình huống; và
 - (b) Vấn đề cần trao đổi.
- 200.9 A2 Ví dụ về một nhóm nhỏ những người trong Ban quản trị bao gồm một Ủy ban kiểm toán hoặc một thành viên cá nhân của Ban quản trị.
- R200.10** Nếu kế toán viên chuyên nghiệp trao đổi với các cá nhân vừa có trách nhiệm quản lý vừa có trách nhiệm điều hành, kế toán viên sẽ hài lòng rằng việc trao đổi với những cá nhân đó giúp họ thông tin đầy đủ cho tất cả những người trong vai trò điều hành mà kế toán viên chuyên nghiệp mong muốn trao đổi.
- 200.10 A1 Trong một số trường hợp, tất cả những người trong Ban quản trị đều tham gia điều hành tổ chức sử dụng lao động, ví dụ, một doanh nghiệp nhỏ nơi một chủ sở hữu duy nhất quản lý và điều hành. Trong những trường hợp này, nếu các vấn đề được trao đổi với (các) cá nhân có trách nhiệm quản lý và những cá nhân đó cũng có trách nhiệm điều hành, kế toán viên chuyên nghiệp đã đáp ứng yêu cầu trao đổi với Ban quản trị.

MỤC 210

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Giới thiệu

- 210.1** Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và vận dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 210.2** Xung đột lợi ích làm phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc khách quan và có thể phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản khác. Những nguy cơ như vậy có thể phát sinh khi:
- (a) Kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp thực hiện hoạt động chuyên môn liên quan đến một vấn đề cụ thể cho hai hoặc nhiều bên bị xung đột về lợi ích liên quan đến vấn đề trên; hoặc
 - (b) Lợi ích của kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp liên quan đến một vấn đề cụ thể trong hoạt động chuyên môn bị xung đột với lợi ích của bên có liên quan đến hoạt động chuyên môn mà kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp thực hiện.
- Bên bị xung đột lợi ích có thể bao gồm tổ chức nơi họ làm việc, nhà cung cấp, khách hàng, bên cho vay, cổ đông hoặc tổ chức khác.
- 210.3** Mục này đưa ra các yêu cầu cụ thể và tình huống áp dụng liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm cho các xung đột lợi ích.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- R210.4** Một kế toán viên chuyên nghiệp không được để xung đột về lợi ích làm ảnh hưởng đến các xét đoán chuyên môn hoặc kinh doanh.
- 210.4 A1 Ví dụ về các trường hợp có thể làm phá sinh xung đột về lợi ích bao gồm:
- Nắm giữ vị trí thành viên điều hành hoặc Ban quản trị của hai tổ chức sử dụng lao động và thu thập thông tin bảo mật từ doanh nghiệp này để đem lại lợi ích hoặc gây bất lợi cho doanh nghiệp kia.
 - Thực hiện hoạt động chuyên môn cho một trong hai bên góp vốn vào công ty hợp danh mà kế toán viên chuyên nghiệp đang hỗ trợ họ giải thể công ty hợp danh này.
 - Lập và trình bày thông tin tài chính cho một số thành viên nhất định của Ban quản trị nơi mà kế toán viên chuyên nghiệp đang làm việc và các thành viên đó đang tìm cách thực hiện việc mua lại quyền sở hữu để giành quyền kiểm soát doanh nghiệp.

- Chịu trách nhiệm chọn nhà cung cấp cho doanh nghiệp, tổ chức mà kế toán viên chuyên nghiệp đang làm việc khi một thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp của kế toán viên chuyên nghiệp đó có thể hưởng lợi về tài chính từ giao dịch này.
- Nắm giữ vai trò như một thành viên Ban quản trị trong tổ chức nơi họ làm việc, và đang xem xét phê duyệt các khoản đầu tư nhất định cho doanh nghiệp mà các khoản đầu tư này sẽ làm tăng giá trị danh mục đầu tư cá nhân của kế toán viên chuyên nghiệp hoặc thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp của kế toán viên chuyên nghiệp đó.

Xác định xung đột

R210.5 Một kế toán viên chuyên nghiệp phải thực hiện các bước hợp lý để xác định các trường hợp có thể làm phát sinh xung đột lợi ích dẫn đến một nguy cơ đe dọa việc tuân thủ một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản. Các bước như vậy sẽ bao gồm xác định:

- (a) Bản chất của các khoản lợi ích và mối quan hệ thích hợp giữa các bên có liên quan đến hoạt động chuyên môn; và
- (b) Bản chất của hoạt động chuyên môn và ảnh hưởng của các hoạt động chuyên môn đó đối với các bên liên quan.

R210.6 Kế toán viên chuyên nghiệp phải cảnh giác với những thay đổi theo thời gian về bản chất của các hoạt động chuyên môn, những lợi ích và các mối quan hệ có thể làm phát sinh xung đột về lợi ích trong khi thực hiện một hoạt động chuyên môn.

Các nguy cơ do xung đột lợi ích tạo ra

- 210.7 A1 Nhìn chung, hoạt động chuyên môn càng liên quan trực tiếp đến vấn đề làm phát sinh xung đột về lợi ích thì khả năng nguy cơ ở mức không chấp nhận được càng cao.
- 210.7 A2 Một ví dụ về một hành động có thể loại bỏ các nguy cơ được tạo ra bởi xung đột về lợi ích là rút khỏi quá trình ra quyết định liên quan đến vấn đề làm phát sinh xung đột về lợi ích.
- 210.7 A3 Ví dụ về các hành động có thể là biện pháp bảo vệ để giải quyết các nguy cơ phát sinh do xung đột về lợi ích bao gồm:
- Tái cấu trúc hoặc phân chia các trách nhiệm và nghĩa vụ cụ thể.
 - Thiết lập sự giám sát thích hợp, ví dụ, hành động dưới sự giám sát của một giám đốc điều hành hoặc không điều hành.

Công bố và đồng thuận

Phần chung

- 210.8 A1 Nhìn chung, kế toán viên chuyên nghiệp cần phải:
- (a) Công bố bản chất của xung đột lợi ích và làm thế nào để giải quyết bất

kỳ nguy cơ nào phát sinh cho các bên liên quan, bao gồm các cấp độ phù hợp trong tổ chức nơi họ làm việc bị ảnh hưởng bởi sự xung đột; và

(b) Có được sự đồng thuận từ các bên liên quan để kế toán viên chuyên nghiệp thực hiện các hoạt động chuyên môn khi áp dụng các biện pháp bảo vệ để giải quyết nguy cơ.

- 210.8 A2 Sự đồng thuận có thể được thể hiện thông qua thái độ của một bên liên quan trong trường hợp kế toán viên chuyên nghiệp có đủ bằng chứng để kết luận rằng các bên đã biết tình huống ngay từ đầu và đã chấp nhận hoặc không phản đối đối với sự tồn tại của xung đột về lợi ích đó.
- 210.8 A3 Nếu việc công bố hoặc đồng thuận không thể hiện dưới dạng văn bản, kế toán viên chuyên nghiệp được khuyến khích ghi chép và lưu lại trong tài liệu, hồ sơ:
- (a) Bản chất của tình huống làm phát sinh xung đột lợi ích;
 - (b) Các biện pháp bảo vệ được áp dụng để giải quyết các nguy cơ khi áp dụng; và
 - (c) Sự đồng thuận đã đạt được.

Những vấn đề cần xem xét khác

- 210.9 A1 Khi giải quyết xung đột về lợi ích, kế toán viên chuyên nghiệp được khuyến khích tham khảo hướng dẫn của tổ chức nơi họ làm việc hoặc từ những bên khác, chẳng hạn như hội nghề nghiệp, chuyên gia tư vấn pháp luật hoặc từ kế toán viên chuyên nghiệp khác. Khi tiết lộ hoặc chia sẻ thông tin bên trong tổ chức nơi họ làm việc và tham khảo hướng dẫn của bên thứ ba, kế toán viên chuyên nghiệp phải luôn đảm bảo tuân thủ nguyên tắc bảo mật.

MỤC 220

LẬP VÀ TRÌNH BÀY THÔNG TIN

Giới thiệu

- 220.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và vận dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 220.2 Lập hoặc trình bày thông tin có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi, nguy cơ bị đe dọa hoặc các nguy cơ khác đe dọa việc tuân thủ tuân thủ một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản. Mục này đưa ra các yêu cầu cụ thể và tình huống áp dụng liên quan đến việc vận dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp đó.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phân chung

- 220.3 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp ở tất cả các cấp trong tổ chức nơi họ làm việc tham gia vào việc lập hoặc trình bày thông tin cả trong và ngoài doanh nghiệp.
- 220.3 A2 Các bên liên quan mà thông tin được lập hoặc trình bày liên quan tới họ hoặc cho họ, bao gồm:
- Ban Giám đốc và Ban quản trị công ty.
 - Nhà đầu tư và người cho vay hoặc chủ nợ khác.
 - Cơ quan quản lý nhà nước.

Thông tin này có thể giúp các bên liên quan hiểu và đánh giá các khía cạnh của những tình huống cụ thể của tổ chức nơi họ làm việc và đưa ra các quyết định liên quan đến doanh nghiệp. Thông tin có thể bao gồm thông tin tài chính và phi tài chính, những thông tin này có thể công bố rộng rãi hoặc sử dụng cho mục đích nội bộ.

Những ví dụ về các thông tin này như sau:

- Các báo cáo về hoạt động và hiệu quả.
- Các phân tích hỗ trợ quyết định.
- Các bản dự toán ngân sách và dự báo.
- Thông tin cung cấp cho các kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên độc lập.
- Các phân tích rủi ro.
- Các báo cáo tài chính cho mục đích chung và các báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt.

- Các khoản hoàn thuế.
- Các báo cáo nộp cho các cơ quan nhà nước cho các mục đích pháp lý và tuân thủ.

220.3 A3 Đối với mục đích của Mục này, việc lập hoặc trình bày thông tin bao gồm ghi nhận, lưu trữ và phê duyệt thông tin.

R220.4 Khi lập hoặc trình bày thông tin, kế toán viên chuyên nghiệp phải:

- Lập hoặc trình bày thông tin phù hợp với khuôn khổ lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- Lập hoặc trình bày thông tin theo cách mà mục đích của nó không gây hiểu lầm cũng như không gây những ảnh hưởng không phù hợp đến các kết quả đầu ra của hợp đồng hoặc luật định;
- Thực hiện xét đoán chuyên môn để:
 - Trình bày các sự kiện chính xác và đầy đủ trên tất cả các khía cạnh trọng yếu;
 - Mô tả rõ ràng bản chất thực sự của các giao dịch hoặc hoạt động kinh doanh; và
 - Phân loại và ghi nhận thông tin một cách kịp thời và đúng đắn; và
- Không bỏ sót bất cứ điều gì với ý định đưa ra thông tin sai lệch hoặc ảnh hưởng không phù hợp đến các kết quả đầu ra của hợp đồng hoặc luật định.

220.4 A1 Một ví dụ về việc ảnh hưởng không phù hợp đến các kết quả đầu ra của hợp đồng hay luật định là sử dụng ước tính không thực tế với mục đích tránh vi phạm yêu cầu hợp đồng như các điều khoản ràng buộc khi vay hoặc yêu cầu pháp lý như yêu cầu về vốn điều lệ đối với tổ chức tài chính.

Sử dụng quyền tự quyết trong việc lập hoặc trình bày thông tin

R220.5 Lập hoặc trình bày thông tin có thể yêu cầu thực hiện quyền tự quyết trong việc đưa ra các xét đoán chuyên môn. Kế toán viên chuyên nghiệp không được thực hiện quyền tự quyết đó với ý định lừa dối người khác hoặc ảnh hưởng không phù hợp đến các kết quả đầu ra của hợp đồng hoặc luật định.

220.5 A1 Các ví dụ về các cách lạm dụng quyền tự quyết để đạt được kết quả đầu ra không phù hợp bao gồm:

- Xác định các ước tính, ví dụ, xác định các ước tính giá trị hợp lý để trình bày sai lệch khoản lãi hoặc lỗ.

- Lựa chọn hoặc thay đổi một chính sách hoặc phương pháp kế toán trong số hai hoặc nhiều phương án thay thế được phép theo khuôn khổ lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng, ví dụ, chọn chính sách kế toán cho các hợp đồng dài hạn để trình bày sai lệch khoản lãi hoặc lỗ.
- Xác định thời điểm phát sinh các giao dịch, ví dụ, thời điểm bán một tài sản gần cuối năm tài chính để gây hiểu sai.
- Xác định cấu trúc của các giao dịch, ví dụ, cấu trúc các giao dịch tài trợ để trình bày sai lệch tài sản và nợ phải trả hoặc phân loại các dòng tiền.
- Lựa chọn các nội dung công bố, ví dụ, bỏ qua hoặc che giấu thông tin liên quan đến rủi ro tài chính hoặc rủi ro hoạt động để gây hiểu sai.

R220.6 Khi thực hiện các hoạt động chuyên môn, đặc biệt là các hoạt động không yêu cầu tuân thủ khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng, kế toán viên chuyên nghiệp sẽ thực hiện xét đoán chuyên môn để xác định và xem xét:

- (a) Mục đích sử dụng thông tin;
- (b) Bối cảnh nhận thông tin; và
- (c) Đối tượng thông tin đó hướng đến.

220.6 A1 Ví dụ, khi lập hoặc trình bày các báo cáo dự kiến, dự toán hoặc dự báo, việc đưa vào đó các ước tính, giá trị tương đối và giả định có liên quan, nếu thích hợp, sẽ cho phép những người có thể dựa vào thông tin đó để đưa ra xét đoán của riêng họ.

220.6 A2 Kế toán viên chuyên nghiệp cũng có thể xem xét làm rõ đối tượng, bối cảnh và mục đích hướng đến của thông tin sẽ được trình bày.

Sử dụng công việc của những bên khác

R220.7 Một kế toán viên chuyên nghiệp có ý định sử dụng công việc của những cá nhân bên trong hay bên ngoài tổ chức nơi họ làm việc hoặc những tổ chức khác thì kế toán viên chuyên nghiệp phải thực hiện xét đoán chuyên môn để xác định các bước cần thực hiện, nếu có, để đáp ứng các trách nhiệm được nêu trong đoạn R220.4.

220.7 A1 Các yếu tố cần xem xét để xác định liệu việc sử dụng công việc của những bên khác có phù hợp lý hay không bao gồm:

- Danh tiếng và chuyên môn, cũng như những nguồn lực đang có của cá nhân hoặc đơn vị khác đó.
- Liệu cá nhân đó có tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp và chuẩn mực đạo đức được áp dụng hay không.

Những thông tin này có thể thu thập được từ sự hợp tác trước đó với cá nhân hoặc tổ chức đó, hay từ việc tư vấn của những cá nhân hoặc tổ chức này cho những người khác.

Xử lý thông tin đang hoặc sẽ gây hiểu sai lệch

R220.8 Khi kế toán viên chuyên nghiệp biết hoặc có lý do để tin rằng các thông tin có mối liên hệ với họ đang sai lệch, kế toán viên chuyên nghiệp phải có hành động thích hợp để tìm cách giải quyết vấn đề.

220.8 A1 Các hành động phù hợp bao gồm:

- Thảo luận về những lo ngại rằng thông tin đó đang bị hiểu sai lệch với cấp trên của kế toán viên chuyên nghiệp và/hoặc cấp quản lý thích hợp trong tổ chức nơi họ làm việc hoặc Ban quản trị và đề nghị những cá nhân đó có hành động thích hợp để giải quyết vấn đề. Những hành động thích hợp như:
 - Thu thập thông tin đã điều chỉnh.
 - Nếu thông tin đã được công bố cho những người sử dụng, thông báo cho họ thông tin đúng.
- Tư vấn các chính sách và thủ tục của tổ chức nơi họ làm việc (ví dụ, chính sách đạo đức hoặc tố giác vi phạm) về cách giải quyết các vấn đề đó trong nội bộ.

220.8 A2 Kế toán viên chuyên nghiệp có thể xác định rằng tổ chức nơi họ làm việc chưa có hành động thích hợp. Nếu kế toán viên chuyên nghiệp tiếp tục nhận thấy rằng thông tin đó là sai lệch, các hành động tiếp theo sau đây có thể phù hợp với điều kiện kế toán viên chuyên nghiệp vẫn đảm bảo tuân thủ nguyên tắc bảo mật:

- Tham khảo ý kiến tư vấn từ:
 - Hội nghề nghiệp có liên quan.
 - Kiểm toán viên nội bộ hoặc kiểm toán viên độc lập của tổ chức nơi họ làm việc.
 - Chuyên gia tư vấn pháp luật.
- Xác định liệu có bất kỳ quy định bắt buộc nào yêu cầu thông báo với:
 - Bên thứ ba, bao gồm cả người sử dụng thông tin.
 - Cơ quan quản lý và giám sát.

R220.9 Nếu sau khi áp dụng hết các biện pháp bảo vệ, kế toán viên chuyên nghiệp xác định rằng không có hành động thích hợp nào được thực hiện và có lý do để tin

rằng thông tin vẫn còn sai lệch, kế toán viên chuyên nghiệp phải từ chối thực hiện hoặc duy trì mối liên kết với thông tin này.

220.9 A1 Trong những trường hợp như vậy, kế toán viên chuyên nghiệp có thể cân nhắc xin thôi việc khỏi tổ chức nơi họ làm việc.

Tư liệu

220.10 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp được khuyến khích lưu trữ các tư liệu về:

- Các sự kiện.
- Các nguyên tắc kế toán hoặc các chuẩn mực chuyên môn khác có liên quan.
- Các vấn đề trao đổi và các bên liên quan đến vấn đề được thảo luận.
- Các hướng hành động được xem xét.
- Cách thức kế toán viên nỗ lực để giải quyết (các) vấn đề.

Những vấn đề cần xem xét khác

220.11 A1 Trường hợp các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ tuân thủ các nguyên tắc cơ bản liên quan để lập hoặc trình bày thông tin phát sinh từ các lợi ích tài chính, bao gồm các khoản tiền lương và tiền thưởng liên quan đến báo cáo tài chính và ra quyết định thì áp dụng các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong Mục 240.

220.11 A2 Trường hợp thông tin sai lệch có thể bao hàm việc không tuân thủ pháp luật và các quy định thì áp dụng các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong Mục 260.

220.11 A3 Trường hợp các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản liên quan để lập hoặc trình bày thông tin phát sinh từ áp lực thì áp dụng các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong Mục 270.

MỤC 230

HÀNH ĐỘNG VỚI ĐẦY ĐỦ KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN

Giới thiệu

- 230.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và vận dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 230.2 Hành động mà không có đầy đủ kỹ năng chuyên môn làm phát sinh nguy cơ do tư lợi, đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc về năng lực chuyên môn và tính thận trọng. Mục này đưa ra các yêu cầu cụ thể và tình huống áp dụng liên quan đến việc vận dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp đó.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phân chung

- R230.3** Một kế toán viên chuyên nghiệp không được cố ý làm cho tổ chức nơi họ làm việc hiểu nhầm về trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm của mình.
- 230.3 A1 Nguyên tắc về năng lực chuyên môn và tính thận trọng đòi hỏi một kế toán viên chuyên nghiệp chỉ đảm nhận các công việc chính mà họ có đủ năng lực hoặc kinh nghiệm đầy đủ.
- 230.3 A2 Nguy cơ do tư lợi đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc năng lực chuyên môn và tính thận trọng có thể phát sinh nếu một kế toán viên chuyên nghiệp:
- Không đủ thời gian để thực hiện hoặc hoàn thành các nhiệm vụ liên quan.
 - Thông tin cần để thực hiện nhiệm vụ là không đầy đủ hoặc bị hạn chế.
 - Không đủ năng lực và thiếu kinh nghiệm.
 - Không đủ nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ.
- 230.3 A3 Các yếu tố có liên quan trong việc đánh giá mức độ của nguy cơ như vậy bao gồm:
- Phạm vi công việc giữa kế toán viên chuyên nghiệp với những nhân viên khác.
 - Cấp bậc của kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp.
 - Mức độ giám sát và soát xét áp dụng cho công việc.
- 230.3 A4 Ví dụ về các biện pháp bảo vệ để giải quyết nguy cơ do tư lợi bao gồm:

- Tìm kiếm sự hỗ trợ hoặc đào tạo từ một người có chuyên môn phù hợp.
- Đảm bảo có đủ thời gian để thực hiện các nhiệm vụ liên quan.

R230.4 Nếu một nguy cơ đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc về năng lực chuyên môn và tính thận trọng không thể giải quyết được, kế toán viên chuyên nghiệp phải xác định xem có nên từ chối thực hiện các nhiệm vụ được giao hay không. Nếu xác định rằng việc từ chối là phù hợp, kế toán viên phải công bố lý do từ chối.

Những vấn đề cần xem xét khác

230.5 A1 Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong Mục 270 áp dụng khi kế toán viên chuyên nghiệp chịu áp lực phải hành động theo cách có thể dẫn đến vi phạm nguyên tắc về năng lực chuyên môn và tính thận trọng.

MỤC 240

CÁC LỢI ÍCH TÀI CHÍNH, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG GẮN VỚI VIỆC LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ RA QUYẾT ĐỊNH

Giới thiệu

- 240.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và vận dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 240.2 Việc có một lợi ích tài chính, hoặc biết về một lợi ích tài chính được nắm giữ bởi một thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc khách quan hoặc bảo mật. Mục này thiết lập các yêu cầu cụ thể và tình huống áp dụng liên quan đến việc vận dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp đó.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phân chung

- R240.3** Kế toán viên chuyên nghiệp không được phép làm sai lệch thông tin hoặc sử dụng thông tin bảo mật cho lợi ích cá nhân hoặc cho lợi ích tài chính cho người khác.
- 240.3 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp có thể có lợi ích tài chính hoặc có thể biết về lợi ích tài chính của các thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi, trong một số trường hợp nhất định, có thể làm phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản. Lợi ích tài chính bao gồm những lợi ích phát sinh từ các thỏa thuận về tiền lương, tiền thưởng gắn với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và ra quyết định.
- 240.3 A2 Ví dụ về các trường hợp có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi bao gồm các tình huống trong đó kế toán viên chuyên nghiệp hoặc thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi:
- Có động cơ và cơ hội để thao túng thông tin nhạy cảm về giá để có đạt được lợi ích tài chính.
 - Nắm giữ lợi ích tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp trong tổ chức nơi họ làm việc và giá trị của lợi ích tài chính đó có thể bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các quyết định của kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp đó đưa ra.
 - Được hưởng các khoản tiền thưởng dựa trên lợi nhuận và giá trị của khoản tiền thưởng đó có thể bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các quyết định của kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp đó đưa ra.
 - Nắm giữ, trực tiếp hoặc gián tiếp, quyền đối với cổ phiếu thưởng hoãn lại hoặc quyền chọn cổ phiếu trong tổ chức nơi họ làm việc, mà giá trị của chúng có thể bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các quyết định của kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp đó đưa ra.

- Tham gia vào các thỏa thuận lương thưởng trong đó quy định các khoản thưởng khi đạt được kết quả kinh doanh nhất định hoặc nỗ lực tối đa hóa giá trị cổ phiếu của tổ chức nơi họ làm việc. Ví dụ về các điều khoản như vậy có thể là thông qua việc tham gia vào các kế hoạch thưởng gắn liền với việc đạt được các kết quả kinh doanh nhất định.

240.3 A3 Các yếu tố có liên quan đến việc đánh giá mức độ của nguy cơ đó bao gồm:

- Tầm quan trọng của lợi ích tài chính. Yếu tố quyết định tầm quan trọng của lợi ích tài chính phụ thuộc vào tình huống cụ thể của từng cá nhân và tính trọng yếu của lợi ích tài chính đối với cá nhân.
- Chính sách và thủ tục cho phép một ủy ban độc lập với Ban Giám đốc quyết định mức và hình thức tiền lương, tiền thưởng đối với lãnh đạo cấp cao.
- Thông báo với Ban quản trị doanh nghiệp những vấn đề phù hợp với các chính sách nội bộ về:
 - Tất cả các lợi ích có liên quan.
 - Bất kỳ kế hoạch thực hiện các quyền mua hoặc bán cổ phiếu có liên quan.
- Các thủ tục kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập cụ thể để giải quyết các vấn đề làm phát sinh lợi ích tài chính.

240.3 A4 Các nguy cơ tạo ra bởi các điều khoản lương và thưởng có thể được kết hợp với những áp lực rõ ràng hoặc tiềm ẩn từ cấp trên hoặc đồng nghiệp. Xem Mục 270, *Áp lực dẫn đến vi phạm các Nguyên tắc cơ bản*.

MỤC 250

QUÀ TẶNG VÀ ƯU ĐÃI

Giới thiệu

- 250.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và vận dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 250.2 Đề nghị hoặc nhận khoản quà tặng và ưu đãi có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ do bị đe dọa ảnh hưởng việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đặc biệt là các nguyên tắc về tính chính trực, tính khách quan và tư cách nghề nghiệp.
- 250.3 Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn phù hợp đối với việc vận dụng khuôn khổ khái niệm liên quan đến việc đề nghị hoặc nhận khoản quà tặng và ưu đãi khi đảm nhận các hoạt động chuyên môn mà việc đề nghị hoặc nhận khoản này không cấu thành việc không tuân thủ pháp luật và các quy định. Mục này cũng yêu cầu một kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan khi đề nghị hoặc nhận khoản quà tặng và ưu đãi.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phản chung

250.4 A1 Một khoản ưu đãi là một đối tượng, tình huống hoặc hành động được sử dụng như một phương tiện để tác động đến hành vi của một cá nhân khác, nhưng không nhất thiết với mục đích gây ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của cá nhân đó. Các khoản ưu đãi có thể gồm từ hành động hiếu khách nhỏ của các đồng nghiệp trong doanh nghiệp đến các hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định. Ưu đãi có thể có nhiều hình thức khác nhau, ví dụ:

- Quà tặng.
- Sự đón tiếp kế toán viên.
- Các hình thức giải trí.
- Tài trợ chính trị hoặc đóng góp từ thiện.
- Biểu hiện quan hệ bạn bè thân thiết và sự trung thành.
- Việc làm hoặc cơ hội thương mại khác.
- Ưu tiên, quyền hoặc đặc quyền.

Khoản quà tặng và ưu đãi bị cấm theo pháp luật và các quy định

R250.5 Trong nhiều khu vực pháp lý, có những pháp luật và các quy định, như pháp luật liên quan đến hối lộ và tham nhũng, nghiêm cấm việc đề nghị hoặc nhận khoản quà tặng và ưu đãi trong các tình huống cụ thể. Kế toán viên chuyên nghiệp phải

hiểu biết về pháp luật và các quy định liên quan và tuân thủ các yêu cầu này khi gặp phải trường hợp như vậy.

Khoản quà tặng và ưu đãi không bị cấm theo pháp luật và các quy định

250.6 A1 Việc đề nghị hoặc nhận khoản ưu đãi không bị cấm bởi pháp luật và các quy định vẫn có thể làm phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản.

Khoản quà tặng và ưu đãi có mục đích gây ảnh hưởng đến hành vi không phù hợp của kế toán viên

R250.7 Kế toán viên chuyên nghiệp không được đề nghị, hoặc khuyến khích người khác đề nghị, bất kỳ khoản quà tặng và ưu đãi nào được tạo ra, hoặc kế toán viên xem xét kết luận về khả năng tạo ra khoản quà tặng và ưu đãi đó từ một bên thứ ba thích hợp và có đầy đủ thông tin, với ý định gây ảnh hưởng đến hành vi không phù hợp của người nhận hoặc của một cá nhân khác.

R250.8 Kế toán viên chuyên nghiệp không được nhận, hoặc khuyến khích người khác nhận, bất kỳ khoản quà tặng và ưu đãi nào được tạo ra, hoặc kế toán viên xem xét kết luận về khả năng tạo ra khoản quà tặng và ưu đãi đó từ một bên thứ ba thích hợp và có đầy đủ thông tin, với ý định gây ảnh hưởng đến hành vi không phù hợp của người nhận hoặc của một cá nhân khác.

250.9 A1 Khoản quà tặng và ưu đãi được coi là ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của một cá nhân nếu nó khiến cho cá nhân đó hành động một cách phi đạo đức. Ảnh hưởng không phù hợp như vậy có thể được hướng vào người nhận hoặc đối với một cá nhân khác có mối quan hệ với người nhận. Các nguyên tắc cơ bản là một khuôn khổ thích hợp cho một kế toán viên chuyên nghiệp trong việc xem xét những gì cấu thành hành vi phi đạo đức của phía kế toán viên hoặc các cá nhân khác.

250.9 A2 Vi phạm nguyên tắc cơ bản về tính chính trực phát sinh khi một kế toán viên chuyên nghiệp đề nghị hoặc nhận, hoặc khuyến khích người khác đề nghị hoặc nhận quà tặng và ưu đãi trong đó mục đích là ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của người nhận hoặc của một cá nhân khác.

250.9 A3 Việc xác định liệu có ý định thực tế hay nhận thức đối với hành vi ảnh hưởng không phù hợp đòi hỏi phải thực hiện xét đoán chuyên môn. Các yếu tố liên quan cần xem xét có thể bao gồm:

- Bản chất, tần suất, giá trị và hiệu ứng lũy kế của khoản quà tặng và ưu đãi.
- Thời điểm khi khoản quà tặng và ưu đãi được đưa ra liên quan đến bất kỳ hành động hoặc quyết định nào mà nó có thể ảnh hưởng.
- Liệu rằng khoản quà tặng và ưu đãi có phải là một tập quán hay văn hóa thực tế, ví dụ, tặng một món quà nhân dịp lễ hội địa phương hay mừng cưới hay không.

- Liệu rằng khoản quà tặng và ưu đãi có phải là một phần phụ trợ của một hoạt động chuyên môn, ví dụ, đề nghị hoặc chấp nhận bữa trưa để trao đổi về công việc kinh doanh hay không.
- Liệu rằng khoản quà tặng và ưu đãi có phải chỉ giới hạn ở một người nhận cá nhân hoặc sẵn sàng dành cho một nhóm. Nhóm rộng hơn có thể là nội bộ hoặc bên ngoài đối với tổ chức sử dụng lao động, chẳng hạn như các khách hàng hoặc nhà cung cấp khác.
- Vai trò và vị trí của các cá nhân đề nghị hoặc được đề nghị khoản quà tặng và ưu đãi.
- Liệu kế toán viên chuyên nghiệp có biết, hoặc có lý do để tin rằng, việc nhận khoản quà tặng và ưu đãi sẽ vi phạm các chính sách và thủ tục của đối tác của tổ chức nơi họ làm việc hay không.
- Mức độ minh bạch mà khoản quà tặng và ưu đãi được đề nghị.
- Liệu rằng người nhận có yêu cầu hoặc đòi hỏi khoản quà tặng và ưu đãi hay không.
- Các hành vi hoặc danh tiếng đã biết trước đó của người đưa ra đề nghị.

Xem xét các hành động tiếp theo

- 250.10 A1 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp quan tâm đến khoản quà tặng và ưu đãi được đề nghị với ý định trên thực tế hoặc trong nhận thức nhằm gây ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi, các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức cơ bản vẫn có thể phát sinh ngay cả khi các yêu cầu được đáp ứng đoạn R250.7 và R250.8.
- 250.10 A2 Ví dụ về các hành động có thể là biện pháp bảo vệ để giải quyết các nguy cơ đó bao gồm:
- Thông báo cho quản lý cấp cao hoặc Ban quản trị công ty của tổ chức nơi họ làm việc hoặc của người đề nghị về quà tặng và ưu đãi.
 - Sửa đổi hoặc chấm dứt mối quan hệ kinh doanh với người đề nghị quà tặng và ưu đãi.

Khoản ưu đãi không có mục đích gây ảnh hưởng đến hành vi không phù hợp của kế toán viên

- 250.11 A1 Các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong khái niệm khuôn khổ áp dụng khi một kế toán viên chuyên nghiệp đã kết luận rằng không có ý định trong thực tế hoặc trong nhận thức để ảnh hưởng hành vi không phù hợp của kế toán viên hoặc của một cá nhân khác.
- 250.11 A2 Nếu khoản quà tặng và ưu đãi được cho là nhỏ và không quan trọng, thì bất kỳ nguy cơ nào được tạo ra sẽ ở mức có thể chấp nhận được.

- 250.11 A3 Ví dụ về các trường hợp đề nghị hoặc nhận khoản quà tặng và ưu đãi như vậy có thể tạo ra các nguy cơ ngay cả khi kế toán viên chuyên nghiệp đã kết luận rằng không có ý định trên thực tế hoặc trong nhận thức về hành vi không phù hợp bao gồm:
- Nguy cơ do tư lợi
 - Kế toán viên chuyên nghiệp được mời làm bán thời gian từ một nhà cung cấp.
 - Nguy cơ từ sự quen thuộc
 - Kế toán viên chuyên nghiệp thường xuyên dẫn một khách hàng hoặc nhà cung cấp đến các sự kiện thể thao.
 - Nguy cơ bị đe dọa
 - Kế toán viên chuyên nghiệp nhận khoản ưu đãi, bản chất khoản ưu đãi này có thể cảm nhận được là không phù hợp khi nó được công bố công khai.
- 250.11 A4 Các yếu tố liên quan trong việc đánh giá mức độ của các nguy cơ trên được tạo ra bằng cách đề nghị hoặc nhận khoản quà tặng và ưu đãi như vậy bao gồm các yếu tố tương tự dùng để xác định ý định được nêu trong đoạn 250.9 A3.
- 250.11 A5 Ví dụ về các hành động có thể loại bỏ các nguy cơ phát sinh từ việc đề nghị hoặc nhận khoản quà tặng và ưu đãi như vậy như:
- Từ chối hoặc không đề nghị khoản quà tặng và ưu đãi.
 - Chuyển giao trách nhiệm ra bất kỳ quyết định kinh doanh nào liên quan đến đối tác cho một cá nhân khác mà kế toán viên chuyên nghiệp không có lý do để tin rằng sẽ chịu hoặc cảm nhận sẽ chịu ảnh hưởng không phù hợp trong việc đưa ra quyết định.
- 250.11 A6 Ví dụ về các hành động có thể là biện pháp bảo vệ để giải quyết các nguy cơ đó được tạo ra bằng cách đề nghị hoặc chấp nhận khoản quà tặng và ưu đãi như vậy bao gồm:
- Minh bạch với quản lý cấp cao hoặc Ban quản trị của tổ chức nơi họ làm việc hoặc đối tác về lời đề nghị hoặc chấp nhận quà tặng và ưu đãi.
 - Khai báo khoản quà tặng và ưu đãi trong hồ sơ tổ chức nơi họ làm việc hoặc đối tác.
 - Cử một người soát xét phù hợp, người không liên quan đến việc thực hiện hoạt động chuyên môn, đánh giá bất kỳ công việc hoặc quyết định nào đã thực hiện của kế toán viên đối với cá nhân hoặc tổ chức mà họ đã nhận quà tặng và ưu đãi.

- Tặng khoản quà tặng và ưu đãi cho tổ chức từ thiện sau khi nhận và công bố một cách thích hợp việc quyên góp đó, ví dụ, cho Ban quản trị hoặc cá nhân đã đề nghị khoản quà tặng và ưu đãi.
- Thanh toán chi phí tương ứng cho khoản quà tặng và ưu đãi đã nhận được, ví dụ như khoản tiếp đón.
- Trả lại khoản quà tặng và ưu đãi, càng sớm càng tốt, chẳng hạn như một món quà, ngay sau khi nhận nó.

Thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi

R250.12 Kế toán viên chuyên nghiệp phải cảnh giác với các nguy cơ tiềm tàng ảnh hưởng đến sự tuân thủ các nguyên tắc cơ bản liên quan đến việc đề nghị nhận khoản quà tặng và ưu đãi:

- (a) Từ một thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi của họ tới một đối tác mà họ mối quan hệ trong công việc; hoặc là
- (b) Tới một thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi của họ từ một đối tác mà họ có mối quan hệ trong công việc.

R250.13 Đối với những khoản quà tặng và ưu đãi mà kế toán viên chuyên nghiệp nhận thấy được đề nghị hoặc nhận bởi một thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi và kết luận rằng có ảnh hưởng hành vi không phù hợp của kế toán viên hoặc đối tác, hoặc xem xét một bên thứ ba thích hợp và có đầy đủ thông tin và đưa ra cơ sở gần như chắc chắn kết luận ý định đó tồn tại, kế toán viên phải yêu cầu thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi không đề nghị hoặc nhận khoản quà tặng và ưu đãi này.

250.13 A1 Các yếu tố được nêu trong đoạn 250.9 A3 phù hợp trong việc xác định liệu có ý định thực sự hoặc cảm nhận có gây ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của kế toán viên chuyên nghiệp hoặc của đối tác. Một yếu tố khác có liên quan là bản chất hoặc sự thân thiết trong mối quan hệ, giữa:

- (a) Kế toán viên chuyên nghiệp và thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi;
- (b) Thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi và đối tác; và
- (c) Kế toán viên chuyên nghiệp và đối tác.

Ví dụ, lời đề nghị tuyển dụng, ngoài quy trình tuyển dụng thông thường, cho vợ hoặc chồng của kế toán viên bởi một đối tác mà họ đang đàm phán một hợp đồng quan trọng có thể chỉ ra ý định đó.

250.13 A2 Tình huống áp dụng trong đoạn 250.10 A2 cũng phù hợp trong việc giải quyết các nguy cơ có thể được tạo ra khi có ý định thực sự hoặc ý định có thể cảm nhận được việc ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của kế toán viên chuyên nghiệp hoặc của đối tác ngay cả khi thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi đã làm theo hướng dẫn được đưa ra theo đoạn R250.13.

Áp dụng khuôn khổ khái niệm

250.14 A1 Đối với những khoản quà tặng và ưu đãi mà kế toán viên chuyên nghiệp nhận thấy được đề nghị thuộc các trường hợp được đề cập trong đoạn R250.12, các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản có thể phát sinh trong các tình huống như:

- (a) Thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi đề nghị hoặc nhận khoản quà tặng và ưu đãi trái với yêu cầu của kế toán viên chuyên nghiệp theo đoạn R250.13; hoặc là
- (b) Kế toán không có lý do để tin rằng tồn tại một ý định thực sự hoặc ý định có thể cảm nhận được sự ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của kế toán hoặc của đối tác.

250.14 A2 Tài liệu hướng dẫn trong đoạn 250.11 A1 đến 250.11 A6 có liên quan cho các mục đích xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ đó. Các yếu tố có liên quan trong việc đánh giá mức độ của nguy cơ trong những trường hợp này cũng bao gồm bản chất hoặc sự thân thiết của các mối quan hệ được nêu trong đoạn 250.13 A1.

Những xem xét khác

250.15 A1 Nếu một kế toán viên chuyên nghiệp được đề nghị khoản quà tặng và ưu đãi bởi tổ chức nơi họ làm việc có liên quan đến lợi ích tài chính, thù lao và khen thưởng gắn liền với hiệu quả công việc, các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn đã thiết lập ở Mục 240 được áp dụng.

250.15 A2 Nếu một kế toán viên chuyên nghiệp gặp phải hoặc nhận thấy những khoản quà tặng và ưu đãi mà có thể dẫn đến việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ luật pháp và quy định của các cá nhân khác làm việc cho hoặc theo chỉ đạo của tổ chức nơi họ làm việc, các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong Mục 260 được áp dụng.

250.15 A3 Nếu một kế toán viên chuyên nghiệp phải đối mặt với áp lực đề nghị hoặc chấp nhận khoản quà tặng và ưu đãi có thể tạo ra các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong Mục 270 được áp dụng.

MỤC 260

ỨNG PHÓ VỚI NHỮNG VIỆC KHÔNG TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH

Giới thiệu

- 260.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và vận dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 260.2 Một nguy cơ do tư lợi hoặc bị đe dọa ảnh hưởng việc tuân thủ các nguyên tắc chính trực và tư cách nghề nghiệp được tạo ra khi một kế toán viên chuyên nghiệp nhận thức được việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ luật pháp và quy định.
- 260.3 Một kế toán viên chuyên nghiệp có thể gặp phải hoặc nhận thấy sự không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn. Mục này hướng dẫn kế toán viên đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề và các hướng hành động có thể có khi đối phó với việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ với:
- (a) Pháp luật và các quy định nói chung được công nhận có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định giá trị và thông tin thuyết minh trọng yếu trong báo cáo tài chính của tổ chức nơi họ làm việc; và
 - (b) Pháp luật và các quy định khác không có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định giá trị và thông tin thuyết minh trọng yếu trong báo cáo tài chính của tổ chức nơi họ làm việc, nhưng việc tuân thủ có thể là nền tảng cho hoạt động kinh doanh của tổ chức nơi họ làm việc, cho khả năng tiếp tục kinh doanh của tổ chức sử dụng lao động, hoặc để tránh các khoản phạt vi phạm trọng yếu.

Các mục tiêu của kế toán viên chuyên nghiệp trong mối liên hệ đến việc không tuân thủ pháp luật và các quy định

- 260.4 Một dấu ấn riêng biệt của nghề kế toán là sự chấp nhận trách nhiệm các hành động vì lợi ích công chúng. Khi ứng phó với việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ có sự không tuân thủ, các mục tiêu của kế toán viên chuyên nghiệp là:
- (a) Tuân thủ các nguyên tắc về tính chính trực và tư cách nghề nghiệp;
 - (b) Bằng cách cảnh báo cho nhà quản lý hoặc, khi thích hợp, cho Ban quản trị công ty của tổ chức nơi họ làm việc, để tìm cách:
 - (i) Cho phép họ điều chỉnh, khắc phục hoặc giảm thiểu những hậu quả của việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ sự không tuân thủ; hoặc là

- (ii) Ngăn chặn sự không tuân thủ khi nó chưa xảy ra; và
- (c) Thực hiện thêm các hành động phù hợp khác khi thấy việc không tuân thủ có liên quan đến lợi ích công chúng.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- 260.5 A1 Việc không tuân thủ pháp luật và các quy định (sau đây gọi là “không tuân thủ”) bao gồm việc bỏ sót các hành động hoặc nhiệm vụ, cố ý hoặc vô ý, trái với pháp luật hoặc các quy định đã cam kết bởi các bên sau đây:
- Tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp làm việc;
 - Ban quản trị công ty của tổ chức nơi họ làm việc;
 - Ban Giám đốc của tổ chức nơi họ làm việc; hoặc
 - Các cá nhân khác làm việc cho hoặc theo sự chỉ đạo của tổ chức nơi họ làm việc.

Ví dụ về pháp luật và các quy định mà Mục này đề cập gồm:

- 260.5 A2
- Gian lận, tham nhũng và hối lộ.
 - Rửa tiền, tài trợ khủng bố và tiền có nguồn gốc từ tội phạm.
 - Thị trường và giao dịch chứng khoán.
 - Ngân hàng và các sản phẩm và dịch vụ tài chính khác.
 - Bảo mật dữ liệu.
 - Các khoản nợ và thanh toán thuế và lương hưu.
 - Bảo vệ môi trường.
 - Sức khỏe và an toàn cộng đồng.

- 260.5 A3 Việc không tuân thủ có thể dẫn đến các khoản phạt, nghĩa vụ pháp lý hoặc hậu quả khác cho tổ chức nơi họ làm việc, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của tổ chức. Quan trọng hơn, việc không tuân thủ như vậy có thể ảnh hưởng lớn đối với lợi ích công chúng như tác động tiêu cực đến các nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng nói chung. Đối với mục đích của Mục này, việc không tuân thủ gây ra sự phương hại lớn và từ đó dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đối với bất kỳ bên nào theo các khía cạnh tài chính hoặc phi tài chính. Ví dụ như việc thực hiện một vụ lừa đảo dẫn đến thiệt hại tài chính nghiêm trọng cho các nhà đầu tư và vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường gây nguy hiểm cho sức khỏe hoặc sự an toàn của nhân viên hoặc công chúng.

R260.6 Theo một số khung pháp lý, các điều khoản quy định cách kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu để giải quyết việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ về sự không tuân thủ. Các điều khoản pháp luật và các quy định này có thể khác hoặc vượt ra ngoài các quy định trong Mục này. Khi gặp phải sự không tuân thủ hoặc nghi ngờ sự tuân thủ đó, kế toán viên phải tìm hiểu về pháp luật hoặc các quy định đó và tuân thủ chúng, bao gồm:

- (a) Bất kỳ yêu cầu để báo cáo việc không tuân thủ cho cơ quan quản lý nhà nước; và
- (b) Bất kỳ điều khoản nghiêm cấm về cảnh báo cho các bên nào liên quan.

260.6 A1 Một điều khoản nghiêm cấm về cảnh báo cho các bên liên quan có thể phát sinh, ví dụ, theo luật chống rửa tiền.

260.7 A1 Mục này áp dụng bất kể đặc điểm của tổ chức nơi họ làm việc, bao gồm cả việc đó có phải là một đơn vị phục vụ lợi ích công chúng hay không.

260.7 A2 Một kế toán viên chuyên nghiệp gặp phải hoặc biết được các vấn đề không quan trọng một cách rõ ràng thì không yêu cầu tuân thủ mục này. Liệu một vấn đề có không quan trọng một cách rõ ràng không được xét đoán dựa trên bản chất và sự ảnh hưởng, thuộc về tài chính hoặc tác động khác đối với tổ chức nơi họ làm việc, các cổ đông và công chúng.

260.7 A3 Mục này không giải quyết:

- (a) Hành vi sai trái của cá nhân không liên quan đến các hoạt động kinh doanh của tổ chức nơi họ làm việc; và
- (b) Việc không tuân thủ bởi các bên khác ngoài các bên được quy định trong đoạn 260.5 A1.

Tuy nhiên, kế toán viên chuyên nghiệp có thể tìm thấy hướng dẫn hữu ích trong Mục này để xem xét cách ứng phó trong những tình huống này.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Ban quản trị của tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp làm việc

260.8 A1 Ban Giám đốc của tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp làm việc, với sự giám sát của Ban quản trị công ty, chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động kinh doanh của tổ chức được thực hiện theo pháp luật và các quy định. Ban Giám đốc và Ban quản trị công ty cũng chịu trách nhiệm xác định và giải quyết bất kỳ sự không tuân thủ nào bởi:

- (a) Tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp làm việc;
- (b) Một cá nhân trong Ban quản trị;
- (c) Thành viên điều hành; hoặc

- (d) Các cá nhân khác làm việc cho hoặc theo sự quản lý của tổ chức sử dụng lao động.

Trách nhiệm của tất cả các kế toán viên chuyên nghiệp

- R260.9** Nếu các quy định và thủ tục để giải quyết việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ sự không tuân thủ tồn tại trong tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp làm việc, kế toán viên phải xem xét chúng nhằm xác định cách ứng phó với việc không tuân thủ như vậy.
- 260.9 A1 Nhiều tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp làm việc đã thiết lập các quy định và thủ tục liên quan đến cách gỡ bỏ sự không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ trong nội bộ. Các quy định và thủ tục này bao gồm, ví dụ, chính sách đạo đức hoặc cơ chế tố giác tội phạm. Các quy định và thủ tục như vậy có thể cho phép các vấn đề được báo cáo ẩn danh thông qua các kênh được chỉ định.
- R260.10** Khi một kế toán viên chuyên nghiệp nhận thức được vấn đề mà Mục này áp dụng, các bước mà kế toán viên thực hiện để tuân thủ Mục này phải được thực hiện một cách kịp thời. Để thực hiện các bước kịp thời, kế toán viên phải hiểu bản chất của vấn đề và tác hại tiềm tàng đối với lợi ích của tổ chức nơi họ làm việc, nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng.

Trách nhiệm của kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp trong doanh nghiệp

- 260.11 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp trong doanh nghiệp (kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp) là giám đốc, quản lý hoặc chuyên viên cao cấp có thể gây ảnh hưởng đáng kể và đưa ra các quyết định liên quan đến việc mua sắm, triển khai và kiểm soát nhân sự, tài chính, công nghệ, tài sản và nguồn lực vô hình của tổ chức nơi họ làm việc. Có nhiều kỳ vọng dành cho những cá nhân như vậy trong việc thực hiện bất kỳ hành động nào phù hợp cho lợi ích công chúng để ứng phó với việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ sự không tuân thủ hơn là các kế toán viên chuyên nghiệp khác trong tổ chức nơi họ làm việc. Điều này là do vai trò, vị trí và phạm vi ảnh hưởng của kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp trong tổ chức nơi họ làm việc.

Hiểu biết các vấn đề phát sinh

- R260.12** Nếu trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn, một kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp nhận thức được thông tin liên quan đến việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ việc không tuân thủ, kế toán viên phải có được sự hiểu biết về vấn đề phát sinh. Sự hiểu biết này bao gồm:
- (a) Bản chất của việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ sự không tuân thủ và các trường hợp xảy ra hoặc có thể xảy ra;
 - (b) Việc áp dụng pháp luật và các quy định phù hợp với các tình huống; và

(c) Một sự đánh giá về các hậu quả tiềm tàng đối với tổ chức nơi họ làm việc, nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng.

260.12 A1 Một kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp được kỳ vọng sẽ áp dụng kiến thức và chuyên môn, cũng như thực hiện xét đoán chuyên môn. Tuy nhiên, kế toán viên không được kỳ vọng đạt được mức độ hiểu biết về pháp luật và các quy định lớn hơn mức cần thiết cho vai trò của kế toán viên trong tổ chức nơi họ làm việc. Dù một hành vi cấu thành sự không tuân thủ thì cuối cùng vẫn là một vấn đề phải được xác định bởi tòa án hoặc cơ quan hành pháp thích hợp khác.

260.12 A2 Tùy thuộc vào bản chất và tầm quan trọng của vấn đề phát sinh, kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp có thể khiến, hoặc thực hiện các bước thích hợp để khiến, vấn đề phát sinh phải được điều tra nội bộ. Kế toán viên cũng có thể tham khảo ý kiến trên cơ sở bảo mật với những người khác trong tổ chức nơi họ làm việc hoặc hội nghề nghiệp hoặc với chuyên gia tư vấn pháp luật.

Giải quyết các vấn đề phát sinh

R260.13 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp xác định hoặc nghi ngờ rằng sự không tuân thủ đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, kế toán viên phải áp dụng, theo đoạn R260.9, thảo luận vấn đề với cấp trên trực tiếp của kế toán viên, nếu có. Nếu cấp trên trực tiếp của kế toán viên dường như có liên quan đến vấn đề phát sinh này, kế toán viên sẽ thảo luận vấn đề với cấp kế tiếp có thẩm quyền cao hơn trong tổ chức nơi họ làm việc.

260.13 A1 Mục đích của cuộc thảo luận nhằm cho phép đưa ra quyết định về cách giải quyết vấn đề.

R260.14 Kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp cũng phải thực hiện các bước thích hợp để:

- (a) Vấn đề được truyền đạt tới Ban quản trị công ty;
- (b) Tuân thủ luật pháp và quy định hiện hành, bao gồm các điều khoản pháp lý hoặc quy định về báo cáo việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ sự không tuân thủ với cơ quan có thẩm quyền;
- (c) Các hậu quả của việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ sự không tuân thủ được điều chỉnh, khắc phục hoặc giảm thiểu;
- (d) Giảm nguy cơ tái xuất hiện; và
- (e) Tìm cách ngăn chặn nhiệm vụ liên quan đến việc không tuân thủ nếu nó chưa xảy ra.

260.14 A1 Mục đích của việc truyền đạt vấn đề đến Ban quản trị công ty là để có được sự đồng tình của họ liên quan đến các hành động thích hợp phải thực hiện để ứng phó với vấn đề và cho phép họ thực hiện trách nhiệm của mình.

260.14 A2 Một số luật và quy định có thể đặt ra một khoảng thời gian báo cáo về việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ sự không tuân thủ cho cơ quan có thẩm quyền.

R260.15 Ngoài việc ứng phó với vấn đề phát sinh theo quy định của Mục này, kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp phải xác định xem có cần thiết công bố vấn đề này cho kiểm toán viên độc lập của tổ chức nơi họ làm việc, nếu có, hay không.

260.15 A1 Việc công bố này phải theo đúng trách nhiệm hoặc nghĩa vụ pháp lý của kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp để cung cấp tất cả thông tin cần thiết cho phép kiểm toán viên độc lập thực hiện cuộc kiểm toán.

Xác định cần thêm hành động giải quyết khác

R260.16 Kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp phải đánh giá sự phù hợp về những giải quyết vấn đề phát sinh của cấp trên kế toán viên đó, nếu có, và Ban quản trị công ty.

260.16 A1 Các yếu tố liên quan cần xem xét trong việc đánh giá về những giải quyết vấn đề phát sinh của cấp trên của kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp, nếu có, và Ban quản trị công ty bao gồm:

- Việc ứng phó kịp thời.
- Họ đã thực hiện hoặc ủy quyền hành động thích hợp để tìm cách điều chỉnh, khắc phục hoặc giảm thiểu hậu quả của việc không tuân thủ hoặc để tránh sự không tuân thủ nếu nó chưa xảy ra.
- Vấn đề đã được công bố cho một cơ quan có thẩm quyền và, nếu vậy, liệu rằng nội dung công bố đã trình bày đầy đủ hay chưa.

R260.17 Trước việc giải quyết của cấp trên của kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp, nếu có, và Ban quản trị công ty, kế toán viên sẽ xác định xem có cần thêm hành động vì lợi ích công chúng hay không.

260.17 A1 Việc xác định liệu có cần thêm hành động hay không, và bản chất và mức độ của nó, sẽ phụ thuộc vào các yếu tố khác nhau, bao gồm:

- Khuôn khổ pháp lý và quy định.
- Tính cấp thiết của vấn đề.
- Tính lan tỏa của vấn đề xuyên suốt tổ chức nơi họ làm việc.
- Liệu kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp có tiếp tục tin tưởng vào sự chính trực của cấp trên kế toán viên và Ban quản trị công ty hay không.
- Việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ sự không tuân thủ có khả năng tái diễn hay không.

- Liệu rằng có bằng chứng đáng tin cậy về tác hại thực tế hoặc tiềm tàng đối với lợi ích của tổ chức nơi họ làm việc, nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng hay không.

260.17 A2 Ví dụ về các vấn đề có thể khiến kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp không còn tin tưởng vào tính chính trực của cấp trên và Ban quản trị bao gồm:

- Kế toán viên nghi ngờ hoặc có bằng chứng về sự dính líu của họ hoặc dự định dính líu đến sự không tuân thủ.
- Trái với các yêu cầu pháp lý hoặc quy định, họ đã không báo cáo hoặc ủy quyền báo cáo về vấn đề này cho một cơ quan có thẩm quyền trong một khoảng thời gian hợp lý.

R260.18 Kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp sẽ thực hiện xét đoán chuyên môn trong việc xác định nhu cầu, bản chất và mức độ của hành động tiếp theo. Khi đưa ra quyết định này, kế toán viên sẽ tính đến việc liệu bên thứ ba thích hợp và có đầy đủ thông tin có thể kết luận rằng kế toán viên đã hành động thích hợp vì lợi ích công chúng hay không.

260.18 A1 Hành động tiếp theo mà kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp có thể thực hiện bao gồm:

- Thông báo cho Ban Giám đốc công ty mẹ về vấn đề này nếu tổ chức nơi họ làm việc là thành viên trong một tập đoàn.
- Công bố vấn đề cho một cơ quan có thẩm quyền ngay cả khi không có yêu cầu pháp lý hoặc quy định thực hiện.
- Từ chức khỏi tổ chức nơi họ làm việc.

260.18 A2 Từ chức khỏi tổ chức nơi họ làm việc không thay thế cho việc thực hiện các hành động khác có thể cần thiết để đạt được các mục tiêu của kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp trong Mục này. Tuy nhiên, trong một số quy định pháp lý, có thể có những hạn chế đối với các hành động tiếp theo dành cho kế toán viên. Trong trường hợp như vậy, từ chức có thể là cách hành động thích hợp nhất.

Tham khảo ý kiến tư vấn

260.19 A1 Khi đánh giá vấn đề phát sinh có thể bao gồm các phân tích và đánh giá phức hợp, kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp có thể xem xét:

- Tư vấn nội bộ.
- Tham khảo tư vấn pháp lý để hiểu các lựa chọn của kế toán viên và tham vấn chuyên môn hoặc pháp lý của việc thực hiện bất kỳ bước hành động cụ thể nào.

- Tư vấn trên cơ sở bảo mật với một cơ quan quản lý hoặc hội nghề nghiệp.

Xác định việc công bố vấn đề phát sinh cho cơ quan có thẩm quyền

260.20 A1 Việc công bố vấn đề phát sinh cho một cơ quan có thẩm quyền sẽ bị loại trừ nếu làm như vậy là trái với luật pháp hoặc quy định. Mặt khác, mục đích của việc công bố là để cho phép một cơ quan có thẩm quyền yêu cầu điều tra vấn đề phát sinh và thực hiện hành động vì lợi ích công chúng.

260.20 A2 Việc xác định xem có nên công bố như vậy hay không phụ thuộc vào tính chất và mức độ của tác hại thực tế hoặc tiềm tàng có thể gây ra bởi vấn đề phát sinh đối với các nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng. Ví dụ, kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp có thể xác định rằng việc công bố vấn đề cho cơ quan có thẩm quyền là một hành động thích hợp nếu:

- Tổ chức nơi họ làm việc tham gia hội lộ (ví dụ, của các quan chức chính quyền địa phương hoặc nước ngoài cho các mục đích đảm bảo các hợp đồng lớn).
- Tổ chức nơi họ làm việc bị điều chỉnh và vấn đề có ý nghĩa quan trọng như đe dọa đến giấy phép hoạt động của tổ chức.
- Tổ chức nơi họ làm việc được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và vấn đề có thể dẫn đến hậu quả bất lợi cho thị trường công bằng và có trật tự đối với chứng khoán của tổ chức nơi họ làm việc hoặc gây rủi ro hệ thống cho thị trường tài chính.
- Có khả năng tổ chức sử dụng lao động sẽ bán các sản phẩm có hại cho sức khỏe và sự an toàn của công chúng.
- Tổ chức nơi họ làm việc đang quảng bá một kế hoạch cho khách hàng của mình để hỗ trợ họ trong việc trốn thuế.

260.20 A3 Việc xác định có nên công bố như vậy hay không cũng sẽ phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài như:

- Liệu có một cơ quan có thẩm quyền có thể nhận thông tin hay không, có yêu cầu điều tra vấn đề và thực hiện hành động hay không. Cơ quan có thẩm quyền sẽ phụ thuộc vào bản chất của vấn đề phát sinh. Ví dụ, cơ quan có thẩm quyền sẽ là cơ quan quản lý chứng khoán trong trường hợp báo cáo tài chính gian lận hoặc cơ quan quản lý môi trường trong trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định môi trường.
- Liệu có tồn tại sự bảo vệ lớn và đáng tin cậy khỏi trách nhiệm dân sự, hình sự hoặc nghề nghiệp hoặc sự phản hồi từ pháp luật và các quy định đã ban hành, chẳng hạn như theo pháp luật và các quy định về tố giác tội phạm hay không.

- Liệu có những nguy cơ thực tế hoặc tiềm tàng đối với sự an toàn của kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp hoặc các cá nhân khác hay không.

R260.21 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp xác định rằng việc công bố vấn đề phát sinh cho cơ quan có thẩm quyền là một hành động thích hợp trong các tình huống, việc công bố đó được cho phép theo đoạn R114.1 (d) của Bộ Quy tắc. Khi công bố như vậy, kế toán viên sẽ hành động một cách trung thực và thận trọng khi đưa ra tuyên bố và khẳng định.

Ngăn ngừa vi phạm có khả năng xảy ra

R260.22 Trong trường hợp đặc biệt, kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp có thể nhận thức được hành vi thực tế hoặc dự định mà kế toán viên có lý do để tin rằng sẽ cấu thành một hành vi vi phạm pháp luật và các quy định sắp xảy ra có thể gây tổn hại đáng kể cho các nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng. Trước tiên thực hiện xem xét liệu có phù hợp để thảo luận vấn đề với Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị công ty của tổ chức nơi họ làm việc hay không, kế toán viên sẽ thực hiện xét đoán chuyên môn và xác định xem có nên công bố vấn đề ngay lập tức cho cơ quan có thẩm quyền để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu hậu quả vi phạm như vậy sắp xảy ra. Nếu việc công bố được thực hiện, việc công bố đó được cho phép theo đoạn R114.1 (d) của Bộ Quy tắc.

Tài liệu ghi chép

260.23 A1 Liên quan đến việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ việc không tuân thủ thuộc phạm vi hướng dẫn của Mục này, kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp được khuyến khích ghi chép và lưu trữ lại các tài liệu sau:

- Vấn đề phát sinh.
- Kết quả thảo luận với cấp trên của kế toán viên nếu có, và Ban quản trị công ty và các bên liên quan khác.
- Cách xử lý của cấp trên của kế toán viên, nếu có, và Ban quản trị công ty đã ứng phó với vấn đề phát sinh.
- Các bước hành động kế toán viên xem xét, các xét đoán và các quyết định đã được thực hiện.
- Cách kế toán viên thực hiện để đáp ứng yêu cầu trách nhiệm của bản thân được nêu trong đoạn R260.17.

Trách nhiệm của kế toán viên chuyên nghiệp khác ngoài kế toán viên chuyên nghiệp cao cấp

R260.24 Nếu trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn, một kế toán viên chuyên nghiệp nhận biết những thông tin liên quan đến việc không tuân thủ

hoặc nghi ngờ sự không tuân thủ, kế toán viên phải có được sự hiểu biết về vấn đề phát sinh. Sự hiểu biết này gồm bản chất của việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ sự không tuân thủ và các trường hợp xảy ra hoặc có thể xảy ra.

- 260.24 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp được kỳ vọng sẽ áp dụng kiến thức và chuyên môn, và sử dụng xét đoán chuyên môn. Tuy nhiên, kế toán viên không được kỳ vọng có mức độ hiểu biết về pháp luật và các quy định lớn hơn mức cần thiết cho vai trò của họ trong tổ chức nơi họ làm việc. Cho dù một hành vi cấu thành sự không tuân thủ thì cuối cùng là một vấn đề được xác định bởi tòa án hoặc cơ quan hành pháp thích hợp khác.
- 260.24 A2 Tùy thuộc vào bản chất và tầm quan trọng của vấn đề phát sinh, kế toán viên chuyên nghiệp có thể tham khảo ý kiến trên cơ sở bảo mật với những người khác trong tổ chức nơi họ làm việc hoặc hội nghề nghiệp hoặc với chuyên gia tư vấn pháp luật.
- R260.25** Nếu kế toán viên chuyên nghiệp xác định hoặc nghi ngờ rằng việc không tuân thủ đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, họ phải, theo đoạn R260.9, thông báo cho quản lý trực tiếp để cho phép thực hiện hành động thích hợp. Nếu quản lý trực tiếp của kế toán viên có khả năng liên quan đến vấn đề phát sinh, họ phải thông báo cho quản lý cao hơn trong tổ chức nơi họ làm việc.
- R260.26** Trong trường hợp đặc biệt, kế toán viên chuyên nghiệp có thể xác định rằng việc công bố vấn đề phát sinh cho cơ quan có thẩm quyền là chuỗi hành động thích hợp. Nếu kế toán viên thực hiện theo đoạn 260.20 A2 và A3, việc công bố đó được cho phép theo đoạn R114.1 (d) của Bộ Quy tắc. Khi công bố như vậy, kế toán viên sẽ hành động một cách trung thực và thận trọng khi đưa ra tuyên bố và khẳng định.

Tài liệu ghi chép

- 260.27 A1 Trong mỗi liên quan đến việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ sự không tuân thủ trong phạm vi của Mục này, kế toán viên chuyên nghiệp được khuyến khích ghi chép và lưu trữ các tài liệu sau:
- Vấn đề phát sinh.
 - Kết quả của các cuộc thảo luận với cấp trên, nhà quản lý và, nếu áp dụng, Ban quản trị công ty và các bên liên quan khác.
 - Cách quản lý của kế toán viên ứng phó với vấn đề phát sinh.
 - Các bước hành động kế toán viên, các xét đoán đã thực thi và các quyết định đã được thực hiện.

MỤC 270

ÁP LỰC VI PHẠM CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

Giới thiệu

- 270.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và vận dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 270.2 Áp lực tác động lên, hoặc bởi, một kế toán viên chuyên nghiệp có thể tạo ra một nguy cơ bị đe dọa hoặc nguy cơ khác ảnh hưởng đến việc tuân thủ với một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn liên quan đến việc vận dụng khuôn khổ khái niệm trong từng trường hợp.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- R270.3** Kế toán viên chuyên nghiệp không được:
- (a) Vi phạm tuân thủ các nguyên tắc cơ bản do chịu áp lực từ người khác; hoặc
 - (b) Đặt áp lực lên những người khác mà kế toán viên biết, hoặc có lý do để tin, sẽ dẫn đến việc các cá nhân khác vi phạm các nguyên tắc cơ bản.
- 270.3 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp có thể phải đối mặt với áp lực tạo ra các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, ví dụ như một nguy cơ bị đe dọa, khi đảm nhiệm một hoạt động chuyên môn. Áp lực có thể rõ ràng hoặc tiềm ẩn và có thể đến từ:
- Trong tổ chức nơi họ làm việc, ví dụ, từ đồng nghiệp hoặc cấp trên.
 - Một cá nhân hoặc tổ chức bên ngoài như nhà cung cấp, khách hàng hoặc chủ nợ.
 - Các chỉ tiêu và kỳ vọng trong nội bộ và từ bên ngoài.
- 270.3 A2 Các ví dụ về áp lực mà có thể dẫn đến các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản bao gồm:
- Áp lực liên quan đến xung đột lợi ích:
 - Áp lực từ một thành viên gia đình đang tham gia đấu thầu để làm nhà cung cấp cho tổ chức nơi họ làm việc để chọn thành viên gia đình hơn một nhà cung cấp tiềm năng khác.

Xem thêm Mục 210, *Xung đột lợi ích*.

- Áp lực ảnh hưởng đến việc lập hoặc trình bày thông tin:
 - Áp lực báo cáo kết quả tài chính sai lệch để đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư, nhà phân tích hoặc chủ nợ.
 - Áp lực từ các quan chức cho kế toán viên lĩnh vực công để trình bày sai các chương trình hoặc dự án tới người bỏ phiếu.
 - Áp lực từ các đồng nghiệp làm sai lệch doanh thu, chi phí hoặc tỷ lệ sinh lời để ra quyết định thiên vị đối với các dự án sử dụng vốn và mua bán doanh nghiệp.
 - Áp lực từ cấp trên phê duyệt hoặc xử lý những khoản chi không phải là chi phí kinh doanh hợp pháp.
 - Áp lực để ngăn chặn các báo cáo kiểm toán nội bộ chứa đựng các phát hiện bất lợi.

Xem thêm Mục 220, *Lập và Trình bày Thông tin*.

- Áp lực khi không có đủ năng lực chuyên môn hoặc tính thận trọng đúng mức:
 - Áp lực từ cấp trên để giảm thiểu phạm vi thực hiện công việc một cách không phù hợp.
 - Áp lực từ cấp trên để thực hiện một nhiệm vụ khi không có đủ kiến thức và năng lực chuyên môn hoặc thời hạn hoàn thành không khả thi.

Xem thêm Mục 230, *Hành động với năng lực chuyên môn*.

- Áp lực liên quan đến lợi ích tài chính:
 - Áp lực từ cấp trên, đồng nghiệp hoặc những người khác, ví dụ, những người có thể được hưởng lợi từ việc tham gia vào các thỏa thuận về tiền lương, tiền thưởng để thao túng các chỉ số hiệu quả hoạt động.

Xem thêm Mục 240, *Các lợi ích tài chính, các khoản thù lao, tiền thưởng gắn với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và ra quyết định*.

- Áp lực liên quan đến quà tặng và ưu đãi:
 - Áp lực từ những người khác, có thể nội bộ hay bên ngoài đối với tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp làm việc, đề nghị những khoản quà tặng và ưu đãi ảnh hưởng không phù hợp đến quá trình xét đoán hoặc ra quyết định của một cá nhân hoặc tổ chức.
 - Áp lực từ các đồng nghiệp để nhận hối lộ hoặc ưu đãi khác, ví dụ như nhận quà hoặc dịch vụ giải trí không phù hợp từ các nhà cung cấp tiềm năng trong một quy trình đấu thầu.

Xem thêm Mục 250, *Quà tặng và ưu đãi*.

- Áp lực liên quan đến việc không tuân thủ luật pháp và quy định:

- Áp lực để cấu trúc một giao dịch để trốn thuế.

Xem thêm Mục 260, *Ứng phó với những việc không tuân thủ pháp luật và các quy định*.

270.3 A3 Các yếu tố có liên quan trong việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của nguy cơ được tạo ra bởi áp lực bao gồm:

- Ý định của cá nhân đang gây áp lực và bản chất, mức độ của áp lực.
- Việc áp dụng pháp luật và các quy định, và chuẩn mực nghề nghiệp cho các tình huống.
- Văn hóa và sự lãnh đạo của tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp làm việc bao gồm mức độ họ phản ánh hoặc nhấn mạnh tầm quan trọng của hành vi đạo đức và kỳ vọng rằng nhân viên sẽ hành động đúng đắn. Ví dụ, văn hóa doanh nghiệp chấp nhận cho hành vi phi đạo đức có thể làm tăng khả năng mà áp lực có thể dẫn tới một nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản.
- Các chính sách và thủ tục, nếu có, mà tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp đang làm việc đã thiết lập, chẳng hạn như chính sách đạo đức hoặc nhân sự để giải quyết áp lực.

270.3 A4 Thảo luận về các tình huống tạo ra áp lực và tham vấn những người khác có thể giúp kế toán viên chuyên nghiệp đánh giá mức độ nghiêm trọng của nguy cơ. Thảo luận và tham vấn như vậy, đòi hỏi phải tuân thủ nguyên tắc bảo mật, có thể bao gồm:

- Thảo luận vấn đề với cá nhân đang gây áp lực để tìm cách giải quyết nó.
- Thảo luận vấn đề với cấp trên của kế toán viên, nếu người đó không phải là cá nhân gây áp lực.
- Nâng cao nhận thức về vấn đề phát sinh trong tổ chức nơi họ làm việc, bao gồm khi thích hợp, giải thích mọi rủi ro sau này cho tổ chức, ví dụ đối với:
 - Cấp quản lý cao hơn.
 - Kiểm toán viên nội bộ hoặc kiểm toán viên độc lập.
 - Ban quản trị.

- Công bố vấn đề phù hợp với chính sách của tổ chức nơi họ làm việc, bao gồm đạo đức và chính sách tố giác vi phạm, sử dụng bất kỳ cơ chế nào được thiết lập, như đường dây nóng bí mật về vấn đề đạo đức.
- Bàn bạc với:
 - Một đồng nghiệp, cấp trên, cán bộ nhân sự hoặc một kế toán viên chuyên nghiệp khác;
 - Các hội nghề nghiệp hoặc cơ quan quản lý có liên quan hoặc hiệp hội ngành nghề; hoặc là
 - Chuyên gia tư vấn pháp luật.

270.3 A5 Một ví dụ về hành động có thể loại bỏ các nguy cơ được tạo bởi áp lực là yêu cầu của kế toán viên chuyên nghiệp về việc tái cấu trúc hoặc chia tách một số trách nhiệm và nghĩa vụ nhất định để họ không còn liên quan đến cá nhân hay đơn vị gây áp lực.

Tài liệu ghi chép

- 270.4 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp được khuyến khích ghi chép và lưu trữ:
- Các sự kiện phát sinh.
 - Các nội dung truyền đạt và các bên liên quan mà những vấn đề phát sinh đã được thảo luận.
 - Các bước hành động.
 - Cách thức giải quyết vấn đề phát sinh.

PHẦN 3 - KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP HÀNH NGHỀ

	Trang
Mục 300 Áp dụng khuôn khổ khái niệm - kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề.....	71
Mục 310 Xung đột về lợi ích	78
Mục 320 Bổ nhiệm cung cấp dịch vụ chuyên môn	85
Mục 321 Đưa ra ý kiến thứ hai.....	89
Mục 330 Giá phí dịch vụ và các khoản phụ phí khác	90
Mục 340 Các khoản quà tặng và các ưu đãi.....	93
Mục 350 Giữ hộ tài sản của khách hàng	99
Mục 360 Ứng phó việc không tuân thủ pháp luật và quy định	100

PHẦN 3- KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP HÀNH NGHỀ

MỤC 300

ÁP DỤNG KHUÔN KHỔ KHÁI NIỆM - KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP HÀNH NGHỀ

Giới thiệu

- 300.1 Phần này của Bộ Quy tắc đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cho kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề khi vận dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120. Phần này không mô tả tất cả các sự kiện và tình huống, bao gồm các hoạt động nghề nghiệp, các lợi ích và các mối quan hệ làm phát sinh hoặc có thể phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản mà kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề có thể gặp phải. Do đó, khuôn khổ khái niệm đòi hỏi kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề phải cảnh giác với những sự kiện và tình huống như vậy.
- 300.2 Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn đối với kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề gồm:
- Phần 3 - *Kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề*, Mục 300 đến 399, áp dụng đối với tất cả kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề, cho dù họ có cung cấp dịch vụ đảm bảo hay không.
 - *Các Chuẩn mực Quốc tế về tính Độc lập* như sau:
 - Phần 4A - *Tính độc lập áp dụng cho dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét*, Mục 400 đến 899, áp dụng đối với tất cả kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề khi thực hiện hợp đồng dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét.
 - Phần 4B - *Tính độc lập áp dụng cho dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét*, Mục 900 đến 999, áp dụng đối với tất cả kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề cung cấp dịch vụ đảm bảo khác ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét.
- 300.3 Trong phần này, thuật ngữ “kế toán viên chuyên nghiệp” đề cập đến những cá nhân là kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề và doanh nghiệp kế toán, kiểm toán nơi họ đang làm việc.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- R300.4** Kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản được nêu trong Mục 110 và vận dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản.

R300.5 Khi giải quyết một vấn đề liên quan đến vấn đề đạo đức nghề nghiệp, kế toán viên chuyên nghiệp phải xem xét tình huống mà vấn đề đó đã xảy ra hay có thể xảy ra. Khi cá nhân là một kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ, tùy theo quan hệ với đơn vị với cương vị là một đối tác, người làm công hay chủ sở hữu, kế toán viên chuyên nghiệp đó phải tuân thủ các điều khoản trong Phần 2 áp dụng cho các tình huống này.

300.5 A1 Ví dụ về các tình huống áp dụng quy định trong Phần 2 đối với kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề như sau:

- Đối mặt với xung đột về lợi ích khi chịu trách nhiệm lựa chọn nhà cung cấp cho công ty khi thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp của kế toán viên có thể hưởng lợi từ hợp đồng. Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn đề cập trong Mục 210 được vận dụng trong các trường hợp này.
- Lập và trình bày thông tin tài chính cho khách hàng hoặc doanh nghiệp, nơi kế toán viên chuyên nghiệp đang làm việc. Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn đề cập trong Mục 220 được vận dụng trong các trường hợp này.
- Khi được nhận các khoản quà tặng và ưu đãi, ví dụ như thường xuyên được tặng những tấm vé miễn phí tham gia các sự kiện thể thao của nhà cung cấp công ty. Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn đề cập trong Mục 250 được vận dụng trong các trường hợp này.
- Đối mặt với áp lực từ một thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ yêu cầu báo cáo thời gian thực hiện cho khách hàng kiểm toán thiếu trung thực. Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn đề cập trong Mục 270 được vận dụng trong các trường hợp này.

Xác định những nguy cơ

300.6 A1 Các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản có thể phát sinh trong các sự kiện và các tình huống đa dạng. Các nguy cơ được mô tả trong đoạn 120.6A3. Sau đây là những ví dụ về các sự kiện và các tình huống tạo ra các nguy cơ cho kế toán viên chuyên nghiệp khi hành nghề:

(a) Nguy cơ do tư lợi

- Kế toán viên chuyên nghiệp thu được lợi ích trực tiếp về tài chính từ bên khách hàng.
- Kế toán viên chuyên nghiệp đưa ra khoản phí thấp để có được hợp đồng mới và khoản phí này thấp đến mức khó có thể thực hiện dịch vụ chuyên nghiệp theo đúng chuẩn mực chuyên môn được áp dụng với mức giá đó.

- Kế toán viên chuyên nghiệp có mối quan hệ kinh doanh mật thiết với một khách hàng.
 - Kế toán viên chuyên nghiệp có quyền truy cập thông tin mật có thể sử dụng cho lợi ích mục đích cá nhân.
 - Kế toán viên chuyên nghiệp phát hiện sai phạm nghiêm trọng khi đánh giá kết quả một dịch vụ chuyên môn do chính thành viên của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán nơi họ làm việc đã cung cấp trước đó.
- (b) Nguy cơ tự kiểm tra
- Kế toán viên chuyên nghiệp phát hành một báo cáo dịch vụ đảm bảo về hiệu quả hoạt động của hệ thống tài chính sau khi thiết kế và triển khai hệ thống đó.
 - Kế toán viên chuyên nghiệp chuẩn bị thông tin tài chính là đối tượng dịch vụ đảm bảo.
- (c) Nguy cơ về sự bào chữa
- Kế toán viên chuyên nghiệp quảng bá lợi tức, hoặc cổ phần, của khách hàng.
 - Kế toán viên chuyên nghiệp đại diện cho khách hàng với vai trò bào chữa pháp lý hoặc tranh chấp với bên thứ ba.
 - Kế toán viên chuyên nghiệp đại diện vận động hành lang thay cho khách hàng.
- (d) Nguy cơ từ sự quen thuộc
- Kế toán viên chuyên nghiệp có thành viên gia đình có quan hệ trực tiếp hoặc gần gũi với Giám đốc hoặc nhân sự cấp cao trong công ty khách hàng.
 - Giám đốc hoặc nhân sự cấp cao trong công ty khách hàng, hoặc là nhân viên ở vị trí có thể tạo ra ảnh hưởng trọng yếu đối với các vấn đề chính của hợp đồng, gần đây cộng tác và được xem như là thành viên điều hành phụ trách cuộc kiểm toán.
 - Thành viên nhóm kiểm toán có mối quan hệ lâu năm với khách hàng kiểm toán.
- (e) Nguy cơ bị đe dọa
- Kế toán viên chuyên nghiệp bị đe dọa chấm dứt hợp đồng dịch vụ với một khách hàng hoặc doanh nghiệp kế toán, kiểm toán do bất đồng về các vấn đề chuyên môn.
 - Kế toán viên chuyên nghiệp cảm thấy áp lực khi phải đồng ý với các xét đoán của khách hàng do khách hàng có nhiều hiểu biết hơn trong vấn đề gây tranh cãi đó.

- Kế toán viên chuyên nghiệp có được thông tin về kế hoạch bổ nhiệm sẽ không diễn ra trừ khi kế toán viên đồng ý với cách giải quyết công việc không phù hợp.
- Kế toán viên chuyên nghiệp đã đồng ý nhận món quà lớn từ khách hàng và bị đe dọa sẽ công khai vấn đề này.

Đánh giá các nguy cơ

- 300.7 A1 Các điều kiện, chính sách và quy trình được mô tả trong đoạn 120.6 A1 và 120.8 A2 có thể ảnh hưởng đến việc đánh giá liệu một nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản có ở mức có thể chấp nhận được hay không. Những điều kiện, chính sách, và quy trình như vậy có liên quan đến:
- (a) Khách hàng và môi trường làm việc; và
 - (b) Doanh nghiệp kế toán, kiểm toán và môi trường làm việc.
- 300.7 A2 Sự đánh giá của kế toán viên chuyên nghiệp về mức độ nguy cơ cũng bị ảnh hưởng bởi tính chất và phạm vi dịch vụ chuyên môn.

Khách hàng và môi trường làm việc

- 300.7 A3 Sự đánh giá của kế toán viên chuyên nghiệp về mức độ nghiêm trọng của nguy cơ có thể bị ảnh hưởng bởi:
- (a) Khách hàng kiểm toán hay không và liệu khách hàng đó có phải là đơn vị có lợi ích công chúng hay không;
 - (b) Khách hàng sử dụng dịch vụ đảm bảo mà không phải là khách hàng kiểm toán hay không; hoặc
 - (c) Khách hàng sử dụng dịch vụ phi đảm bảo hay không.
- Ví dụ, cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán mà khách hàng này là đơn vị lợi ích công chúng có thể dẫn tới rủi ro cao hơn đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc khách quan đối với cuộc kiểm toán.
- 300.7 A4 Cơ cấu quản trị doanh nghiệp của khách hàng, bao gồm cả phong cách lãnh đạo có thể thúc đẩy việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản. Theo đó, sự đánh giá của kế toán viên chuyên nghiệp về mức độ nghiêm trọng của nguy cơ cũng có thể bị ảnh hưởng bởi môi trường làm việc của khách hàng. Ví dụ như:
- Khách hàng yêu cầu nhân sự khác ngoài Ban Giám đốc tham gia vào việc thông qua hoặc phê duyệt việc bổ nhiệm doanh nghiệp kế toán, kiểm toán thực hiện cung cấp dịch vụ;
 - Khách hàng có đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm và năng lực chuyên môn có thể đưa ra được các quyết định quản lý;

- Khách hàng vận hành các thủ tục nội bộ để đảm bảo sự lựa chọn khách quan trong việc thực hiện những hợp đồng dịch vụ phi đảm bảo;
- Khách hàng có cơ cấu quản trị doanh nghiệp phù hợp để giám sát và trao đổi về các dịch vụ được cung cấp với doanh nghiệp kế toán, kiểm toán.

Doanh nghiệp kế toán, kiểm toán và môi trường làm việc

300.7 A5 Sự đánh giá của kế toán viên chuyên nghiệp về mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ có thể bị ảnh hưởng bởi môi trường làm việc và môi trường hoạt động của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán đó.

- Lãnh đạo doanh nghiệp kế toán, kiểm toán nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và yêu cầu các thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hành động vì lợi ích của công chúng.
- Các chính sách hoặc thủ tục thiết lập và giám sát việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của tất cả nhân viên.
- Chính sách lương thưởng, đánh giá hiệu quả công việc nhằm thúc đẩy việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản.
- Chính sách và thủ tục để giám sát và quản lý sự phụ thuộc vào doanh thu từ một khách hàng riêng lẻ.
- Thành viên điều hành phụ trách cuộc kiểm toán có thẩm quyền đối với các quyết định có liên quan đến việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, bao gồm các quyết định về việc chấp nhận hoặc cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- Những yêu cầu về học tập, đào tạo và kinh nghiệm.
- Các thủ tục tạo điều kiện và giải quyết các mối quan tâm hoặc khiếu nại cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Xem xét những thông tin mới hoặc những thay đổi trong các trường hợp và các tình huống

300.7 A6 Thông tin mới hoặc những thay đổi trong các trường hợp và các tình huống có thể:

- Ảnh hưởng đến mức độ nghiêm trọng của mỗi nguy cơ; hoặc
- Ảnh hưởng đến kết luận của kế toán viên chuyên nghiệp về việc liệu các biện pháp bảo vệ được áp dụng có tiếp tục giải quyết các mối nguy cơ đã xác định như dự định hay không.

Trong những trường hợp như vậy, các hành động đã được thực hiện như các biện pháp bảo vệ có thể không còn hiệu quả trong việc giải quyết các mối nguy cơ. Theo đó, việc áp dụng quy định đòi hỏi kế toán viên chuyên nghiệp phải đánh giá lại và giải quyết các mối nguy cơ tương ứng. (Tham chiếu: Đoạn. R120.9 và R120.10).

300.7 A7 Ví dụ về thông tin mới hoặc những thay đổi trong các trường hợp và các tình huống có thể ảnh hưởng đến mức độ của mỗi nguy cơ bao gồm:

- Khi phạm vi của dịch vụ chuyên môn được mở rộng.
- Khi khách hàng trở thành tổ chức niêm yết hoặc một bên liên kết trở thành đơn vị được mua lại bởi một đơn vị kinh doanh khác.
- Khi doanh nghiệp kế toán, kiểm toán này hợp nhất với doanh nghiệp kế toán, kiểm toán khác.
- Đại diện cho hai khách hàng liên quan đến cùng một vấn đề mà hai khách hàng đó đang có tranh chấp với nhau.
- Khi có sự thay đổi trong mối quan hệ gia đình trực tiếp và kế toán viên chuyên nghiệp.

Giải quyết các nguy cơ

300.8 A1 Đoạn R120.10 đến 120.10 A2 thiết lập các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn để giải quyết các nguy cơ ở mức không thể chấp nhận được.

Ví dụ về các biện pháp bảo vệ:

300.8 A2 Các biện pháp bảo vệ khác nhau tùy thuộc vào các tình huống và các trường hợp. Ví dụ về các hành động trong một số tình huống cụ thể có thể là biện pháp bảo vệ để giải quyết các nguy cơ bao gồm:

- Phân bổ thêm thời gian cũng như nhân viên có trình độ để thực hiện các hợp đồng đã được chấp nhận để có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi.
- Chỉ định một người soát xét thích hợp không phải là thành viên nhóm thực hiện dịch vụ để soát xét lại các công việc mà nhóm dịch vụ đó đã làm và đưa ra ý kiến tư vấn, nếu cần thiết để giải quyết mỗi nguy cơ tự kiểm tra.
- Sử dụng thành viên điều hành cũng như kế toán viên chuyên nghiệp trong các nhóm khác nhau để cung cấp những thông tin về dịch vụ không bảo đảm để giải quyết các mối nguy cơ tự kiểm tra, nguy cơ về sự bào chữa và nguy cơ từ sự quen thuộc.
- Mời công ty kiểm toán khác tham gia thực hiện hoặc thực hiện một phần của hợp đồng có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ tự kiểm tra, nguy cơ về sự bào chữa, nguy cơ từ sự quen thuộc hay nguy cơ bị đe dọa.
- Công bố cho khách hàng về khoản phí giới thiệu hoặc hoa hồng đã được từ việc giới thiệu dịch vụ hoặc cung cấp sản phẩm có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi.
- Sử dụng các nhóm khác nhau khi giải quyết các vấn đề cần bảo mật có thể giải quyết mỗi nguy cơ do tư lợi.

300.8 A3 Các phần còn lại của Phần 3 và các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập mô tả các mối nguy cơ nhất định có thể phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ chuyên môn bao gồm các ví dụ về các hành động có thể giải quyết các mối nguy cơ.

Người soát xét thích hợp

300.8 A4 Người soát xét thích hợp phải là chuyên gia có kiến thức cần thiết, kỹ năng, kinh nghiệm và thẩm quyền nhất định để xem xét một cách khách quan công việc liên quan hoặc dịch vụ được cung cấp. Chuyên gia đó có thể là kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề.

Trao đổi với Ban quản trị

R300.9 Khi trao đổi với Ban quản trị theo quy định của Bộ Quy tắc, kế toán viên chuyên nghiệp sẽ phải xác định một hoặc các cá nhân phù hợp trong cơ cấu quản trị công ty khác nhau để trao đổi. Nếu kế toán viên chỉ trao đổi với một nhóm nhỏ những người thuộc Ban quản trị, kế toán viên sẽ cân nhắc đến việc liệu có cần thiết trao đổi với các thành viên còn lại để họ có đủ thông tin.

300.9 A1 Để xác định người cần trao đổi, kế toán viên chuyên nghiệp cần phải cân nhắc:

- (a) Bản chất và tầm quan trọng của tình huống; và
- (b) Vấn đề cần trao đổi.

300.9A2 Ví dụ về vấn đề cần trao đổi với nhóm nhỏ Ban quản trị bao gồm ủy ban kiểm toán hoặc thành viên chịu trách nhiệm trong Ban quản trị.

R300.10 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp trao đổi với các thành viên chịu trách nhiệm quản lý cũng như chịu trách nhiệm quản trị, kế toán viên chuyên nghiệp phải cảm thấy hài lòng rằng đã trao đổi đầy đủ với những cá nhân này.

300.10 A1 Trong một số trường hợp, tất cả thành viên Ban quản trị đều tham gia quản lý; ví dụ, một doanh nghiệp nhỏ - nơi duy nhất có một chủ sở hữu và không ai khác ngoài họ có vai trò quản trị. Trong những trường hợp này, nếu các vấn đề được trao đổi đến (các) thành viên Ban Giám đốc và (các) thành viên Ban quản trị đơn vị, cũng sẽ đáp ứng các quy định về trao đổi với Ban quản trị.

MỤC 310

XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Giới thiệu

- 310.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và có biện pháp xử lý các nguy cơ.
- 310.2 Xung đột về lợi ích có thể phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc khách quan và có thể phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản khác. Các nguy cơ có thể phát sinh khi:
- (a) Kế toán viên chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ chuyên môn liên quan đến một vấn đề cụ thể cho hai hoặc nhiều bên bị xung đột lợi ích liên quan đến vấn đề đó; hoặc
 - (b) Lợi ích của kế toán viên chuyên nghiệp liên quan đến một vấn đề cụ thể bị xung đột với lợi ích của khách hàng mà kế toán viên chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ liên quan đến vấn đề đó.
- 310.3 Phần này đặt ra các yêu cầu chi tiết và tài liệu hướng dẫn liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm cho các xung đột lợi ích. Khi kế toán viên chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán, soát xét hoặc dịch vụ đảm bảo khác, tính độc lập cũng được yêu cầu phù hợp *các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập*.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- R310.4** Kế toán viên chuyên nghiệp không được để xung đột về lợi ích làm ảnh hưởng đến xét đoán chuyên môn hoặc kinh doanh.
- R310.4 A1 Ví dụ về các trường hợp có thể làm phát sinh xung đột về lợi ích bao gồm:
- Cung cấp dịch vụ tư vấn cho một khách hàng có nhu cầu mua lại một khách hàng kiểm toán của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán nơi mà doanh nghiệp kế toán, kiểm toán đã thu thập được các thông tin bảo mật trong quá trình kiểm toán có thể có liên quan đến giao dịch mua lại đó.
 - Tư vấn cùng lúc cho hai khách hàng đang cạnh tranh trong việc mua lại cùng một công ty và việc tư vấn này có thể có liên quan đến lợi thế cạnh tranh của các bên.
 - Cung cấp dịch vụ cho cả bên mua và bên bán trong cùng một giao dịch.

- Cung cấp dịch vụ định giá tài sản cho hai khách hàng đang có vị trí đối lập liên quan đến tài sản đó.
- Đại diện cho hai khách hàng liên quan đến cùng một vấn đề mà hai khách hàng đó đang có tranh chấp pháp lý với nhau, ví dụ, trong quá trình chia tách hoặc giải thể công ty.
- Cung cấp báo cáo dịch vụ đảm bảo cho bên cấp bản quyền về phí bản quyền được nhận theo thỏa thuận, đồng thời, tư vấn cho bên trả phí bản quyền về tính chính xác của khoản phí phải trả.
- Tư vấn cho khách hàng về việc đầu tư vào một doanh nghiệp, mà vợ hoặc chồng của kế toán viên chuyên nghiệp có lợi ích tài chính trong doanh nghiệp đó.
- Cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược liên quan đến vị thế cạnh tranh cho một khách hàng trong khi kế toán viên chuyên nghiệp đang có lợi ích tương tự với đối thủ cạnh tranh lớn của khách hàng đó.
- Cung cấp dịch vụ tư vấn cho khách hàng về việc mua lại một doanh nghiệp mà doanh nghiệp kế toán, kiểm toán cũng đang quan tâm mua lại doanh nghiệp đó.
- Cung cấp dịch vụ tư vấn cho khách hàng về việc mua sản phẩm hoặc dịch vụ trong khi kế toán viên chuyên nghiệp đang có thỏa thuận được hưởng hoa hồng hoặc phí bản quyền với nhà cung cấp tiềm năng sản phẩm hoặc dịch vụ đó.

Nhận diện xung đột

Phần chung

R310.5 Trước khi chấp nhận một khách hàng, một hợp đồng hay mối quan hệ kinh doanh mới, kế toán viên chuyên nghiệp phải thực hiện các thủ tục phù hợp để xác định các tình huống có thể làm phát sinh xung đột lợi ích, các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ với một hay nhiều nguyên tắc cơ bản bao gồm việc xác định:

- Bản chất của các lợi ích và mối quan hệ liên quan giữa các bên tham gia; và
- Dịch vụ và ảnh hưởng của dịch vụ đó đến các bên tham gia.

310.5 A1 Một quy trình hiệu quả để xác định các xung đột lợi ích sẽ giúp kế toán viên chuyên nghiệp xác định được các bước thích hợp để nhận diện lợi ích và các mối quan hệ mà chúng có thể tạo ra xung đột về lợi ích thực tế hoặc tiềm tàng trước khi quyết định liệu có chấp nhận hợp đồng dịch vụ hay không, hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ. Quy trình này bao gồm nghiên cứu các vấn đề phát sinh từ bên thứ ba, như khách hàng và khách hàng tiềm năng. Xung đột lợi ích hiện hữu hoặc tiềm tàng được phát hiện càng sớm thì kế toán viên chuyên nghiệp càng có khả năng áp dụng các biện pháp bảo vệ cần thiết nhằm loại trừ nguy cơ do xung đột lợi ích.

- 310.5 A2 Quy trình hữu hiệu để xác định xung đột lợi ích hiện hữu hoặc tiềm tàng phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Bản chất của dịch vụ chuyên môn được cung cấp;
Quy mô doanh nghiệp kế toán, kiểm toán;
 - Quy mô và lĩnh vực hoạt động của các khách hàng của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán;
 - Cơ cấu của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán, ví dụ, số lượng và vị trí địa lý của các chi nhánh.
- 310.5 A3 Thông tin chi tiết hơn về sự chấp nhận khách hàng được trình bày trong Mục 320, *Bổ nhiệm cung cấp dịch vụ chuyên môn*.

Những trường hợp thay đổi

- R310.6** Kế toán viên chuyên nghiệp sẽ luôn duy trì sự cảnh giác với những thay đổi theo thời gian về bản chất hoạt động chuyên môn, lợi ích và mối quan hệ có thể tạo ra xung đột lợi ích trong khi thực hiện hợp đồng dịch vụ.
- 310.6 A1 Bản chất của hoạt động chuyên môn, lợi ích và mối quan hệ có thể thay đổi trong quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ. Điều này đặc biệt đúng khi kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu thực hiện hợp đồng dịch vụ trong trường hợp có thể trở thành đối thủ, mặc dù các bên tham gia hợp đồng ban đầu có thể không liên quan đến tranh chấp.

Các công ty mạng lưới

- R310.7** Nếu doanh nghiệp kế toán, kiểm toán là thành viên của công ty mạng lưới, kế toán viên chuyên nghiệp phải xem xét xung đột lợi ích mà kế toán viên có lý do để tin rằng có thể tồn tại hoặc phát sinh lợi ích và mối quan hệ của công ty mạng lưới.
- 310.7 A1 Các yếu tố cần xem xét khi xác định lợi ích và mối quan hệ liên quan đến một công ty mạng lưới bao gồm:
- Bản chất của dịch vụ chuyên môn được cung cấp;
 - Các khách hàng được phục vụ bởi công ty mạng lưới.
 - Vị trí địa lý của tất cả các bên liên quan.

Các nguy cơ phát sinh do xung đột lợi ích

- 310.8 A1 Nhìn chung, mức độ liên quan giữa dịch vụ chuyên môn với vấn đề làm phát sinh xung đột lợi ích càng trực tiếp thì khả năng mức độ nghiêm trọng của nguy cơ ở mức không thể chấp nhận được càng cao.
- 310.8 A2 Các yếu tố phù hợp trong việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ phát sinh do xung đột lợi ích bao gồm các biện pháp để ngăn chặn việc tiết lộ không được phép thông tin bảo mật khi kế toán viên chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ chuyên môn liên quan đến một vấn đề cụ thể cho hai hoặc nhiều khách hàng bị xung đột về lợi ích liên quan đến vấn đề trên. Những biện pháp này bao gồm:

- Phân chia theo các khu vực làm việc riêng biệt cho các bộ phận chuyên môn khác nhau trong doanh nghiệp kế toán, kiểm toán như là rào cản nhằm ngăn chặn việc tiết lộ thông tin bảo mật giữa các khu vực.
- Thiết lập và thực hiện các chính sách và thủ tục nhằm hạn chế khả năng tiếp cận hồ sơ khách hàng.
- Yêu cầu các nhân viên và thành viên điều hành của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán ký cam kết bảo mật thông tin.
- Tách biệt vật lý và điện tử các thông tin có tính bảo mật.
- Tiến hành các khoá huấn luyện chuyên môn chuyên sâu và truyền thông.

310.8 A3 Ví dụ về những hành động có thể là biện pháp bảo vệ để giải quyết các mối đe dọa phát sinh do xung đột lợi ích bao gồm:

- Có các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ riêng biệt, những nhóm này được trao đổi rõ về các chính sách và quy trình nhằm duy trì nguyên tắc bảo mật.
- Cử người soát xét thích hợp, người này không liên quan đến việc cung cấp dịch vụ hoặc mặt khác không bị ảnh hưởng bởi xung đột lợi ích, xem xét công việc được thực hiện để đánh giá liệu các xét đoán và kết luận chính có chính xác hay không.

Thông báo và sự chấp nhận

Phần chung

R310.9 Kế toán viên chuyên nghiệp phải thực hiện xét đoán chuyên môn để xác định xem bản chất và mức độ nghiêm trọng của xung đột lợi ích là cần thiết phải thông báo cụ thể với khách hàng, và sự chấp nhận rõ ràng của khách hàng là cần thiết để giải quyết mối đe dọa do xung đột lợi ích tạo ra.

310.9 A1 Các yếu tố cần xem xét trong việc xác định liệu việc thông báo cụ thể với khách hàng và sự chấp nhận một cách rõ ràng là cần thiết không, bao gồm:

- Các trường hợp tạo ra xung đột lợi ích.
- Các bên tham gia có thể bị ảnh hưởng.
- Bản chất của các vấn đề có thể phát sinh.
- Khả năng cho vấn đề đặc biệt sẽ phát sinh một cách bất ngờ.

310.9 A2 Việc thông báo của kế toán viên chuyên nghiệp và sự chấp thuận của khách hàng có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, ví dụ:

- Thông báo một cách tổng quát cho các khách hàng về các trường hợp mà theo thông lệ chung thì kế toán viên chuyên nghiệp không chỉ cung cấp dịch vụ chuyên môn dành riêng cho bất kỳ một khách hàng nào (ví dụ

một dịch vụ chuyên môn cụ thể hay phân khúc thị trường). Điều này giúp khách hàng đưa ra sự đồng ý về các vấn đề chung. Ví dụ, kế toán viên có thể đưa các thông báo đó vào các điều khoản và điều kiện của hợp đồng dịch vụ.

- Thông báo một cách cụ thể cho các khách hàng bị ảnh hưởng của xung đột một cách chi tiết để khách hàng có thể đưa ra quyết định phù hợp đối với vấn đề đó và họ phải đưa ra sự chấp nhận một cách rõ ràng. Việc thông báo như vậy có thể bao gồm một bản trình bày chi tiết về các trường hợp và giải thích đầy đủ về bất kỳ biện pháp bảo vệ dự kiến và các rủi ro liên quan có thể phát sinh.
- Sự chấp nhận có thể ngầm hiểu qua thái độ của khách hàng trong các trường hợp kế toán viên chuyên nghiệp có đủ bằng chứng để đưa ra kết luận rằng các khách hàng đã biết tình huống xảy ra ngay từ đầu và đã chấp nhận xung đột lợi ích nếu họ không phản đối sự tồn tại của xung đột.

310.9 A3 Trường hợp cần thiết:

- (a) Cung cấp thông tin về bản chất xung đột lợi ích và nguy cơ đe dọa cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi sự xung đột; và
- (b) Đạt được sự chấp nhận của các khách hàng bị ảnh hưởng về việc thực hiện các dịch vụ chuyên môn khi các biện pháp bảo vệ được áp dụng nhằm giải quyết các nguy cơ đe dọa.

310.9 A4 Nếu việc cung cấp các thông tin hoặc sự thừa nhận được thực hiện bằng lời, kế toán viên chuyên nghiệp được khuyến khích ghi chép và lưu lại trong tài liệu:

- (a) Bản chất của các tình huống làm phát sinh xung đột về lợi ích;
- (b) Các biện pháp bảo vệ đã được áp dụng để làm giảm nguy cơ đó xuống mức có thể chấp nhận được và
- (c) Sự đồng thuận đạt được.

Khi khách hàng từ chối sự chấp thuận xung đột lợi ích

R310.10 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp xác định được việc chấp nhận một cách rõ ràng là cần thiết trong đoạn R310.9 và khách hàng đã không đồng ý, kế toán viên chuyên nghiệp sẽ:

- (a) Từ chối thực hiện hoặc ngừng cung cấp dịch vụ chuyên môn làm phát sinh xung đột về lợi ích; hoặc
- (b) Chấm dứt các mối quan hệ có liên quan hoặc từ bỏ các lợi ích có liên quan nhằm loại trừ hoặc làm giảm nguy cơ đó xuống mức có thể chấp nhận được.

Tính bảo mật

Phần chung

R310.11 Kế toán viên chuyên nghiệp sẽ phải cảnh giác trong việc duy trì đối với nguyên tắc bảo mật khi đưa ra kết luận trong phần công bố thông tin hoặc chia sẻ thông tin trong doanh nghiệp kế toán, kiểm toán hoặc công ty mạng lưới và tham khảo hướng dẫn của bên thứ ba.

310.11 A1 Tiêu mục 114 đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn có liên quan đến các tình huống có thể phát sinh một nguy cơ đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc bảo mật.

Khi công bố thông tin để đạt được sự thỏa thuận dẫn đến vi phạm tính bảo mật thông tin

R310.12 Khi thông tin cụ thể được công bố với mục đích đạt được sự thỏa thuận rõ ràng sẽ dẫn đến vi phạm tính bảo mật và vì vậy việc chấp nhận sẽ không thể đạt được, doanh nghiệp kế toán, kiểm toán sẽ chỉ chấp nhận hoặc tiếp tục hợp đồng nếu:

- (a) Doanh nghiệp kế toán, kiểm toán không bên vực một khách hàng khi việc bên vực này đòi hỏi doanh nghiệp phải đặt mình vào vị trí đối lập với một khách hàng khác cùng liên quan đến vấn đề đó;
- (b) Doanh nghiệp kế toán, kiểm toán có các biện pháp cụ thể nhằm ngăn chặn việc tiết lộ thông tin bảo mật giữa các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ cho hai khách hàng đó; và
- (c) Doanh nghiệp kế toán, kiểm toán đảm bảo rằng một bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin, sau khi xem xét các sự kiện và tình huống có sẵn cho kế toán viên tại thời điểm đó, có thể kết luận rằng doanh nghiệp kế toán, kiểm toán có thể chấp nhận hoặc duy trì hợp đồng dịch vụ, bởi nếu doanh nghiệp kế toán, kiểm toán không cung cấp dịch vụ đó thì có thể dẫn đến kết quả bất lợi cho khách hàng hoặc các bên thứ ba có liên quan.

310.12 A1 Vi phạm tính bảo mật có thể phát sinh, ví dụ, khi tìm kiếm sự chấp nhận để thực hiện:

- Cung cấp dịch vụ tư vấn về giao dịch cho một khách hàng liên quan đến việc “thâu tóm thù địch” một khách hàng khác của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán;
- Thực hiện dịch vụ điều tra gian lận cho khách hàng có liên quan đến hành vi bị nghi ngờ là gian lận mà doanh nghiệp kế toán, kiểm toán thu thập được thông tin bí mật thông qua việc cung cấp dịch vụ chuyên môn cho một khách hàng khác mà khách hàng khác này có thể liên quan đến hành vi gian lận đó.

Tài liệu ghi chép

R310.13 Trong các tình huống được trình bày đoạn R310.12, kế toán viên chuyên nghiệp phải ghi lại:

- (a) Bản chất của tình huống, bao gồm cả vai trò mà kế toán viên đảm nhận;

- (b) Các biện pháp cụ thể đặt ra nhằm ngăn chặn việc công bố thông tin giữa các nhóm kiểm toán thực hiện hợp đồng dịch vụ cho hai khách hàng; và
- (c) Lý do cho việc chấp nhận hoặc duy trì hợp đồng dịch vụ.

MỤC 320

BỔ NHIỆM CUNG CẤP DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN

Giới thiệu

- 320.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và áp dụng khuôn khổ khái niệm được trình bày trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 320.2 Chấp nhận mối quan hệ mới với khách hàng hoặc thay đổi cam kết hiện tại có thể làm phát sinh nguy cơ đe dọa việc tuân thủ một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản. Mục này đặt ra các yêu cầu cụ thể và tài liệu liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp cụ thể.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Chấp nhận khách hàng và hợp đồng

Phần chung

- 320.3 A1 Nguy cơ đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc chính trực hoặc tư cách nghề nghiệp có thể phát sinh, ví dụ, từ các vấn đề nghi vấn liên quan đến khách hàng (chủ sở hữu, đội ngũ quản lý hoặc các hoạt động), những vấn đề đó có thể làm phát sinh nguy cơ bao gồm việc khách hàng liên quan đến các hoạt động bất hợp pháp, sự thiếu trung thực hoặc có nghi vấn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hoặc hành vi vi phạm đạo đức khác.
- 320.3 A2 Các yếu tố có liên quan việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ bao gồm:
- Kiến thức và sự hiểu biết về khách hàng, chủ sở hữu doanh nghiệp, Ban Giám đốc, Ban quản trị và các hoạt động kinh doanh của khách hàng.
 - Cam kết của khách hàng giải quyết các vấn đề bị nghi ngờ, ví dụ như, thông qua việc cải thiện thực tiễn hệ thống quản trị doanh nghiệp hoặc kiểm soát nội bộ.
- 320.3 A3 Nguy cơ do tư lợi đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc năng lực chuyên môn và tính thận trọng được hình thành nếu nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ không đủ năng lực để thực hiện hợp đồng.
- 320.3 A4 Các nhân tố liên quan đến việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ bao gồm:
- Có sự hiểu biết đúng về:
 - Bản chất lĩnh vực kinh doanh của khách hàng;
 - Mức độ phức tạp trong hoạt động của khách hàng;

- Những yêu cầu của hợp đồng; và
- Mục đích, tính chất và phạm vi của công việc sẽ được thực hiện.
- Kiến thức liên quan đến ngành nghề và vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của khách hàng.
- Kinh nghiệm phù hợp với pháp luật hay các yêu cầu về lập báo cáo tài chính.
- Sự tồn tại của các chính sách và quy trình kiểm soát chất lượng được thiết kế để đảm bảo hợp lý rằng các hợp đồng dịch vụ chỉ được chấp nhận khi doanh nghiệp kế toán, kiểm toán có đủ năng lực để cung cấp dịch vụ.

320.3 A5 Ví dụ về các biện pháp bảo vệ để giải quyết các nguy cơ do tư lợi bao gồm:

- Phân công đầy đủ nhân sự có năng lực chuyên môn phù hợp.
- Đảm bảo đủ thời gian thực hiện hợp đồng dịch vụ.
- Sử dụng các chuyên gia khi cần thiết.

Thay đổi việc bổ nhiệm đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên môn

Phần chung

R320.4 Kế toán viên chuyên nghiệp phải xem xét liệu có bất kỳ lý do dẫn đến việc không chấp nhận hợp đồng dịch vụ khi kế toán viên chuyên nghiệp:

- (a) Được khách hàng tiềm năng yêu cầu thay thế cho kế toán viên khác;
- (b) Cân nhắc đến hợp đồng kiểm toán được thực hiện bởi kế toán viên khác;
- (c) Cân nhắc yêu cầu thực hiện bổ sung hoặc hỗ trợ công việc của kế toán viên khác.

320.4 A1 Có những lý do khiến kế toán viên chuyên nghiệp từ chối chấp nhận hợp đồng. Một trong những lý do đó là các nguy cơ phát sinh không thể được giải quyết bằng cách áp dụng các biện pháp bảo vệ. Ví dụ, có thể phát sinh một nguy cơ do tư lợi đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc năng lực chuyên môn và tính thận trọng nếu một kế toán viên chuyên nghiệp chấp nhận hợp đồng trước khi hiểu biết tất cả các sự kiện có liên quan.

320.4 A2 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu đảm nhiệm công việc mà công việc này là bổ sung hoặc phụ thêm cho công việc của kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm, nguy cơ do tư lợi đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc năng lực chuyên môn và tính thận trọng có thể được tạo ra, ví dụ như là kết quả của thông tin không hoàn chỉnh.

320.4 A3 Yếu tố liên quan trong việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của nguy cơ đó là trước khi chấp nhận hợp đồng dịch vụ, yêu cầu được liên hệ với kế toán viên

đương nhiệm và tiền nhiệm. Sự liên hệ này giúp kế toán viên hiện tại có cơ hội để xác định liệu có lý do nào về mặt nghề nghiệp hoặc nguyên nhân khác để không chấp nhận hợp đồng dịch vụ.

320.4 A4 Ví dụ về các hành động có thể là biện pháp bảo vệ để giải quyết các nguy cơ do tư lợi bao gồm:

- Yêu cầu kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm cung cấp bất kỳ thông tin nào đã biết, mà theo ý kiến của kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm, kế toán viên được đề nghị cần phải lưu ý trước khi quyết định liệu có chấp nhận hợp đồng dịch vụ hay không. Ví dụ, việc trao đổi này có thể tiết lộ những thông tin liên quan không được tiết lộ trước đây và có thể cho thấy sự bất đồng giữa khách hàng với kế toán viên đương nhiệm và tiền nhiệm. Những điều này có thể ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận hợp đồng.
- Thu thập thông tin từ các nguồn khác, chẳng hạn phỏng vấn bên thứ ba hoặc điều tra lý lịch nhân sự cấp cao hoặc Ban quản trị của khách hàng.

Trao đổi với kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm

320.5 A1 Kế toán viên được đề nghị cung cấp dịch vụ cần được khách hàng cho phép bằng văn bản, để bắt đầu các cuộc thảo luận với kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm.

R320.6 Nếu không thể liên lạc được với kế toán viên đương nhiệm và tiền nhiệm, kế toán viên được đề nghị cung cấp dịch vụ sẽ đề xuất thực hiện các thủ tục phù hợp để thu thập được thông tin về các nguy cơ có thể phát sinh.

Trao đổi với kế toán viên được đề nghị cung cấp dịch vụ

R320.7 Khi kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm được yêu cầu trao đổi với kế toán viên được đề nghị, thì kế toán viên đương nhiệm và tiền nhiệm phải:

- Tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan; và
- Cung cấp thông tin một cách trung thực và rõ ràng.

320.7 A1 Kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm bị ràng buộc bởi tính bảo mật.

Kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm được cho phép hoặc được yêu cầu trao đổi về các vấn đề của khách hàng với kế toán viên được đề nghị sẽ phụ thuộc vào bản chất của hợp đồng dịch vụ và:

- Liệu kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm có được sự cho phép từ khách hàng để trao đổi hay không; và
- Các yêu cầu về pháp lý và đạo đức liên quan đến các thông tin được công bố, có thể thay đổi theo quy định pháp lý.

320.7 A2 Các trường hợp kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu cung cấp thông tin bí mật, hoặc thời điểm cung cấp thông tin thích hợp, được nêu trong đoạn 114.1 A1 của Bộ Quy tắc.

Sự thay đổi trong bổ nhiệm dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét

R320.8 Trong trường hợp kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính, kế toán viên chuyên nghiệp phải yêu cầu kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm cung cấp toàn bộ thông tin kế toán viên được đề xuất cần phải nắm bắt trước khi quyết định có chấp nhận hợp đồng hay không. Ngoại trừ các trường hợp liên quan đến việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ việc không tuân thủ luật pháp và quy định đặt ra trong đoạn R360.21 và R360.22:

- (a) Nếu khách hàng đồng ý cho kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm về cung cấp toàn bộ vấn đề và thông tin kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm phải cung cấp thông tin một cách trung thực và rõ ràng; và
- (b) Nếu khách hàng không đồng ý cho kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm trao đổi các vấn đề của khách hàng với kế toán viên được đề nghị, thì kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm phải cung cấp thông tin này cho kế toán viên được đề nghị để họ xem xét lý do từ chối cung cấp thông tin của khách hàng từ đó quyết định liệu có chấp nhận hợp đồng dịch vụ hay không.

Khách hàng và duy trì hợp đồng dịch vụ

R320.9 Khi duy trì hợp đồng dịch vụ đối với khách hàng, kế toán viên chuyên nghiệp phải xem xét định kỳ xem liệu có nên tiếp tục duy trì hợp đồng dịch vụ hay không.

320.9 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp sẽ từ chối hợp đồng dịch vụ nếu đã biết trước các nguy cơ tiềm tàng đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản có thể phát sinh sau khi chấp nhận hợp đồng. Ví dụ: nguy cơ do tư lợi đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc tính chính trực có thể phát sinh do việc tính giá không phù hợp trên Bảng cân đối kế toán hay do việc quản trị lợi nhuận.

Sử dụng công việc của chuyên gia

R320.10 Khi kế toán viên chuyên nghiệp có ý định sử dụng công việc của chuyên gia, họ phải xác định liệu việc sử dụng đó có đáng tin cậy hay không.

320.10 A1 Các yếu tố cần xem xét khi kế toán viên chuyên nghiệp có ý định sử dụng công việc của chuyên gia bao gồm danh tiếng và trình độ chuyên môn của chuyên gia, các nguồn lực có sẵn của chuyên gia, và các chuẩn mực nghề nghiệp và đạo đức của chuyên gia. Thông tin này có thể đạt được từ kinh nghiệm làm việc trước đây với chuyên gia này hoặc qua tham vấn với các bên khác.

MỤC 321

ĐƯA RA Ý KIẾN THỨ HAI

Giới thiệu

- 321.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 321.2 Cung cấp ý kiến thứ hai cho đơn vị nhưng không phải là khách hàng hiện tại có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ khác đe dọa việc tuân thủ một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản. Mục này đặt ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn đến việc áp dụng quy định trong các trường hợp.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phân chung

- 321.3 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp có thể được yêu cầu đưa ra ý kiến thứ hai về việc áp dụng chuẩn mực hoặc nguyên tắc kế toán, kiểm toán, lập báo cáo hoặc các chuẩn mực hay nguyên tắc khác cho (a) trường hợp cụ thể, hoặc (b) nghiệp vụ phát sinh bởi hoặc đại diện của một công ty hoặc một tổ chức không phải là khách hàng hiện tại. Một nguy cơ, ví dụ như là nguy cơ do tư lợi đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc năng lực chuyên môn và tính thận trọng, có thể phát sinh nếu ý kiến thứ hai không dựa trên cùng các sự kiện mà kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm đã có, hoặc dựa vào bằng chứng không đầy đủ.
- 321.3 A2 Yếu tố có liên quan trong việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của nguy cơ do tư lợi là tình huống yêu cầu và tất cả các sự kiện có sẵn và các giả định liên quan đến sự xét đoán chuyên môn.
- 321.3 A3 Ví dụ về các biện pháp bảo vệ để giải quyết nguy cơ do tư lợi bao gồm:
- Để có được thông tin từ kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm phải được sự cho phép của khách hàng.
 - Mô tả những hạn chế liên quan đến việc đưa ra ý kiến của kế toán viên trong trao đổi với khách hàng.
 - Cung cấp ý kiến của kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm.

Khi khách hàng không cho phép trao đổi

- R321.4** Nếu kế toán viên chuyên nghiệp không được khách hàng cho phép liên lạc với kế toán viên đương nhiệm hoặc tiền nhiệm, họ phải xác định liệu có đưa ra ý kiến thứ hai hay không.

MỤC 330

GIÁ PHÍ DỊCH VỤ VÀ CÁC KHOẢN PHỤ PHÍ KHÁC

Giới thiệu

- 330.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các mối nguy cơ.
- 330.2 Mức độ và tính chất của phí dịch vụ và các thỏa thuận thù lao khác có thể tạo ra nguy cơ do tư lợi đe dọa việc tuân thủ một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản. Mục này thiết lập các tài liệu hướng dẫn liên quan trọng yếu đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp.

Tài liệu hướng dẫn

Mức phí dịch vụ

- 330.3.A1 Mức phí dịch vụ đưa ra có thể ảnh hưởng đến khả năng của kế toán viên chuyên nghiệp trong việc thực hiện các dịch vụ chuyên môn theo các chuẩn mực nghề nghiệp.
- 330.3.A2 Kế toán viên chuyên nghiệp có quyền đưa ra mức phí mà họ cho là phù hợp. Việc đưa ra một mức phí thấp hơn so với mức phí của kế toán viên khác chưa hẳn đã là phi đạo đức. Tuy nhiên, mức phí được đưa ra làm phát sinh nguy cơ do tư lợi đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc năng lực chuyên môn và tính thận trọng nếu mức phí được đưa ra là quá thấp, dẫn đến khó có thể thực hiện hợp đồng dịch vụ tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp và kỹ thuật phù hợp.
- 330.3.A3 Các yếu tố có liên quan trong việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của nguy cơ đó bao gồm:
- Liệu rằng khách hàng hiểu được các điều khoản của hợp đồng, trong đó có cơ sở tính phí, nội dung và phạm vi công việc tương ứng với mức phí đó; hoặc
 - Mức phí dịch vụ có được quy định bởi một bên thứ ba độc lập như cơ quan quản lý hay không.
- 330.3.A4 Ví dụ về các hành động có thể là biện pháp bảo vệ để giải quyết nguy cơ do tư lợi đó bao gồm:
- Điều chỉnh mức phí hoặc phạm vi của hợp đồng.
 - Có người soát xét thích hợp xem xét công việc được thực hiện.

Phí tiềm tàng

- 330.4.A1 Phí tiềm tàng được sử dụng cho một số loại dịch vụ phi bảo đảm. Tuy nhiên, phí tiềm tàng có thể làm phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đặc biệt là nguy cơ do tư lợi đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc khách quan, trong một số trường hợp nhất định.
- 330.4.A2 Các yếu tố có liên quan trong việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ đó bao gồm:
- Tính chất của hợp đồng dịch vụ.
 - Mức phí tiềm tàng.
 - Cơ sở để xác định mức phí.
 - Công bố công việc thực hiện và cơ sở xác định mức phí với đối tượng sử dụng kết quả dịch vụ.
 - Các chính sách và thủ tục liên quan đến kiểm soát chất lượng.
 - Liệu một bên thứ ba độc lập sẽ soát xét kết quả hoặc công việc thực hiện.
 - Liệu mức phí có được xác định bởi một bên thứ ba độc lập như cơ quan quản lý hay không.
- 330.4.A3 Ví dụ về các hành động có thể là biện pháp bảo vệ để giải quyết nguy cơ do tư lợi bao gồm:
- Có một người soát xét thích hợp mà người này không liên quan đến việc thực hiện dịch vụ phi đảm bảo sẽ xem xét công việc được thực hiện bởi kế toán viên chuyên nghiệp.
 - Thỏa thuận trước với khách hàng bằng văn bản về cơ sở xác định mức phí.
- 330.4.A4 Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn liên quan đến phí tiềm tàng cho các dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét hay dịch vụ đảm bảo khác được cung cấp cho khách hàng, được quy định trong *các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập*.

Phí giới thiệu hoặc hoa hồng

- 330.5.A1 Nguy cơ do tư lợi đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc khách quan và nguyên tắc năng lực chuyên môn và tính thận trọng phát sinh nếu một kế toán viên chuyên nghiệp trả tiền hoặc nhận được phí giới thiệu hoặc hoa hồng liên quan đến khách hàng. Phí giới thiệu hoặc hoa hồng bao gồm, ví dụ:
- Kế toán viên chuyên nghiệp cũng có thể phải trả phí giới thiệu để có được khách hàng trong trường hợp khách hàng đang sử dụng dịch vụ từ kế toán viên chuyên nghiệp khác nhưng có nhu cầu về một số dịch vụ khác mà bên cung cấp dịch vụ hiện tại không đáp ứng được.

- Khi kế toán viên chuyên nghiệp không cung cấp một số dịch vụ mà khách hàng hiện tại yêu cầu, kế toán viên chuyên nghiệp này có thể nhận được khoản phí từ việc giới thiệu khách hàng đó cho kế toán viên khác hoặc chuyên gia khác.
- Hoa hồng nhận được từ bên thứ ba (ví dụ: nhà cung cấp phần mềm) liên quan đến việc bán hàng hóa hoặc dịch vụ cho khách hàng.

330.5.A2 Ví dụ về các hành động có thể là biện pháp bảo vệ để giải quyết nguy cơ do tư lợi bao gồm:

- Có được thỏa thuận trước từ khách hàng để xác định hoa hồng liên quan đến việc bán bởi một bên hàng hóa hoặc dịch vụ khác cho khách hàng có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi.
- Công bố cho những khách hàng các khoản phí giới thiệu hoặc thỏa thuận hoa hồng thanh toán từ một kế toán viên chuyên nghiệp hoặc bên thứ ba khác để giới thiệu dịch vụ hoặc sản phẩm có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi.

Mua hoặc bán doanh nghiệp kế toán, kiểm toán

330.6 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp có thể mua tất cả hoặc một phần của một doanh nghiệp kế toán, kiểm toán khác trên cơ sở các khoản thanh toán sẽ được thực hiện cho các cá nhân sở hữu công ty hoặc cho những người thừa kế. Các khoản thanh toán như vậy không phải là phí giới thiệu hoặc hoa hồng cho các mục đích của Mục này.

MỤC 340

CÁC KHOẢN QUÀ TẶNG VÀ CÁC ƯU ĐÃI

Giới thiệu

- 340.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 340.2 Đề nghị hoặc nhận khoản quà tặng và ưu đãi có thể tạo ra nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa ảnh hưởng việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đặc biệt là nguyên tắc tính chính trực, nguyên tắc khách quan và nguyên tắc tư cách nghề nghiệp.
- 340.3 Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm trong việc đề nghị và chấp nhận khoản quà tặng và ưu đãi khi thực hiện các dịch vụ chuyên môn không cấu thành việc không tuân thủ luật pháp và quy định. Mục này cũng yêu cầu một kế toán viên chuyên nghiệp tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan khi đề nghị hoặc nhận khoản quà tặng và ưu đãi.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phân chung

- 340.4 A1 Khoản quà tặng và ưu đãi là một đối tượng, tình huống hoặc hành động được sử dụng như một phương tiện để tác động đến một hành cá nhân khác, nhưng không nhất thiết với mục đích là gây ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi cá nhân đó. Khoản quà tặng và ưu đãi có thể bao gồm từ các hành vi hiếu khách nhỏ giữa kế toán viên chuyên nghiệp và khách hàng hiện tại hoặc khách hàng tiềm năng đến các hành vi dẫn đến việc không tuân thủ pháp luật và các quy định. Một khoản quà tặng và ưu đãi có thể có nhiều hình thức khác nhau, ví dụ:
- Các món quà tặng.
 - Các ưu đãi.
 - Các hình thức giải trí.
 - Các khoản đóng góp chính trị hoặc từ thiện.
 - Hứa hẹn về tình bạn và lòng trung thành.
 - Việc làm hoặc các cơ hội thương mại khác.
 - Ưu đãi, quyền hoặc đặc quyền.

Các khoản quà tặng và ưu đãi bị cấm theo pháp luật và các quy định

- R340.5** Trong nhiều quy định pháp lý, có các luật lệ và quy định, chẳng hạn như những luật liên quan đến hối lộ và tham nhũng, cấm đề nghị hoặc chấp nhận các

khoản quà tặng và ưu đãi trong một số trường hợp nhất định. Kế toán viên chuyên nghiệp nên trang bị sự hiểu biết về pháp luật và các quy định liên quan và tuân thủ chúng khi gặp phải trường hợp như vậy.

Các khoản quà tặng và ưu đãi không bị cấm theo pháp luật và các quy định

340.6 A1 Việc đề nghị hoặc chấp nhận các khoản quà tặng và ưu đãi không bị cấm theo pháp luật và các quy định vẫn có thể tạo ra các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản.

Khoản quà tặng và ưu đãi với mục đích gây ảnh hưởng một cách không phù hợp đến hành vi cá nhân

R340.7 Một kế toán viên chuyên nghiệp sẽ không đề nghị, hoặc khuyến khích người khác đề nghị, bất kỳ khoản quà tặng và ưu đãi nào được thực hiện, hoặc kế toán đó cho rằng một bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin sẽ có khả năng kết luận khoản quà tặng và ưu đãi được thực hiện với mục đích ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của người nhận hoặc của một cá nhân khác.

R340.8 Một kế toán viên chuyên nghiệp sẽ không chấp nhận, hoặc khuyến khích người khác chấp nhận, bất kỳ khoản quà tặng và ưu đãi nào được thực hiện, hoặc kế toán đó cho rằng một bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin sẽ có khả năng kết luận khoản quà tặng và ưu đãi được thực hiện với mục đích ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của người nhận hoặc của một cá nhân khác.

340.9 A1 Một khoản quà tặng và ưu đãi được coi là ảnh hưởng không phù hợp đến một hành vi cá nhân nếu nó khiến cá nhân đó hành động một cách phi đạo đức. Ảnh hưởng không phù hợp như vậy có thể được hướng vào người nhận hoặc đối với một cá nhân khác có mối quan hệ với người nhận. Các nguyên tắc cơ bản là một khung tham chiếu thích hợp cho một kế toán viên chuyên nghiệp trong việc xem xét những gì cấu thành hành vi phi đạo đức đối với một phần của kế toán viên và, nếu cần thiết bởi các cá nhân khác.

340.9 A2 Vi phạm nguyên tắc cơ bản về tính chính trực phát sinh khi một kế toán viên chuyên nghiệp đề nghị hoặc chấp nhận, hoặc khuyến khích người khác đề nghị hoặc chấp nhận, một khoản quà tặng và ưu đãi trong đó mục đích là ảnh hưởng không đúng đến hành vi của người nhận hoặc của một cá nhân khác.

340.9 A3 Việc xác định liệu có ý định thực tế hay nhận thức đối với hành vi ảnh hưởng không phù hợp đòi hỏi phải thực hiện xét đoán chuyên môn. Các yếu tố liên quan cần xem xét có thể bao gồm:

- Bản chất, tần suất, giá trị và hiệu ứng tích lũy của các khoản quà tặng và ưu đãi.
- Thời điểm khi khoản quà tặng và ưu đãi được đưa ra liên quan đến bất kỳ hành động hoặc quyết định nào mà nó có thể ảnh hưởng.

- Xem xét liệu khoản quà tặng và ưu đãi là một thông lệ hoặc văn hóa trong các trường hợp, ví dụ, cung cấp một món quà vào dịp lễ tôn giáo hoặc đám cưới.
- Xem xét liệu khoản quà tặng và ưu đãi là một phần phụ trợ của một dịch vụ chuyên nghiệp, ví dụ, cung cấp hoặc chấp nhận bữa ăn trưa liên quan đến một buổi cuộc họp kinh doanh.
- Xem xét liệu đề nghị của khoản quà tặng và ưu đãi được giới hạn cho một người nhận riêng lẻ hoặc có sẵn cho một nhóm rộng hơn. Nhóm rộng hơn có thể là nội bộ hoặc bên ngoài công ty, chẳng hạn như các nhà cung cấp khác cho khách hàng.
- Vai trò và vị trí của các cá nhân tại công ty hoặc khách hàng chào hàng hoặc được cung cấp khoản quà tặng và ưu đãi.
- Xem xét liệu kế toán viên chuyên nghiệp biết, hoặc có lý do để tin, rằng việc chấp nhận khoản quà tặng và ưu đãi sẽ vi phạm các chính sách và thủ tục của khách hàng.
- Mức độ minh bạch mà khoản quà tặng và ưu đãi được cung cấp.
- Xem xét liệu khoản quà tặng và ưu đãi được đề nghị hoặc yêu cầu từ phía người nhận.
- Các hành vi hoặc danh tiếng trước đây của người đề nghị.

Các hành động cần cân nhắc thêm

- 340.10 A1 Nếu một kế toán viên chuyên nghiệp nhận thức rằng khoản quà tặng và ưu đãi có ý định thực tế hoặc do cảm nhận nhằm tác động không phù hợp đến hành vi, thì các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản vẫn có thể phát sinh ngay khi các yêu cầu trong đoạn R340.7 và R340.8 được đáp ứng.
- 340.10 A2 Ví dụ về các hành động có thể là biện pháp bảo vệ để giải quyết mỗi nguy cơ bao gồm:
- Thông báo cho quản lý cấp cao của công ty hoặc Ban quản trị khách hàng về khoản quà tặng và ưu đãi.
 - Sửa đổi hoặc chấm dứt mối quan hệ kinh doanh với khách hàng.

Khoản quà tặng và ưu đãi không nhằm mục đích ảnh hưởng một cách không phù hợp đến hành vi cá nhân

- 340.11 A1 Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong khuôn khổ khái niệm được áp dụng khi một kế toán viên chuyên nghiệp kết luận rằng không có ý định thực tế hoặc ý định do cảm nhận ảnh hưởng không đúng đến hành vi của người nhận hoặc của một cá nhân khác.

- 340.11 A2 Nếu một khoản quà tặng và ưu đãi như vậy là không đáng kể và không quan trọng, thì bất kỳ mối nguy cơ nào nếu được tạo ra sẽ ở mức chấp nhận được.
- 340.11 A3 Ví dụ về các trường hợp đưa ra hoặc chấp nhận khoản quà tặng và ưu đãi như vậy có thể tạo ra các mối nguy cơ ngay cả khi kế toán viên chuyên nghiệp đã kết luận rằng không có ý định thực tế hoặc nhận thức về hành vi ảnh hưởng không đúng bao gồm:
- Nguy cơ do tư lợi
 - Một kế toán viên chuyên nghiệp được cung cấp sự ưu đãi từ khách hàng tiềm năng của khách hàng trong khi cung cấp dịch vụ tài chính doanh nghiệp cho khách hàng
 - Nguy cơ từ sự quen thuộc
 - Một kế toán viên chuyên nghiệp thường xuyên đưa một khách hàng hiện tại hoặc tương lai đến các sự kiện thể thao.
 - Nguy cơ bị đe dọa
 - Một kế toán viên chuyên nghiệp chấp nhận sự ưu đãi từ khách hàng, bản chất có thể được coi là không phù hợp một khi nó được tiết lộ công khai.
- 340.11 A4 Các yếu tố thích hợp cho việc đánh giá mức độ của các nguy cơ do đề nghị hoặc do chấp nhận một khoản quà tặng và ưu đãi như vậy bao gồm các yếu tố tương tự được nêu trong đoạn 340.9 A3 để xác định ý định.
- 340.11 A5 Ví dụ về các hành động có thể loại bỏ các mối nguy cơ được tạo ra do đề nghị hoặc chấp nhận một khoản quà tặng và ưu đãi như vậy bao gồm:
- Từ chối hoặc không đề nghị khoản quà tặng và ưu đãi.
 - Chuyển giao trách nhiệm cung cấp bất kỳ dịch vụ chuyên nghiệp nào cho khách hàng cho một cá nhân khác mà kế toán viên chuyên nghiệp không có lý do để tin rằng, hoặc cảm nhận là bị ảnh hưởng không chính đáng khi cung cấp dịch vụ.
- 340.11 A6 Ví dụ về các hành động có thể là biện pháp bảo vệ để giải quyết mối nguy cơ được tạo ra do đề nghị hoặc chấp nhận một khoản quà tặng và ưu đãi như vậy bao gồm:
- Minh bạch với quản lý cấp cao của công ty hoặc của khách hàng về việc cung cấp hoặc chấp nhận một khoản quà tặng và ưu đãi.
 - Ghi chép khoản quà tặng và ưu đãi trong nhật ký được giám sát bởi quản lý cấp cao của công ty hoặc một cá nhân khác chịu trách nhiệm về việc tuân thủ đạo đức của công ty hay được duy trì bởi khách hàng.
 - Có người soát xét thích hợp, người này không liên quan đến việc cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, soát xét mọi công việc thực hiện hoặc quyết định

của kế toán viên chuyên nghiệp đối với khách hàng mà kế toán viên đã chấp nhận khoản quà tặng và ưu đãi.

- Quyên góp cho tổ chức từ thiện sau khi nhận được và báo cáo một cách thích hợp việc quyên góp cho một thành viên quản lý cấp cao của công ty hoặc cá nhân đã đưa khoản quà tặng và ưu đãi.
- Hoàn trả chi phí cho việc nhận khoản quà tặng và ưu đãi, như các ưu đãi, đã nhận được.
- Càng sớm càng tốt, trả lại tiền cho khoản quà tặng và ưu đãi, chẳng hạn như một món quà, sau khi nó được chấp nhận ban đầu.

Có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi

R340.12 Một kế toán viên chuyên nghiệp sẽ vẫn cảnh giác với các mối nguy cơ tiềm tàng đối với sự tuân thủ của kế toán viên với các nguyên tắc cơ bản được tạo ra bởi việc đề nghị khoản quà tặng và ưu đãi:

- (a) Do một thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi của kế toán viên đề nghị với một khách hàng hiện tại hoặc tương lai của kế toán viên.
- (b) Cho một thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi của kế toán viên được đề nghị bởi một khách hàng hiện tại hoặc tương lai của kế toán viên.

R340.13 Trường hợp kế toán viên chuyên nghiệp nhận thức được một khoản quà tặng và ưu đãi được đề nghị hoặc thực hiện bởi một thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi của kế toán viên và kết luận rằng việc làm này có ý định ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của kế toán viên hoặc của một khách hàng hiện tại hoặc tương lai của kế toán viên, hoặc xem xét bên thứ ba có thẩm quyền sẽ có khả năng kết luận ý định đó tồn tại, kế toán viên sẽ khuyên thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi của kế toán viên không cung cấp hoặc chấp nhận khoản quà tặng và ưu đãi.

R340.13 A1 Các yếu tố được nêu trong đoạn 340.9 A3 có liên quan trong việc xác định liệu có ý định thực tế hoặc nhận thức để ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của kế toán viên chuyên nghiệp hoặc của khách hàng hiện tại hoặc khách hàng tiềm năng. Một yếu tố khác có liên quan là bản chất hoặc sự gần gũi của mối quan hệ, giữa:

- (a) Kế toán viên và thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi;
- (b) Thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi với kế toán viên và khách hàng hiện tại hoặc tương lai; và
- (c) Kế toán viên và khách hàng hiện tại hoặc khách hàng tiềm năng.

Ví dụ, lời mời làm việc, ngoài quy trình tuyển dụng thông thường, cho người phối ngẫu (vợ hoặc chồng) của kế toán viên bởi một khách hàng mà kế toán

viên đang cung cấp dịch vụ định giá doanh nghiệp cho một thương vụ bán hàng tiềm năng, có thể là chỉ dẫn cho ý định này.

- R340.13 A2 Tài liệu hướng dẫn ứng dụng trong đoạn 340.10 A2 cũng có liên quan trong việc giải quyết các mối đe dọa có thể được tạo ra khi có ý định thực tế hoặc nhận thức ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của kế toán viên chuyên nghiệp hoặc của khách hàng hiện tại hoặc khách hàng tiềm năng ngay cả khi thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi có làm theo lời khuyên được đưa ra theo đoạn R340.13.

Áp dụng khuôn khổ khái niệm

- 340.14 A1 Khi kế toán viên chuyên nghiệp nhận thức được một khoản quà tặng và ưu đãi được đưa ra trong các trường hợp được đề cập trong đoạn R340.12, các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản có thể được tạo ra, trong đó:
- (a) Thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi đề nghị hoặc chấp nhận khoản quà tặng và ưu đãi trái với lời khuyên của kế toán theo đoạn R340.13; hoặc là
 - (b) Kế toán viên không có lý do để tin rằng một ý định thực tế hoặc nhận thức được ảnh hưởng không phù hợp đến hành vi của kế toán viên hoặc của khách hàng hiện tại hoặc khách hàng tiềm năng.
- 340.14 A2 Tài liệu hướng dẫn trong các đoạn 340.11 A1 đến 340.11 A6 có liên quan cho các mục đích xác định, đánh giá và giải quyết các mối đe dọa đó. Các yếu tố có liên quan trong việc đánh giá mức độ đe dọa trong những trường hợp này cũng bao gồm bản chất hoặc sự gần gũi của các mối quan hệ được nêu trong đoạn 340.13 A1.

Các trường hợp khác

- 340.15 A1 Nếu một kế toán viên chuyên nghiệp gặp phải hoặc nhận thức được các khoản quà tặng và ưu đãi từ phía khách hàng hoặc cá nhân và làm việc theo chỉ dẫn của khách hàng, có thể dẫn đến việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định, thì áp dụng các yêu cầu và tài liệu ứng dụng trong Mục 360.
- 340.15 A2 Nếu một doanh nghiệp, công ty mạng lưới hoặc thành viên nhóm kiểm toán đang được tặng quà hoặc sự ưu đãi từ khách hàng kiểm toán, thì yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong Mục 420 sẽ được áp dụng.
- 340.15 A3 Nếu một công ty hoặc một thành viên nhóm đảm bảo đang được tặng quà hoặc sự ưu đãi từ một khách hàng đảm bảo, thì yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong Mục 906 sẽ được áp dụng.

MỤC 350**GIỮ HỘ TÀI SẢN CỦA KHÁCH HÀNG****Giới thiệu**

- 350.1 Kê toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 350.2 Giữ hộ tài sản của khách hàng tạo ra nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ khác đe dọa việc tuân thủ nguyên tắc tư cách nghề nghiệp và nguyên tắc khách quan. Mục này thiết lập các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp đó.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn**Trước khi giữ hộ tài sản của khách hàng**

- R350.3** Kê toán viên chuyên nghiệp không được phép giữ hộ tiền hoặc các tài sản khác của khách hàng trừ khi được pháp luật cho phép. Trường hợp pháp luật cho phép thì họ phải tuân thủ các nghĩa vụ pháp lý liên quan đến việc nắm giữ các tài sản.
- R350.4** Như một phần của thủ tục chấp nhận khách hàng và hợp đồng dịch vụ liên quan đến việc giả định quyền bảo quản tiền hoặc tài sản của khách hàng, một kê toán viên chuyên nghiệp phải:
- (a) Đặt câu hỏi về nguồn gốc của tài sản; và
 - (b) Xem xét các nghĩa vụ pháp lý và quy định liên quan.
- 350.4.A1 Các câu hỏi về nguồn gốc tài sản của khách hàng có thể tiết lộ, ví dụ, các tài sản đó có nguồn gốc từ các hoạt động bất hợp pháp, chẳng hạn như rửa tiền. Trong trường hợp như vậy, sẽ làm phát sinh nguy cơ và các quy định của Mục 360 sẽ được áp dụng.

Sau khi giữ hộ tài sản khách hàng

- R350.5** Kê toán viên chuyên nghiệp được ủy thác giữ tiền hoặc tài sản khác thuộc về người khác sẽ:
- (a) Tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan đến việc nắm giữ và hạch toán tài sản;
 - (b) Tách biệt tài sản với tài sản cá nhân hoặc tài sản doanh nghiệp;
 - (c) Chỉ sử dụng các tài sản cho mục đích định trước; và
 - (d) Luôn sẵn sàng để hạch toán tài sản và mọi khoản thu nhập, cổ tức hoặc lợi nhuận được tạo ra cho bất kỳ cá nhân nào được hưởng tài sản đó.

MỤC 360

ỨNG PHÓ VIỆC KHÔNG TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH

Giới thiệu

- 360.1 Kế toán viên chuyên nghiệp được yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ.
- 360.2 Nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa ảnh hưởng việc tuân thủ nguyên tắc chính trực và nguyên tắc tư cách nghề nghiệp phát sinh khi một kế toán viên chuyên nghiệp nhận thức được việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định.
- 360.3 Kế toán viên chuyên nghiệp có thể gặp phải hoặc nhận thức việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ trong quá trình cung cấp dịch vụ chuyên môn cho khách hàng. Mục này hướng dẫn kế toán viên đánh giá ý nghĩa của vấn đề phát sinh và hành động có thể có với việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ:
- (a) Pháp luật và các quy định thường có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định số tiền trọng yếu và công bố thông tin trong báo cáo tài chính của khách hàng; và
 - (b) Pháp luật và các quy định khác không có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định số tiền trọng yếu và các công bố trong báo cáo tài chính của khách hàng, nhưng việc tuân thủ các khía cạnh cơ bản của hoạt động kinh doanh của khách hàng để có khả năng tiếp tục kinh doanh, hoặc để tránh các vi phạm hành chính.

Mục tiêu của kế toán viên chuyên nghiệp liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật và các quy định

- 360.4 Đặc điểm nổi bật của nghề kế toán là chấp nhận trách nhiệm hành động vì lợi ích của công chúng. Khi ứng phó với sự không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ, mục tiêu của kế toán viên chuyên nghiệp là:
- (a) Tuân thủ các nguyên tắc tính chính trực và tư cách nghề nghiệp;
 - (b) Bằng cách cảnh báo nhà quản lý hoặc, khi thích hợp, Ban quản trị khách hàng, để tìm cách:
 - (i) Cho phép họ điều chỉnh, khắc phục hoặc giảm thiểu hậu quả của việc không tuân thủ được xác định hoặc nghi ngờ; hoặc là

- (ii) Ngăn chặn vi phạm của việc không tuân thủ khi chưa xảy ra; và
- (c) Thực hiện các hành động thích hợp vì lợi ích công chúng.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- 360.5 A1 Không tuân thủ pháp luật và các quy định (không tuân thủ) bao gồm các hành vi bỏ sót hoặc vi phạm, cố ý hoặc vô ý, trái với pháp luật hoặc các quy định hiện hành của các bên sau:
- (a) Khách hàng;
 - (b) Ban quản trị của khách hàng;
 - (c) Ban Giám đốc của khách hàng; hoặc là
 - (d) Các cá nhân khác làm việc cho hoặc theo sự chỉ dẫn của khách hàng.
- 360.5 A2 Ví dụ về pháp luật và các quy định mà Mục này đề cập đến bao gồm những điều liên quan đến:
- Gian lận, tham nhũng và hối lộ.
 - Rửa tiền, tài trợ khủng bố và tiền thu được từ tội phạm.
 - Thị trường chứng khoán và giao dịch.
 - Ngân hàng và các sản phẩm và dịch vụ tài chính khác.
 - Bảo mật dữ liệu.
 - Nợ thuế và lương hưu và các khoản thanh toán.
 - Bảo vệ môi trường.
 - Sức khỏe và an toàn công chúng.
- 360.5 A3 Không tuân thủ có thể dẫn đến tiền phạt, kiện tụng pháp lý hoặc hậu quả khác cho khách hàng, có khả năng ảnh hưởng tiềm tàng đến báo cáo tài chính của công ty. Quan trọng là, việc không tuân thủ như vậy có thể có liên quan đến lợi ích công chúng về mặt gây hại đáng kể cho các nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng nói chung. Đối với mục đích của Mục này, một hành động gây ra tác hại đáng kể dẫn đến hậu quả bất lợi nghiêm trọng cho bất kỳ bên nào trong các điều khoản tài chính hoặc phi tài chính. Các ví dụ bao gồm việc thực hiện một vụ gian lận dẫn đến thiệt hại tài chính đáng kể cho các nhà đầu tư và vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường gây nguy hiểm cho sức khỏe hoặc sự an toàn của nhân viên hoặc công chúng.

R360.6 Trong một số quy định pháp lý, có các điều khoản yêu cầu kế toán viên chuyên nghiệp giải quyết việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ. Các điều khoản của pháp luật và các quy định này có thể khác hoặc vượt ra ngoài các điều khoản của Mục này. Khi gặp phải sự không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ đó, kế toán viên sẽ có được sự hiểu biết về các điều khoản pháp lý hoặc quy định đó và tuân thủ chúng, bao gồm:

- (a) Bất kỳ yêu cầu báo cáo vấn đề cho cơ quan có thẩm quyền; và
- (b) Bất kỳ điều khoản nghiêm cấm về cảnh báo khách hàng.

360.6 A1 Điều khoản nghiêm cấm cảnh báo khách hàng có thể phát sinh, ví dụ, theo đuổi vụ án chống rửa tiền.

360.7 A1 Mục này áp dụng bất kể bản chất của khách hàng, bao gồm cả việc khách hàng đó có phải là một đơn vị có lợi ích công chúng hay không.

360.7 A2 Kế toán viên chuyên nghiệp gặp phải hoặc nhận thức về các vấn đề phát sinh không quan trọng thì không bắt buộc phải tuân thủ Mục này. Cho dù một vấn đề rõ ràng là không quan trọng đó sẽ được đánh giá liên quan đến bản chất và tác động của nó về phương diện tài chính hoặc mặt khác, đối với khách hàng, các bên liên quan và công chúng nói chung.

360.7 A3 Mục này không giải quyết các vấn đề sau:

- (a) Hành vi sai trái cá nhân không liên quan đến hoạt động kinh doanh của khách hàng; và
- (b) Không tuân thủ bởi các bên khác ngoài các bên được chỉ định trong đoạn 360.5 A1. Ví dụ, điều này bao gồm các trường hợp mà một kế toán viên chuyên nghiệp đã được khách hàng mời tham gia để thực hiện một dịch vụ thẩm định một bên thứ ba và việc không tuân thủ được xác định hoặc nghi ngờ đã được bên thứ ba đó cam kết.

Tuy nhiên, kế toán viên có thể thấy hướng dẫn hữu ích trong Mục này trong việc xem xét cách ứng phó trong những tình huống này.

Trách nhiệm của Ban quản trị và Ban Giám đốc

360.8 A1 Ban Giám đốc, với sự giám sát của Ban quản trị, chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động kinh doanh của khách hàng được thực hiện theo pháp luật và các quy định. Ban Giám đốc và Ban quản trị cũng chịu trách nhiệm xác định và giải quyết bất kỳ sự không tuân thủ nào gây ra do:

- (a) Khách hàng;
- (b) Một cá nhân trong Ban quản trị của doanh nghiệp;

- (c) Thành viên Ban Giám đốc; hoặc là
- (d) Các cá nhân khác làm việc cho hoặc theo sự chỉ đạo của khách hàng.

Trách nhiệm của tất cả các kế toán viên chuyên nghiệp

R360.9 Khi một kế toán viên chuyên nghiệp nhận thức được vấn đề mà Mục này đề cập, kế toán viên thực hiện các bước để tuân thủ quy định trong Mục này một cách kịp thời. Khi thực hiện các bước tuân thủ kịp thời, kế toán viên phải đánh giá được bản chất của vấn đề phát sinh và tác hại tiềm tàng đối với lợi ích của đơn vị, nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng.

Kiểm toán báo cáo tài chính

Có được sự hiểu biết về các vấn đề phát sinh

R360.10 Nếu một kế toán viên chuyên nghiệp tham gia thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính nhận thức được thông tin liên quan đến việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ, kế toán viên phải thu thập thông tin về vấn đề phát sinh. Sự hiểu biết này sẽ bao gồm bản chất của việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ và các trường hợp xảy ra hoặc có thể xảy ra.

360.10 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp có thể nhận thức được sự không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ trong quá trình thực hiện cam kết hoặc thông qua thông tin được cung cấp bởi các bên khác.

360.10 A2 Kế toán viên chuyên nghiệp dự kiến sẽ áp dụng kiến thức và chuyên môn, và thực hiện xét đoán chuyên môn. Tuy nhiên, kế toán viên không được kỳ vọng có kiến thức về pháp luật và các quy định cao hơn mức cần thiết để thực hiện hợp đồng. Cho dù một hành vi được phải là không tuân thủ cuối cùng là một vấn đề được xác định bởi tòa án hoặc cơ quan xét xử thích hợp khác.

360.10 A3 Tùy thuộc vào bản chất và tầm quan trọng của vấn đề, kế toán viên chuyên nghiệp có thể tham khảo ý kiến trên cơ sở bảo mật với những người khác trong doanh nghiệp kế toán, kiểm toán, công ty mạng lưới hoặc hội nghề nghiệp hoặc với chuyên gia tư vấn pháp luật.

R360.11 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp xác định hoặc nghi ngờ rằng việc không tuân thủ đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, kế toán viên sẽ trao đổi vấn đề với cấp quản lý phù hợp và, khi thích hợp, những người trong Ban quản trị.

360.11 A1 Mục đích của cuộc trao đổi là để làm rõ sự hiểu biết của kế toán viên chuyên nghiệp về các sự kiện và ngữ cảnh liên quan đến vấn đề phát sinh và hậu quả tiềm tàng của nó. Các cuộc trao đổi cũng có thể đề cập với Ban Giám đốc và Ban quản trị để điều tra vấn đề phát sinh.

- 360.11 A2 Cấp độ quản lý phù hợp để trao đổi vấn đề phát sinh là một câu hỏi về xét đoán chuyên môn. Các yếu tố liên quan cần xem xét bao gồm:
- Bản chất và hoàn cảnh của vấn đề.
 - Các cá nhân thực sự hoặc có khả năng liên quan.
 - Khả năng thông đồng.
 - Hậu quả tiềm tàng của vấn đề.
 - Liệu cấp quản lý đó có thể điều tra vấn đề và đưa ra hành động thích hợp hay không.
- 360.11 A3 Cấp quản lý phù hợp thường là ít nhất là cấp trên một bậc của một cá nhân hoặc nhiều cá nhân liên quan hoặc có khả năng liên quan đến vấn đề phát sinh. Trong ngữ cảnh của một nhóm, cấp độ thích hợp có thể là quản lý tại một đơn vị kiểm soát khách hàng.
- 360.11 A4 Kế toán viên chuyên nghiệp cũng có thể xem xét trao đổi vấn đề phát sinh với kiểm toán viên nội bộ, nếu có.
- R360.12** Nếu kế toán viên chuyên nghiệp tin rằng Ban Giám đốc có liên quan đến việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ, kế toán viên phải trao đổi vấn đề phát sinh với Ban quản trị.

Giải quyết vấn đề phát sinh

- R360.13** Khi trao đổi về việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ với Ban Giám đốc và, khi thích hợp, với Ban quản trị, kế toán viên chuyên nghiệp sẽ tư vấn họ thực hiện các hành động thích hợp và kịp thời, nếu họ chưa làm như vậy, để:
- (a) Điều chỉnh, khắc phục hoặc giảm thiểu hậu quả của việc không tuân thủ;
 - (b) Ngăn chặn vi phạm phát sinh do việc không tuân thủ khi chưa xảy ra; hoặc là
 - (c) Công bố vấn đề phát sinh cho cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu của pháp luật hoặc quy định hoặc khi cần thiết vì lợi ích công chúng.
- R360.14** Kế toán viên chuyên nghiệp sẽ xem xét liệu Ban Giám đốc và Ban quản trị có hiểu trách nhiệm pháp lý của họ đối với việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ.
- 360.14 A1 Nếu Ban Giám đốc và Ban quản trị không hiểu trách nhiệm pháp lý hoặc quy định của họ về vấn đề này, kế toán viên chuyên nghiệp có thể đề xuất các nguồn thông tin phù hợp hoặc đề nghị họ có được tư vấn pháp lý.

R360.15 Kế toán viên chuyên nghiệp phải tuân thủ

- (a) Pháp luật và các quy định, bao gồm các quy định pháp lý hoặc điều khoản pháp lý liên quan đến việc báo cáo về hành vi không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ với cơ quan có thẩm quyền phù hợp; và
- (b) Các yêu cầu theo chuẩn mực kiểm toán, bao gồm các yêu cầu liên quan đến:
 - Xác định và phản ứng đối với việc không tuân thủ, bao gồm cả gian lận.
 - Trao đổi với Ban quản trị.
 - Xem xét các tác động của việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ đối với báo cáo kiểm toán độc lập.

360.15 A1 Một số pháp luật và các quy định có thể quy định một khoảng thời gian trong đó các báo cáo về việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ sẽ được thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền.

Trao đổi trong kiểm toán tập đoàn

R360.16 Khi một kế toán viên chuyên nghiệp nhận thức được sự không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ liên quan đến một thành viên của tập đoàn của một trong hai tình huống sau đây, kế toán viên phải trao đổi vấn đề với thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ của tập đoàn trừ khi bị cấm bởi pháp luật hoặc các quy định:

- (a) Kế toán viên, vì mục đích kiểm toán báo cáo tài chính của tập đoàn, được yêu cầu bởi nhóm thực hiện dịch vụ để thực hiện công việc kiểm toán về thông tin tài chính liên quan đến công ty thành viên; hoặc là
- (b) Kế toán viên tham gia thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính các công ty thành viên cho các mục đích khác ngoài kiểm toán tập đoàn, ví dụ, kiểm toán theo luật định.

Việc trao đổi với thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ của tập đoàn sẽ được bổ sung để đáp ứng vấn đề theo các điều khoản của Mục này.

360.16 A1 Mục đích của trao đổi là cho phép các thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ của tập đoàn được thông tin về vấn đề phát sinh và xác định, trong bối cảnh kiểm toán tập đoàn, liệu và, nếu vậy, làm thế nào để giải quyết nó theo các điều khoản của Mục này. Yêu cầu trao đổi trong đoạn R360.16 được áp dụng như nhau cho thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ của tập đoàn của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán hay công ty mạng lưới của kế toán viên chuyên nghiệp.

R360.17 Trong trường hợp thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ của tập đoàn nhận thức được việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính tập đoàn, thành viên đó sẽ xem xét liệu vấn đề có thể liên quan đến một hoặc các bộ phận sau hay không:

- (a) Thông tin tài chính của bộ phận mà hoạt động kiểm toán phục vụ cho mục đích kiểm toán báo cáo tài chính tập đoàn; hoặc là
- (b) Báo cáo tài chính của bộ phận phải được kiểm toán cho các mục đích khác ngoài kiểm toán tập đoàn, ví dụ, kiểm toán theo luật định.

Việc xem xét này sẽ được bổ sung để đáp ứng vấn đề trong bối cảnh kiểm toán tập đoàn theo các điều khoản của Mục này.

R360.18 Nếu việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ có thể liên quan đến một hoặc nhiều đơn vị thành viên được chỉ định trong đoạn R360.17 (a) và (b), thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ của tập đoàn sẽ thực hiện các bước để truyền đạt vấn đề đến những người thực hiện công việc đó tại các đơn vị thành viên, trừ khi bị cấm làm như vậy theo pháp luật hoặc các quy định. Nếu cần thiết, thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ của tập đoàn nhóm kiểm toán sẽ sắp xếp các yêu cầu thích hợp được đưa ra (từ Ban Giám đốc hoặc từ thông tin có sẵn công khai) về việc liệu (các) đơn vị thành viên có liên quan được chỉ định trong đoạn R360.17 (b) có phải được kiểm toán hay không, nếu vì vậy, để xác định mức độ có thể thực hiện được danh tính của kiểm toán viên.

360.18 A1 Mục đích của việc trao đổi là cho phép những người chịu trách nhiệm kiểm toán đơn vị thành viên được thông báo về vấn đề phát sinh và xác định xem và nếu có, cách giải quyết theo các quy định trong Mục này. Yêu cầu trao đổi được áp dụng như nhau cho thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ của tập đoàn của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán hay công ty mạng lưới.

Xác định cần thêm hành động giải quyết khác

R360.19 Kế toán viên chuyên nghiệp sẽ đánh giá sự phù hợp của hành động của Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị.

360.19 A1 Các yếu tố liên quan cần xem xét trong việc đánh giá sự phù hợp của hành động của Ban Giám đốc và Ban quản trị bao gồm:

- Phản ứng kịp thời.
- Việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ đã được điều tra đầy đủ.
- Hành động đã hoặc đang được thực hiện để điều chỉnh, khắc phục hoặc giảm thiểu hậu quả của bất kỳ sự không tuân thủ nào.

- Hành động đã, hoặc đang được thực hiện để ngăn chặn vi phạm phát sinh do việc không tuân thủ khi nó chưa xảy ra.
- Các bước thích hợp đã hoặc đang được thực hiện để giảm nguy cơ tái xuất hiện, ví dụ: thủ tục kiểm soát bổ sung hoặc đào tạo.
- Việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ đã được công bố đầy đủ cho cơ quan có thẩm quyền khi thích hợp. và nếu có, liệu công bố có đầy đủ.

R360.20 Trước hành động của Ban Giám đốc và Ban quản trị, kế toán viên chuyên nghiệp sẽ xác định xem có cần thực hiện thêm hành động nào vì lợi ích công chúng hay không.

360.20 A1 Việc xác định liệu có cần thêm hành động hay không, và bản chất và mức độ của nó, sẽ phụ thuộc vào các yếu tố khác nhau, bao gồm:

- Khung pháp lý và quy định.
- Tính cấp thiết của tình huống.
- Tính phổ biến của vấn đề cho toàn bộ khách hàng.
- Liệu kế toán viên chuyên nghiệp có tiếp tục tin tưởng vào tính chính trực của Ban Giám đốc và Ban quản trị.
- Việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ có khả năng tái diễn hay không.
- Có bằng chứng đáng tin cậy về tác hại thực tế hoặc tiềm ẩn đối với lợi ích của đơn vị, nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng nói chung.

360.20 A2 Ví dụ về các trường hợp có thể khiến kế toán viên chuyên nghiệp không còn tin tưởng vào tính chính trực của Ban Giám đốc và, nếu có thể áp dụng cho Ban quản trị, bao gồm:

- Kế toán viên nghi ngờ hoặc có bằng chứng về sự tham gia của hoặc dự định tham gia của họ vào việc không tuân thủ.
- Kế toán viên nhận thức được rằng Ban Giám đốc và Ban quản trị biết về sự không tuân thủ và trái với các yêu cầu pháp lý hoặc quy định, nhưng đã không báo cáo hoặc ủy quyền báo cáo về vấn đề này cho cơ quan có thẩm quyền trong một khoảng thời gian hợp lý.

R360.21 Kế toán viên chuyên nghiệp sẽ thực hiện xét đoán chuyên môn trong việc xác định nhu cầu, và bản chất và mức độ của hành động tiếp theo. Khi đưa ra quyết định này, kế toán viên sẽ tính đến việc liệu bên thứ ba thích hợp và có đầy đủ thông tin có thể kết luận rằng kế toán viên đã hành động thích hợp vì lợi ích công chúng hay không.

- 360.21 A1 Hành động tiếp theo mà kế toán viên chuyên nghiệp có thể thực hiện bao gồm:
- Công bố vấn đề cho một cơ quan có thẩm quyền ngay cả khi không có yêu cầu pháp lý hoặc quy định để làm như vậy.
 - Rút khỏi hợp đồng kiểm toán và mối quan hệ nghề nghiệp khi được pháp luật hoặc các quy định cho phép.

360.21 A2 Rút khỏi hợp đồng kiểm toán và mối quan hệ nghề nghiệp không phải là sự thay thế cho việc thực hiện các hành động khác có thể cần thiết để đạt được các mục tiêu của kế toán viên chuyên nghiệp trong Mục này. Tuy nhiên, trong một số quy định pháp lý, có thể có những hạn chế đối với các hành động tiếp theo dành cho kế toán viên. Trong trường hợp như vậy, rút khỏi hợp đồng kiểm toán có thể là cách hành động duy nhất.

R360.22 Trường hợp kế toán viên chuyên nghiệp đã rút khỏi mối quan hệ nghề nghiệp theo đoạn R360.20 và 360,21 A1, kế toán viên theo yêu cầu của kế toán viên được đề nghị theo đoạn R320.8, cung cấp tất cả các sự kiện liên quan và thông tin khác liên quan đến việc không tuân thủ cho kế toán viên được đề nghị. Kế toán viên tiền nhiệm sẽ thực hiện như vậy, ngay cả trong các trường hợp được đề cập trong đoạn R320.8 (b) khi khách hàng từ chối cho phép kế toán viên tiền nhiệm trao đổi về các vấn đề của khách hàng với kế toán viên được đề xuất, trừ khi bị cấm theo luật pháp hoặc quy định.

360.22 A1 Các sự kiện và thông tin khác được cung cấp là những thông tin mà theo ý kiến của kế toán viên tiền nhiệm, kế toán viên được đề nghị cần phải biết trước khi quyết định có chấp nhận hợp đồng kiểm toán hay không. Mục 320 quy định về việc trao đổi với kế toán viên được đề nghị.

R360.23 Nếu kế toán viên được đề nghị không thể trao đổi với kế toán viên tiền nhiệm, kế toán viên được đề nghị sẽ thực hiện các bước theo quy trình để có được thông tin về sự thay đổi trong việc bổ nhiệm thông qua các phương tiện khác.

360.23 A1 Các phương tiện khác để có được thông tin về sự thay đổi trong việc bổ nhiệm bao gồm phỏng vấn bên thứ ba hoặc điều tra cơ bản của Ban Giám đốc và Ban quản trị.

360.24 A1 Khi đánh giá vấn đề phát sinh có thể liên quan đến phân tích và xét đoán phức tạp, kế toán viên chuyên nghiệp có thể xem xét:

- Tư vấn nội bộ.
- Tư vấn về pháp lý để hiểu được cách chọn lựa của kế toán viên và các hàm ý chuyên môn hoặc pháp lý của việc thực hiện bất kỳ quá trình hành động cụ thể nào.
- Tư vấn trên cơ sở bảo mật với một cơ quan quản lý hoặc hội nghề nghiệp.

Xác định liệu có nên công bố vấn đề phát sinh cho cơ quan có thẩm quyền không

360.25 A1 Việc công bố vấn đề cho một cơ quan có thẩm quyền sẽ bị cấm nếu làm như vậy là trái với luật pháp hoặc quy định. Mặt khác, mục đích của việc công bố là để cho phép một cơ quan có thẩm quyền khiến vấn đề được điều tra và hành động được thực hiện vì lợi ích công chúng.

360.25 A2 Việc xác định xem có nên công bố như vậy hay không phụ thuộc vào tính chất và mức độ của tác hại thực tế hoặc tiềm ẩn có thể gây ra bởi vấn đề phát sinh đối với các nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng. Ví dụ, kế toán viên chuyên nghiệp có thể xác định rằng việc công bố vấn đề cho cơ quan có thẩm quyền là một hành động thích hợp nếu:

- Doanh nghiệp tham gia hối lộ (ví dụ, các quan chức chính quyền địa phương hoặc nước ngoài cho các mục đích đảm bảo các hợp đồng lớn).
- Doanh nghiệp bị quy định và vấn đề có ý nghĩa quan trọng như đe dọa tồn tại giấy phép hoạt động.
- Tổ chức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và vấn đề phát sinh có thể dẫn đến hậu quả bất lợi cho thị trường công bằng và có trật tự trong chứng khoán của tổ chức hoặc gây rủi ro hệ thống cho thị trường tài chính.
- Có khả năng doanh nghiệp sẽ bán các sản phẩm có hại cho sức khỏe và an toàn cộng đồng.
- Doanh nghiệp đang quảng cáo một chương trình cho khách hàng của mình để hỗ trợ họ trốn thuế.

360.25 A3 Việc xác định có nên công bố như vậy hay không cũng sẽ phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài như:

- Liệu có một cơ quan có thẩm quyền có thể tiếp nhận thông tin hay không và vấn đề phát sinh được điều tra và hành động được thực hiện. Cơ quan có thẩm quyền sẽ phụ thuộc vào bản chất của vấn đề. Ví dụ, cơ quan có thẩm quyền sẽ là cơ quan quản lý chứng khoán trong trường hợp báo cáo tài chính gian lận hoặc cơ quan bảo vệ môi trường trong trường hợp vi phạm luật pháp và quy định môi trường.
- Có tồn tại sự bảo vệ mạnh mẽ và đáng tin cậy khỏi trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hình sự hoặc trách nhiệm nghề nghiệp hoặc hình phạt do luật pháp hoặc quy định cung cấp, chẳng hạn như theo luật hoặc quy định về tố giác vi phạm.
- Có những nguy cơ thực tế hoặc tiềm ẩn đối với sự an toàn về thể chất của kế toán viên chuyên nghiệp hoặc các cá nhân khác.

R360.26 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp xác định rằng việc công bố việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ với cơ quan có thẩm quyền là một hành động thích hợp trong các trường hợp, việc công bố đó được cho phép theo đoạn R114.1 (d) của Bộ Quy tắc . Khi công bố như vậy, kế toán viên sẽ hành động một cách trung thực và thận trọng khi đưa ra tuyên bố và khẳng định. Kế toán viên cũng sẽ xem xét liệu có phù hợp để thông báo cho khách hàng về dự định của kế toán viên hay không trước khi công bố vấn đề.

Ngăn ngừa vi phạm có khả năng xảy ra

R360.27 Trong trường hợp đặc biệt, kế toán viên chuyên nghiệp có thể nhận thức được hành vi thực tế hoặc dự định mà kế toán viên có lý do để tin rằng sẽ cấu thành một hành vi vi phạm pháp luật hoặc các quy định có khả năng xảy ra gây thiệt hại đáng kể cho các nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng nói chung . Việc trước tiên kế toán viên xem xét liệu có phù hợp để thảo luận vấn đề phát sinh với Ban Giám đốc và Ban quản trị đơn vị hay không, kế toán viên sẽ thực hiện xét đoán chuyên môn và xác định xem có nên công bố vấn đề ngay lập tức cho cơ quan có thẩm quyền để ngăn chặn hoặc giảm thiểu hậu quả của vi phạm sắp xảy ra. Nếu việc công bố được thực hiện, việc công bố đó được cho phép theo đoạn R114.1 (d) của Bộ Quy tắc.

Tài liệu ghi chép

R360.28 Liên quan đến việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ nằm trong phạm vi của Mục này, kế toán viên chuyên nghiệp phải ghi chép:

- Cách thức mà Ban Giám đốc và Ban quản trị đã ứng phó với vấn đề phát sinh.
- Các hành động mà kế toán viên đã xem xét, các xét đoán và các quyết định đã được đưa ra, liên quan đến thử nghiệm của bên thứ ba thích hợp và có đầy đủ thông tin.
- Làm thế nào để kế toán viên thỏa mãn và cách kế toán viên đáp ứng yêu cầu trách nhiệm được nêu trong đoạn R360.20.

360.28 A1 Tài liệu này ngoài việc tuân thủ các yêu cầu về tài liệu theo các chuẩn mực kiểm toán áp dụng. ISAs, ví dụ, yêu cầu một kế toán viên chuyên nghiệp thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính để:

- Chuẩn bị tài liệu đủ để cho phép hiểu về các vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình kiểm toán, các kết luận đạt được và các xét đoán chuyên môn quan trọng thực hiện để đạt được các kết luận đó;

- Tài liệu hóa về việc thảo luận các vấn đề quan trọng với Ban Giám đốc và Ban quản trị, bao gồm bản chất của các vấn đề quan trọng được thảo luận và thời gian và nhân sự; và
- Tài liệu hóa về việc nhận diện hoặc nghi ngờ không tuân thủ và kết quả thảo luận với Ban Giám đốc và Ban quản trị và các bên khác ngoài đơn vị.

Dịch vụ chuyên môn khác ngoài kiểm toán báo cáo tài chính

Có được sự hiểu biết về vấn đề và giải quyết vấn đề phát sinh với Ban Giám đốc và Ban quản trị

- R360.29** Nếu một kế toán viên chuyên nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ chuyên môn ngoài kiểm toán báo cáo tài chính có được thông tin liên quan đến việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ, kế toán viên sẽ tìm cách hiểu về vấn đề này. Sự hiểu biết này sẽ bao gồm bản chất của việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ và các trường hợp xảy ra hoặc có thể sắp xảy ra.
- 360.29 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp được mong đợi sẽ áp dụng kiến thức và kinh nghiệm, và thực hiện xét đoán chuyên môn. Tuy nhiên, kế toán viên sẽ không mong đợi là có mức độ hiểu biết về pháp luật và các quy định vượt quá mức cần thiết cho dịch vụ chuyên nghiệp mà kế toán viên đã tham gia. Việc một hành vi có cấu thành sự không tuân thủ thực tế hay không cuối cùng là vấn đề được xác định bởi tòa án hoặc cơ quan xét xử thích hợp khác.
- 360.29 A2 Tùy thuộc vào bản chất và tầm quan trọng của vấn đề, kế toán viên chuyên nghiệp có thể tham khảo ý kiến trên cơ sở bảo mật với những người khác trong doanh nghiệp kế toán, kiểm toán, công ty mạng lưới, hoặc hội nghề nghiệp hoặc với chuyên gia tư vấn pháp luật.
- R360.30** Nếu kế toán viên chuyên nghiệp xác định hoặc nghi ngờ rằng việc không tuân thủ đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, kế toán viên sẽ thảo luận vấn đề với cấp quản lý thích hợp. Nếu kế toán viên có quyền tiếp cận với Ban quản trị, kế toán viên cũng sẽ trao đổi vấn đề với họ.
- 360.30 A1 Mục đích của cuộc trao đổi là để làm rõ sự hiểu biết của kế toán viên chuyên nghiệp về các sự kiện và hoàn cảnh liên quan đến vấn đề và hậu quả tiềm tàng của nó. Các cuộc thảo luận cũng có thể gợi ý Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị điều tra vấn đề phát sinh.
- 360.30 A2 Thảo luận về vấn đề phát sinh với cấp quản lý phù hợp là một vấn đề mang tính xét đoán chuyên môn. Các yếu tố liên quan cần xem xét bao gồm:

- Bản chất và hoàn cảnh của vấn đề.
- Các cá nhân thực sự hoặc có khả năng liên quan.
- Khả năng thông đồng.
- Hậu quả tiềm tàng của vấn đề.
- Liệu cấp quản lý đó có thể điều tra và đưa ra hành động thích hợp hay không.

Trao đổi vấn đề phát sinh với kiểm toán viên độc lập của đơn vị

- R360.31** Nếu kế toán viên chuyên nghiệp đang thực hiện dịch vụ phi kiểm toán cho:
- (a) Khách hàng của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán; hoặc là
 - (b) Một đơn vị hành viên của khách hàng của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán, kế toán viên phải trao đổi sự không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ trong đơn vị, trừ khi bị cấm theo luật hoặc quy định. Việc trao đổi phải được thực hiện theo các giao thức (biên bản) hoặc thủ tục của công ty. Trong trường hợp không có các giao thức và thủ tục như vậy, có thể trao đổi trực tiếp với thành viên điều hành phụ trách cuộc kiểm toán.
- R360.32** Nếu kế toán viên chuyên nghiệp đang thực hiện dịch vụ phi kiểm toán cho:
- (a) Khách hàng kiểm toán của một công ty mạng lưới; hoặc là
 - (b) Một đơn vị thành viên của khách hàng kiểm toán của công ty mạng lưới, kế toán viên phải xem xét liệu có nên thông báo việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ với công ty mạng lưới hay không. Việc trao đổi sẽ được thực hiện theo các giao thức hoặc quy trình của mạng. Trong trường hợp không có các giao thức và thủ tục như vậy, sẽ được thực hiện trực tiếp với thành viên điều hành phụ trách cuộc kiểm toán.
- R360.33** Nếu kế toán viên chuyên nghiệp đang thực hiện dịch vụ phi kiểm toán cho khách hàng không phải là:
- (a) Khách hàng kiểm toán của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán hoặc công ty mạng lưới; hoặc là
 - (b) Một đơn vị thành viên của khách hàng kiểm toán của doanh nghiệp kế toán, kiểm toán hoặc công ty mạng lưới, kế toán viên phải xem xét liệu có nên thông báo về việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ với kiểm toán viên độc lập của đơn vị, nếu có.

Các yếu tố liên quan cần xem xét

- 360.34 A1 Các yếu tố liên quan đến việc trao đổi theo các đoạn từ R360.31 đến R360.33 bao gồm:
- Liệu làm như vậy có trái với pháp luật và các quy định.

- Liệu có những hạn chế về công bố được ấn định bởi một cơ quan quản lý hoặc công tố viên trong một cuộc điều tra đang diễn ra về việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ.
- Liệu mục đích của hợp đồng dịch vụ là để điều tra sự không tuân thủ tiềm tàng trong đơn vị để có thể thực hiện hành động thích hợp.
- Liệu Ban Giám đốc và Ban quản trị đã thông báo cho kiểm toán viên độc lập của họ về vấn đề này.
- Tính trọng yếu của vấn đề đối với việc kiểm toán báo cáo tài chính của khách hàng hoặc, vấn đề liên quan đến công ty thành viên của tập đoàn, có thể là trọng yếu đối với kiểm toán báo cáo tài chính của tập đoàn.

Mục đích của việc trao đổi

360.35 A1 Trong các trường hợp được đề cập trong các đoạn từ R360.31 đến R360.33, mục đích của việc trao đổi là cho phép thành viên điều hành phụ trách hợp đồng kiểm toán được thông báo về việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ và để xác định xem, và nếu vậy, làm thế nào để giải quyết nó theo điều khoản của phần này.

Xác định cần thêm hành động giải quyết khác

R360.36 Kế toán viên chuyên nghiệp cũng sẽ xem xét liệu có cần thêm hành động vì lợi ích công chúng hay không.

360.36 A1 Việc có cần thêm hành động hay không, và bản chất và mức độ của nó, sẽ phụ thuộc vào các yếu tố như:

- Pháp luật và các quy định.
- Sự phù hợp và kịp thời của phản ứng Ban Giám đốc và Ban quản trị.
- Tính cấp thiết của tình huống.
- Sự tham gia của Ban Giám đốc và Ban quản trị trong vấn đề này.
- Khả năng gây tổn hại đáng kể đến lợi ích của khách hàng, nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng.

360.36 A2 Hành động tiếp theo của kế toán viên chuyên nghiệp có thể bao gồm:

- Công bố vấn đề cho một cơ quan có thẩm quyền thích hợp ngay cả khi không có yêu cầu pháp lý hoặc quy định để làm như vậy.

- Rút khỏi hợp đồng và mối quan hệ nghề nghiệp khi được pháp luật hoặc quy định cho phép.

360.36 A3 Khi xem xét liệu có nên công bố cho một cơ quan có thẩm quyền thích hợp hay không, các yếu tố liên quan cần xem xét bao gồm:

- Liệu làm như vậy có trái với pháp luật hoặc quy định.
- Liệu những hạn chế về công bố được ấn định bởi một cơ quan quản lý hoặc công tố viên trong một cuộc điều tra đang diễn ra về việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ.
- Liệu mục đích của sự tham gia là để điều tra sự không tuân thủ tiềm năng trong thực thể để cho phép nó thực hiện hành động thích hợp.

R360.37 Nếu kế toán viên chuyên nghiệp xác định rằng việc công bố sự không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ đối với một cơ quan có thẩm quyền là một hành động thích hợp trong các trường hợp, việc công bố đó được cho phép theo đoạn R114.1 (d) của Bộ Quy tắc. Khi công bố như vậy, kế toán viên sẽ hành động một cách trung thực và thận trọng khi đưa ra tuyên bố và khẳng định.

Kế toán viên cũng sẽ xem xét liệu có phù hợp để thông báo cho khách hàng về ý định của kế toán viên hay không trước khi công bố vấn đề phát sinh.

Ngăn ngừa vi phạm có khả năng xảy ra

R360.38 Trong trường hợp đặc biệt, kế toán viên chuyên nghiệp có thể nhận thức được hành vi thực tế hoặc dự định mà kế toán viên có lý do để tin rằng sẽ cấu thành một hành vi vi phạm pháp luật hoặc quy định sắp xảy ra gây thiệt hại đáng kể cho các nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên hoặc công chúng nói chung. Việc trước tiên kế toán viên xem xét liệu có phù hợp để thảo luận vấn đề phát sinh với Ban Giám đốc và ban quản trị, kế toán viên sẽ thực hiện xét đoán chuyên môn và xác định xem có nên công bố vấn đề ngay lập tức cho cơ quan có thẩm quyền để ngăn chặn hoặc giảm thiểu hậu quả của như vậy vi phạm pháp luật hoặc các quy định sắp xảy ra. Nếu việc công bố được thực hiện, việc công bố đó được cho phép theo đoạn R114.1 (d) của Bộ Quy tắc.

Tìm kiếm sự tư vấn

360.39 A1 Kế toán viên chuyên nghiệp có thể xem xét:

- Tư vấn nội bộ.
- Tư vấn pháp lý để hiểu hàm ý chuyên môn hoặc pháp lý của việc thực hiện bất kỳ quá trình hành động cụ thể nào.
- Tư vấn trên cơ sở bảo mật với cơ quan quản lý hoặc hội nghề nghiệp.

Tài liệu ghi chép

360.40A1 Liên quan đến việc không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ trong phạm vi của Mục này, kế toán viên chuyên nghiệp được khuyến khích ghi lại:

- Vấn đề phát sinh.
- Kết quả thảo luận với Ban Giám đốc và Ban quản trị và các bên khác.
- Cách Ban Giám đốc và Ban quản trị đã ứng phó với vấn đề này.
- Các hành động mà kế toán viên đã xem xét, các xét đoán và các quyết định đã được đưa ra.
- Cách kế toán viên đáp ứng thực hiện trách nhiệm được nêu trong đoạn R360.36.

PHẦN 4A - TÍNH ĐỘC LẬP ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ SOÁT XÉT

	Trang
Mục 400 Áp dụng khuôn khổ khái niệm đối với tính độc lập áp dụng cho dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét.....	118
Mục 410 Phí dịch vụ	132
Mục 411 Chính sách đánh giá và lương, thưởng	136
Mục 420 Quà tặng và ưu đãi	137
Mục 430 Tranh chấp hoặc nguy cơ xảy ra tranh chấp pháp lý	138
Mục 510 Lợi ích tài chính	139
Mục 511 Các khoản cho vay và bảo lãnh.....	144
Mục 520 Các mối quan hệ kinh doanh.....	146
Mục 521 Các mối quan hệ gia đình và mối quan hệ cá nhân.....	148
Mục 522 Dịch vụ gần đây với khách hàng kiểm toán.....	151
Mục 523 Làm việc với vai trò là giám đốc hoặc nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán	153
Mục 524 Làm việc cho khách hàng kiểm toán.....	154
Mục 525 Cử nhân viên đến làm việc tạm thời cho khách hàng kiểm toán	158
Mục 540 Cung cấp dịch vụ kiểm toán cho khách hàng kiểm toán trong nhiều năm (bao gồm việc luân chuyển thành viên điều hành với khách hàng kiểm toán) ...	159
Mục 600 Cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán.....	165
Tiểu mục 601 - Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính	170
Tiểu mục 602 - Dịch vụ hành chính.....	173
Tiểu mục 603 - Dịch vụ định giá	173
Tiểu mục 604 - Dịch vụ thuế.....	175
Tiểu mục 605 - Dịch vụ kiểm toán nội bộ	181
Tiểu mục 606 - Dịch vụ công nghệ thông tin.....	184
Tiểu mục 607 - Dịch vụ hỗ trợ kiện tụng, tranh chấp	186
Tiểu mục 608 - Dịch vụ tư vấn pháp lý	187

Tiêu mục 609 - Dịch vụ tuyển dụng	189
Tiêu mục 610 - Dịch vụ tư tài chính doanh nghiệp	191
Mục 800 Báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt bao gồm hạn chế sử dụng và cung cấp (dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét).....	193

CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VỀ TÍNH ĐỘC LẬP

(PHẦN 4A VÀ 4B)

PHẦN 4A - TÍNH ĐỘC LẬP ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ SOÁT XÉT

MỤC 400

ÁP DỤNG KHUÔN KHỔ KHÁI NIỆM ĐỐI VỚI TÍNH ĐỘC LẬP ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ SOÁT XÉT

Giới thiệu

Phần chung

- 400.1 Các kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề trong thực hiện dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét phải vì lợi ích công chúng và được quy định trong Bộ Quy tắc đạo đức.
- 400.2 Phần này áp dụng cho dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét. Thuật ngữ “kiểm toán,” “nhóm kiểm toán,” “hợp đồng kiểm toán,” “khách hàng kiểm toán,” và “báo cáo kiểm toán” áp dụng tương tự như soát xét, nhóm soát xét, hợp đồng soát xét, khách hàng soát xét và báo cáo dịch vụ soát xét.
- 400.3 Trong phần này, thuật ngữ “kế toán viên chuyên nghiệp” được đề cập đến là cá nhân kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán nơi họ đang làm việc.
- 400.4 Chuẩn mực ISQC 1 yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán thiết lập chính sách và thủ tục cung cấp sự đảm bảo hợp lý rằng doanh nghiệp kiểm toán, nhân sự của họ, và, khi áp dụng, những chủ thể khác đối với yêu cầu độc lập (bao gồm cả nhân sự công ty mạng lưới), duy trì tính độc lập theo yêu cầu đạo đức liên quan. Chuẩn mực quốc tế về kiểm toán ISA và soát xét ISREs thiết lập trách nhiệm cho các thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ và nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ theo cấp độ kiểm toán hoặc soát xét tương ứng. Sự phân bổ trách nhiệm trong doanh nghiệp kiểm toán phụ thuộc vào quy mô, cấu trúc và quản trị công ty. Có rất nhiều điều khoản trong phần này không quy định trách nhiệm cụ thể của cá nhân trong doanh nghiệp kiểm toán đến các hành động liên quan tính độc lập, thay vào đó là đề cập chung về “doanh nghiệp kiểm toán” để tham khảo. Các doanh nghiệp kiểm toán có trách nhiệm với các hành động cụ thể của cá nhân hay một nhóm (ví dụ như nhóm thực hiện dịch vụ kiểm toán), tuân thủ theo chuẩn mực ISQC1. Ngoài ra, một kế toán viên chuyên nghiệp duy trì trách nhiệm tuân thủ mọi điều khoản áp dụng cho hoạt động của kế toán viên, các lợi ích và mối quan hệ.
- 400.5 Tính độc lập liên kết với nguyên tắc khách quan và chính trực:
- (a) Độc lập về tư tưởng: Là trạng thái tư tưởng cho phép đưa ra luận mà không bị tác động bởi những yếu tố có ảnh hưởng đến xét đoán

chuyên môn, cho phép một cá nhân hành động một cách chính trực và thực hiện được tính khách quan cũng như thái độ hoài nghi nghề nghiệp.

- (b) Độc lập về hình thức: Là việc tránh các sự kiện và tình huống nghiêm trọng tới mức một bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin có thể đưa ra kết luận rằng tính chính trực, tính khách quan và thái độ hoài nghi nghề nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán hoặc thành viên nhóm thực hiện dịch vụ kiểm toán đã bị ảnh hưởng.

Trong phần này, các tham chiếu đến một cá nhân hay doanh nghiệp kiểm toán là “độc lập”, có nghĩa là cá nhân hoặc doanh nghiệp kiểm toán tuân thủ các điều khoản của phần này.

400.6 Khi thực hiện dịch vụ kiểm toán, Bộ Quy tắc yêu cầu các doanh nghiệp kiểm toán tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và độc lập. Phần này nêu những yêu cầu cụ thể và áp dụng tính trọng yếu khi áp dụng khuôn khổ khái niệm để duy trì tính độc lập khi thực hiện hợp đồng dịch vụ. Khuôn khổ khái niệm được nêu ra trong Mục 120 áp dụng tính độc lập cũng như các nguyên tắc cơ bản được nêu trong Mục 110.

400.7 Phần này mô tả:

- (a) Sự kiện và tình huống, bao gồm các hoạt động chuyên môn, lợi ích và mối quan hệ phát sinh hoặc có thể phát sinh có nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập;
- (b) Các hành động có khả năng xảy ra, bao gồm biện pháp bảo vệ có thể phù hợp để giải quyết bất kỳ các nguy cơ; và
- (c) Một số tình huống mà các nguy cơ không thể loại trừ hoặc không có biện pháp bảo vệ làm giảm các nguy cơ đó xuống mức có thể chấp nhận được.

Các đơn vị có lợi ích công chúng

400.8 Một số các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong phần này phản ánh phạm vi lợi ích công chúng trong các đơn vị cụ thể được gọi là đơn vị có lợi ích công chúng. Các doanh nghiệp kiểm toán được khuyến khích xác định liệu rằng nên có ứng xử đối với các đơn vị khác hay một số đơn vị cụ thể như các đơn vị có lợi ích công chúng không vì các đơn vị này có số lượng lớn và phạm vi các bên liên quan rộng. Các yếu tố cần được xem xét tới đơn vị có lợi ích công chúng gồm:

- Bản chất ngành nghề kinh doanh, như giữ hộ tài sản cho một số lượng lớn các bên có lợi ích liên quan. Ví dụ các định chế tài chính như ngân hàng, các công ty bảo hiểm và quỹ hưu trí.
- Quy mô.
- Số lượng nhân viên.

Báo cáo kiểm toán có hạn chế việc sử dụng và cung cấp báo cáo

- 400.9 Báo cáo kiểm toán thể có đoạn có hạn chế việc sử dụng và cung cấp. Nếu báo cáo có bao gồm và điều kiện được chỉ ra là phù hợp trong Mục 800, thì những yêu cầu về tính độc lập trong phần này có thể được điều chỉnh như trong Mục 800.

Dịch vụ đảm bảo khác ngoài dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét

- 400.10 Chuẩn mực độc lập cho dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét được nêu trong phần 4B - *Tính độc lập áp dụng cho dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét.*

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- R400.11** Một doanh nghiệp kiểm toán thực hiện dịch vụ kiểm toán phải đảm bảo tính độc lập.
- R400.12** Một doanh nghiệp kiểm toán áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu ở Mục 120 nhằm xác định, đánh giá và đối phó nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập trong cuộc kiểm toán.

[Các đoạn từ 400.13 đến 400.19 được để trống]

Các bên liên quan

- R400.20** Theo định nghĩa, khách hàng kiểm toán là tổ chức niêm yết bao gồm toàn bộ các bên liên quan của đơn vị đó. Đối với tất cả các đơn vị khác, được coi là khách hàng kiểm toán trong phần này bao gồm các đơn vị liên quan mà đơn vị khách hàng có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp. Khi nhóm kiểm toán biết hoặc có lý do để tin rằng mối quan hệ hay tình huống thích hợp đến bất kỳ đơn vị liên quan khác của khách hàng để đánh giá tính độc lập của khách hàng, nhóm kiểm toán sẽ tiến hành xác định, đánh giá và giải quyết nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập của các bên liên quan.

[Các đoạn từ 400.21 đến 400.29 được để trống]

Yêu cầu về tính độc lập trong kỳ thực hiện dịch vụ

- R400.30** Tính độc lập, theo quy định của phần này, được duy trì trong cả hai:
- (a) Kỳ thực hiện hợp đồng; và
 - (b) Kỳ báo cáo tài chính.
- 400.30 A1 Kỳ thực hiện hợp đồng được bắt đầu khi nhóm kiểm toán tiến hành dịch vụ kiểm toán. Kỳ thực hiện dịch vụ kết thúc khi báo cáo kiểm toán được phát hành. Khi hợp đồng dịch vụ được tái tục, hợp đồng kết thúc khi có một thông báo bởi một trong hai bên về dịch vụ thực hiện đã hoàn tất hoặc báo cáo kiểm toán được phát hành.

R400.31 Nếu một đơn vị trở thành khách hàng kiểm toán trong hoặc sau kỳ báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ cho ý kiến, doanh nghiệp kiểm toán sẽ xác định liệu rằng có nguy cơ nào gây ảnh hưởng đến tính độc lập thông qua:

- (a) Mọi quan hệ tài chính hoặc kinh doanh với khách hàng kiểm toán trong hoặc sau kỳ báo cáo tài chính nhưng trước khi được chấp thuận kiểm toán; hoặc
- (b) Dịch vụ cung cấp trước đây cho khách hàng kiểm toán qua doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới.

400.31 A1 Nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập xảy ra nếu dịch vụ phi đảm bảo được cung cấp cho khách hàng kiểm toán trong suốt hoặc sau kỳ báo cáo tài chính, nhưng trước khi nhóm kiểm toán tiến hành kiểm toán và dịch vụ không được phép trong kỳ thực hiện kiểm toán.

400.31 A2 Ví dụ các biện pháp bảo vệ các nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập gồm:

- Sử dụng chuyên gia không thuộc nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ.
- Cử người soát xét thích hợp thực hiện soát xét cuộc kiểm toán và dịch vụ phi đảm bảo.
- Ký kết hợp đồng với một doanh nghiệp khác ngoài mạng lưới để đánh giá kết quả dịch vụ phi đảm bảo hoặc có một doanh nghiệp khác bên ngoài mạng lưới thực hiện lại dịch vụ phi đảm bảo trong phạm vi cần thiết để doanh nghiệp đó chịu trách nhiệm về dịch vụ phi đảm bảo.

[Đoạn từ 400.32 đến 400.39 được bỏ trống]

Trao đổi với Ban quản trị

400.40 A1 Đoạn R300.9 và R300.10 nêu các quy định về trao đổi với Ban quản trị.

400.40 A2 Theo ý kiến của doanh nghiệp kiểm toán, ngay cả khi Bộ Quy tắc, các chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định hiện hành không yêu cầu, việc trao đổi định kỳ giữa doanh nghiệp kiểm toán với Ban quản trị khách hàng về các mối quan hệ và các vấn đề có thể xảy ra ảnh hưởng đến tính độc lập được khuyến khích. Các trao đổi như vậy khiến cho Ban quản trị khách hàng:

- (a) Xem xét đến các xét đoán của doanh nghiệp kiểm toán trong việc xác định và đánh giá các nguy cơ;

- (b) Xem xét cách giải quyết các nguy cơ bao gồm cả sự thích hợp của biện pháp bảo vệ sẵn có và khả năng áp dụng các biện pháp này; và
- (c) Thực hiện hành động phù hợp.

Cách tiếp cận như vậy có thể đặc biệt hữu ích với nguy cơ từ sự thuộc và nguy cơ bị đe dọa.

[Đoạn 400.41 đến 400.49 được bỏ trống]

Công ty mạng lưới

400.50 A1 Các doanh nghiệp thường xuyên hình thành liên kết giữa các doanh nghiệp và đơn vị khác nhằm nâng cao năng lực của họ trong cung cấp dịch vụ chuyên môn. Việc liên kết này tạo ra một mạng lưới phụ thuộc vào điều kiện và tình hình thực tế. Nó không phụ thuộc vào tính pháp lý đơn lẻ, riêng biệt của các doanh nghiệp và đơn vị trong mạng lưới.

R400.51 Một công ty mạng lưới phải độc lập với khách hàng kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán khác trong một mạng lưới theo yêu cầu của phần này.

400.51 A1 Yêu cầu về tính độc lập trong phần này áp dụng cho bất kỳ công ty mạng lưới, đơn vị nào phù hợp với định nghĩa về công ty mạng lưới. Nó không phụ thuộc vào việc bản thân đơn vị đáp ứng định nghĩa doanh nghiệp kiểm toán. Ví dụ, một văn phòng tư vấn hoặc văn phòng luật sư có thể là một công ty mạng lưới nhưng không phải là doanh nghiệp kiểm toán.

R400.52 Khi được liên kết với cấu trúc rộng hơn của các doanh nghiệp kiểm toán và các đơn vị, một doanh nghiệp kiểm toán sẽ:

- (a) Thực hiện xét đoán chuyên môn để quyết định rằng mạng lưới được thành lập bởi một liên kết các tổ chức;
- (b) Xem xét liệu rằng bên thứ ba thích hợp và có đủ thông tin có thể đưa ra kết luận rằng các doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị khác được liên kết theo một mạng lưới hiện tại hay không; và
- (c) Áp dụng xét đoán như vậy một cách nhất quán trong liên kết.

R400.53 Khi xác định liệu rằng một mạng lưới được tạo bởi liên kết của các doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị khác, một doanh nghiệp kiểm toán kết luận rằng mạng lưới là tồn tại khi liên kết có mục đích trong hợp tác chuyên môn và:

- (a) Mục đích rõ ràng là chia sẻ lợi nhuận và chi phí giữa các đơn vị trong liên kết (Tham chiếu: Đoạn 400.53 A2);
- (b) Các đơn vị trong liên kết chia sẻ quyền sở hữu, kiểm soát hoặc quản lý chung (Tham chiếu: Đoạn. 400.53 A3);

- (c) Các đơn vị trong liên kết chia sẻ chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng chung (Tham chiếu: Đoạn. 400.53 A4);
- (d) Các đơn vị trong liên kết chia sẻ chiến lược kinh doanh chung. (Tham chiếu: Đoạn 400.53 A5);
- (e) Các đơn vị trong liên kết chia sẻ tên thương hiệu chung. (Tham chiếu: Đoạn. 400.53 A6, 400.53 A7); hoặc
- (f) Các đơn vị trong liên kết chia sẻ một phần quan trọng nguồn lực chuyên môn. (Tham chiếu: Đoạn 400.53 A8, 400.53 A9).

- 400.53 A1** Có thể có những thỏa thuận khác giữa các doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị trong một liên kết tạo thành một mạng lưới, ngoài những thỏa thuận được mô tả trong đoạn R400.53. Tuy nhiên, một liên kết có thể chỉ nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho việc giới thiệu khách hàng, bản thân liên kết không đáp ứng các tiêu chí cần thiết để tạo thành một mạng lưới.
- 400.53 A2 Việc chia sẻ chi phí không trọng yếu không tạo nên mạng lưới. Ngoài ra, nếu việc chia sẻ chi phí được giới hạn chỉ ở những chi phí liên quan trực tiếp đến phát triển phương pháp luận kiểm toán, tài liệu hay các khoá đào tạo, những chia sẻ chi phí này cũng không tạo thành một mạng lưới. Hơn nữa, sự liên kết giữa một doanh nghiệp kiểm toán với một đơn vị khác không có liên quan đến nhau nhằm mục đích cung cấp dịch vụ hoặc phát triển một sản phẩm cũng không tạo thành một mạng lưới (Tham chiếu Đoạn R400.53(a))
- 400.53 A3 Sở hữu, kiểm soát hoặc quản lý chung có thể có được thông qua hợp đồng hoặc các hình thức khác. (Tham chiếu Đoạn R400.53(b)).
- 400.53 A4 Chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng chung được thiết kế, thực hiện và giám sát thông qua cơ cấu rộng hơn. (Tham chiếu Đoạn R400.53(c)).
- 400.53 A5 Chia sẻ chiến lược kinh doanh chung liên quan đến một thỏa thuận của đơn vị để đạt được các mục tiêu chiến lược chung. Một đơn vị không phải là công ty mạng lưới chỉ vì đơn vị đó hợp tác với một đơn vị khác mới mục đích duy nhất là cùng chung thực hiện một đề xuất cung cấp dịch vụ chuyên môn. (Tham chiếu Đoạn R400.53(d)).
- 400.53 A6 Tên thương hiệu chung bao gồm tên viết tắt chung hoặc tên gọi thông thường. Ví dụ, một doanh nghiệp kiểm toán đang sử dụng tên thương hiệu chung nếu bao gồm tên thương hiệu chung như là một phần hoặc đi kèm với tên doanh nghiệp kiểm toán khi thành viên điều hành phụ trách cuộc kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán ký trên báo cáo kiểm toán. (Tham chiếu Đoạn R400.53(e)).
- 400.53 A7 Ngay cả khi một doanh nghiệp kiểm toán không thuộc mạng lưới hoặc không sử dụng tên thương hiệu chung như một phần tên của doanh nghiệp, doanh nghiệp kiểm toán vẫn được xem như thuộc mạng lưới nếu các tài liệu về quảng bá, văn phòng phẩm có liên quan đến doanh nghiệp kiểm toán như một thành viên của tổ chức doanh nghiệp đó. Theo đó, nếu không quan tâm đến cách một doanh nghiệp kiểm toán mô tả tư cách thành viên như vậy, doanh nghiệp kiểm toán được cho rằng thuộc một mạng lưới. (Tham chiếu Đoạn R400.53(e)).

- 400.53 A8 Nguồn lực chuyên môn gồm:
- Các hệ thống chung cho phép các doanh nghiệp kiểm toán trao đổi thông tin như dữ liệu khách hàng, hoá đơn và bản chấm công.
 - Thành viên điều hành và các nhân sự khác.
 - Bộ phận chuyên môn tư vấn về các vấn đề kỹ thuật hay những vấn đề đặc thù ngành, các sự kiện, giao dịch và các vấn đề liên quan đến dịch vụ đảm bảo.
 - Phương pháp luận kiểm toán hay tài liệu hướng dẫn kiểm toán.
 - Các khoá học và phương tiện hỗ trợ. (Tham chiếu: Đoạn R400.53(f)).

400.53 A9 Các nguồn lực chuyên môn được chia sẻ phụ thuộc đáng kể vào các tình huống. Ví dụ:

- Nguồn lực chuyên môn chia sẻ có thể được giới hạn với các phương pháp hay tài liệu hướng dẫn kiểm toán chung, không trao đổi thông tin nhân sự, khách hàng hoặc thị trường. Trong những trường hợp như vậy, các nguồn lực chuyên môn được chia sẻ không được coi là có ảnh hưởng đáng kể. Điều tương tự áp dụng đối với nỗ lực đào tạo chung.
- Nguồn lực chuyên môn được chia sẻ có thể liên quan đến việc trao đổi thông tin hoặc nhân sự, như nhân sự được chuyển từ một nhóm, tổ chức hay một bộ phận kỹ thuật chung từ tổ chức liên kết nhằm cung cấp cho các doanh nghiệp tham gia về yêu cầu tư vấn kỹ thuật. Trong những trường hợp như vậy, một bên thứ ba thích hợp và có đủ thông tin có nhiều khả năng đưa ra kết luận rằng nguồn lực chuyên môn được chia sẻ là đáng kể. (Tham chiếu. Đoạn. R400.53(f)).

R400.54 Nếu một doanh nghiệp kiểm toán hay một mạng lưới bán các bộ phận chuyên môn, và bộ phận này được sử dụng tất cả hoặc một phần thương hiệu của doanh nghiệp kiểm toán hay của mạng lưới trong thời gian nhất định, các đơn vị liên quan sẽ xác định cách công bố họ không phải là công ty mạng lưới với các đối tác bên ngoài.

400.54 A1 Thỏa thuận bán một bộ phận chuyên môn có thể quy định rằng, trong một thời gian nhất định, cấu phần chuyên môn đã bán có thể tiếp tục được sử dụng tất cả hoặc một phần thương hiệu của doanh nghiệp kiểm toán hay của mạng lưới, mặc dù cấu phần chuyên môn này không còn là phần kết nối giữa doanh nghiệp kiểm toán và mạng lưới. Trong những trường hợp như vậy, trong khi hai đơn vị có thể hoạt động dưới một tên thương hiệu chung, thực tế cho thấy rằng chúng không thuộc về tổ chức liên kết với mục đích hợp tác. Hai đơn vị này không phải là công ty mạng lưới.

[Đoạn 400.55 đến 400.59 được bỏ trống]

Tài liệu lưu trữ về tính độc lập của dịch vụ kiểm toán và soát xét

- R400.60** Doanh nghiệp kiểm toán sẽ ghi lại các kết luận về việc tuân thủ phần này, và bản chất của bất kỳ thảo luận liên quan đến việc đưa ra kết luận. Đặc biệt:
- (a) Khi các biện pháp bảo vệ được áp dụng để giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập, doanh nghiệp kiểm toán ghi lại bản chất của nguy cơ và các biện pháp bảo vệ thực hiện hoặc áp dụng; và
 - (b) Khi một nguy cơ cần được phân tích một cách kỹ càng và doanh nghiệp kiểm toán kết luận rằng nguy cơ ở mức có thể chấp nhận được, doanh nghiệp kiểm toán sẽ ghi lại bản chất của nguy cơ đó và lý do đưa ra kết luận.
- 400.60 A1** Hồ sơ cung cấp bằng chứng về các xét đoán của doanh nghiệp kiểm toán để đưa ra kết luận về việc tuân thủ phần này. Tuy nhiên, việc không đủ hồ sơ không phải là yếu tố xác định liệu rằng doanh nghiệp kiểm toán có xem xét vấn đề cụ thể hay chưa hoặc liệu doanh nghiệp kiểm toán có độc lập hay không.

[Đoạn 400.61 đến 400.69 được bỏ trống]

Mua bán và sáp nhập

Khi việc sáp nhập tạo ra nguy cơ

- 400.70 A1 Một đơn vị có thể trở thành một bên liên quan của khách hàng kiểm toán vì lý do mua bán hoặc sáp nhập. Do đó, nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập và khả năng tiếp tục thực hiện dịch vụ kiểm toán có thể phát sinh do lợi ích hoặc mối quan hệ hiện tại hoặc trước đó giữa doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới và đơn vị liên quan đó.
- R400.71** Các tình huống thực tế được chỉ ra trong Đoạn 400.70 A1,
- (a) Doanh nghiệp kiểm toán xác định và đánh giá lợi ích và mối quan hệ hiện tại và trước đó với đơn vị liên quan, nhằm xem xét bất kỳ hành động thực hiện để giải quyết nguy cơ có thể gây ảnh hưởng đến tính độc lập và do đó khả năng tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ kiểm toán sau ngày mua bán và sáp nhập có hiệu lực.
 - (b) Theo đoạn R400.72, doanh nghiệp kiểm toán phải từng bước thực hiện để chấm dứt mọi lợi ích và mối quan hệ không được Bộ Quy tắc cho phép tại ngày mua bán và sáp nhập có hiệu lực.
- R400.72** Như một ngoại lệ với đoạn R400.71(b), nếu lợi ích và mối quan hệ không thể chấm dứt một cách thoả đáng tại ngày mua bán và sáp nhập có hiệu lực, doanh nghiệp kiểm toán sẽ:

- (a) Đánh giá nguy cơ ảnh hưởng từ lợi ích hay mối quan hệ; và
- (b) Thảo luận với Ban quản trị về lý do lợi ích hay mối quan hệ không thể chấm dứt một cách thỏa đáng tại ngày mua bán và sáp nhập có hiệu lực và đánh giá mức độ ảnh hưởng của nguy cơ đến tính độc lập.

400.72 A1 Trong một số trường hợp, việc chấm dứt lợi ích và mối quan hệ từ nguy cơ ảnh hưởng tại ngày mua bán và sáp nhập có hiệu lực có thể không khả thi. Điều này có thể là do doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho đơn vị liên quan mà đơn vị này không thể chuyển đổi dịch vụ cung cấp sang một đơn vị cung cấp khác tại ngày đó.

400.72 A2 Các yếu tố liên quan đến việc đánh giá mức độ nguy cơ ảnh hưởng từ việc mua bán và sáp nhập khi có những lợi ích và mối quan hệ không thể chấm dứt một cách thỏa đáng, gồm:

- Bản chất và tầm quan trọng của lợi ích và mối quan hệ.
- Bản chất và tầm quan trọng của mối quan hệ với đơn vị liên quan (ví dụ, đơn vị liên quan là công ty mẹ hoặc công ty con).
- Khoảng thời gian đến khi chấm dứt lợi ích và mối quan hệ.

R400.73 Nếu, các thảo luận sau được nêu trong đoạn R400.72(b), Ban quản trị của khách hàng vẫn yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán tiếp tục thực hiện kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán chỉ được tiếp tục cung cấp dịch vụ kiểm toán khi:

- (a) Lợi ích hoặc mối quan hệ sẽ chấm dứt sớm nhất có thể nhưng không muộn hơn sáu (6) tháng kể từ ngày mua bán và sáp nhập có hiệu lực;
- (b) Bất kỳ cá nhân nào có lợi ích hoặc mối quan hệ như vậy, bao gồm việc thực hiện dịch vụ phi đảm bảo không được cho phép tại Mục 600 và các tiểu mục, thì không được tham gia nhóm kiểm toán hoặc không giữ vai trò là cá nhân chịu trách nhiệm soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ; và
- (c) Các thủ tục bổ sung thích hợp cần được áp dụng và được thảo luận với Ban quản trị của khách hàng.

400.73 A1 Ví dụ các thủ tục bổ sung gồm:

- Cử một kế toán viên chuyên nghiệp thích hợp rà soát lại công việc kiểm toán hoặc công việc cung cấp dịch vụ phi đảm bảo nếu thích hợp.
- Mời một kế toán viên chuyên nghiệp không phải là nhân viên của doanh nghiệp kiểm toán đã đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính, thực hiện một cuộc soát xét tương tự như soát xét việc kiểm soát chất lượng hợp đồng dịch vụ.

- Thuê một doanh nghiệp kiểm toán khác để đánh giá kết quả công việc của dịch vụ phi đảm bảo hoặc thực hiện lại dịch vụ đảm bảo trong phạm vi thích hợp đủ để doanh nghiệp kiểm toán đó chịu trách nhiệm về dịch vụ được cung cấp.

R400.74 Doanh nghiệp kiểm toán có thể đã hoàn tất một khối lượng đáng kể các công việc trước ngày mua bán và sáp nhập có hiệu lực và có thể hoàn thành các thủ tục kiểm toán còn lại trong thời gian ngắn. Trong trường hợp như vậy, nếu ban quản trị yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán tiếp tục hoàn thành cuộc kiểm toán trong khi vẫn tồn tại lợi ích và mối quan hệ được xác định trong đoạn 400.70 A1, doanh nghiệp kiểm toán sẽ chỉ thực hiện nếu:

- Đã đánh giá và trao đổi với Ban quản trị của khách hàng về mức độ nghiêm trọng của nguy cơ phát sinh từ các lợi ích hoặc mối quan hệ đó ảnh hưởng và thảo luận về kết quả với Ban quản trị;
- Tuân thủ các quy định của đoạn R400.73(a) đến (c); và
- Chấm dứt việc tiếp tục cung cấp dịch vụ kiểm toán ngay sau khi phát hành báo cáo kiểm toán.

Nếu tính khách quan bị ảnh hưởng

R400.75 Ngay cả khi đáp ứng mọi quy định của đoạn R400.71 đến R400.74, doanh nghiệp kiểm toán vẫn phải xác định liệu các trường hợp đã chỉ ra trong đoạn 400.70 A1 có còn làm phát sinh nguy cơ có ảnh hưởng đáng kể đến tính khách quan hay không. Nếu có, doanh nghiệp kiểm toán không được tiếp tục cung cấp dịch vụ kiểm toán cho khách hàng.

Tài liệu ghi chép

R400.76 Doanh nghiệp kiểm toán phải ghi lại:

- Bất kỳ lợi ích hoặc mối quan hệ được xác định trong đoạn 400.70 A1 mà không được chấm dứt trước ngày mua bán và sáp nhập có hiệu lực và lý do không thể chấm dứt;
- Các thủ tục chuyển tiếp đã được áp dụng;
- Kết quả thảo luận với Ban quản trị; và
- Những lý do giải thích lợi ích và mối quan hệ hiện tại và trước đây không tạo ra nguy cơ làm ảnh hưởng đến tính khách quan.

[Đoạn 400.77 đến 400.79 được bỏ trống.]

Vi phạm điều khoản về tính độc lập áp dụng cho dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét

Khi doanh nghiệp kiểm toán xác định được việc vi phạm

R400.80 Nếu một doanh nghiệp kiểm toán đưa ra kết luận rằng việc vi phạm quy định của Phần này đã xảy ra, doanh nghiệp kiểm toán sẽ:

- (a) Chấm dứt, tạm ngừng hoặc loại bỏ lợi ích hoặc mối quan hệ là nguyên nhân dẫn đến việc vi phạm các quy định và phải xử lý hậu quả của việc vi phạm đó;
- (b) Xem xét liệu có bất kỳ quy định pháp luật nào về xử lý các vi phạm đó hay không, nếu có thì phải:
 - (i) Tuân thủ các quy định đó; và
 - (ii) Xem xét việc báo cáo vi phạm này cho hội nghề nghiệp hoặc cơ quan quản lý hoặc cơ quan giám sát nếu việc báo cáo đó là thông lệ hoặc được yêu cầu theo quy định.
- (c) Thông báo kịp thời những vi phạm theo các chính sách và thủ tục của doanh nghiệp đến:
 - (i) Thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ;
 - (ii) Những người có trách nhiệm về các chính sách và thủ tục liên quan đến tính độc lập;
 - (iii) Các nhân viên liên quan khác trong doanh nghiệp kiểm toán và mạng lưới; và
 - (iv) Những đối tượng phải tuân thủ các quy định về tính độc lập trong Phần 4A để có những biện pháp giải quyết thích hợp;
- (d) Đánh giá mức độ nghiêm trọng của vi phạm và ảnh hưởng của vi phạm đó đến tính khách quan của doanh nghiệp kiểm toán và khả năng phát hành báo cáo kiểm toán; và
- (e) Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm, doanh nghiệp kiểm toán quyết định:
 - (i) Có phải chấm dứt dịch vụ kiểm toán; hoặc
 - (ii) Có thể áp dụng biện pháp phù hợp để xử lý thoả đáng hậu quả của việc vi phạm và liệu biện pháp xử lý đó có thể thực hiện được hay không và có phù hợp với hoàn cảnh cụ thể hay không.

Khi đưa ra quyết định, doanh nghiệp kiểm toán phải sử dụng xét đoán chuyên môn và xem xét liệu một bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin có thể kết luận rằng tính khách quan của doanh nghiệp kiểm toán có bị ảnh hưởng, và do đó, doanh nghiệp kiểm toán không thể phát hành báo cáo kiểm toán.

- 400.80 A1 Việc vi phạm điều khoản của Phần này có thể xảy ra mặc dù doanh nghiệp kiểm toán đã có những chính sách và thủ tục được thiết kế nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý về tính độc lập. Nếu cần thiết, doanh nghiệp có thể chấm dứt dịch vụ kiểm toán vì việc vi phạm trên.
- 400.80 A2 Tầm quan trọng và ảnh hưởng của việc vi phạm tính khách quan của doanh nghiệp kiểm toán và khả năng phát hành báo cáo kiểm toán sẽ phụ thuộc vào các yếu tố như:
- Bản chất và thời gian vi phạm.
 - Số lượng và tính chất của các vi phạm trước đó liên quan đến hợp đồng dịch vụ kiểm toán hiện tại.
 - Liệu thành viên nhóm kiểm toán có hiểu biết về lợi ích và mối quan hệ gây ra vi phạm hay không.
 - Liệu cá nhân gây ra vi phạm là thành viên của nhóm kiểm toán hay cá nhân khác có đáp ứng quy định về tính độc lập không.
 - Vai trò của cá nhân là thành viên của nhóm kiểm toán liên quan đến việc vi phạm.
 - Việc vi phạm gây ra bởi việc cung cấp dịch vụ chuyên môn, ảnh hưởng của dịch vụ đó, nếu có, đến hồ sơ kế toán hay số liệu trên báo cáo tài chính trong phạm vi kiểm toán.
 - Phạm vi của nguy cơ do tư lợi, tự bào chữa, bị đe dọa hay những nguy cơ khác phát sinh từ việc vi phạm.
- 400.80 A3** Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm, các ví dụ về các hành động mà doanh nghiệp có thể xem xét để giải quyết vi phạm một cách thỏa đáng bao gồm:
- Rút cá nhân có liên quan khỏi nhóm kiểm toán.
 - Sử dụng các cá nhân khác nhau để tiến hành soát xét bổ sung công việc kiểm toán bị ảnh hưởng hoặc để thực hiện lại công việc đó trong phạm vi cần thiết.
 - Khuyến nghị khách hàng kiểm toán thuê một doanh nghiệp khác để soát xét hoặc thực hiện lại công việc kiểm toán bị ảnh hưởng trong phạm vi cần thiết.
 - Nếu vi phạm liên quan đến dịch vụ phi đảm bảo ảnh hưởng đến sổ sách kế toán hoặc số liệu được ghi nhận trong báo cáo tài chính, thuê một doanh nghiệp khác đánh giá kết quả của dịch vụ phi đảm bảo hoặc thực hiện lại dịch vụ phi đảm bảo trong phạm vi cần thiết để cho phép doanh nghiệp khác chịu trách nhiệm về dịch vụ.

R400.81 Nếu doanh nghiệp kiểm toán xác định rằng không có biện pháp nào có thể xử lý thỏa đáng hậu quả của vi phạm, thì doanh nghiệp kiểm toán phải thông báo ngay khi có thể với Ban quản trị của khách hàng và thực hiện các thủ tục cần thiết để chấm dứt hợp đồng kiểm toán theo pháp luật và các quy định hiện hành có liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng kiểm toán. Nếu pháp luật và các quy định không cho phép chấm dứt hợp đồng, doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ tất cả các quy định về báo cáo hoặc thuyết minh.

R400.82 Nếu doanh nghiệp kiểm toán xác định được biện pháp có thể xử lý thỏa đáng hậu quả của vi phạm, doanh nghiệp kiểm toán phải trao đổi với Ban quản trị của khách hàng:

- (a) Mức độ nghiêm trọng của vi phạm, bao gồm tính chất và thời gian vi phạm;
- (b) Vi phạm đã diễn ra như thế nào và được phát hiện như thế nào;
- (c) Biện pháp xử lý đã thực hiện hoặc đề xuất thực hiện và giải thích lý do các biện pháp đó có thể xử lý thỏa đáng hậu quả của vi phạm và vẫn có thể đảm bảo việc phát hành được báo cáo kiểm toán;
- (d) Kết luận của doanh nghiệp kiểm toán, dựa trên xét đoán chuyên môn, rằng tính khách quan không bị ảnh hưởng và cơ sở đưa ra kết luận đó; và
- (e) Những biện pháp mà doanh nghiệp kiểm toán đã thực hiện hoặc đề xuất thực hiện nhằm làm giảm hoặc tránh rủi ro xảy ra các vi phạm khác.

Việc trao đổi đó phải được thực hiện ngay khi có thể, trừ khi Ban quản trị của khách hàng đã quy định thời gian khác cho việc báo cáo về các vi phạm ít nghiêm trọng hơn.

Trao đổi vi phạm với Ban quản trị

400.83 A1 Đoạn R300.9 và R300.10 nêu ra quy định về trao đổi với Ban quản trị.

R400.84 Đối với các vi phạm, doanh nghiệp kiểm toán sẽ thực hiện trao đổi bằng văn bản với Ban quản trị:

- (a) Tất cả các vấn đề được trao đổi theo quy định của đoạn R400.82 và có được sự đồng thuận của Ban quản trị mà hành động có thể thực hiện hoặc đã thực hiện để giải quyết thỏa đáng hậu quả của việc vi phạm, và
- (b) Mô tả trong văn bản trao đổi gồm:
 - (i) Chính sách và quy trình liên quan đến vi phạm của doanh nghiệp kiểm toán được thiết kế để cung cấp sự đảm bảo hợp lý về duy trì tính độc lập; và
 - (ii) Bất kỳ các bước mà doanh nghiệp kiểm toán đã thực hiện hoặc đề xuất thực hiện để giảm thiểu hoặc tránh rủi ro cho vi phạm tiếp theo.

R400.85 Nếu Ban quản trị không đồng ý về hành động do doanh nghiệp kiểm toán đề xuất theo đoạn R400.80(e)(ii) nhằm giải quyết thoả đáng hậu quả của việc vi phạm, doanh nghiệp kiểm toán sẽ thực hiện các bước cần thiết để chấm dứt hợp đồng kiểm toán theo đoạn R400.81.

Những vi phạm trong báo cáo kiểm toán kỳ trước

R400.86 Nếu vi phạm xảy ra trước khi phát hành báo cáo kiểm toán kỳ trước, doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các quy định tại Phần 4A đối với việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của vi phạm và ảnh hưởng của vi phạm đến tính khách quan của doanh nghiệp kiểm toán và khả năng phát hành báo cáo cho kỳ hiện tại.

R400.87 Doanh nghiệp kiểm toán cũng phải:

- (a) Xem xét ảnh hưởng của vi phạm, nếu có, đến mục tiêu của doanh nghiệp kiểm toán liên quan đến bất kỳ báo cáo kiểm toán nào đã được phát hành trước đó và khả năng thu hồi các báo cáo kiểm toán đó; và
- (b) Trao đổi vấn đề này với Ban quản trị của khách hàng.

Tài liệu ghi chép

R400.88 Trong việc tuân thủ các yêu cầu trong đoạn R400.80 đến R400.87, doanh nghiệp kiểm toán phải lưu lại tài liệu, hồ sơ về:

- (a) Vi phạm;
- (b) Biện pháp xử lý đã thực hiện;
- (c) Các quyết định quan trọng đã đưa ra;
- (d) Tất cả những vấn đề đã trao đổi với Ban quản trị của khách hàng; và
- (e) Những vấn đề đã trao đổi với các hội nghề nghiệp, cơ quan quản lý hoặc cơ quan giám sát.

R400.89 Nếu doanh nghiệp kiểm toán quyết định tiếp tục thực hiện hợp đồng kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán phải ghi chép và lưu lại tài liệu, hồ sơ:

- (a) Kết luận dựa trên xét đoán chuyên môn rằng tính khách quan không bị ảnh hưởng; và
- (b) Cơ sở cho lý do, biện pháp thực hiện để giải quyết thoả đáng hậu quả vi phạm để doanh nghiệp kiểm toán có thể phát hành báo cáo kiểm toán.

MỤC 410

PHÍ DỊCH VỤ

Giới thiệu

- 410.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 410.2 Bản chất và mức phí dịch vụ hoặc các thù lao khác có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa. Mục này đưa ra các yêu cầu chi tiết và tài liệu hướng dẫn liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp cụ thể.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phí dịch vụ - số tương đối

Đối với toàn bộ các khách hàng kiểm toán

- 410.3 A1 Khi tổng mức phí dịch vụ thu được từ một khách hàng sử dụng dịch vụ đảm bảo chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp kiểm toán, thì sự phụ thuộc và mối lo ngại về việc mất khách hàng đó sẽ làm phát sinh nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa.
- 410.3 A2 Mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ đó phụ thuộc vào các yếu tố như:
- Cơ cấu hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán;
 - Liệt doanh nghiệp kiểm toán mới được thành lập hay đã hoạt động ổn định;
 - Tầm quan trọng của khách hàng đối với doanh nghiệp kiểm toán, xét về mặt định lượng và/hoặc định tính.
- 410.3 A3 Ví dụ biện pháp bảo vệ cần thiết để loại trừ hoặc giải quyết nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa bằng cách gia tăng cơ sở (số lượng) khách hàng nhằm giảm sự phụ thuộc vào khách hàng trên.
- 410.3 A4 Nguy cơ do tư lợi hay nguy cơ bị đe dọa cũng có thể phát sinh khi phí dịch vụ từ một khách hàng kiểm toán chiếm một phần lớn trong tổng doanh thu từ các khách hàng của một thành viên điều hành hoặc chiếm một phần lớn trong tổng doanh thu của một chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán.
- 410.3 A5 Mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ đó phụ thuộc vào các yếu tố như:
- Tầm quan trọng của khách hàng đối với thành viên điều hành hoặc chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán, xét về mặt định lượng và/hoặc định tính.
 - Mức độ thù lao của thành viên điều hành, hoặc các thành viên điều hành chi nhánh phụ thuộc vào phí dịch vụ thu được từ khách hàng.

- 410.3 A6 Ví dụ về các biện pháp bảo vệ để giải quyết các nguy cơ do tư lợi hoặc đe dọa bao gồm:
- Tăng cơ sở khách hàng của thành viên điều hành hoặc văn phòng để giảm sự phụ thuộc vào khách hàng kiểm toán.
 - Cử người soát xét thích hợp không tham gia vào cuộc kiểm toán để soát xét lại công việc kiểm toán.

Khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng

R410.4 Nếu đơn vị có lợi ích công chúng là khách hàng của doanh nghiệp kiểm toán trong hai năm liên tiếp có tổng mức phí dịch vụ từ khách hàng này và các đơn vị có liên quan của khách hàng chiếm hơn mức 15% tổng doanh thu của doanh nghiệp kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán phải:

- (a) Công bố với Ban quản trị của khách hàng rằng tổng phí dịch vụ đó chiếm hơn mức 15% tổng doanh thu của doanh nghiệp kiểm toán và
- (b) Trao đổi về biện pháp bảo vệ nào sau đây sẽ được áp dụng để giải quyết nguy cơ phát sinh từ phí dịch vụ khách hàng, và phải áp dụng biện pháp bảo vệ:
 - (i) Trước khi phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm thứ hai, mời kế toán viên chuyên nghiệp không phải là nhân viên của doanh nghiệp kiểm toán thực hiện soát xét chất lượng cuộc kiểm toán hoặc mời hội nghề nghiệp thực hiện soát xét cuộc kiểm toán đó tương đương với việc soát xét kiểm soát chất lượng kiểm toán (“soát xét trước phát hành”); hoặc
 - (ii) Sau khi đã phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm thứ hai, và trước khi phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm thứ ba, cử kế toán viên chuyên nghiệp không phải là nhân viên của doanh nghiệp kiểm toán, hoặc mời hội nghề nghiệp thực hiện soát xét độc lập cuộc kiểm toán cho năm thứ hai tương đương với việc chuyên gia độc lập soát xét kiểm soát chất lượng cuộc kiểm toán (“soát xét sau phát hành”).

R410.5 Nếu tổng mức phí dịch vụ được nêu tại đoạn R410.4 cao hơn nhiều mức 15% trong tổng doanh thu của doanh nghiệp, doanh nghiệp kiểm toán phải xác định liệu nguy cơ do tư lợi hay nguy cơ bị đe dọa đó có nghiêm trọng đến mức việc soát xét sau phát hành sẽ không làm giảm nguy cơ đó xuống mức có thể chấp nhận được. Do đó doanh nghiệp kiểm toán phải thực hiện soát xét trước phát hành.

R410.6 Nếu mức phí dịch vụ tiếp tục vượt quá mức 15%, mỗi năm doanh nghiệp kiểm toán phải:

- (a) Trình bày và thảo luận với Ban quản trị của khách hàng những vấn đề được đưa tại đoạn R410.4 và
- (b) Tuân thủ nội dung tại đoạn R410.4(b) và R410.5.

Phí quá hạn

- 410.7 A1 Nguy cơ do tư lợi có thể phát sinh nếu khách hàng kiểm toán vẫn chưa thanh toán một phần lớn phí trước khi phát hành báo cáo kiểm toán cho năm tiếp theo. Thông thường doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu thanh toán phí trước khi phát hành báo cáo kiểm toán. Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu tại Mục 511 liên quan đến các khoản vay và bảo lãnh cũng có thể được áp dụng cho các tình huống tồn tại các khoản phí chưa thanh toán.
- 410.7 A2 Ví dụ các biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ do tư lợi như:
- Thu hồi khoản thanh toán một phần phí quá hạn.
 - Cử một người soát xét thích hợp không tham gia nhóm kiểm toán soát xét lại công việc đã thực hiện.

R410.8 Khi khách hàng kiểm toán chưa thanh toán một phần lớn phí trong một thời gian dài, doanh nghiệp kiểm toán sẽ xác định:

- (a) Liệu phí quá hạn có thể được coi là tương đương với một khoản cho khách hàng vay hay không, và
- (b) Liệu rằng do mức độ trọng yếu của khoản phí quá hạn này thì doanh nghiệp kiểm toán có được tiếp tục cuộc kiểm toán hoặc tái bổ nhiệm hay không.

Phí tiềm tàng

410.9 A1 Là mức phí được tính toán dựa trên cơ sở xác định trước phụ thuộc vào kết quả của giao dịch hoặc dịch vụ mà doanh nghiệp kiểm toán thực hiện. Mức phí tiềm tàng được tính thông qua một bên trung gian là ví dụ cho loại phí tiềm tàng gián tiếp. Trong Mục này, mức phí do tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác ấn định không được coi là phí tiềm tàng.

R410.10 Doanh nghiệp kiểm toán không được tính phí trực tiếp hoặc gián tiếp về phí tiềm tàng cho hợp đồng kiểm toán.

R410.11 Một doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được tính phí tiềm tàng trực tiếp hoặc gián tiếp cho dịch vụ phi đảm bảo cho một khách hàng kiểm toán nếu:

- (a) Phí do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tính và khoản phí này là trọng yếu hoặc dự kiến là trọng yếu đối với doanh nghiệp kiểm toán đó;
- (b) Phí do một công ty mạng lưới tham gia vào một phần quan trọng của cuộc kiểm toán tính và khoản phí đó là trọng yếu hoặc dự kiến là trọng yếu đối với công ty mạng lưới đó; hoặc

(c) Kết quả của dịch vụ phi đảm bảo và giá trị của khoản phí phụ thuộc vào xét đoán hiện tại hoặc tương lai liên quan đến việc kiểm toán một khoản mục trọng yếu trong báo cáo tài chính.

410.12 A1 Đoạn R410.10 và R410.11 ngăn ngừa một doanh nghiệp kiểm toán hoặc một công ty mạng lưới tham gia vào thỏa thuận phí tiềm tàng đối với một khách hàng kiểm toán. Ngay cả khi không có thỏa thuận về phí tiềm tàng khi cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán thì cũng có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi.

410.12 A2 Mức độ của nguy cơ trên sẽ phụ thuộc vào các yếu tố như:

- Mức phí tiềm tàng;
- Liệu có một cơ quan có thẩm quyền nào có quyền quyết định kết quả mà khoản phí tiềm tàng được tính dựa trên kết quả đó hay không;
- Công bố thông tin cho đối tượng sử dụng báo cáo kiểm toán về công việc thực hiện bởi doanh nghiệp kiểm toán và cơ sở tính khoản thù lao;
- Bản chất của dịch vụ;
- Ảnh hưởng của sự kiện hoặc giao dịch đối với báo cáo tài chính.

410.12 A3 Ví dụ các biện pháp bảo vệ cần thiết để loại trừ hoặc giải quyết nguy cơ do tư lợi như:

- Cử một người soát xét thích hợp không tham gia cung cấp dịch vụ phi đảm bảo soát xét công việc; hoặc.
- Đạt được thỏa thuận trước bằng văn bản với khách hàng về cơ sở tính thù lao.

MỤC 411

CHÍNH SÁCH ĐÁNH GIÁ VÀ LƯƠNG, THƯỞNG

Giới thiệu

- 411.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 411.2 Chính sách đánh giá và lương, thưởng của doanh nghiệp kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn liên quan đến vận dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp cụ thể.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- 411.3 A1 Nguy cơ do tư lợi phát sinh khi một thành viên nhóm kiểm toán được đánh giá trên hoặc được thưởng dựa trên việc ký kết các hợp đồng dịch vụ phi đảm bảo với khách hàng kiểm toán, mức độ của nguy cơ đó phụ thuộc vào:
- Tỷ trọng phần tiền thưởng hoặc đánh giá công việc của cá nhân dựa vào doanh thu các hợp đồng dịch vụ đó;
 - Vai trò của cá nhân trong nhóm kiểm toán; và
 - Liệu quyết định thăng chức có chịu ảnh hưởng của việc ký kết các hợp đồng dịch vụ đó hay không.
- 411.3 A2 Ví dụ các biện pháp bảo vệ cần thiết có thể loại trừ nguy cơ do tư lợi như:
- Xem xét lại kế hoạch thưởng hoặc quy trình đánh giá cho cá nhân đó.
 - Rút thành viên đó ra khỏi nhóm kiểm toán.
- 411.3 A3 Ví dụ biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ do tư lợi là cử một người soát xét thích hợp soát xét công việc của thành viên nhóm kiểm toán.
- R411.4 Doanh nghiệp kiểm toán không được đánh giá hoặc thưởng cho thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán dựa vào thành công của người đó trong việc ký kết hợp đồng dịch vụ phi đảm bảo với khách hàng kiểm toán. Điều này không nhằm làm hạn chế thỏa thuận chia sẻ lợi nhuận thông thường giữa các thành viên điều hành của doanh nghiệp kiểm toán.

MỤC 420

QUÀ TẶNG VÀ ƯU ĐÃI

Giới thiệu

- 420.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 420.2 Việc chấp nhận quà tặng hoặc ưu đãi từ một khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp cụ thể.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

- R420.3** Một doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới hoặc thành viên nhóm kiểm toán không được nhận quà tặng hoặc ưu đãi từ khách hàng kiểm toán, trừ khi giá trị đó là không đáng kể.
- 420.3 A1 Khi một doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới hoặc thành viên nhóm kiểm toán được đề nghị hoặc chấp nhận ưu đãi đến hoặc từ khách hàng kiểm toán, các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong Mục 340 và việc không tuân thủ các quy định đó có thể làm phát sinh các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 420.3 A2 Các yêu cầu được nêu trong Mục 340 liên quan đến việc đề nghị hoặc chấp nhận ưu đãi không cho phép doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới hoặc thành viên nhóm kiểm toán chấp nhận quà tặng và sự ưu đãi mà có mục đích ảnh hưởng không phù hợp tới hành vi ngay cả khi giá trị đó không đáng kể.

MỤC 430

TRANH CHẤP HOẶC NGUY CƠ XẢY RA TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Giới thiệu

- 430.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 430.2 Khi xảy ra hoặc có khả năng xảy ra kiện tụng, tranh chấp giữa doanh nghiệp kiểm toán với khách hàng kiểm toán sẽ làm phát sinh nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa. Mục này đưa ra tài liệu hướng dẫn cụ thể liên quan đến vận dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Tài liệu hướng dẫn

Phản chung

- 430.3 A1 Mỗi quan hệ giữa Ban Giám đốc của khách hàng và các thành viên nhóm kiểm toán phải dựa trên nguyên tắc hoàn toàn vô tư và công khai về tất cả các mặt hoạt động kinh doanh của khách hàng. Việc kiện tụng dẫn đến tình thế đối đầu giữa khách hàng kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới hoặc thành viên nhóm kiểm toán. Tình thế đối đầu đó có thể ảnh hưởng đến việc Ban Giám đốc mong muốn công khai đầy đủ các thông tin cần thiết và sẽ làm phát sinh nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa.
- 430.3 A2 Mức độ của các nguy cơ đó phụ thuộc vào các yếu tố như:
- Mức trọng yếu của vụ kiện tụng, tranh chấp;
 - Liệu vụ kiện tụng, tranh chấp có liên quan đến một cuộc kiểm toán trước đây hay không.
- 430.3 A3 Nếu kiện tụng liên quan đến một thành viên nhóm kiểm toán thì để loại bỏ nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ do bị đe dọa, biện pháp bảo vệ cần thiết ví dụ như rút thành viên ra khỏi nhóm kiểm toán nếu vụ kiện tụng, tranh chấp có liên quan đến thành viên đó.
- 430.3 A4 Ví dụ biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ do tư lợi và nguy cơ bị đe dọa là cử một người soát xét thích hợp soát xét công việc của thành viên nhóm kiểm toán.

MỤC 510

LỢI ÍCH TÀI CHÍNH

Giới thiệu

- 510.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 510.2 Nhằm giữ lợi ích tài chính tại khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp cụ thể.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phân chung

- 510.3 A1 Lợi ích tài chính có thể được nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua tổ chức trung gian như các quỹ đầu tư tài chính, tổ chức đầu tư bất động sản hoặc ủy thác. Khi chủ sở hữu có quyền kiểm soát đầu tư hoặc có khả năng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư, Bộ quy tắc này định nghĩa rằng lợi ích tài chính đó là lợi ích tài chính trực tiếp. Ngược lại, khi chủ sở hữu không có quyền kiểm soát đầu tư hoặc không có khả năng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư thì lợi ích tài chính đó được xác định là lợi ích tài chính gián tiếp.
- 510.3 A2 Mục này đề cập tới tính trọng yếu của lợi ích tài chính. Để xác định rằng lợi ích tài chính đó có trọng yếu đối với một cá nhân hay không thì có thể xem xét giá trị lợi ích tổng thể của cá nhân và các thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp với cá nhân đó.
- 510.3 A3 Các yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá mức độ nguy cơ do tư lợi từ việc nắm giữ lợi ích tài chính tại khách hàng kiểm toán bao gồm:
- Vai trò của người nắm giữ lợi ích tài chính.
 - Lợi ích tài chính đó là trực tiếp hay gián tiếp.
 - Tính trọng yếu của lợi ích tài chính.

Doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán và các đối tượng khác nắm giữ lợi ích tài chính

- R510.4** Theo đoạn R510.5, lợi ích tài chính trực tiếp hoặc lợi ích tài chính gián tiếp trọng yếu trong khách hàng kiểm toán không nên được nắm giữ bởi:
- (a) Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới;
 - (b) Một thành viên nhóm kiểm toán hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên đó;

- (c) Bất kỳ thành viên điều hành trong doanh nghiệp kiểm toán có liên quan đến hợp đồng kiểm toán hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên đó; hoặc
- (d) Bất kỳ thành viên điều hành doanh nghiệp kiểm toán hoặc nhân viên quản lý cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán, ngoại trừ các cá nhân mà sự liên quan của họ đến khách hàng kiểm toán là không đáng kể, hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với các cá nhân này.

510.4 A1 Một thành viên điều hành có thể được phân công phụ trách cuộc kiểm toán tại một chi nhánh không phải là chi nhánh mà thành viên đó phụ trách. Do đó, khi thành viên điều hành phụ trách cuộc kiểm toán lại phụ trách một chi nhánh khác với chi nhánh mà các thành viên nhóm kiểm toán làm việc, cần xác định xem thành viên điều hành đó thực hiện hoạt động cho chi nhánh nào.

R510.5 Trong đoạn R510.4 nêu ra một ngoại lệ, một thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp trong đoạn R510.4 (c) hoặc (d) có thể nắm giữ lợi ích tài chính trực tiếp hoặc lợi ích tài chính gián tiếp trọng yếu trong khách hàng kiểm toán, miễn là:

- (a) Thành viên có quan hệ gia đình gia đình nhận được lợi ích tài chính từ quyền lợi lao động, ví dụ như lương hưu hoặc quyền chọn mua cổ phiếu và khi cần thiết doanh nghiệp kiểm toán giải quyết nguy cơ có thể phát sinh từ lợi ích tài chính; và
- (b) Khi các thành viên có gia đình có lợi ích tài chính thì nên thực hiện ngay việc thanh lý, chuyển nhượng khi có quyền. Hoặc trong trường hợp là quyền chọn mua cổ phiếu thì thành viên đó được phép thực hiện ngay quyền chọn.

Lợi ích tài chính trong đơn vị kiểm soát khách hàng kiểm toán

R510.6 Khi một đơn vị có lợi ích kiểm soát tại khách hàng kiểm toán và khách hàng đó là trọng yếu đối với đơn vị, bất kỳ doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán hay cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên đó đều không được nắm giữ lợi ích tài chính trực tiếp hoặc lợi ích tài chính gián tiếp trọng yếu trong đơn vị đó.

Lợi ích tài chính trong tổ chức ủy thác

R510.7 Đoạn R510.4 cũng áp dụng cho lợi ích tài chính từ tổ chức ủy thác nắm giữ bởi khách hàng kiểm toán trong đó doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới hoặc cá nhân là thành viên, trừ khi:

- (a) Bên được ủy thác, thành viên nhóm kiểm toán hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên đó, doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới không được hưởng lợi từ bên ủy thác;
- (b) Lợi ích của khách hàng kiểm toán trong tổ chức ủy thác là không trọng yếu;

- (c) Bên ủy thác không có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đối với khách hàng kiểm toán; và
- (d) Bên được ủy thác, thành viên nhóm kiểm toán, cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên đó, doanh nghiệp kiểm toán công ty mạng lưới không có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư liên quan đến lợi ích tài chính trong khách hàng kiểm toán.

Lợi ích tài chính chung với khách hàng kiểm toán

- R510.8**
- (a) Một doanh nghiệp kiểm toán, hoặc công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên đó không được nắm giữ lợi ích tài chính trong một đơn vị mà khách hàng kiểm toán cũng có lợi ích tài chính trong đơn vị đó, trừ khi:
 - (i) Lợi ích tài chính đối với doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán, cá nhân có quan hệ gia đình thân thiết với thành viên đó và khách hàng kiểm toán là không trọng yếu; hoặc
 - (ii) Khách hàng kiểm toán không có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị đó.
 - (b) Trước khi một cá nhân có lợi ích tài chính được nêu ở đoạn R510.8(a) trở thành thành viên nhóm kiểm toán thì cá nhân đó hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên đó cần phải:
 - (i) Chuyển nhượng toàn bộ lợi ích; hoặc
 - (ii) Chuyển nhượng một phần lợi ích sao cho phần còn lại là không đáng kể.

Lợi ích tài chính nhận được một cách thụ động

- R510.9**
- Nếu doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới; thành viên điều hành hoặc nhân viên doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp của họ nhận được lợi ích tài chính trực tiếp hoặc lợi ích tài chính gián tiếp trọng yếu từ khách hàng kiểm toán như một khoản thừa kế, quà biếu hay do kết quả từ việc sáp nhập doanh nghiệp hay tình huống tương tự mà các lợi ích tài chính như vậy không được phép nắm giữ theo quy định của phần này, do đó:
- (a) Nếu doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán hoặc cá nhân có mối quan hệ trực tiếp với thành viên đó nhận được các lợi ích trực tiếp thì phải chuyển nhượng ngay các lợi ích đó hoặc chuyển nhượng một phần lợi ích tài chính gián tiếp sao cho phần còn lại là không đáng kể; hoặc
 - (b) (i) Nếu cá nhân không phải là thành viên nhóm kiểm toán, hoặc thành viên có quan hệ gia đình thân thiết của họ nhận được các lợi ích

tài chính, thì phải chuyển nhượng ngay các lợi ích tài chính này hoặc chuyển nhượng một phần lợi ích tài chính gián tiếp sao cho phần còn lại là không đáng kể; và

- (ii) Trong khi việc chuyển nhượng chưa được thực hiện thì doanh nghiệp kiểm toán phải quyết định xem liệu có cần áp dụng các biện pháp bảo vệ hay không.

Lợi ích tài chính - Các trường hợp khác

Quan hệ gia đình trực tiếp

510.10 A1 Khi một thành viên nhóm kiểm toán hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên nhóm kiểm toán hoặc doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới có lợi ích tài chính trong một đơn vị mà giám đốc, nhà quản lý, chủ sở hữu kiểm soát của khách hàng kiểm toán có lợi ích tài chính trong đơn vị đó có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa.

510.10 A2 Mức độ nghiêm trọng của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Vai trò của thành viên đó trong nhóm kiểm toán.
- Liệu quyền sở hữu đơn vị đó có liên hệ chặt chẽ hay không.
- Liệu lợi ích đó có cho phép nhà đầu tư kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến đơn vị đó hay không.
- Tính trọng yếu của lợi ích tài chính.

510.10 A3 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể loại bỏ nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa là rút thành viên có lợi ích tài chính ra khỏi nhóm kiểm toán.

510.10 A4 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi là cử một người soát xét thích hợp soát xét lại công việc mà thành viên nhóm kiểm toán thực hiện.

Quan hệ gia đình gần gũi

510.10 A5 Thành viên nhóm kiểm toán có quan hệ gia đình gần gũi nắm giữ lợi ích tài chính trực tiếp hoặc lợi ích tài chính gián tiếp trọng yếu trong khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi.

510.10 A6 Mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Bản chất mối quan hệ giữa thành viên nhóm kiểm toán với cá nhân có quan hệ gia đình gần gũi với thành viên đó.
- Liệu lợi ích tài chính đó là trực tiếp hay gián tiếp.
- Tính trọng yếu của lợi ích tài chính đối với thành viên có quan hệ gia đình gần gũi.

- 510.10 A7 Ví dụ các biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi:
- Yêu cầu thành viên nhóm kiểm toán có quan hệ gia đình gần gũi chuyên nhượng toàn bộ lợi ích tài chính (trực tiếp) hoặc một phần lợi ích tài chính gián tiếp sao cho phần còn lại là không đáng kể.
 - Rút thành viên đó ra khỏi nhóm kiểm toán.
- 510.10 A8 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi là cử một người soát xét thích hợp soát xét lại công việc mà thành viên nhóm kiểm toán thực hiện.

Quan hệ cá nhân khác

- 510.10 A9 Nguy cơ do tư lợi có thể phát sinh khi một thành viên nhóm kiểm toán biết rằng một cá nhân nắm giữ lợi ích tài chính trong khách hàng kiểm toán là:
- Thành viên điều hành và kiểm toán viên của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới, ngoại trừ những cá nhân không được phép nắm giữ lợi ích tài chính được nêu trong đoạn R510.4 hoặc cá nhân có quan hệ gia đình thân thiết của họ.
 - Cá nhân có mối quan hệ cá nhân gần gũi với thành viên nhóm kiểm toán.
- 510.10 A10 Mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Cơ cấu, tổ chức hoạt động và báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán.
 - Bản chất mối quan hệ giữa cá nhân với các thành viên nhóm kiểm toán.
- 510.10 A11 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi là rút thành viên có mối quan hệ cá nhân ra khỏi nhóm kiểm toán.
- 510.10 A12 Ví dụ các biện pháp bảo vệ có thể thực hiện để giải quyết nguy cơ do tư lợi:
- Thành viên nhóm kiểm toán không được tham gia vào quá trình ra quyết định quan trọng liên quan đến cuộc kiểm toán.
 - Cử một người soát xét thích hợp soát xét lại công việc mà thành viên nhóm kiểm toán đó thực hiện.

Kế hoạch lợi tức hưu trí của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới

- 510.10 A13 Nguy cơ do tư lợi có thể phát sinh khi kế hoạch lợi tức hưu trí của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới nắm giữ là lợi ích tài chính trực tiếp hoặc lợi ích tài chính gián tiếp trọng yếu đối với đơn vị khách hàng.

MỤC 511

CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ BẢO LÃNH

Giới thiệu

- 511.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 511.2 Một khoản cho vay hoặc bảo lãnh cho vay với khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp cụ thể.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phản chung

- 511.3A1 Mục này bao gồm việc tham chiếu tính trọng yếu của khoản cho vay hoặc bảo lãnh cho vay. Khi xác định liệu rằng khoản cho vay hoặc bảo lãnh cho vay đó có trọng yếu đối với một cá nhân hay không thì có thể xem xét giá trị lợi ích tổng thể của cá nhân và các thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp với cá nhân đó.

Các khoản cho vay và bảo lãnh vay cho khách hàng kiểm toán

- R511.4** Một doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán hoặc cá nhân có quan hệ gia đình thân thiết với thành viên nhóm kiểm toán không được cho vay hoặc bảo lãnh vay cho khách hàng kiểm toán trừ khi khoản vay đó hoặc bảo lãnh vay đó không trọng yếu đối với:
- (a) Doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới hoặc thành viên nhóm kiểm toán thực hiện cho vay hoặc bảo lãnh vay; và
 - (b) Khách hàng kiểm toán.

Các khoản cho vay và bảo lãnh vay với khách hàng kiểm toán là một ngân hàng hoặc tổ chức tương tự

- R511.5** Doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán hoặc bất kỳ cá nhân nào có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên nhóm kiểm toán không được chấp nhận một khoản vay hoặc bảo lãnh vay từ khách hàng kiểm toán là ngân hàng hoặc tổ chức tài chính tương tự trừ khi khoản vay đó hoặc bảo lãnh vay được thực hiện theo các thủ tục, điều khoản và điều kiện vay thông thường.
- 511.5 A1 Ví dụ về các khoản vay gồm vay thế chấp, thấu chi ngân hàng, vay mua ô tô và cung cấp hạn mức tín dụng.
- 511.5 A2 Ngay cả khi khoản cho vay hoặc bảo lãnh vay được thực hiện theo quy trình, điều khoản và điều kiện vay thông thường thì vẫn có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi nếu như khoản cho vay đó hoặc bảo lãnh vay đó là trọng yếu đối với khách hàng kiểm toán hoặc doanh nghiệp kiểm toán nhận khoản vay đó.

- 511.5 A3 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi là cử một người soát xét thích hợp từ một công ty mạng lưới không tham gia vào nhóm kiểm toán và cũng không nhận khoản vay soát xét lại công việc.

Tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản môi giới

- R511.6** Doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán, hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp của họ không được có tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản môi giới tại khách hàng kiểm toán là ngân hàng, công ty môi giới chứng khoán hoặc tổ chức tài chính khác, trừ khi tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản môi giới đó được thực hiện theo các điều khoản kinh doanh thông thường.

Các khoản cho vay và bảo lãnh vay với khách hàng kiểm toán không phải là ngân hàng hoặc tổ chức tài chính

- R511.7** Nếu doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán hoặc cá nhân có quan hệ gia đình thân thiết với thành viên nhóm kiểm toán không được nhận khoản vay hoặc có một khoản bảo lãnh vay bởi khách hàng kiểm toán không phải là ngân hàng hoặc tổ chức tương tự, trừ khi khoản vay đó là không trọng yếu đối với:
- (a) Doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới hoặc thành viên nhóm kiểm toán nhận khoản cho vay hoặc bảo lãnh vay đó; và
 - (b) Khách hàng kiểm toán.

MỤC 520

CÁC MỐI QUAN HỆ KINH DOANH

Giới thiệu

- 520.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 520.2 Mỗi quan hệ kinh doanh mật thiết với khách hàng kiểm toán hoặc Ban Giám đốc của khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cụ thể liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phản chung

- 520.3A1 Mục này bao gồm việc đánh giá tính trọng yếu và sự quan trọng của mối quan hệ kinh doanh. Khi xác định liệu rằng lợi ích tài chính đó có trọng yếu đối với một cá nhân hay không thì có thể xem xét giá trị lợi ích tổng thể của cá nhân và các thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp với cá nhân đó.
- 520.3 A2 Ví dụ mối quan hệ kinh doanh mật thiết phát sinh từ mối quan hệ kinh doanh hoặc lợi ích tài chính chung gồm:
- Có lợi ích tài chính trong một doanh nghiệp liên doanh với khách hàng hoặc chủ sở hữu, Giám đốc, nhân sự cấp cao hoặc cá nhân khác có quyền thực hiện các hoạt động quản lý cấp cao của khách hàng đó.
 - Thỏa thuận kết hợp một hoặc nhiều dịch vụ hoặc sản phẩm của doanh nghiệp kiểm toán với một hoặc nhiều dịch vụ hoặc sản phẩm của khách hàng và quảng bá gói sản phẩm hoặc dịch vụ đó ra thị trường dưới danh nghĩa của cả hai bên.
 - Thỏa thuận về phân phối hoặc tiếp thị, theo đó doanh nghiệp kiểm toán phân phối hoặc tiếp thị sản phẩm, dịch vụ của khách hàng, hoặc khách hàng phân phối hoặc tiếp thị sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán.

Doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán hoặc quan hệ kinh doanh gia đình trực tiếp

- R520.4** Một doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới hoặc thành viên nhóm kiểm toán không được có mối quan hệ kinh doanh mật thiết với khách hàng kiểm toán hoặc Ban Giám đốc của khách hàng kiểm toán trừ khi lợi ích tài chính là không trọng yếu hoặc mối quan hệ kinh doanh là không quan trọng với khách hàng kiểm toán hoặc Ban Giám đốc khách hàng kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới.

520.4 A1 Nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể phát sinh khi có mối quan hệ kinh doanh mật thiết giữa khách hàng kiểm toán hoặc Ban Giám đốc khách hàng kiểm toán với cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp của thành viên nhóm kiểm toán.

Lợi ích tài chính trong các đơn vị góp vốn chung

R520.5 Một doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên nhóm kiểm toán không được có mối quan hệ kinh doanh liên quan đến việc nắm giữ lợi ích trong đơn vị góp vốn chung khi khách hàng kiểm toán hoặc giám đốc hoặc các nhà quản lý cấp cao của khách hàng kiểm toán hoặc bất kỳ nhóm nào trong đó cũng nắm giữ lợi ích trong đơn vị đó, trừ khi:

- (a) Mối quan hệ kinh doanh là không quan trọng với doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới hoặc thành viên nhóm kiểm toán và khách hàng kiểm toán;
- (b) Lợi ích tài chính là không trọng yếu đối với nhà đầu tư hoặc nhóm các nhà đầu tư; và
- (c) Lợi ích tài chính đó không cho phép nhà đầu tư hoặc nhóm các nhà đầu tư khả năng kiểm soát đơn vị góp vốn chung.

Mua hàng hóa hoặc dịch vụ

520.6 A1 Việc doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới, thành viên nhóm kiểm toán hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp của họ mua hàng hóa hoặc dịch vụ từ khách hàng kiểm toán, thường không làm phát sinh nguy cơ đe dọa tính độc lập nếu giao dịch được thực hiện theo điều kiện kinh doanh thông thường và theo giá cả thị trường. Tuy nhiên, bản chất hoặc quy mô của giao dịch có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi.

520.6 A2 Ví dụ các biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi gồm:

- Loại bỏ hoặc giảm quy mô giao dịch; hoặc
- Rút thành viên đó ra khỏi nhóm kiểm toán.

MỤC 521

CÁC MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH VÀ MỐI QUAN HỆ CÁ NHÂN

Giới thiệu

- 521.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 521.2 Quan hệ cá nhân và quan hệ gia đình giữa thành viên nhóm kiểm toán với nhân sự của khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ bị đe dọa. Mục này đưa ra các yêu cầu chi tiết và tài liệu hướng dẫn liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp cụ thể.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phân chung

- 521.3 A1 Quan hệ gia đình và quan hệ cá nhân giữa thành viên nhóm kiểm toán và Giám đốc, nhân sự cấp cao hoặc nhân viên khác (tùy theo vai trò của họ) của khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa.
- 521.3 A2 Mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ này phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Trách nhiệm của cá nhân đó trong nhóm kiểm toán.
 - Vai trò của thành viên gia đình hoặc cá nhân khác với khách hàng kiểm toán và mức độ gần gũi của mối quan hệ.

Quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên nhóm kiểm toán

- 521.4 A1 Nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể phát sinh khi cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên nhóm kiểm toán là nhân viên của khách hàng kiểm toán giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc lưu chuyển tiền tệ của khách hàng kiểm toán.
- 521.4 A2 Mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ này phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Vị trí của thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp đó tại khách hàng;
 - Vai trò của thành viên đó trong nhóm kiểm toán.
- 521.4 A3 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể hạn chế nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa là rút thành viên đó ra khỏi nhóm kiểm toán.
- 521.4 A4 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể đối phó nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa là phân công lại trách nhiệm trong nhóm kiểm toán để thành viên đó không phụ trách các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp của họ.

R521.5 Một cá nhân không được tham gia vào nhóm kiểm toán khi cá nhân đó có quan hệ gia đình trực tiếp với người là:

- (a) Giám đốc, nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán;
- (b) Nhân viên của khách hàng kiểm toán nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán hay lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán; hoặc
- (c) Từng giữ vị trí như vậy trong thời kỳ hợp đồng dịch vụ hoặc kỳ kế toán.

Quan hệ gia đình gần gũi với thành viên nhóm kiểm toán

521.6 A1 Nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể phát sinh khi cá nhân có quan hệ gia đình gần gũi với thành viên nhóm kiểm toán là:

- (a) Giám đốc, nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán; hoặc
- (b) Nhân viên của khách hàng kiểm toán nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán hay lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán.

521.6 A2 Mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ này phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Tính chất mối quan hệ giữa thành viên nhóm kiểm toán với thành viên có quan hệ gia đình gần gũi đó.
- Vị trí của thành viên có quan hệ gia đình gần gũi tại khách hàng kiểm toán.
- Vai trò của thành viên đó trong nhóm kiểm toán.

521.6 A3 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa là rút thành viên có mối quan hệ cá nhân ra khỏi nhóm kiểm toán.

521.6 A4 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa là phân công lại trách nhiệm trong nhóm kiểm toán để thành viên đó không phụ trách các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của cá nhân có quan hệ gia đình gần gũi của họ.

Mối quan hệ gần gũi khác với thành viên nhóm kiểm toán

R521.7 Thành viên nhóm kiểm toán phải tham khảo ý kiến tư vấn theo các chính sách và thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán khi thành viên nhóm kiểm toán đó có mối quan hệ gần gũi với cá nhân mà người này không phải là thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi, nhưng là:

- (a) Giám đốc, nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán; hoặc
- (b) Nhân viên của khách hàng kiểm toán nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán hay lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán.

- 521.7 A1 Mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ này phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Tính chất mối quan hệ giữa thành viên nhóm kiểm toán và cá nhân đó.
 - Vị trí của cá nhân đó tại khách hàng kiểm toán.
 - Vai trò của thành viên đó trong nhóm kiểm toán.
- 521.7 A2 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa là rút thành viên có mối quan hệ cá nhân ra khỏi nhóm kiểm toán.
- 521.7 A3 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa là phân công lại trách nhiệm trong nhóm kiểm toán để thành viên đó không phụ trách các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của thành viên có mối quan hệ gần gũi.

Mối quan hệ giữa thành viên điều hành doanh nghiệp kiểm toán và nhân viên của doanh nghiệp kiểm toán

R521.8 Thành viên điều hành và nhân viên của doanh nghiệp kiểm toán phải tham khảo ý kiến tư vấn theo các chính sách và thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán khi họ nhận biết mối quan hệ cá nhân hoặc quan hệ gia đình giữa:

- (a) Thành viên điều hành hoặc nhân viên chuyên nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới mà không thuộc nhóm kiểm toán; và
- (b) Giám đốc, hoặc nhân sự cấp cao hoặc nhân viên của khách hàng kiểm toán nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán hay lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán.

521.8 A1 Các yếu tố thích hợp để đánh giá mức độ các nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể phát sinh từ mối quan hệ đó, bao gồm:

- Bản chất của mối quan hệ giữa thành viên điều hành hoặc nhân viên chuyên nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán với giám đốc, nhân sự cấp cao hoặc nhân viên khác của khách hàng kiểm toán.
- Mức độ tương tác giữa thành viên điều hành hoặc nhân viên của doanh nghiệp kiểm toán với thành viên nhóm kiểm toán.
- Vị trí của thành viên điều hành hoặc nhân viên chuyên nghiệp đó trong doanh nghiệp kiểm toán.
- Vị trí của nhân sự nắm giữ trong khách hàng kiểm toán.

521.8 A2 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa là:

- Phân công lại trách nhiệm của thành viên điều hành hoặc nhân viên chuyên nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán để làm giảm ảnh hưởng tiềm tàng đối với hợp đồng kiểm toán; hoặc
- Cử một người soát xét phù hợp soát xét lại các công việc kiểm toán có liên quan đã thực hiện.

MỤC 522

DỊCH VỤ GẦN ĐÂY VỚI KHÁCH HÀNG KIỂM TOÁN

Giới thiệu

- 522.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 522.2 Các nguy cơ do tư lợi, nguy cơ tự kiểm tra hay nguy cơ từ sự quen thuộc có thể phát sinh nếu thành viên nhóm kiểm toán gần đây đã từng là Giám đốc hoặc nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán. Mục này đưa ra các yêu cầu riêng và tài liệu hướng dẫn thích hợp áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Dịch vụ trong giai đoạn thuộc kỳ báo cáo kiểm toán

- R522.3** Thành viên của nhóm kiểm toán không bao gồm các cá nhân mà, trong giai đoạn thuộc kỳ báo cáo kiểm toán:
- (a) Đã từng là giám đốc hoặc nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán; hoặc
 - (b) Đã từng là nhân viên nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán hay lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dịch vụ trước giai đoạn có báo cáo kiểm toán

- 522.4 A1 Nguy cơ do tư lợi, nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ từ sự quen thuộc có thể phát sinh nếu trước giai đoạn có báo cáo kiểm toán, thành viên nhóm kiểm toán:
- (a) Đã từng là giám đốc hoặc nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán; hoặc
 - (b) Đã từng là nhân viên nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán hay lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ví dụ, các nguy cơ trên có thể xảy ra khi một quyết định hay công việc của cá nhân đó thực hiện khi họ còn làm việc cho khách hàng kiểm toán trong giai đoạn trước được đánh giá trong giai đoạn này như là một phần phạm vi công việc của cuộc kiểm toán cho giai đoạn này.

- 522.4 A2 Mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ này phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Vị trí mà cá nhân đã nắm giữ khi còn làm việc cho khách hàng kiểm toán.
 - Khoảng thời gian từ khi cá nhân đó không còn làm việc cho khách hàng kiểm toán.
 - Vai trò của cá nhân đó trong nhóm kiểm toán.

522.4 A3 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ từ sự quen thuộc là cử một người soát xét thích hợp soát xét lại công việc của nhóm kiểm toán.

MỤC 523

LÀM VIỆC VỚI VAI TRÒ LÀ GIÁM ĐỐC HOẶC NHÂN SỰ CẤP CAO CỦA KHÁCH HÀNG KIỂM TOÁN

Giới thiệu

- 523.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 523.2 Làm việc với vai trò là Giám đốc, nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi và nguy cơ tự kiểm tra. Mục này đưa ra các yêu cầu riêng và tài liệu hướng dẫn liên quan.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Làm việc với vai trò giám đốc hoặc nhân sự cấp cao

- R523.3** Thành viên điều hành hoặc nhân viên của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được nắm giữ chức vụ là Giám đốc, nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán.

Làm việc với vai trò thư ký công ty

- R523.4** Thành viên điều hành hoặc nhân viên chuyên nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được nắm giữ chức vụ là thư ký công ty của khách hàng kiểm toán, trừ khi:
- (a) Việc này được pháp luật, các thông lệ và quy tắc nghề nghiệp cho phép một cách cụ thể;
 - (b) Ban Giám đốc đưa ra mọi quyết định phù hợp; và
 - (c) Nhiệm vụ và hoạt động của thư ký công ty chỉ giới hạn ở các công việc có tính chất hành chính và theo thủ tục như chuẩn bị các biên bản họp, lưu giữ tài liệu theo luật định.
- 523.4 A1 Vị trí thư ký công ty có vai trò khác nhau trong các khu vực pháp lý khác nhau. Nhiệm vụ có thể phạm vi từ: nhiệm vụ hành chính (ví dụ việc quản lý nhân sự, lưu giữ tài liệu, danh sách đăng ký của doanh nghiệp) đến các nhiệm vụ đa dạng như đảm bảo cho doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật hoặc đưa ra tư vấn về quản trị doanh nghiệp. Nhìn chung, vị trí này có mối quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp. Vì vậy, nguy cơ có thể phát sinh nếu như thành viên điều hành hoặc nhân viên chuyên nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới giữ vai trò là thư ký công ty của khách hàng kiểm toán. (Thông tin thêm về cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán được đề cập trong Mục 600, *điều khoản về dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán.*)

MỤC 524

LÀM VIỆC CHO KHÁCH HÀNG KIỂM TOÁN

Giới thiệu

- 524.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 524.2 Mỗi quan hệ do việc làm với khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa. Mục này đưa ra các yêu cầu riêng và tài liệu hướng dẫn thích hợp để áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Với mọi khách hàng kiểm toán

- 524.3 A1 Nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể phát sinh nếu các cá nhân sau đây là thành viên của nhóm kiểm toán hoặc là thành viên điều hành của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới:
- Giám đốc hoặc nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán.
 - Nhân viên nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán hay lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ý kiến kiểm toán.

Những hạn chế đối với thành viên điều hành hoặc nhóm kiểm toán trước đây

- R524.4** Doanh nghiệp kiểm toán nên đảm bảo rằng không có mối liên hệ đáng kể nào tồn tại giữa doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới và:
- (a) Thành viên điều hành trước đây của doanh nghiệp kiểm toán hiện đang làm việc cho khách hàng kiểm toán; hoặc
 - (b) Thành viên trước đây của nhóm kiểm toán hiện đang làm việc cho khách hàng kiểm toán, giữ các chức vụ như:
 - (i) Giám đốc hoặc nhân sự cấp cao; hoặc
 - (ii) Nhân viên nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán hay lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán.

Giữa doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới với các cá nhân trên sẽ tồn tại một mối liên hệ đáng kể, trừ khi:

- (a) Cá nhân đó không nhận được bất kỳ lợi ích hay khoản thanh toán nào từ doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới theo các thỏa thuận cụ thể từ trước;

- (b) Bất kỳ khoản tiền phải trả nào cho cá nhân đó đều không trọng yếu đối với doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới; và
- (c) Cá nhân đó không tiếp tục tham gia hoặc giống như có tham gia vào hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động chuyên môn của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới.

- 524.4 A1 Thậm chí nếu mọi yêu cầu trong đoạn R524.4 đạt được, nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ bị đe dọa vẫn có thể phát sinh.
- 524.4 A2 Nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ bị đe dọa vẫn có thể phát sinh nếu một người trước đây là thành viên của Ban Giám đốc doanh nghiệp kiểm toán hay công ty mạng lưới làm việc cho một đơn vị ở một trong những vị trí mô tả trong đoạn 524.3 A1 và đơn vị này sau đó trở thành khách hàng kiểm toán.
- 524.4 A3 Mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Vị trí của cá nhân đó khi làm việc tại khách hàng kiểm toán.
 - Mức độ liên quan của cá nhân đó đối với nhóm kiểm toán.
 - Khoảng thời gian từ khi cá nhân đó không còn là thành viên của nhóm kiểm toán hoặc là thành viên của Ban Giám đốc doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới đến thời gian thực hiện cuộc kiểm toán.
 - Vị trí trước đây của cá nhân đó trong nhóm kiểm toán, trong doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới. Ví dụ, liệu cá nhân đó có chịu trách nhiệm giữ liên lạc thường xuyên với Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị của khách hàng kiểm toán hay không.
- 524.4 A4 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa bao gồm:
- Điều chỉnh lại kế hoạch kiểm toán.
 - Phân công vào nhóm kiểm toán một thành viên có kinh nghiệm phù hợp để làm việc với thành viên đã chuyển sang làm cho khách hàng kiểm toán đó.
 - Bố trí một người soát xét thích hợp soát xét lại công việc do thành viên trước đây của nhóm kiểm toán thực hiện.

Thành viên nhóm kiểm toán làm việc cho khách hàng kiểm toán

- R524.5** Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cần có các chính sách và thủ tục quy định các thành viên trong nhóm kiểm toán phải thông báo với doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới ngay khi bắt đầu đàm phán về việc làm với khách hàng kiểm toán.
- 524.5 A1 Nguy cơ do tư lợi có thể phát sinh khi một thành viên nhóm kiểm toán biết rằng trong tương lai họ sẽ hoặc có thể làm cho khách hàng kiểm toán.
- 524.5 A2 Một ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể loại bỏ nguy cơ do tư lợi là rút thành viên đó ra khỏi nhóm kiểm toán.

524.5 A3 Một ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi là cử một người soát xét thích hợp xem xét lại các xét đoán quan trọng của cá nhân đó khi còn là thành viên nhóm kiểm toán.

Khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng

Thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán

R524.6 Theo như đoạn R524.8, nếu thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán chuyển sang nắm giữ các chức vụ sau tại các đơn vị có lợi ích công chúng là khách hàng kiểm toán:

- (a) Giám đốc hoặc nhân sự cấp cao của đơn vị; hoặc
- (b) Nhân viên nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán.

tính độc lập sẽ bị vi phạm trừ khi sau đó cá nhân không còn là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán:

- (i) Khách hàng kiểm toán phát hành báo cáo tài chính đã được kiểm toán sau 12 tháng; và
- (ii) Cá nhân không nằm trong nhóm kiểm toán báo cáo tài chính.

Phó hay Giám đốc điều hành doanh nghiệp kiểm toán

R524.7 Theo như đoạn R524.8, nếu một cá nhân với cương vị là vai trò Phó hay Giám đốc điều hành doanh nghiệp kiểm toán chuyển sang nắm giữ các chức vụ sau tại khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng:

- (a) Giám đốc hoặc nhân sự cấp cao của đơn vị; hoặc
- (b) Nhân viên nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán hay lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tính độc lập sẽ bị vi phạm, trừ khi cá nhân giữ chức vụ giám đốc điều hành doanh nghiệp kiểm toán nắm giữ các chức vụ nói trên sau 12 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm toán.

Hợp nhất kinh doanh

R524.8 Một ngoại lệ được đề cập trong đoạn R524.6 và R524.7, tính độc lập không bị vi phạm nếu những tình huống dưới đây là kết quả của hợp nhất kinh doanh và:

- (a) Vị trí đó không được dự tính trước khi hợp nhất kinh doanh.

- (b) Bất kỳ lợi ích hoặc khoản cần thanh toán nào cho thành viên điều hành trước đây đã được doanh nghiệp kiểm toán chi trả đầy đủ, trừ khi việc chưa thanh toán là dựa theo các thỏa thuận cụ thể từ trước và bất kỳ khoản nợ chưa thanh toán nào cho thành viên này đều là không trọng yếu với doanh nghiệp kiểm toán;
- (c) Thành viên điều hành trước đây không tiếp tục tham gia hoặc không thể hiện là có tham gia vào hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động chuyên môn của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới; và
- (d) Doanh nghiệp kiểm toán thảo luận về chức vụ của thành viên điều hành trước đây nắm giữ trong khách hàng kiểm toán với Ban quản trị của khách hàng kiểm toán.

MỤC 525

CỬ NHÂN VIÊN ĐẾN LÀM VIỆC TẠM THỜI CHO KHÁCH HÀNG KIỂM TOÁN

Giới thiệu

- 525.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 525.2 Việc doanh nghiệp kiểm toán cử nhân viên chuyên nghiệp đến làm việc tạm thời cho khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ tự kiểm tra, nguy cơ về sự bào chữa và nguy cơ từ sự quen thuộc. Mục này đưa ra các yêu cầu riêng và tài liệu hướng dẫn phù hợp để áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phản chung

- 525.3 A1 Ví dụ về các biện pháp bảo vệ có thể giải quyết các nguy cơ từ việc doanh nghiệp kiểm toán cử nhân viên đến làm việc tạm thời cho khách hàng kiểm toán bao gồm:
- Thực hiện soát xét bổ sung đối với công việc của nhân viên này có thể giải quyết nguy cơ tự kiểm tra;
 - Không bố trí nhân viên này vào nhóm kiểm toán có thể giải quyết nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ về sự bào chữa.
 - Không giao cho nhân viên này bất kỳ công việc kiểm toán nào liên quan đến các chức năng và hoạt động mà nhân viên này thực hiện trong quá trình làm việc tạm thời có thể giải quyết nguy cơ tự kiểm tra.
- 525.3 A1 Khi nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ về sự bào chữa phát sinh từ việc cử nhân viên đến làm việc tạm thời đến mức mà doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới trở nên quá gắn chặt về quan điểm và lợi ích, các biện pháp bảo vệ hiện tại sẽ không hiệu quả.
- R525.4** Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không nên cử nhân viên đến làm việc tạm thời cho khách hàng kiểm toán, trừ khi:
- (a) Sự hỗ trợ này có thể được thực hiện nhưng chỉ trong thời gian ngắn;
 - (b) Các nhân viên không tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo mà sẽ không được phép theo Mục 600 và các tiểu mục của nó; và
 - (c) Không được nắm giữ các trách nhiệm quản lý và khách hàng kiểm toán phải chịu trách nhiệm chỉ đạo và giám sát các hoạt động của nhân viên tạm thời này.

MỤC 540

CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM TOÁN CHO KHÁCH HÀNG KIỂM TOÁN TRONG NHIỀU NĂM (BAO GỒM VIỆC LUÂN CHUYỂN THÀNH VIÊN ĐIỀU HÀNH VỚI KHÁCH HÀNG KIỂM TOÁN)

Giới thiệu

- 540.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 540.2 Việc một cá nhân của doanh nghiệp kiểm toán tham gia nhóm kiểm toán cho cùng một khách hàng trong nhiều năm có thể làm phát sinh nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ do tư lợi. Mục này đưa ra các yêu cầu riêng và tài liệu hướng dẫn thích hợp để áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Đối với mọi khách hàng kiểm toán

- 540.3 A1 Mặc dù sự hiểu biết về khách hàng kiểm toán và môi trường của khách hàng là nền tảng cho chất lượng kiểm toán, nguy cơ từ sự quen thuộc có thể phát sinh do cá nhân làm việc lâu năm với vai trò là thành viên nhóm kiểm toán với:
- (a) Khách hàng kiểm toán và các hoạt động kinh doanh của khách hàng;
 - (b) Nhân sự cấp cao của khách hàng kiểm toán; hoặc
 - (c) Báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc thông tin tài chính hình thành trên cơ sở của báo cáo tài chính.
- 540.3 A2 Nguy cơ do tư lợi có thể phát sinh do cá nhân e ngại mất đi một khách hàng lâu năm hoặc quan tâm đến việc duy trì mối quan hệ cá nhân chặt chẽ với thành viên Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị. Nguy cơ đó có thể ảnh hưởng đến những xét đoán cá nhân không thích hợp.
- 540.3 A3 Các yếu tố thích hợp để đánh giá mức nguy cơ từ sự quen thuộc hay nguy cơ do tư lợi, bao gồm:
- (a) Trong mỗi quan hệ với cá nhân:
 - Khoảng thời gian cá nhân có mối quan hệ với khách hàng kiểm toán, bao gồm cả khi cá nhân làm việc cho doanh nghiệp kiểm toán trước đó.
 - Khoảng thời gian mà cá nhân là thành viên nhóm kiểm toán và vai trò của cá nhân đó trong nhóm.

- Phạm vi công việc của cá nhân được chỉ đạo, soát xét và giám sát bởi nhiều quản lý cấp cao hơn.
 - Mức độ mà cá nhân có khả năng ảnh hưởng đến kết quả của cuộc kiểm toán dựa vào thâm niên trong công việc, ví dụ, bằng cách đưa ra các quyết định quan trọng hoặc chỉ đạo công việc của các thành viên của trong nhóm kiểm toán khác.
 - Sự gắn gũi của mối quan hệ cá nhân với Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị.
 - Bản chất, mức độ thường xuyên và phạm vi tương tác giữa cá nhân với Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị
- (b) Trong mối quan hệ với khách hàng kiểm toán:
- Bản chất hoặc sự phức tạp của các vấn đề về kế toán và báo cáo tài chính và liệu các vấn đề này có thay đổi hay không.
 - Liệu có bất kỳ thay đổi gần đây trong Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị.
 - Liệu có bất kỳ thay đổi cấu trúc nào trong tổ chức khách hàng kiểm toán có ảnh hưởng đến bản chất, mức độ thường xuyên và phạm vi tương tác giữa cá nhân với Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị.

540.3 A4 Sự kết hợp của hai hoặc nhiều yếu tố có thể làm tăng hoặc giảm mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ. Ví dụ, các nguy cơ từ sự quen thuộc được tạo ra bởi mối quan hệ thân thiết theo thời gian giữa một cá nhân và một thành viên Ban Giám đốc của khách hàng sẽ bị giảm đi khi thành viên đó rời khỏi doanh nghiệp.

540.3 A5 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể loại bỏ nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ do tư lợi của cá nhân tham gia cuộc kiểm toán trong một thời gian dài là luân chuyển cá nhân khỏi nhóm kiểm toán.

540.3 A6 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ do tư lợi của cá nhân bao gồm:

- Thay đổi vai trò của cá nhân trong nhóm kiểm toán hoặc tính chất và phạm vi công việc mà cá nhân thực hiện.
- Cử một người soát xét thích hợp không phải là thành viên nhóm kiểm toán soát xét công việc do cá nhân này thực hiện.
- Định kỳ thực hiện kiểm soát chất lượng nội bộ hoặc độc lập từ bên ngoài đối với các cuộc kiểm toán.

R540.4 Nếu doanh nghiệp kiểm toán cho rằng các nguy cơ phát sinh chỉ có thể được giải quyết bằng cách luân chuyển cá nhân ra khỏi nhóm kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán sẽ xác định một khoảng thời gian thích hợp mà trong khoảng thời gian đó cá nhân sẽ không được:

- (a) Là thành viên của nhóm kiểm toán;
- (b) Thực hiện kiểm soát chất lượng cho cuộc kiểm toán; hoặc
- (c) Thực hiện công việc có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của cuộc kiểm toán.

Khoảng thời gian phải đủ dài để cho phép giải quyết nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ do tư lợi. Trong trường hợp khách hàng là đơn vị có lợi ích công chúng, các đoạn từ R540.5 đến R540.20 cũng được áp dụng.

Khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng

R540.5 Theo các đoạn R540.7 đến R540.9, đối với kiểm toán một đơn vị có lợi ích công chúng, một cá nhân sẽ không đóng bất kỳ vai trò nào sau đây, hoặc kết hợp các vai trò đó, cho khoản thời gian không quá bảy năm tích lũy (thời gian làm kiểm toán):

- (a) Thành viên điều hành phụ trách cuộc kiểm toán;
- (b) Cá nhân được chỉ định chịu trách nhiệm soát xét kiểm soát chất lượng cuộc kiểm toán; hoặc
- (c) Bất kỳ thành viên khác có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán.

Sau thời gian tích lũy, cá nhân sẽ phải ngừng (gián đoạn) kiểm toán theo trong các đoạn R540.11 đến R540.19.

R540.6 Khi tính thời gian tích lũy, số năm sẽ không được bắt đầu tính lại trừ khi cá nhân ngừng không thực hiện bất kỳ vai trò nào trong đoạn R540.5 (a) đến (c) trong một khoảng thời gian tối thiểu. Khoảng thời gian tối thiểu này là một khoảng thời gian liên tục bằng ít nhất là thời gian ngừng kiểm toán được xác định theo các đoạn R540.11 đến R540.13, áp dụng cho vai trò mà cá nhân thực hiện trong năm ngay trước khi ngừng tham gia.

540.6 A1 Ví dụ, một cá nhân thực hiện dịch vụ kiểm toán trong bốn năm, tiếp theo gián đoạn ba năm chỉ có thể đảm nhiệm vai trò là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán cho cùng khách hàng kiểm toán thêm ba năm (tức số năm tích lũy tổng cộng là bảy năm). Sau đó, cá nhân đó được yêu cầu không thực hiện kiểm toán phù hợp đoạn R540.14.

R540.7 Trường hợp ngoại lệ đối với đoạn R540.5, thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán đặc biệt quan trọng đối với chất lượng cuộc kiểm toán trong những trường hợp hiếm gặp do không lường trước nằm ngoài sự kiểm soát của doanh nghiệp và với sự cho phép của Ban quản trị, thực hiện vượt quá số năm cho phép cũng như nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập trong trường hợp này có thể được loại bỏ hoặc giảm xuống đến mức có thể chấp nhận được.

540.7.A1 Ví dụ, thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán có thể giữ vai trò này thêm một năm trong trường hợp các sự kiện không lường trước được và việc luân chuyển là không thể thực hiện được như là người dự định thay thế bị ốm nặng. Trong những tình huống như vậy, doanh nghiệp kiểm toán cần thảo luận với Ban quản trị về lý do kế hoạch luân chuyển không thể thực hiện được và sự cần thiết của các biện pháp bảo vệ để làm giảm các nguy cơ được tạo ra.

R540.8 Nếu khách hàng kiểm toán trở thành đơn vị có lợi ích công chúng, doanh nghiệp sẽ phải tính đến khoảng thời gian cá nhân tham gia cuộc kiểm toán với tư cách là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán trước khi khách hàng trở thành đơn vị có lợi ích công chúng để xác định thời gian cần luân chuyển. Nếu cá nhân phục vụ cho khách hàng kiểm toán với vai trò là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán với tổng thời gian tích lũy năm năm hoặc ít hơn khi khách hàng trở thành đơn vị có lợi ích công chúng, số năm mà cá nhân có thể tiếp tục vai trò này trước khi bị luân chuyển là bảy năm trừ đi số năm đã thực hiện kiểm toán. Như là một ngoại lệ so với đoạn R540.5, nếu cá nhân đã là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán trong tổng thời gian sáu năm trở lên trước khi khách hàng trở thành đơn vị có lợi ích công chúng, thì cá nhân đó có thể tiếp tục tham gia cuộc kiểm toán với sự cho phép của Ban quản trị trong tối đa hai năm trước khi luân chuyển hợp đồng.

R540.9 Khi doanh nghiệp chỉ có một vài người có kiến thức và kinh nghiệm cần thiết để làm thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng, việc luân chuyển cá nhân này là không thể. Như là ngoại lệ so với đoạn R540.5, nếu một cơ quan chức năng độc lập thuộc lĩnh vực pháp lý cho phép miễn trừ luân chuyển trong những trường hợp như vậy, cá nhân có thể vẫn là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán trong hơn bảy năm, theo sự miễn trừ đó. Điều này cho thấy rằng các cơ quan quản lý độc lập có thể áp dụng những yêu cầu cụ thể khác, chẳng hạn như khoảng thời gian mà thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán có thể được miễn trừ luân chuyển hoặc soát xét độc lập định kỳ từ bên ngoài.

Một số cân nhắc khác liên quan đến khoảng thời gian kiểm toán

R540.10 Khi đánh giá các nguy cơ do sự cộng tác với hợp đồng kiểm toán lâu dài, doanh nghiệp kiểm toán sẽ xem xét đặc biệt đến các vai trò và thời gian cá nhân thực hiện trong hợp đồng kiểm toán trước khi cá nhân trở thành thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán.

540.10 A1 Khi áp dụng khuôn khổ khái niệm, có thể có những tình huống mà doanh nghiệp kết luận rằng không phù hợp cho cá nhân tiếp tục là thành viên có vai trò chủ chốt tiếp tục vai trò này trong cuộc kiểm toán mặc dù thời gian giữ vai trò đó ít hơn tổng thời gian bảy năm.

Thời kỳ gián đoạn

- R540.11** Nếu cá nhân nắm giữ vai trò là thành viên điều hành phụ trách hợp đồng kiểm toán trong khoảng thời gian tích lũy là bảy năm thì phải ngừng kiểm toán năm năm liên tiếp sau đó.
- R540.12** Khi cá nhân được bổ nhiệm chịu trách nhiệm soát xét việc kiểm soát chất lượng hợp đồng kiểm toán và có khả năng thực hiện trong tổng thời gian bảy năm tích lũy, thời gian phải ngừng kiểm toán là ba năm liên tiếp sau đó.
- R540.13** Nếu cá nhân nắm giữ vai trò là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán ngoài đối tượng được nêu trong đoạn R540.11 và R540.12 trong khoảng thời gian tích lũy bảy năm, thời kỳ ngừng kiểm toán sẽ là hai năm liên tiếp sau đó.

Dịch vụ có sự kết hợp các thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán

- R540.14** Nếu cá nhân nắm giữ vai trò vừa là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán, vừa là thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ từ tổng thời gian tích lũy là bốn năm trở lên, thời gian ngừng kiểm toán sẽ là năm năm liên tiếp sau đó.
- R540.15** Theo đoạn R540.16(a), nếu cá nhân nắm giữ vai trò vừa là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán, vừa là thành viên chịu trách nhiệm soát xét việc kiểm soát chất lượng hợp đồng kiểm toán trong tổng thời gian tích lũy là bốn năm liên tục trở lên, thời kỳ ngừng kiểm toán sẽ là ba năm liên tiếp sau đó.
- R540.16** Nếu cá nhân nắm giữ vai trò vừa là thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ, vừa là thành viên chịu trách nhiệm soát xét việc kiểm soát chất lượng hợp đồng kiểm toán trong tổng thời gian tích lũy là bốn năm trở lên, thời gian ngừng kiểm toán sẽ là:
- (a) Như một ngoại lệ so với đoạn R540.15, thời kỳ ngừng kiểm toán là năm năm liên tục khi cá nhân nắm giữ vai trò thành viên điều hành phụ trách hợp đồng kiểm toán từ ba năm trở lên; hoặc
 - (b) Ba năm liên tiếp trong các trường hợp kiêm nhiệm khác.
- R540.17** Nếu cá nhân là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán nắm giữ các vai trò khác nhau không được đề cập trong các từ R540.14 đến R540.16, thời gian ngừng kiểm toán sẽ là hai năm liên tiếp sau đó.

Dịch vụ tại doanh nghiệp kiểm toán trước đây

- R540.18** Để xác định số năm một cá nhân là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán được quy định tại đoạn R540.5, phải bao gồm cả thời gian cá nhân đó là thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán tại doanh nghiệp kiểm toán trước đây.

Rút ngắn thời gian ngừng kiểm toán theo luật và quy định

R540.19 Khi một cơ quan pháp luật hay có thẩm quyền (hoặc tổ chức được ủy quyền hoặc công nhận bởi cơ quan pháp luật hay có thẩm quyền) quy định thời gian ngừng kiểm toán đối với thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ ít hơn tổng năm năm liên tục, lúc này số năm nào cao hơn giữa thời gian đó và ba năm sẽ được thay thế cho thời gian ngừng kiểm toán là năm năm liên tiếp được quy định tại đoạn R540.11, R540.14 và đoạn R540.16(a), như vậy thời gian kiểm toán tích lũy áp dụng không được vượt quá bảy năm.

Hạn chế về các hoạt động trong thời gian ngừng kiểm toán

R540.20 Trong khoảng thời gian ngừng kiểm toán, cá nhân không nên:

- (a) Là thành viên nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ hoặc kiểm soát chất lượng cho dịch vụ kiểm toán đó.
- (b) Tư vấn cho nhóm kiểm toán hoặc khách hàng kiểm toán về các vấn đề công nghệ hoặc mang tính chất đặc thù ngành, các giao dịch, sự kiện ảnh hưởng tới dịch vụ kiểm toán (ngoài những trao đổi với thành viên nhóm kiểm toán về công việc thực hiện hoặc kết luận cuộc kiểm toán trong năm trước thời kỳ ngừng kiểm toán mà cá nhân đó vẫn còn liên quan);
- (c) Chịu trách nhiệm phụ trách hoặc hợp tác thực hiện các dịch vụ chuyên môn khác của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cho khách hàng kiểm toán, hoặc giám sát mối quan hệ giữa doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới với khách hàng kiểm toán; hoặc
- (d) Thực hiện các vai trò khác hoặc hoạt động khác không liên quan tới các vấn đề được đề cập trên cho khách hàng kiểm toán, bao gồm việc cung cấp dịch vụ phi đảm bảo của cá nhân:
 - (i) Có sự tương tác đáng kể hoặc thường xuyên với quản lý cấp cao hoặc Ban quản trị; hoặc
 - (ii) Gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của cuộc kiểm toán.

540.20 A1 Các quy định tại đoạn R540.20 không nhằm ngăn chặn cá nhân đảm nhận vai trò lãnh đạo trong doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới, chẳng hạn như vị trí phó hay giám đốc điều hành kiểm toán.

MỤC 600

CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI ĐẢM BẢO CHO KHÁCH HÀNG KIỂM TOÁN

Giới thiệu

- 600.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ theo các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 600.2 Các Doanh nghiệp kiểm toán và công ty mạng lưới có thể cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán, phù hợp với kỹ năng và chuyên môn của doanh nghiệp. Cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo cho Khách hàng kiểm toán có thể có thể làm phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và các nguy cơ đe dọa tính độc lập.
- 600.3 Mục này đưa ra các yêu cầu cụ thể và tài liệu hướng dẫn liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đối với tính độc lập khi cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán. Các tiểu mục sau đưa ra các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cụ thể khi Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo nhất định và chỉ ra các nguy cơ ảnh hưởng có thể xảy ra. Một số trường hợp cụ thể trong mục quy định đến việc các Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới bị nghiêm cấm cung cấp dịch vụ phi đảm bảo khi các nguy cơ ảnh hưởng có thể xảy ra mà không có các biện pháp bảo vệ.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phân chung

- R600.4** Trước khi chấp nhận hợp đồng dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán phải cân nhắc liệu việc chấp nhận đó có làm phát sinh nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập của doanh nghiệp kiểm toán hay không.
- 600.4 A1 Các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp kiểm toán phân tích một số loại dịch vụ phi đảm bảo và các nguy cơ ảnh hưởng có thể xảy ra nếu Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán.
- 600.4 A2 Do sự biến động không ngừng trong môi trường kinh doanh, môi trường tài chính cũng như công nghệ thông tin nên gần như không thể đưa ra một danh sách đầy đủ các dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán. Do đó, Bộ Quy tắc sẽ không bao gồm đầy đủ tất cả các dịch vụ phi đảm bảo có thể được cung cấp cho khách hàng.

Đánh giá các nguy cơ ảnh hưởng

600.5 A1 Mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ khi cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán phụ thuộc vào các yếu tố, bao gồm:

- Bản chất, phạm vi và mục đích của dịch vụ.
- Mức độ phụ thuộc vào kết quả của dịch vụ phi đảm bảo.
- Môi trường pháp lý và quy định về việc cung cấp dịch vụ phi đảm bảo.
- Kết quả của dịch vụ phi đảm bảo có ảnh hưởng đến các số liệu được phản ánh trong báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán hay không, và nếu có thì:
 - Kết quả của dịch vụ sẽ có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.
 - Mức độ chủ quan của việc xác định số liệu hoặc cách xử lý phù hợp cho những vấn đề được phản ánh trong báo cáo tài chính.
- Trình độ chuyên môn của nhà quản lý và nhân viên của khách hàng dịch vụ phi đảm bảo đối với loại dịch vụ được cung cấp.
- Mức độ tham gia của khách hàng trong việc xác định các vấn đề trọng yếu.
- Bản chất và mức độ ảnh hưởng của dịch vụ, mà nó tạo ra nguồn thông tin là một phần quan trọng của khách hàng trong:
 - Hồ sơ kế toán hoặc báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán.
 - Kiểm soát nội bộ liên quan tới lập báo cáo tài chính.

Khi cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng, mức độ nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập có thể cao hơn.

600.5 A2 Các mục từ 601 đến 610 đề cập đến ví dụ về các yếu tố liên quan trong việc đánh giá mức độ nguy cơ phát sinh khi cung cấp các dịch vụ phi bảo đảm.

Mức trọng yếu liên quan đến báo cáo tài chính

600.5 A3 Các tiêu mục từ 601 đến 610 đề cập đến tính trọng yếu liên quan đến báo cáo tài chính của khách hàng kiểm toán. Khái niệm về tính trọng yếu liên quan đến kiểm toán được đề cập trong ISA 320, *Tính trọng yếu trong việc lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán* và liên quan đến ISRE 2400 (Sửa đổi), *Hợp đồng soát xét báo cáo tài chính trong quá khứ*. Việc xác định tính trọng yếu liên quan đến việc thực hiện xét đoán chuyên môn và bị tác động bởi cả hai yếu tố định lượng và định tính. Nó cũng bị ảnh hưởng bởi nhận thức về nhu cầu thông tin tài chính của người dùng.

Cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo cho cùng một khách hàng kiểm toán

600.5 A4 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới có thể cung cấp nhiều dịch vụ phi đảm bảo cho một khách hàng kiểm toán. Trong những trường hợp này, việc xem xét ảnh hưởng tổng hợp của các nguy cơ phát sinh khi cung cấp các dịch vụ đó có liên quan đến việc đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán về các nguy cơ.

Giải quyết nguy cơ phát sinh

600.6 A1 Khi các nguy cơ ở mức không thể chấp nhận được, các tiểu mục từ 601 - 610 bao gồm các ví dụ về các biện pháp bảo vệ có thể giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập xảy ra khi cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo. Các ví dụ trên không đề cập được toàn diện các trường hợp có thể xảy ra.

600.6 A2 Một số tiểu mục đưa ra yêu cầu cấm các doanh nghiệp kiểm toán và công ty mạng lưới cung cấp một số dịch vụ cụ thể cho khách hàng kiểm toán vì có nguy cơ phát sinh mà không có biện pháp giải quyết phù hợp.

600.6 A3 Đoạn 120.10 A2 mô tả về các biện pháp bảo vệ. Liên quan đến việc cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán, các biện pháp bảo vệ đưa ra là hành động, riêng lẻ hoặc kết hợp, giúp cho doanh nghiệp kiểm toán làm giảm các nguy cơ ảnh hưởng đối với tính độc lập xuống mức có thể chấp nhận được. Trong một số trường hợp, nguy cơ xảy ra khi cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán mà chưa có biện pháp bảo vệ, thì việc áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 quy định doanh nghiệp kiểm toán từ chối hoặc chấm dứt dịch vụ phi đảm bảo hoặc dịch vụ kiểm toán.

Nghiêm cấm về việc đảm nhận trách nhiệm quản lý

R600.7 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được phép đảm nhận trách nhiệm quản lý cho một khách hàng kiểm toán.

600.7 A1 Trách nhiệm quản lý thường liên quan đến việc kiểm soát, lãnh đạo và định hướng hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm việc đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến việc mua bán doanh nghiệp, triển khai và kiểm soát các nguồn lực về nhân sự, tài chính, công nghệ, tài sản và nguồn lực vô hình.

600.7 A2 Trường hợp doanh nghiệp kiểm toán và công ty mạng lưới đảm nhận trách nhiệm quản lý cho một khách hàng kiểm toán thì sẽ làm phát sinh nguy cơ tự kiểm tra và nguy cơ do tư lợi. Việc đảm nhận trách nhiệm quản lý sẽ làm phát sinh nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ bào chữa do doanh nghiệp kiểm toán

trở nên quá tương đồng với quan điểm và lợi ích của Ban quản lý khách hàng kiểm toán.

600.7 A3 Việc xác định liệu một hoạt động có được coi là thuộc trách nhiệm quản lý hay không phụ thuộc vào hoàn cảnh và xét đoán chuyên môn. Ví dụ về các hoạt động có thể coi là thuộc trách nhiệm quản lý, bao gồm:

- Xây dựng chính sách và định hướng chiến lược.
- Thuê hoặc sa thải nhân viên.
- Chỉ đạo và chịu trách nhiệm về hành vi của nhân viên liên quan đến công việc của nhân viên trong đơn vị.
- Phê duyệt các giao dịch.
- Kiểm soát hoặc quản lý tài khoản ngân hàng hoặc đầu tư.
- Quyết định việc thực hiện các đề xuất của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới hoặc bên thứ ba khác.
- Đại diện Ban Giám đốc báo cáo cho Ban quản trị.
- Chịu trách nhiệm về:
 - Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng.
 - Thiết kế, thực hiện, giám sát hoặc duy trì kiểm soát nội bộ.

600.7 A4 Việc tư vấn và khuyến nghị để hỗ trợ Ban Giám đốc khách hàng kiểm toán trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý của mình sẽ không được coi là trách nhiệm quản lý. (Tài liệu tham khảo: đoạn R600.7 đến 600.7 A3).

R600.8 Để tránh rủi ro việc đảm nhận trách nhiệm quản lý khi cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán phải đảm bảo rằng Ban Giám đốc của khách hàng đưa ra các xét đoán và quyết định phù hợp với trách nhiệm quản lý. Để đảm bảo điều này thì Ban Giám đốc của khách hàng phải thỏa mãn:

- (a) Chỉ định một cá nhân có kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm phù hợp để chịu trách nhiệm cho các quyết định và giám sát các dịch vụ. Cá nhân này ưu tiên là quản lý cấp cao có hiểu biết về:
 - (i) Mục tiêu, bản chất và kết quả của các dịch vụ; và
 - (ii) Tương ứng với trách nhiệm của khách hàng và doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới.

Tuy nhiên, cá nhân không bắt buộc phải có chuyên môn để thực hiện và thực hiện lại tất cả các dịch vụ.

- (b) Giám sát các dịch vụ và đánh giá mức độ tính đầy đủ của kết quả dịch vụ được thực hiện theo mục đích khách hàng.
- (c) Chịu trách nhiệm cho các hành động, nếu có, phát sinh từ kết quả của dịch vụ.

Cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán trước khi trở thành đơn vị có lợi ích công chúng:

R600.9 Doanh nghiệp kiểm toán và công ty mạng lưới cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán hiện tại hoặc trước đây ảnh hưởng đến tính độc lập của doanh nghiệp kiểm toán khi khách hàng kiểm toán đó trở thành đơn vị có lợi ích công chúng, trừ khi:

- (a) Cung cấp dịch vụ phi đảm bảo trước đây cho khách hàng kiểm toán không phải là đơn vị có lợi ích công chúng đã tuân thủ với các điều khoản của Mục này;
- (b) Dịch vụ phi đảm bảo hiện tại đang triển khai không được phép thực hiện cho khách hàng là đơn vị có lợi ích công chúng theo điều khoản của Mục này, đã chấm dứt trước hoặc ngay sau khi khách hàng trở thành đơn vị có lợi ích công chúng;
- (c) Doanh nghiệp kiểm toán đã giải quyết các nguy cơ phát sinh ở mức không thể chấp nhận được.

Xem xét về các bên liên quan nhất định

R600.10 Mục này đưa ra các yêu cầu nghiêm cấm doanh nghiệp kiểm toán và công ty mạng lưới đảm nhận trách nhiệm quản lý hoặc cung cấp một số dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán. Một ngoại lệ của những yêu cầu này doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới có thể đảm nhận trách nhiệm quản lý hoặc cung cấp một số dịch vụ phi bảo đảm nhưng bị nghiêm cấm đối với các đơn vị liên quan dưới đây mà trên báo cáo tài chính của khách hàng kiểm toán, đã đưa ra ý kiến:

- (a) Một đơn vị có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp với khách hàng kiểm toán;
- (b) Một đơn vị có lợi ích tài chính trực tiếp với khách hàng kiểm toán mà đơn vị đó có ảnh hưởng đáng kể đối với khách hàng kiểm toán và lợi ích trong khách hàng kiểm toán là trọng yếu đối với đơn vị đó; hoặc
- (c) Một đơn vị cùng chịu sự kiểm soát chung với khách hàng kiểm toán, miễn là thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
 - (i) Doanh nghiệp kiểm toán và công ty mạng lưới không đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của đơn vị liên quan;

- (ii) Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không đảm nhận trách nhiệm quản lý, trực tiếp hoặc gián tiếp, đối với đơn vị có báo cáo tài chính trong phạm vi kiểm toán;
- (iii) Các dịch vụ không làm phát sinh nguy cơ tự kiểm tra vì kết quả của các dịch vụ đó không phải là đối tượng của các thủ tục kiểm toán; và
- (iv) Bất kỳ nguy cơ nào phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ trên được loại trừ hoặc làm giảm xuống mức có thể chấp nhận được nhờ việc áp dụng các biện pháp bảo vệ.

TIÊU MỤC 601 - DỊCH VỤ GHI SỔ KẾ TOÁN VÀ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giới thiệu

- 601.1 Cung cấp dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính cho khách hàng kiểm toán có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra.
- 601.2 Ngoài các yêu cầu cụ thể và tài liệu hướng dẫn trong tiêu mục này, Các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong tiêu mục, đoạn 600.1 đến R600.10 có liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm khi cung cấp các dịch vụ kế toán cho khách hàng kiểm toán. Tiêu mục này bao gồm các yêu cầu nghiêm cấm doanh nghiệp kiểm toán và công ty mạng lưới cung cấp một số dịch vụ kế toán cho khách hàng kiểm toán trong một số trường hợp vì các nguy cơ ảnh hưởng không có các biện pháp bảo vệ.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Tất cả các khách hàng kiểm toán

- 601.3 A1 Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính bao gồm:
- Ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và lập báo cáo tài chính.
 - Ghi chép các giao dịch kinh tế phát sinh.
 - Dịch vụ tính lương.
- 601.3 A2 Ban Giám đốc của khách hàng kiểm toán chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng. Các trách nhiệm đó bao gồm:
- Việc áp dụng chính sách kế toán và phương pháp kế toán phù hợp.
 - Lập và lưu chuyên chứng từ kế toán gốc, chứng từ điện tử hoặc các hình thức khác, chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Ví dụ:

- Đề nghị mua hàng.
- Bảng chấm công.
- Đơn đặt hàng.
- Thiết lập hoặc thay đổi bút toán ghi sổ kế toán.
- Xác định hoặc phê duyệt phân loại tài khoản theo giao dịch.

601.3 A3 Trong quá trình kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán cần phải trao đổi với Ban Giám đốc của khách hàng kiểm toán về các nội dung sau:

- Việc áp dụng các chuẩn mực hoặc chính sách kế toán và các yêu cầu về thuyết minh báo cáo tài chính;
- Đánh giá sự phù hợp của các biện pháp kiểm soát về kế toán, tài chính và các phương pháp xác định giá trị khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả;
- Đề xuất các bút toán điều chỉnh.

Các hoạt động này được coi là một phần cơ bản của quy trình kiểm toán và thường không làm phát sinh các nguy cơ nếu khách hàng kiểm toán chịu trách nhiệm ra quyết định trong việc ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.

601.3 A4 Khách hàng kiểm toán có thể yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề khác về chỉnh hợp các tài khoản hoặc phân tích, tổng hợp các thông tin phục vụ mục đích báo cáo theo quy định. Thêm vào đó, khách hàng có thể yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật về các vấn đề kế toán như chuyển đổi báo cáo tài chính từ cơ sở kế toán này sang cơ sở kế toán khác. Ví dụ như sau:

- Tuân thủ theo chính sách kế toán của tập đoàn;
- Chuyển đổi báo cáo tài chính theo khuôn khổ khác như báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Các dịch vụ nêu trên không làm phát sinh nguy cơ đe dọa tính độc lập nếu doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không thực hiện trách nhiệm quản lý đối với khách hàng kiểm toán.

Dịch vụ kế toán thông thường

601.4 A1 Dịch vụ kế toán thông thường yêu cầu ở mức độ thấp hay không yêu cầu về xét đoán chuyên môn. Một số ví dụ được kể đến như:

- Lập bảng tính lương hoặc lập các báo cáo dựa trên dữ liệu có sẵn của khách hàng, khách hàng phê duyệt và thực hiện thanh toán.

- Ghi chép các giao dịch phát sinh với số tiền được xác định một cách dễ dàng từ các chứng từ hoặc dữ liệu gốc như hóa đơn điện nước mà khách hàng đã xác định hay đã phê chuẩn đối với việc đưa vào các tài khoản thích hợp.
- Tính khấu hao tài sản cố định khi khách hàng xác định chính sách khấu hao và ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị còn lại.
- Chuyển các nghiệp vụ đã được ghi nhận vào sổ cái.
- Lập bảng cân đối phát sinh tài khoản.
- Lập báo cáo tài chính dựa trên thông tin trên bảng cân đối số phát sinh và các thuyết minh báo cáo tài chính liên quan mà khách hàng đã phê duyệt.

Khách hàng kiểm toán không phải là đơn vị có lợi ích công chúng

R601.5 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không cung cấp các dịch vụ kế toán đối với các đơn vị không có lợi ích công chúng, bao gồm các dịch vụ như: lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán, hoặc thông tin tài chính làm cơ sở cho việc lập báo cáo tài chính đó, trừ một số trường hợp:

- (a) Các dịch vụ kế toán thông thường;
- (b) Bất kỳ nguy cơ nào phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ trên được loại trừ hoặc làm giảm xuống mức có thể chấp nhận được nhờ việc áp dụng các biện pháp bảo vệ.

601.5 A1 Ví dụ các biện pháp bảo vệ cần thiết giải quyết nguy cơ tự kiểm tra khi cung cấp dịch vụ kế toán thông thường cho khách hàng kiểm toán, bao gồm:

- Sử dụng các chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ.
- Cử người soát xét thích hợp không liên quan để soát xét công việc kiểm toán hoặc dịch vụ thực hiện.

Khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng

R601.6 Theo đoạn R601.7, doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được cung cấp các dịch vụ kế toán đối với các đơn vị có lợi ích công chúng, bao gồm các dịch vụ như: lập báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán, hoặc thông tin tài chính làm cơ sở cho việc lập báo cáo tài chính đó.

R601.7 Ngoại trừ đoạn R601.6, doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cung cấp các dịch vụ kế toán thông thường cho các đơn vị liên quan của khách hàng

kiểm toán là các đơn vị có lợi ích công chúng nếu người thực hiện dịch vụ không phải là thành viên của nhóm kiểm toán và:

- (a) Các bộ phận hay đơn vị liên quan được cung cấp dịch vụ về tổng thể không trọng yếu đối với báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán; hoặc
- (b) Các dịch vụ đó về tổng thể không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của các bộ phận và đơn vị liên quan.

TIÊU MỤC 602 - DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH

Giới thiệu

- 602.1 Cung cấp dịch vụ hành chính cho khách hàng kiểm toán thường không phát sinh nguy cơ.
- 602.2 Ngoài các tài liệu hướng dẫn cụ thể trong tiêu mục này, Các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cụ thể trong các đoạn từ 600.1 đến R600.10 có liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm khi cung cấp dịch vụ hành chính.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Tất cả các khách hàng kiểm toán

- 602.3 A1 Dịch vụ hành chính liên quan đến việc hỗ trợ khách hàng thực hiện các công việc thông thường trong quá trình hoạt động. Các dịch vụ này không đòi hỏi hoặc đòi hỏi ở mức thấp xét đoán chuyên môn hoặc là công việc văn phòng thông thường.
- 602.3 A2 Ví dụ về dịch vụ hành chính bao gồm:
- Soạn thảo văn bản.
 - Lập các biểu mẫu hành chính theo quy định cho khách hàng phê duyệt.
 - Gửi các biểu mẫu như hướng dẫn của khách hàng.
 - Theo dõi ngày nộp đơn theo luật định và tư vấn cho khách hàng kiểm toán.

TIÊU MỤC 603 - DỊCH VỤ ĐỊNH GIÁ

Giới thiệu

- 603.1 Cung cấp dịch vụ định giá cho khách hàng kiểm toán có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra hoặc tự bào chữa.
- 603.2 Ngoài các yêu cầu chi tiết và tài liệu hướng dẫn cụ thể trong mục này, Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong đoạn 600.1 đến R600.10 có liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm khi cung cấp dịch vụ định giá cho khách hàng kiểm

toán. Tiêu mục này bao gồm các quy định cấm các doanh nghiệp kiểm toán và công ty mạng lưới không cung cấp dịch vụ định giá nhất định cho khách hàng kiểm toán trong một số trường hợp vì nguy cơ ảnh hưởng có thể không được giải quyết bằng cách áp dụng các biện pháp bảo vệ.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Tất cả các khách hàng kiểm toán

- 603.3 A1 Định giá bao gồm việc đưa ra các giả định về sự phát triển trong tương lai, áp dụng các phương pháp và kỹ thuật thích hợp và kết hợp cả hai để xác định giá trị cụ thể hoặc khoảng giá trị cho tài sản, nợ phải trả hoặc toàn bộ doanh nghiệp.
- 603.3 A2 Nếu Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới được yêu cầu thực hiện định giá để hỗ trợ khách hàng kiểm toán thực hiện nghĩa vụ báo cáo thuế hoặc chomục đích hoạch định thuế và kết quả định giá không có ảnh hưởng trực tiếp đến báo cáo tài chính thì sẽ áp dụng theo quy định tại đoạn 604.9 A1 đến 604.9 A5.
- 603.3 A3 Mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ tự kiểm tra hoặc tự bào chữa khi cung cấp dịch vụ định giá cho khách hàng kiểm toán phụ thuộc vào các yếu tố, bao gồm:
- Việc sử dụng và mục đích của báo cáo định giá.
 - Liệu báo cáo định giá có được công khai không.
 - Mức độ tham gia của khách hàng trong quá trình xác định và phê duyệt phương pháp định giá và các xét đoán quan trọng khác.
 - Mức độ chủ quan tiềm tàng đối với đối tượng được định giá liên quan các chuẩn mực và phương pháp thiết lập.
 - Liệu việc định giá có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hay không.
 - Phạm vi và tính rõ ràng của các thuyết minh liên quan đến việc định giá trong báo cáo tài chính.
 - Mức độ phụ thuộc vào các sự kiện trong tương lai có thể tạo ra các biến động đáng kể đối với số liệu định giá.
- 603.3 A4 Ví dụ về biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ ảnh hưởng bao gồm:
- Sử dụng các chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ có thể giải quyết các nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa.
 - Cử người soát xét thích hợp không liên quan đến việc cung cấp đánh giá công việc hoặc dịch vụ kiểm toán được thực hiện có thể giải quyết nguy cơ tự kiểm tra.

Khách hàng kiểm toán không phải là đơn vị có lợi ích công chúng

R603.4 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được cung cấp dịch vụ định giá cho khách hàng kiểm toán là đơn vị không có lợi ích công chúng nếu:

- (a) Việc định giá có mức độ chủ quan đáng kể; và
- (b) Việc định giá có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán.

603.4 A1 Một số công việc định giá không có mức độ chủ quan đáng kể, như trường hợp các giá định, kỹ thuật và phương pháp định giá đã được chuẩn hóa theo pháp luật và các quy định có liên quan, hay dựa trên chuẩn mực được chấp nhận rộng rãi. Trường hợp đó, kết quả định giá do hai hay nhiều bên thực hiện sẽ không có khác biệt trọng yếu.

Khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng

R603.5 Doanh nghiệp kiểm toán không được cung cấp dịch vụ định giá cho khách hàng là đơn vị có lợi ích công chúng nếu việc định giá có ảnh hưởng trọng yếu, khi xét riêng lẻ hay tổng hợp, đến báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán đưa ra ý kiến.

TIÊU MỤC 604 - DỊCH VỤ THUẾ

Giới thiệu

604.1 Cung cấp dịch vụ thuế cho khách hàng kiểm toán có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra và nguy cơ về sự bào chữa.

604.2 Ngoài các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong mục này, các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong đoạn 600.1 đến R600.10 có liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm khi cung cấp dịch vụ thuế cho khách hàng kiểm toán. Tiêu mục này bao gồm các yêu cầu nghiêm cấm các doanh nghiệp kiểm toán và công ty mạng lưới cung cấp dịch vụ thuế cho khách hàng kiểm toán trong một số trường hợp vì nguy cơ có thể xảy ra không thể được giải quyết bằng cách áp dụng các biện pháp bảo vệ.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Tất cả các khách hàng kiểm toán

604.3 A1 Dịch vụ thuế bao gồm nhiều loại, ví dụ như:

- Lập tờ khai thuế.
- Tính thuế cho mục đích ghi sổ kế toán.
- Hoạch định thuế và các dịch vụ tư vấn thuế khác.

- Dịch vụ thuế liên quan đến định giá.
- Hỗ trợ giải quyết tranh chấp thuế.

Tuy các dịch vụ thuế mà doanh nghiệp kiểm toán cung cấp cho khách hàng kiểm toán được phân loại riêng theo các loại như trên, nhưng trên thực tế, các dịch vụ đó thường liên quan đến nhau.

604.3 A2 Mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ phát sinh khi cung cấp dịch vụ thuế cho khách hàng kiểm toán phụ thuộc vào các yếu tố, bao gồm:

- Đặc điểm cụ thể của từng hợp đồng.
- Trình độ chuyên môn về thuế của nhân viên khách hàng.
- Hệ thống đánh giá và quản lý thuế của cơ quan thuế và vai trò của doanh nghiệp kiểm toán trong hệ thống đó.
- Mức độ phức tạp của chính sách thuế có liên quan và mức độ xét đoán cần thiết khi áp dụng chính sách.

Lập tờ khai thuế

Tất cả các khách hàng kiểm toán

604.4 A1 Cung cấp dịch vụ lập tờ khai thuế cho khách hàng kiểm toán thường không làm phát sinh nguy cơ.

604.4 A2 Lập tờ khai thuế gồm:

- Hỗ trợ khách hàng thực hiện các nghĩa vụ báo cáo về thuế bằng cách lập và hoàn thiện thông tin cần thiết (thường là điền vào các biểu mẫu chuẩn) cho cơ quan thuế, bao gồm cả số thuế phải nộp.
- Dịch vụ này cũng bao gồm tư vấn thủ tục hoàn thuế cho các giao dịch trong quá khứ và thay mặt cho khách hàng kiểm toán đáp ứng các yêu cầu của cơ quan thuế về cung cấp thông tin và phân tích bổ sung (ví dụ giải thích và hỗ trợ kỹ thuật cho phương pháp được áp dụng).

604.4 A3 Dịch vụ lập tờ khai thuế thường dựa vào thông tin quá khứ và chủ yếu liên quan đến tính toán, trình bày thông tin đó theo luật thuế hiện hành, cũng như những tiền lệ và thông lệ đã có. Hơn nữa, các tờ khai thuế sẽ được cơ quan thuế soát xét và phê duyệt.

Tính thuế cho mục đích ghi sổ kế toán

Tất cả các khách hàng kiểm toán

- 604.5 A1 Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả (hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại) cho khách hàng kiểm toán nhằm mục đích ghi sổ kế toán và sau đó doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán làm phát sinh nguy cơ tự kiểm tra.
- 604.5 A2 Ngoài các yếu tố trong đoạn 604.3 A2, yếu tố có liên quan đến việc đánh giá mức độ nguy cơ phát sinh có thể xảy ra khi lập tờ khai thuế cho khách hàng kiểm toán là liệu việc tính toán này có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán đưa ra ý kiến.

Khách hàng kiểm toán không phải là đơn vị có lợi ích công chúng

- 604.5 A3 Ví dụ về biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra khi khách hàng kiểm toán không phải là đơn vị có lợi ích công chúng bao gồm:
- Sử dụng các chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ.
 - Cử người soát xét thích hợp là người không liên quan đến việc cung cấp dịch vụ soát xét dịch vụ kiểm toán hoặc công việc được thực hiện.

Khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng

- R604.6** Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được cung cấp dịch vụ tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả (hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại) cho mục đích ghi sổ kế toán cho khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng vì có ảnh hưởng trọng yếu đối với báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán đưa ra ý kiến.
- 604.6 A1 Ví dụ về biện pháp bảo vệ nêu trong đoạn 604.5 A3 nhằm giải quyết nguy cơ tự kiểm tra cũng được áp dụng khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả (hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại) cho khách hàng kiểm toán là một đơn vị có lợi ích công chúng vì không có ảnh hưởng trọng yếu đối với báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán đưa ra ý kiến.

Hoạch định thuế và các dịch vụ tư vấn thuế khác

Tất cả các khách hàng kiểm toán

- 604.7 A1 Cung cấp dịch vụ hoạch định thuế và các dịch vụ tư vấn thuế khác có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra và nguy cơ về sự bào chữa.
- 604.7 A2 Dịch vụ hoạch định thuế hoặc các dịch vụ tư vấn thuế khác gồm nhiều loại dịch vụ, như tư vấn cho khách hàng cách thức tiến hành giao dịch để tối ưu hóa lợi ích về thuế hoặc tư vấn về việc áp dụng luật hoặc quy định mới về thuế.

604.7 A3 Ngoài đoạn 604.3 A2, các yếu tố có liên quan trong việc đánh giá mức độ nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa xảy ra khi cung cấp dịch vụ hoạch định thuế hoặc các dịch vụ tư vấn thuế khác cho khách hàng kiểm toán bao gồm:

- Mức độ chủ quan khi xác định cách xử lý các vấn đề về thuế khi lập báo cáo tài chính;
- Liệu cách xử lý về thuế có tuân thủ quy định riêng của cơ quan thuế hay đã được cơ quan thuế làm rõ trước khi lập và trình bày báo cáo tài chính hay không.

Ví dụ, lời khuyên được đưa ra cho việc hoạch định thuế và các dịch vụ tư vấn thuế khác là:

- Sự hỗ trợ bởi cơ quan thuế hoặc phù hợp với tiền lệ khác.
- Thông lệ đã có.
- Căn cứ cụ thể theo quy định của pháp luật về thuế đã có.
- Mức độ ảnh hưởng của kết quả tư vấn về thuế có ảnh hưởng trọng yếu đối với báo cáo tài chính.
- Liệu hiệu quả của ý kiến tư vấn về thuế có phụ thuộc vào phương pháp hạch toán kế toán hoặc trình bày báo cáo tài chính hay không và có nghi ngờ nào về tính thích hợp của phương pháp kế toán hoặc trình bày báo cáo tài chính theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan hay không.

604.7 A4 Ví dụ về các biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ bao gồm:

- Sử dụng chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra và nguy cơ về sự bào chữa;
- Cử người soát xét thích hợp mà chuyên gia này không tham gia cung cấp dịch vụ soát xét hoặc thực hiện dịch vụ kiểm toán để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra.
- Xin ý kiến chấp thuận trước từ cơ quan thuế có thể giải quyết nguy cơ tự kiểm tra và và nguy cơ về sự bào chữa.

Khi hiệu quả của ý kiến tư vấn về thuế phụ thuộc vào phương pháp kế toán cụ thể

R604.8 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được cung cấp dịch vụ hoạch định thuế và các dịch vụ tư vấn thuế khác cho khách hàng kiểm toán khi hiệu quả của ý kiến tư vấn thuế phụ thuộc vào vào phương pháp kế toán hoặc trình bày báo cáo tài chính và:

- (a) Nhóm kiểm toán có sự nghi ngờ hợp lý về tính phù hợp của việc xử lý hoặc trình bày kế toán liên quan theo khuôn khổ báo cáo tài chính có liên quan; và
- (b) Kết quả hoặc hệ quả của tư vấn thuế sẽ có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến.

Dịch vụ thuế liên quan đến định giá

Tất cả các khách hàng kiểm toán

- 604.9 A1 Cung cấp dịch vụ định giá thuế cho khách hàng kiểm toán có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa.
- 604.9 A2 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới có thể thực hiện định giá cho mục đích thuế, trong đó kết quả của việc định giá sẽ không ảnh hưởng trực tiếp đến báo cáo tài chính (nghĩa là báo cáo tài chính chỉ bị ảnh hưởng thông qua các chỉ tiêu liên quan đến thuế). Điều này thường sẽ không phát sinh nguy cơ nếu ảnh hưởng đến báo cáo tài chính là không trọng yếu hoặc nếu kết quả định giá được cơ quan thuế hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền tương đương soát xét.
- 604.9 A3 Nếu việc định giá được thực hiện cho mục đích thuế không phải chịu sự soát xét từ bên ngoài và có ảnh hưởng trọng yếu đối với báo cáo tài chính, ngoài đoạn 604.3 A2, các yếu tố sau có liên quan đến việc đánh giá mức độ nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa phát sinh bằng cách cung cấp dịch vụ đó cho khách hàng kiểm toán:
- Mức độ phù hợp của phương pháp định giá với pháp luật và các quy định có liên quan về thuế, tiền lệ và thông lệ đã có khác;
 - Mức độ chủ quan vốn có trong định giá.
 - Độ tin cậy và phạm vi của dữ liệu làm cơ sở định giá.
- 604.9 A4 Ví dụ về các biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ bao gồm:
- Sử dụng chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra và nguy cơ về sự bào chữa.
 - Cử người soát xét thích hợp mà chuyên gia này không tham gia cung cấp dịch vụ soát xét hoặc thực hiện dịch vụ kiểm toán để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra.
 - Xin ý kiến chấp thuận trước từ cơ quan thuế để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra và nguy cơ về sự bào chữa.
- 604.9 A5 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới có thể thực hiện định giá thuế để hỗ trợ khách hàng kiểm toán thực hiện nghĩa vụ báo cáo thuế hoặc cho mục đích hoạch định thuế trong đó kết quả định giá sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến báo

cáo tài chính. Trong các tình huống như vậy, Các các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong Mục 603 liên quan đến các dịch vụ định giá được áp dụng.

Hỗ trợ giải quyết các tranh chấp về thuế

Tất cả các khách hàng kiểm toán

- 604.10 A1 Cung cấp dịch vụ hỗ trợ giải quyết các tranh chấp về thuế cho khách hàng kiểm toán có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa.
- 604.10 A2 Tranh chấp về thuế là khi cơ quan thuế đã thông báo cho khách hàng kiểm toán rằng cơ quan thuế không chấp nhận giải trình của khách hàng và vấn đề đó đang được phán xử trong một vụ pháp lý, ví dụ, công khai trước tòa án.
- 604.10 A3 Ngoài đoạn 604.3 A2, các yếu tố có liên quan trong việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa phát sinh bằng cách hỗ trợ khách hàng kiểm toán trong việc giải quyết tranh chấp thuế bao gồm:
- Vai trò của Ban Giám đốc khách hàng trong việc giải quyết tranh chấp;
 - Mức độ ảnh hưởng trọng yếu của kết quả vụ tranh chấp đến báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến;
 - Liệu ý kiến tư vấn của doanh nghiệp kiểm toán đưa ra có phải là chủ đề của tranh chấp thuế hay không;
 - Mức độ phù hợp của vấn đề với pháp luật và các quy định có liên quan về thuế, tiền lệ hoặc thông lệ đã có khác;
 - Liệu vụ kiện có được xét xử công khai hay không.
- 604.10 A4 Ví dụ về các biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ bao gồm:
- Sử dụng chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra và nguy cơ về sự bào chữa.
 - Cử người soát xét thích hợp mà chuyên gia này không tham gia cung cấp dịch vụ về thuế, soát xét công việc kiểm toán để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra.

Giải quyết các vấn đề về thuế bao gồm việc giữ vai trò người bào chữa

- R604.11** Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới sẽ không cung cấp các dịch vụ thuế liên quan đến việc hỗ trợ giải quyết tranh chấp thuế cho khách hàng kiểm toán nếu:
- (a) Các dịch vụ về thuế bao gồm việc giữ vai trò người bào chữa cho một khách hàng kiểm toán trong một phiên tòa xét xử công khai về một vấn đề về thuế; và

- (b) Các số tiền liên quan là trọng yếu đối với báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến.

604.11 A1 Đoạn R604.11 không ngăn cản một doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới có vai trò cố vấn liên quan đến vấn đề đang được xét xử trước tòa án công khai, ví dụ:

- Trả lời các yêu cầu cụ thể về thông tin.
- Cung cấp số liệu thực tế, cung cấp bằng chứng, lời khai về công việc đã được thực hiện.
- Hỗ trợ khách hàng phân tích các vấn đề về thuế liên quan.

604.11 A2 Điều gì cấu thành một tòa án công khai phụ thuộc vào cách thức xử lý thuế được trình bày trong từng quy định pháp lý cụ thể.

TIÊU MỤC 605 - DỊCH VỤ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Giới thiệu

605.1 Cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ cho khách hàng kiểm toán có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra.

605.2 Ngoài các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cụ thể trong mục này, các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong đoạn 600.1 đến R600.10 có liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm khi cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ cho khách hàng kiểm toán. Mục này bao gồm các quy định nghiêm cấm các doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cung cấp một số dịch vụ kiểm toán nội bộ cho khách hàng kiểm toán trong trường hợp các mối nguy cơ phát sinh không thể được giải quyết bằng các biện pháp bảo vệ.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Tất cả các khách hàng kiểm toán

605.3 A1 Dịch vụ kiểm toán nội bộ liên quan đến việc hỗ trợ khách hàng kiểm toán trong việc thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ của mình. Hoạt động kiểm toán nội bộ có thể bao gồm:

- Giám sát kiểm soát nội bộ - soát xét các thủ tục kiểm soát, giám sát hoạt động kiểm soát và đề xuất hướng hoàn thiện;
- Kiểm tra thông tin tài chính và thông tin hoạt động bằng cách:
 - Kiểm tra cách thức được sử dụng để xác định, đo lường, phân loại và báo cáo thông tin tài chính và thông tin hoạt động;

- Kiểm tra cụ thể từng khoản mục, bao gồm kiểm tra chi tiết các giao dịch, số dư và thủ tục kiểm tra.
- Kiểm tra tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực của các hoạt động, kể cả hoạt động phi tài chính của đơn vị.
- Kiểm tra tính tuân thủ:
 - Pháp luật và các quy định, các yêu cầu bên ngoài khác;
 - Các chính sách, chỉ thị của Ban Giám đốc và các quy định nội bộ khác.

605.3 A2 Phạm vi và mục tiêu của hoạt động kiểm toán nội bộ đa dạng và phụ thuộc vào quy mô, cơ cấu tổ chức của đơn vị, yêu cầu của Ban Giám đốc và Ban quản trị của khách hàng.

R605.4 Khi cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ cho khách hàng kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán phải đảm bảo rằng:

- (a) Khách hàng kiểm toán có một nguồn lực phù hợp và có năng lực, tốt nhất là quản lý cấp cao để:
 - (i) Chịu trách nhiệm đối với các hoạt động kiểm toán nội bộ; và
 - (ii) Chịu trách nhiệm thiết kế, thực hiện, giám sát và duy trì kiểm soát nội bộ.
- (b) Ban Giám đốc hoặc ban quản trị của khách hàng sẽ đánh giá và phê duyệt phạm vi, rủi ro và mức độ thường xuyên của các dịch vụ kiểm toán nội bộ;
- (c) Ban Giám đốc của khách hàng đánh giá sự phù hợp của dịch vụ kiểm toán nội bộ và những phát hiện trong quá trình thực hiện;
- (d) Ban Giám đốc của khách hàng đánh giá và xác định những đề xuất từ các dịch vụ kiểm toán nội bộ để thi hành và quản lý quá trình thực hiện; và
- (e) Ban Giám đốc báo cáo cho Ban quản trị những phát hiện và khuyến nghị quan trọng từ các dịch vụ kiểm toán nội bộ.

605.4 A1 Đoạn R600.7 không cho phép một doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới đảm nhận trách nhiệm quản lý. Thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ của khách hàng làm tăng khả năng nhân viên của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ sẽ đảm nhận trách nhiệm quản lý.

605.4 A2 Ví dụ về các dịch vụ kiểm toán nội bộ liên quan đến việc đảm nhận trách nhiệm quản lý bao gồm:

- Thiết lập các chính sách kiểm toán nội bộ hoặc định hướng chiến lược của hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Chỉ đạo và chịu trách nhiệm về hành động của nhân viên kiểm toán nội bộ của đơn vị.
- Quyết định những khuyến nghị do hoạt động kiểm toán nội bộ thực hiện.
- Báo cáo kết quả của các hoạt động kiểm toán nội bộ cho Ban quản trị.
- Thực hiện các quy trình của kiểm soát nội bộ, chẳng hạn như soát xét và phê duyệt các thay đổi đối với các đặc quyền truy cập dữ liệu của nhân viên.
- Chịu trách nhiệm thiết kế, thực hiện, giám sát và duy trì kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện các dịch vụ kiểm toán nội bộ thuê ngoài, bao gồm tất cả hoặc một phần đáng kể chức năng kiểm toán nội bộ, nơi mà doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới chịu trách nhiệm xác định phạm vi của công việc kiểm toán nội bộ; và có thể có trách nhiệm đối với một hoặc nhiều vấn đề được lưu ý ở trên.

605.4 A3 Khi doanh nghiệp kiểm toán sử dụng công việc của kiểm toán nội bộ trong hợp đồng kiểm toán, ISAs yêu cầu thực hiện các thủ tục để đánh giá mức độ đầy đủ của công việc đó. Tương tự, khi doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới chấp nhận hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ cho khách hàng kiểm toán, kết quả của các dịch vụ đó có thể được sử dụng để thực hiện kiểm toán độc lập. Điều này tạo ra nguy cơ tự kiểm tra vì có thể nhóm kiểm toán sẽ sử dụng kết quả của dịch vụ kiểm toán nội bộ cho hợp đồng dịch vụ kiểm toán độc lập, mà không:

- a) Đánh giá những kết quả đó một cách thích hợp; hoặc là
- b) Việc thực hiện cùng một mức độ hoài nghi nghề nghiệp khi công việc kiểm toán nội bộ được thực hiện bởi các cá nhân không phải là thành viên của doanh nghiệp kiểm toán.

605.4 A4 Mức độ của nguy cơ tự kiểm tra phụ thuộc vào các yếu tố, bao gồm:

- Tính trọng yếu của chỉ tiêu liên quan trong báo cáo tài chính.
- Rủi ro sai phạm các cơ sở dẫn liệu của các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính.

- Mức độ tin cậy mà nhóm kiểm toán sẽ áp dụng cho công việc kiểm toán nội bộ, bao gồm cả trong quá trình kiểm toán độc lập.

605.4 A5 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ tự kiểm tra là sử dụng chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ.

Khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng

R605.5 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới sẽ không cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ cho khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng, nếu các dịch vụ liên quan đến:

- a) Phần quan trọng của kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập báo cáo tài chính;
- b) Thông tin từ Hệ thống kế toán tài chính khi xét riêng lẻ hoặc kết hợp là trọng yếu đối với báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán; hoặc là
- c) Số liệu hoặc việc công bố thông tin khi xét riêng lẻ hoặc kết hợp là trọng yếu đối với báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán.

TIÊU MỤC 606 - DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Giới thiệu

606.1 Cung cấp dịch vụ hệ thống công nghệ thông tin (IT) cho khách hàng kiểm toán có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra.

606.2 Ngoài các yêu cầu cụ thể và tài liệu hướng dẫn cụ thể trong tiêu mục này, các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong đoạn 600.1 đến R600.10 có liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm khi cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho khách hàng kiểm toán. Tiêu mục này bao gồm các yêu cầu nghiêm cấm các doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho khách hàng kiểm toán trong một số trường hợp vì các mối nguy cơ phát sinh không thể được giải quyết bằng các biện pháp bảo vệ.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Tất cả các khách hàng kiểm toán

606.3 A1 Dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin (IT) bao gồm thiết kế hoặc xây dựng hệ thống phần cứng hoặc phần mềm. Các hệ thống này có thể:

- (a) Hợp nhất nguồn dữ liệu;
- (b) Hình thành một phần của kiểm soát nội bộ đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính; hoặc

- (c) Tạo ra thông tin ảnh hưởng đến hồ sơ kế toán hoặc báo cáo tài chính, bao gồm các công bố thông tin liên quan.

Tuy nhiên, hệ thống này có thể không liên quan hồ sơ kế toán hoặc kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính của khách hàng kiểm toán.

606.3 A2 Đoạn R600.7 không cho phép doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới đảm nhận trách nhiệm quản lý. Việc cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin sau cho khách hàng kiểm toán thường không làm phát sinh nguy cơ miễn là nhân viên của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không đảm nhận trách nhiệm quản lý:

- (a) Thiết kế hoặc xây dựng hệ thống công nghệ thông tin không liên quan đến kiểm soát nội bộ đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- (b) Thiết kế hoặc triển khai các hệ thống công nghệ thông tin không tạo ra thông tin hình thành nên một phần quan trọng của hồ sơ kế toán hoặc báo cáo tài chính;
- (c) Thực hiện phần mềm kế toán sẵn có hoặc phần mềm lập báo cáo tài chính không do doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới triển khai, nếu có sự điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu của khách hàng là không đáng kể; và
- (d) Đánh giá và đưa ra các khuyến nghị theo yêu cầu về các khía cạnh của hệ thống công nghệ thông tin được thiết kế, triển khai hoặc vận hành bởi nhà cung cấp dịch vụ khác hoặc khách hàng.

R606.4 Khi cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho khách hàng kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới phải đảm bảo rằng:

- (a) Khách hàng thừa nhận trách nhiệm của mình trong việc thiết lập và giám sát một hệ thống kiểm soát nội bộ;
- (b) Khách hàng phân công một cá nhân có năng lực, tốt nhất là lãnh đạo cấp cao, chịu trách nhiệm đưa ra quyết định quản lý liên quan đến việc thiết kế và triển khai hệ thống phần cứng hoặc phần mềm;
- (c) Khách hàng đưa ra tất cả các quyết định quản lý liên quan đến quá trình thiết kế và thực hiện;
- (d) Khách hàng đánh giá sự đầy đủ và kết quả của việc thiết kế và triển khai hệ thống; và
- (e) Khách hàng chịu trách nhiệm vận hành hệ thống (phần cứng hoặc phần mềm) cũng như dữ liệu được tạo ra.

606.4 A1 Mức độ nghiêm trọng của nguy cơ tự kiểm tra phát sinh khi cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho khách hàng kiểm toán phụ thuộc vào các yếu tố, bao gồm:

- Bản chất của dịch vụ.

- Bản chất của hệ thống công nghệ thông tin và mức độ ảnh hưởng hoặc tác động đến hồ sơ kế toán hoặc báo cáo tài chính của khách hàng.
- Mức độ tin cậy vào các hệ thống công nghệ thông tin như một phần của cuộc kiểm toán.

606.4 A2 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ tự kiểm tra là sử dụng chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ.

Khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng

R606.5 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới sẽ không cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho khách hàng kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng, nếu các dịch vụ thiết kế và triển khai hệ thống công nghệ thông tin:

- Hình thành một phần quan trọng của kiểm soát nội bộ đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính; hoặc
- Tạo ra thông tin quan trọng đối với hồ sơ kế toán hoặc báo cáo tài chính của khách hàng mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến.

TIÊU MỤC 607 - DỊCH VỤ HỖ TRỢ KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP

Giới thiệu

607.1 Cung cấp dịch vụ hỗ trợ kiến tụng, tranh chấp cho khách hàng kiểm toán có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa.

607.2 Ngoài tài liệu hướng dẫn cụ thể trong tiêu mục này, các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong đoạn 600.1 đến R600.10 có liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ kiến tụng, tranh chấp cho khách hàng kiểm toán.

Tài liệu hướng dẫn

Tất cả các khách hàng kiểm toán

607.3 A1 Dịch vụ hỗ trợ kiến tụng, tranh chấp có thể bao gồm các hoạt động như:

- Hỗ trợ việc quản lý và phục hồi dữ liệu.
- Làm nhân chứng, gồm cả nhân chứng chuyên gia.
- Ước tính thiệt hại hoặc tính toán các số liệu về các khoản phải thu hoặc phải trả do kết quả kiến tụng hoặc tranh chấp.

607.3 A2 Mức độ nghiêm trọng của nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa phát sinh khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho khách hàng kiểm toán phụ thuộc vào các yếu tố, bao gồm:

- Môi trường pháp lý và quy định về dịch vụ được cung cấp, ví dụ, liệu nhân chứng chuyên gia có được lựa chọn và chỉ định bởi tòa án hay không.
- Bản chất và đặc điểm của dịch vụ.
- Mức độ mà kết quả của dịch vụ hỗ trợ kiện tụng, tranh chấp có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến.

607.3 A3 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa là sử dụng chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ.

607.3 A4 Nếu doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cung cấp dịch vụ hỗ trợ kiện tụng, tranh chấp cho khách hàng kiểm toán và dịch vụ này bao gồm việc ước tính thiệt hại hoặc các số liệu khác có ảnh hưởng đến chính báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến, thì phải tuân theo các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn về dịch vụ định giá quy định trong mục 603.

TIÊU MỤC 608 - DỊCH VỤ TƯ VẤN PHÁP LÝ

Giới thiệu

608.1 Cung cấp dịch pháp lý cho khách hàng kiểm toán có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa.

608.2 Ngoài các yêu cầu cụ thể và tài liệu hướng dẫn trong tiêu mục này, các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong đoạn 600.1 đến R600.10 có liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm khi cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý cho khách hàng kiểm toán. Tiêu mục này bao gồm các quy định về nghiêm cấm doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cung cấp một số dịch vụ tư vấn pháp lý cho khách hàng kiểm toán trong trường hợp các mối nguy cơ phát sinh không thể được giải quyết bằng các biện pháp bảo vệ.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Tất cả các khách hàng kiểm toán

- 608.3 A1 Dịch vụ tư vấn pháp lý được định nghĩa là bất kỳ dịch vụ nào mà cá nhân cung cấp dịch vụ phải:
- (a) Có đào tạo pháp lý cần thiết để hành nghề về luật; hoặc
 - (b) Được phép hành nghề luật trước tòa án theo luật định trong phạm vi mà dịch vụ đó được cung cấp.

Với vai trò tư vấn

608.4 A1 Tùy thuộc vào quy định pháp lý, các dịch vụ tư vấn pháp lý có thể bao gồm nhiều dịch vụ tư vấn gồm dịch vụ tư vấn doanh nghiệp và tư vấn thương mại cho khách hàng kiểm toán, như:

- Hỗ trợ hợp đồng.
- Hỗ trợ khách hàng kiểm toán trong việc thực hiện giao dịch.
- Sáp nhập và mua bán.
- Hỗ trợ cho bộ phận pháp chế nội bộ của khách hàng.
- Tái cấu trúc và dịch vụ rà soát đặt biệt theo quy định của pháp luật.

608.4 A2 Mức độ nghiêm trọng của nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa phát sinh khi cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý cho khách hàng kiểm toán bao gồm:

- Mức độ trọng yếu của vấn đề cụ thể liên quan đến báo cáo tài chính của khách hàng.
- Sự phức tạp của vấn đề pháp lý và mức độ xét đoán cần thiết để cung cấp dịch vụ.

608.4 A3 Ví dụ về các biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ bao gồm:

- Sử dụng chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra và nguy cơ về sự bào chữa.
- Cử người soát xét thích hợp mà chuyên gia này không tham gia cung cấp dịch vụ soát xét hoặc thực hiện dịch vụ kiểm toán để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra.

Vai trò Luật sư

R608.5 Thành viên điều hành hoặc nhân viên của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được đóng vai trò là Luật sư cho các vấn đề pháp lý của khách hàng kiểm toán.

608.5 A1 Vị trí luật sư thường là vị trí quản lý cấp cao với trách nhiệm liên quan đến vấn đề pháp lý của công ty.

Vai trò bào chữa

R608.6 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được đóng vai trò bào chữa cho khách hàng kiểm toán trong việc giải quyết một vụ kiện tụng hoặc tranh chấp khi các số tiền có liên quan là trọng yếu đối với báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến.

608.6 A1 Ví dụ về biện pháp bảo vệ giải quyết nguy cơ tự kiểm tra phát sinh khi doanh nghiệp kiểm toán đóng vai trò bào chữa cho khách hàng kiểm toán và các số tiền có liên quan là không trọng yếu đối với báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến, bao gồm:

- Sử dụng chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ.

- Cử người soát xét thích hợp mà chuyên gia này không tham gia cung cấp dịch vụ soát xét hoặc thực hiện dịch vụ kiểm toán.

TIÊU MỤC 609 - DỊCH VỤ TUYỂN DỤNG

Giới thiệu

- 609.1 Cung cấp dịch vụ tuyển dụng cho khách hàng kiểm toán có thể tạo ra nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ bị đe dọa.
- 609.2 Cùng với các yêu cầu cụ thể và tài liệu hướng dẫn trong mục này, các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong đoạn 600.1 đến R600.10 có liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm khi cung cấp dịch vụ tuyển dụng cho khách hàng kiểm toán. Tiêu mục này bao gồm các quy định về nghiêm cấm doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cung cấp một số dịch vụ tuyển dụng cho khách hàng kiểm toán trong trường hợp các mối nguy cơ phát sinh không thể được giải quyết bằng các biện pháp bảo vệ.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Tất cả các khách hàng kiểm toán

- 609.3 A1 Dịch vụ tuyển dụng có thể bao gồm các hoạt động như:
- Xây dựng bản mô tả công việc.
 - Xây dựng quy trình xác định và lựa chọn ứng viên tiềm năng.
 - Tìm kiếm các ứng cử viên.
 - Sàng lọc các ứng cử viên tiềm năng cho vai trò bằng cách:
 - Xem xét trình độ chuyên môn hoặc năng lực của ứng viên và xác định sự phù hợp của họ cho vị trí này.
 - Thực hiện kiểm tra tham chiếu của các ứng cử viên tương lai.
 - Phỏng vấn và lựa chọn ứng viên phù hợp và tư vấn về năng lực của ứng viên.
 - Xác định các điều khoản lao động và đàm phán chi tiết, chẳng hạn như tiền lương, giờ làm việc và các khoản đãi ngộ khác.
- 609.3 A2 Đoạn R600.7 không cho phép một doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới đảm nhận trách nhiệm quản lý. Cung cấp dịch vụ tuyển dụng không tạo ra nguy cơ ảnh hưởng trong trường hợp nhân sự của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không đảm nhận trách nhiệm quản lý:

- Xem xét trình độ chuyên môn của một số ứng viên và cung cấp lời khuyên về sự phù hợp của họ cho vị trí này.
- Phỏng vấn ứng viên và tư vấn về năng lực ứng viên cho các vị trí kế toán tài chính, hành chính hoặc kiểm soát.

R609.4 Khi một doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cung cấp dịch vụ tuyển dụng cho khách hàng kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán sẽ đáp ứng nếu:

- (a) Khách hàng có trách nhiệm đưa ra quyết định quản lý liên quan đến việc tuyển dụng ứng viên cho một nhân viên có năng lực, tốt nhất là quản lý cấp cao; và
- (b) Khách hàng đưa ra tất cả các quyết định quản lý liên quan đến quá trình tuyển dụng, bao gồm:
 - Xác định sự phù hợp của các ứng viên tiềm năng và lựa chọn các ứng viên phù hợp cho vị trí này.
 - Xác định các điều khoản lao động và đàm phán chi tiết, chẳng hạn như tiền lương, giờ làm việc và các khoản đãi ngộ khác.

609.5 A1 Mức độ nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ bị đe dọa phát sinh khi cung cấp dịch vụ tuyển dụng cho khách hàng kiểm toán phụ thuộc vào các yếu tố, bao gồm:

- Bản chất của sự hỗ trợ theo yêu cầu;
- Vai trò của cá nhân được tuyển dụng;
- Bất kỳ xung đột lợi ích hoặc mối quan hệ có thể tồn tại giữa các ứng cử viên và doanh nghiệp kiểm toán cung cấp lời khuyên hoặc dịch vụ.

609.5 A2 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ bị đe dọa là sử dụng chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ.

Các hình thức tuyển dụng bị cấm

R609.6 Khi cung cấp dịch vụ tuyển dụng cho khách hàng kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được đóng vai trò là người đàm phán thay mặt cho khách hàng.

R609.7 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được cung cấp dịch vụ tuyển dụng cho khách hàng kiểm toán nếu dịch vụ liên quan đến:

- (a) Tìm kiếm các ứng cử viên; hoặc
- (b) Thực hiện kiểm tra tham chiếu của các ứng cử viên tương lai, liên quan đến các vị trí sau:

- (i) Giám đốc hoặc nhân viên của đơn vị; hoặc
- (ii) Thành viên quản lý cấp cao ở vị trí có ảnh hưởng đáng kể đến việc chuẩn bị hồ sơ kế toán hoặc báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến.

TIÊU MỤC 610 - DỊCH VỤ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Giới thiệu

- 610.1 Cung cấp dịch vụ tài chính doanh nghiệp cho khách hàng kiểm toán có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa.
- 610.2 Cùng với các quy định cụ thể và tài liệu hướng dẫn trong tiêu mục này, các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn trong đoạn 600.1 đến R600.10 có liên quan đến việc áp dụng khuôn khổ khái niệm khi cung cấp dịch vụ tài chính doanh nghiệp cho khách hàng kiểm toán. Tiêu mục này bao gồm các yêu cầu về nghiêm cấm doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới cung cấp một số dịch vụ tài chính doanh nghiệp cho khách hàng kiểm toán trong trường hợp các mối nguy cơ phát sinh không thể được giải quyết bằng các biện pháp bảo vệ.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Tất cả các khách hàng kiểm toán

- 610.3 A1 Ví dụ về các dịch vụ tài chính doanh nghiệp có thể tạo ra nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ về sự bào chữa bao gồm:
- Hỗ trợ khách hàng kiểm toán phát triển chiến lược tài chính doanh nghiệp.
 - Nhận diện mục tiêu có thể được đề khách hàng kiểm toán đạt được.
 - Tư vấn về các giao dịch giải thể doanh nghiệp.
 - Hỗ trợ các giao dịch huy động nguồn tài chính.
 - Tư vấn về cơ cấu doanh nghiệp.
 - Tư vấn về cấu trúc của giao dịch tài chính doanh nghiệp hoặc các thỏa thuận tài chính sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các số liệu được ghi nhận trong báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến.
- 610.3 A2 Mức độ nghiêm trọng của nguy cơ phát sinh khi cung cấp dịch vụ tài chính doanh nghiệp cho khách hàng kiểm toán phụ thuộc vào các yếu tố, bao gồm:
- Mức độ chủ quan khi xác định cách thức phù hợp để xử lý kết quả hoặc hệ quả của ý kiến tư vấn về tài chính doanh nghiệp đến báo cáo tài chính.

- Mức độ ảnh hưởng trong đó:
 - Kết quả ý kiến tư vấn tài chính doanh nghiệp ảnh hưởng trực tiếp đối với các số liệu được ghi nhận trong báo cáo tài chính.
 - Mức độ trọng yếu của các số tiền đó đối với báo cáo tài chính.
- Liệu hiệu quả của ý kiến tư vấn về tài chính doanh nghiệp có phụ thuộc vào phương pháp kế toán hoặc việc trình bày trên báo cáo tài chính, hay có nghi ngờ nào về sự phù hợp của phương pháp kế toán hoặc trình bày báo cáo tài chính theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan hay không.

610.3 A3 Ví dụ về các biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ tự kiểm tra và tự bào chữa bao gồm:

- Sử dụng chuyên gia không phải là thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện dịch vụ để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra và nguy cơ về sự bào chữa.
- Cử người soát xét thích hợp mà chuyên gia này không tham gia cung cấp dịch vụ soát xét hoặc thực hiện dịch vụ kiểm toán để giải quyết nguy cơ tự kiểm tra.

Các dịch vụ tài chính bị cấm

R610.4 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được cung cấp dịch vụ tài chính doanh nghiệp cho khách hàng kiểm toán liên quan đến việc quảng bá, giao dịch hoặc bảo lãnh cổ phiếu của khách hàng kiểm toán.

R610.5 Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới không được cung cấp dịch vụ tài chính doanh nghiệp cho khách hàng kiểm toán nếu hiệu quả của ý kiến tư vấn về tài chính doanh nghiệp có phụ thuộc vào phương thức hạch toán kế toán hoặc trình bày trên báo cáo tài chính và:

- (a) Nhóm kiểm toán có sự nghi ngờ về tính thích hợp của phương pháp kế toán và trình bày báo cáo tài chính theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan; và
- (b) Kết quả hoặc hệ quả của ý kiến tư vấn về tài chính doanh nghiệp sẽ có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến.

MỤC 800

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT BAO GỒM HẠN CHẾ SỬ DỤNG VÀ CUNG CẤP (DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ SOÁT XÉT)

Giới thiệu

- 800.1 Các doanh nghiệp kiểm toán cần phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 800.2 Mục này quy định về một số sửa đổi nhất định được phép đối với phần 4A trong một số trường hợp liên quan đến kiểm toán về báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt khi mà báo cáo gồm có hạn chế sử dụng và cung cấp. Trong Mục này, dịch vụ phát hành một báo cáo có hạn chế sử dụng và cung cấp trong một số trường hợp quy định tại đoạn R800.3 được gọi là một “Hợp đồng kiểm toán thích hợp”.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phân chung

- R800.3** Khi một doanh nghiệp kiểm toán dự định phát hành một báo cáo về việc kiểm toán báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt mà có hạn chế trong việc sử dụng và cung cấp, các yêu cầu về tính độc lập được nêu trong Phần 4A đủ điều kiện áp dụng đối với các sửa đổi được phép trong Mục này chỉ khi nếu:
- (a) Doanh nghiệp kiểm toán thông báo cho người sử dụng định trước về báo cáo liên quan đến yêu cầu về tính độc lập được sửa đổi áp dụng trong cung cấp dịch vụ; và
 - (b) Những đối tượng sử dụng báo cáo định trước hiểu được mục đích, hạn chế của báo cáo, và đồng ý với việc áp dụng các sửa đổi.
- 800.3 A1 Những đối tượng sử dụng báo cáo định trước có thể tìm hiểu về mục đích và hạn chế của báo cáo bằng việc tham gia xác định bản chất và phạm vi của dịch vụ một cách trực tiếp, hoặc gián tiếp thông qua người đại diện của những đối tượng sử dụng báo cáo của hợp đồng. Trong cả hai trường hợp, việc tham gia này giúp doanh nghiệp kiểm toán trao đổi các vấn đề về tính độc lập với những đối tượng sử dụng báo cáo, bao gồm cả các tình huống phù hợp để áp dụng khuôn khổ khái niệm. Việc này cũng cho phép doanh nghiệp kiểm toán thỏa thuận của những đối tượng sử dụng định trước đối với các yêu cầu về tính độc lập được sửa đổi.

R800.4 Khi mà người sử dụng định trước là một nhóm những người sử dụng mà không xác định rõ vào thời điểm các điều khoản hợp đồng dịch vụ được thiết lập, doanh nghiệp kiểm toán sau đó phải cho những đối tượng sử dụng thông tin này biết về việc đại diện của họ đã đồng ý với các yêu cầu về tính độc lập được sửa đổi.

800.4 A1 Ví dụ, khi người sử dụng định trước là một nhóm sử dụng như những người cho vay trong hợp đồng vốn vay, doanh nghiệp kiểm toán có thể mô tả các yêu cầu về tính độc lập được sửa đổi trong thư đảm bảo cho đại diện của nhóm người đó. Người đại diện này có thể đưa thư đảm bảo này cho các thành viên của nhóm những người cho vay, để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp kiểm toán có để cho những đối tượng sử dụng thông tin này biết về việc đại diện của họ đã đồng ý với các yêu cầu về tính độc lập được sửa đổi.

R800.5 Khi doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một dịch vụ kiểm toán được lựa chọn, bất kỳ sửa đổi nào trong phần 4A đều bị giới hạn đối với các đối tượng được đề cập đến tại các đoạn từ R800.7 đến R800.14. Doanh nghiệp kiểm toán sẽ không nên áp dụng các sửa đổi này khi thực hiện kiểm toán theo luật hoặc quy định.

R800.6 Nếu doanh nghiệp kiểm toán cũng phát hành một báo cáo kiểm toán mà không bao gồm hạn chế sử dụng và cung cấp cho cùng một đối tượng khách hàng, doanh nghiệp kiểm toán phải áp dụng phần 4A đối với dịch vụ kiểm toán đó.

Các đơn vị có lợi ích công chúng

R800.7 Khi doanh nghiệp kiểm toán thực hiện dịch vụ kiểm toán được lựa chọn, doanh nghiệp kiểm toán không cần áp dụng các yêu cầu về tính độc lập được thiết lập trong phần 4A, phần này chỉ áp dụng đối với các dịch vụ kiểm toán của đơn vị có lợi ích công chúng.

Các đơn vị liên quan

R800.8 Khi doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hợp đồng dịch vụ kiểm toán được lựa chọn, tham chiếu về “khách hàng kiểm toán” trong phần 4A không bao gồm cả các đơn vị có liên quan của khách hàng. Tuy nhiên khi nhóm kiểm toán biết hoặc có lý do để tin rằng mối quan hệ, hoặc trường hợp liên quan đến một đơn vị liên quan đến khách hàng là phù hợp cho việc đánh giá tính độc lập của doanh nghiệp thực hiện kiểm toán với khách hàng, nhóm kiểm toán sẽ phải xem xét đến đơn vị có liên quan đó khi xác định, đánh giá, và giải quyết nguy cơ đe dọa tới tính độc lập.

Mạng lưới và công ty mạng lưới

R800.9 Khi các doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hợp đồng dịch vụ kiểm toán được lựa chọn, các yêu cầu cụ thể liên quan đến các công ty mạng lưới quy định tại phần 4A không nhất thiết cần phải được áp dụng. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp kiểm toán biết, hoặc có lý do để tin rằng các nguy cơ ảnh hưởng tới tính độc lập phát sinh do bất kỳ lợi ích và mối quan hệ từ một doanh nghiệp mạng lưới, doanh nghiệp kiểm toán phải đánh giá và giải quyết các nguy cơ đó.

Các lợi ích tài chính, khoản vay và bảo lãnh tài chính, các mối quan hệ kinh doanh gần gũi, và các mối quan hệ gia đình và cá nhân

- R800.10 Khi doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một dịch vụ kiểm toán được lựa chọn:
- (a) Các điều khoản phù hợp quy định tại các Mục 510, 511, 520, 521, 522, 524 và 525 chỉ áp dụng đối với các thành viên của nhóm thực hiện dịch vụ, các thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp với họ, và có thể áp dụng đối với các thành viên gia đình gần gũi của họ;
 - (b) Doanh nghiệp kiểm toán phải xác định, đánh giá, và giải quyết bất kỳ nguy cơ ảnh hưởng tới tính độc lập phát sinh do các lợi ích và mối quan hệ, như được quy định tại các Mục 510, 511, 520, 521, 522, 524 và 525, giữa khách hàng kiểm toán và các thành viên của nhóm kiểm toán sau:
 - (i) Thành viên cung cấp tư vấn về kỹ thuật hoặc các vấn đề đặc thù của, các giao dịch hoặc sự kiện phát sinh; và
 - (ii) Thành viên cung cấp kiểm soát chất lượng của hợp đồng, bao gồm cả những người soát xét việc kiểm soát chất lượng dịch vụ đó; và
 - (c) Doanh nghiệp kiểm toán phải đánh giá và giải quyết các nguy cơ mà nhóm thực hiện dịch vụ có lý do để tin rằng nguy cơ đó phát sinh từ các lợi ích và mối quan hệ giữa khách hàng kiểm toán và các thành viên khác trong doanh nghiệp kiểm toán, những người mà có thể ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả của dịch vụ kiểm toán.
- 800.10. A1 Các cá nhân có quyền đề xuất chế độ lương, thưởng, hoặc trực tiếp theo dõi, quản lý, giám sát đối với thành viên điều hành phụ trách cuộc kiểm toán trong việc thực hiện cuộc kiểm toán, bao gồm từ nhân sự quản lý cấp cao hơn thành viên điều hành phụ trách cuộc kiểm toán cho đến Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc (Giám đốc điều hành hoặc tương đương) của doanh nghiệp kiểm toán hoặc cấp tương đương.
- R800.11** Khi doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một hợp đồng kiểm toán được lựa chọn, doanh nghiệp kiểm toán phải đánh giá và giải quyết bất kỳ nguy cơ nào mà nhóm thực hiện dịch vụ kiểm toán có lý do tin rằng nguy cơ đó phát sinh từ lợi ích tài chính trong khách hàng kiểm toán được nắm giữ bởi các cá nhân, như đã được quy định tại các đoạn R510.4(c) và (d), R510.5, R510.7 và 510.10 A5 và A9.
- R800.12** Khi doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một hợp đồng kiểm toán được lựa chọn, doanh nghiệp kiểm toán đó khi áp dụng các điều khoản quy định tại các đoạn R510.4(a), R510.6 và R510.7 đối với lợi ích doanh nghiệp kiểm toán, không được nắm giữ lợi ích tài chính trọng yếu trực tiếp, hoặc gián tiếp khách hàng kiểm toán (trong đơn vị được kiểm toán).

Làm việc cho khách hàng kiểm toán

R800.13 Khi doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một dịch vụ kiểm toán được lựa chọn, doanh nghiệp kiểm toán phải đánh giá và giải quyết bất kỳ nguy cơ nào phát sinh từ các mối quan hệ việc làm như được quy định tại các đoạn từ 524.3 A1 đến 524.5 A3.

Cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo

R800.14 Nếu doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một dịch vụ kiểm toán được lựa chọn và cung cấp một dịch vụ đảm bảo cho khách hàng kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các Mục từ 410 đến 430, và Mục 600 kể cả tiêu mục của Mục, đối tượng của các đoạn từ R800.7 đến R800.9.

PHẦN 4B - TÍNH ĐỘC LẬP ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ ĐẢM BẢO NGOÀI DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ SOÁT XÉT

		Trang
Mục 900	Áp dụng khuôn khổ khái niệm cho tính độc lập của dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét.....	198
Mục 905	Phí dịch vụ	206
Mục 906	Quà tặng và ưu đãi	209
Mục 907	Tranh chấp hoặc nguy cơ xảy ra tranh chấp pháp lý	210
Mục 910	Lợi ích tài chính	211
Mục 911	Các khoản cho vay và bảo lãnh	215
Mục 920	Các mối quan hệ kinh doanh	217
Mục 921	Các mối quan hệ gia đình và cá nhân	219
Mục 922	Dịch vụ gần đây với khách hàng dịch vụ đảm bảo	222
Mục 923	Làm việc với vai trò giám đốc hoặc quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo	223
Mục 924	Làm việc cho khách hàng dịch vụ đảm bảo.....	224
Mục 940	Cung cấp dịch vụ đảm bảo cho khách hàng trong nhiều năm	226
Mục 950	Quy định về các dịch vụ phi đảm bảo đối với khách hàng dịch vụ đảm bảo ngoài khách hàng dịch vụ kiểm toán và soát xét	228
Mục 990	Các báo cáo có bao gồm hạn chế sử dụng và cung cấp (hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài hợp đồng dịch vụ kiểm toán và soát xét)	232

PHẦN 4B - TÍNH ĐỘC LẬP ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ ĐẢM BẢO NGOÀI DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ SOÁT XÉT

MỤC 900

ÁP DỤNG KHUÔN KHỔ KHÁI NIỆM CHO TÍNH ĐỘC LẬP CỦA DỊCH VỤ ĐẢM BẢO NGOÀI DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT

Giới thiệu

Phần chung

- 900.1 Phần này áp dụng cho dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét (gọi tắt là “dịch vụ đảm bảo”). Ví dụ các dịch vụ đảm bảo khác gồm:
- Một cuộc kiểm toán cho một yếu tố, một số tài khoản hoặc một vài khoản mục đặc biệt trên báo cáo tài chính.
 - Dịch vụ quản trị hiệu suất thực hiện của một số chỉ tiêu hiệu quả hoạt động của khách hàng.
- 900.2 Trong phần này, thuật ngữ “kế toán viên chuyên nghiệp” được đề cập đến là cá nhân kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán nơi họ đang làm việc.
- 900.3 Chuẩn mực ISQC 1 yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán thiết kế chính sách và thủ tục nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý rằng doanh nghiệp kiểm toán, nhân sự doanh nghiệp kiểm toán, nếu có thể áp dụng, những chủ thể khác với yêu cầu về tính độc lập (bao gồm cả nhân sự của công ty mạng lưới), duy trì tính độc lập theo yêu cầu đạo đức liên quan. Ngoài ra, ISAE và ISA thiết lập trách nhiệm cho các thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ và nhóm thực hiện dịch vụ theo cấp độ tương ứng. Sự phân bổ trách nhiệm trong doanh nghiệp kiểm toán phụ thuộc vào quy mô, cấu trúc và quản trị công ty. Có rất nhiều điều khoản trong Phần 4B không quy định trách nhiệm cụ thể của cá nhân trong doanh nghiệp kiểm toán đến các hành động liên quan tính độc lập, thay vào đó là đề cập chung về “doanh nghiệp kiểm toán” để tham khảo. Các doanh nghiệp kiểm toán chỉ định trách nhiệm với các hành động cụ thể cho cá nhân hay một nhóm (ví dụ như nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ kiểm toán), tuân thủ theo chuẩn mực ISQC1. Ngoài ra, một kế toán viên chuyên nghiệp duy trì trách nhiệm tuân thủ mọi điều khoản áp dụng cho hoạt động của kiểm toán viên, các lợi ích và mối quan hệ của kiểm toán viên.
- 900.4 Tính độc lập liên quan đến nguyên tắc khách quan và chính trực. Tính độc lập gồm:
- (a) Độc lập về tư tưởng: Là trạng thái tư tưởng cho phép đưa ra kết luận mà không bị tác động bởi những yếu tố có ảnh hưởng đến xét đoán chuyên môn, cho phép một cá nhân hành động một cách chính trực và vận dụng được tính khách quan cũng như thái độ hoài nghi nghề nghiệp của mình.

- (b) Độc lập về hình thức: Là việc tránh các sự kiện và tình huống nghiêm trọng tới mức một bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin có thể đưa ra kết luận một cách tương đối chắc chắn rằng tính chính trực, tính khách quan và thái độ hoài nghi nghề nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán hoặc một thành viên trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo đã bị ảnh hưởng.

Trong phần này, các tham chiếu đến một cá nhân hay doanh nghiệp kiểm toán là “độc lập”, có nghĩa cá nhân hoặc doanh nghiệp phù hợp áp dụng các điều khoản của Phần này.

- 900.5 Khi thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo, Bộ Quy tắc yêu cầu các doanh nghiệp kiểm toán tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và đảm bảo độc lập. Phần này nêu những yêu cầu cụ thể và các tài liệu hướng dẫn khuôn khổ khái niệm để duy trì tính độc lập khi thực hiện các hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài các hợp đồng dịch vụ kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ soát xét. Khuôn khổ khái niệm được nêu ra trong Mục 120 áp dụng tính độc lập cũng như các nguyên tắc cơ bản được nêu trong Mục 110.
- 900.6 Phần này mô tả:
- (a) Sự kiện và tình huống, bao gồm các hoạt động chuyên môn, lợi ích và mối quan hệ phát sinh hoặc có thể phát sinh các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập;
- (b) Các hành động có khả năng xảy ra, bao gồm biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các nguy cơ; và
- (c) Một số tình huống mà các nguy cơ không thể loại trừ hoặc không có biện pháp bảo vệ nào để giải quyết ảnh hưởng tính độc lập đến mức có thể chấp nhận được.

Mô tả các dịch vụ đảm bảo khác

- 900.7 Hợp đồng dịch vụ đảm bảo được thiết kế nhằm tăng cường mức độ tin cậy cho đối tượng sử dụng định trước về kết quả của việc đánh giá hay đo lường dịch vụ thực hiện theo các tiêu chí nhất định. Trong một hợp đồng dịch vụ đảm bảo, doanh nghiệp kiểm toán đưa ra kết luận nhằm tăng cường mức độ tin cậy cho đối tượng sử dụng định trước (ngoài đối tượng chịu trách nhiệm) về kết quả của việc đánh giá hay đo lường dịch vụ thực hiện theo các tiêu chí nhất định. Khung khái niệm dịch vụ đảm bảo mô tả các yếu tố và mục tiêu của một hợp đồng dịch vụ đảm bảo và xác định hợp đồng mà chuẩn mực ISAE áp dụng. Để rõ hơn về các yếu tố và mục tiêu của một hợp đồng dịch vụ, tham khảo thêm về Khung khái niệm dịch vụ đảm bảo.
- 900.8 Kết quả của việc đánh giá hay đo lường dịch vụ thực hiện là thông tin có được từ việc áp dụng các tiêu chí nhất định. Thuật ngữ “thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo” được sử dụng đề cập đến kết quả của việc đánh giá hay đo lường đối tượng dịch vụ đảm bảo. Ví dụ, Khung khái niệm dịch vụ đảm bảo chỉ ra cơ sở dẫn liệu về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ (thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo) dẫn đến việc áp dụng khuôn khổ cho việc đánh giá tính hiệu quả kiểm soát nội bộ, như COSO hay CoCo (tiêu chí), đến quy trình kiểm soát nội bộ (đối tượng dịch vụ đảm bảo).

- 900.9 Dịch vụ đảm bảo có thể là dịch vụ đảm bảo chứng thực hoặc dịch vụ đảm bảo trực tiếp. Trong mỗi trường hợp, chúng có thể bao gồm ba bên riêng biệt: Doanh nghiệp kiểm toán, đơn vị chịu trách nhiệm và đối tượng sử dụng thông tin.
- 900.10 Trong dịch vụ đảm bảo chứng thực, việc đánh giá hay đo lường đối tượng dịch vụ đảm bảo được thực hiện bởi đơn vị chịu trách nhiệm. Thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo được xác nhận bởi đơn vị chịu trách nhiệm mà cung cấp cho đối tượng sử dụng thông tin.
- 900.11 Trong dịch vụ đảm bảo trực tiếp, doanh nghiệp kiểm toán:
- (a) Trực tiếp đánh giá và đo lường đối tượng dịch vụ đảm bảo; hoặc
 - (b) Có được một đại diện từ đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện đánh giá và đo lường. Kết quả này không được cung cấp trực tiếp cho đối tượng sử dụng thông tin mà được cung cấp trong báo cáo dịch vụ đảm bảo.

Báo cáo gồm sự hạn chế trong sử dụng và cung cấp

- 900.12 Một báo cáo đảm bảo có thể có một hạn chế trong sử dụng và cung cấp. Nếu báo cáo có bao gồm và điều kiện được chỉ ra là phù hợp trong Chương 990 và những quy định về tính độc lập trong Phần này có thể được sửa đổi theo Mục 990.

Dịch vụ kiểm toán và soát xét

- 900.13 Chuẩn mực tính độc lập cho dịch vụ kiểm toán và soát xét được nêu trong Phần 4A – *Tính độc lập áp dụng cho dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét*. Nếu một doanh nghiệp thực hiện cả dịch vụ đảm bảo và dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét cho cùng một khách hàng, những yêu cầu trong Phần 4A tiếp tục được áp dụng đối với doanh nghiệp kiểm toán, công ty mạng lưới và thành viên của nhóm thực hiện kiểm toán hoặc soát xét.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- R900.14** Một doanh nghiệp kiểm toán thực hiện dịch vụ đảm bảo tuân thủ tính độc lập với khách hàng dịch vụ đảm bảo.
- R900.15** Một doanh nghiệp kiểm toán áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu ở Mục 120 nhằm xác định, đánh giá và giải quyết nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập trong hợp đồng dịch vụ đảm bảo.

Công ty mạng lưới

- R900.16** Khi một doanh nghiệp kiểm toán có lý do tin rằng lợi ích và mối quan hệ của công ty mạng lưới tạo ra nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập của doanh nghiệp kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán sẽ đánh giá và giải quyết bất kỳ nguy cơ đó.
- 900.16 A1 Công ty mạng lưới được thảo luận trong Đoạn 400.50 A1 đến 400.54 A1.

Các bên liên quan

R900.17 Khi nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo nhận thức hoặc có lý do tin rằng mối quan hệ hoặc tình huống có liên đới đến bên liên quan của khách hàng dịch vụ đảm bảo là phù hợp để đánh giá tính độc lập với khách hàng, nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo sẽ đưa đơn vị liên quan này vào khi xác định, đánh giá và giải quyết nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập với bên liên quan.

Các loại dịch vụ đảm bảo

Dịch vụ đảm bảo chứng thực

R900.18 Khi thực hiện dịch vụ đảm bảo chứng thực:

- (a) Thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo và doanh nghiệp kiểm toán độc lập với khách hàng của dịch vụ đảm bảo (đơn vị chịu trách nhiệm về thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo, và có thể chịu trách nhiệm về đối tượng dịch vụ đảm bảo) như đã nêu trong Phần này. Các quy định về tính độc lập nêu trong Phần này nghiêm cấm các mối quan hệ giữa thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo và (i) giám đốc và quản lý cấp cao, và (ii) các cá nhân tại đơn vị khách hàng có vị trí và gây ảnh hưởng đáng kể đến thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo;
- (b) Doanh nghiệp kiểm toán sẽ áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 về mối quan hệ với các cá nhân tại đơn vị khách hàng có vị trí và gây ảnh hưởng đáng kể đến thông tin đối tượng thực hiện; và
- (c) Doanh nghiệp kiểm toán đánh giá và giải quyết bất kỳ nguy cơ mà doanh nghiệp có lý do tin rằng nguy cơ đó bắt nguồn từ lợi ích và mối quan hệ của công ty mạng lưới.

R900.19 (a) Các thành viên của nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo và doanh nghiệp kiểm toán độc lập với đối tượng chịu trách nhiệm về thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo (khách hàng dịch vụ đảm bảo); và

- (b) Doanh nghiệp kiểm toán sẽ đánh giá và giải quyết bất kỳ nguy cơ mà doanh nghiệp có lý do tin rằng nguy cơ đó bắt nguồn từ lợi ích và mối quan hệ của thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo, doanh nghiệp kiểm toán, doanh nghiệp mạng lưới và đối tượng chịu trách nhiệm về đối tượng dịch vụ đảm bảo.

900.19 A1 Trong phần lớn các dịch vụ đảm bảo chứng thực, đối tượng chịu trách nhiệm cho cả thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo và đối tượng dịch vụ đảm bảo. Tuy nhiên, trong một số hợp đồng, đối tượng chịu trách nhiệm có thể không chịu trách nhiệm về đối tượng dịch vụ đảm bảo. Ví dụ có thể là doanh nghiệp kiểm toán chỉ ký kết thực hiện dịch vụ đảm bảo liên quan đến một báo cáo phát triển bền vững do một nhà tư vấn môi trường đã lập trước đó cho đối tượng sử dụng

thông tin. Trong trường hợp này, nhà tư vấn môi trường là đối tượng chịu trách nhiệm về thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo nhưng khách hàng có trách nhiệm về đối tượng dịch vụ đảm bảo (hoạt động phát triển bền vững).

Dịch vụ đảm bảo trực tiếp

R900.20 Khi thực hiện dịch vụ đảm bảo trực tiếp:

- (a) Thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo và doanh nghiệp kiểm toán là độc lập đối với khách hàng của dịch vụ đảm bảo (đối tượng chịu trách nhiệm cho đối tượng của dịch vụ đảm bảo); và
- (b) Doanh nghiệp kiểm toán sẽ đánh giá và giải quyết bất kỳ nguy cơ mà doanh nghiệp có lý do tin rằng nguy cơ đó bắt nguồn từ lợi ích và mối quan hệ của công ty mạng lưới.

Các bên chịu trách nhiệm

900.21 A1 Trong một số dịch vụ đảm bảo, cho dù dịch vụ đảm bảo chúng thực hay trực tiếp, sẽ có một số đơn vị chịu trách nhiệm liên quan. Khi xác định sự cần thiết áp dụng các điều khoản trong Phần này cho mỗi đơn vị chịu trách nhiệm trong dịch vụ như vậy, doanh nghiệp kiểm toán xem xét một số vấn đề nhất định. Các vấn đề bao gồm như: Lợi ích và mối quan hệ giữa doanh nghiệp kiểm toán, hay thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo, và một bên chịu trách nhiệm cụ thể có thể gây ra nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập mà nó không quan trọng xét trong bối cảnh thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo. Quyết định này được tính đến các yếu tố sau:

- (a) Tính trọng yếu của thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo (hoặc của đối tượng dịch vụ đảm bảo) cho đơn vị chịu trách nhiệm.
- (b) Mức độ của lợi ích công chúng liên quan đến dịch vụ.

Nếu doanh nghiệp kiểm toán xác định rằng nguy cơ gây ra từ lợi ích hoặc mối quan hệ với một bên chịu trách nhiệm cụ thể có thể gây ra nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập mà nó không quan trọng, thì không cần thiết phải áp dụng tất cả các điều khoản của Mục này cho đơn vị chịu trách nhiệm.

[Đoạn 900.22 đến 900.29 được bỏ trống]

Yêu cầu bắt buộc về tính độc lập trong kỳ thực hiện dịch vụ

R900.30 Tính độc lập, theo yêu cầu của phần này, được duy trì trong cả hai:

- (a) Kỳ thực hiện dịch vụ; và
- (b) Kỳ của thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo.

- 900.30 A1 Kỳ thực hiện dịch vụ được bắt đầu khi nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo triển khai. Kỳ thực hiện hợp đồng dịch vụ kết thúc khi báo cáo dịch vụ đảm bảo được phát hành. Khi hợp đồng dịch vụ được tiến hành định kỳ, hợp đồng kết thúc khi có một thông báo bởi một trong hai bên về dịch vụ thực hiện đã hoàn tất hoặc báo cáo dịch vụ đảm bảo được phát hành.
- R900.31** Một đơn vị trở thành khách hàng của dịch vụ đảm bảo trong hoặc sau kỳ thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo trong phạm vi thực hiện dịch vụ, doanh nghiệp kiểm toán sẽ xác định liệu rằng có nguy cơ nào gây ảnh hưởng đến tính độc lập thông qua:
- (a) Mỗi quan hệ tài chính hoặc kinh doanh với khách hàng dịch vụ đảm bảo trong kỳ thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo nhưng trước khi chấp thuận thực hiện dịch vụ; hoặc
 - (b) Dịch vụ cung cấp trước đây cho khách hàng.
- R900.32** Nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập xảy ra nếu dịch vụ phi đảm bảo được cung cấp cho khách hàng trong suốt hoặc sau kỳ hình thành thông tin của dịch vụ đảm bảo, nhưng trước khi nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo tiến hành và dịch vụ không được phép trong kỳ thực hiện dịch vụ. Trong trường hợp như vậy, doanh nghiệp kiểm toán sẽ đánh giá và giải quyết bất kỳ nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập do dịch vụ. Nếu nguy cơ đó không ở mức có thể chấp nhận được, doanh nghiệp kiểm toán chỉ chấp thuận thực hiện hợp đồng dịch vụ nếu nguy cơ đó được giảm thiểu đến mức có thể chấp nhận được.
- 900.32 A1 Ví dụ về những biện pháp bảo vệ các nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập gồm:
- Sử dụng chuyên gia không thuộc nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo để thực hiện dịch vụ phi đảm bảo.
 - Có người soát xét thích hợp thực hiện soát xét dịch vụ đảm bảo và dịch vụ phi đảm bảo.
- R900.33** Nếu dịch vụ phi đảm bảo không được cho phép trong kỳ thực hiện dịch vụ mà chưa hoàn thành và việc hoàn tất dịch vụ phi đảm bảo trước khi bắt đầu dịch vụ chuyên môn về dịch vụ đảm bảo, doanh nghiệp kiểm toán chỉ chấp thuận dịch vụ đảm bảo, nếu:
- (a) Doanh nghiệp kiểm toán đáp ứng:
 - (i) Dịch vụ phi đảm bảo sẽ hoàn thành trong khoảng thời gian ngắn; hoặc
 - (ii) Khách hàng có thoả thuận để chuyển dịch vụ chuyên môn sang nhà cung cấp khác trong khoảng thời gian ngắn;

- (b) Doanh nghiệp kiểm toán áp dụng biện pháp bảo vệ khi cần thiết trong thời gian thực hiện dịch vụ; và
- (c) Doanh nghiệp kiểm toán trao đổi các vấn đề trên với Ban quản trị khách hàng.

[Đoạn 900.34 đến 900.39 được bỏ trống]

Vấn bản chung về tính độc lập của dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét

R900.40 Doanh nghiệp kiểm toán sẽ ghi lại các kết luận về việc tuân thủ phần này, và bản chất của bất kỳ thảo luận liên quan đến việc đưa ra kết luận. Đặc biệt:

- (a) Khi các biện pháp bảo vệ được áp dụng để giải quyết các nguy cơ, doanh nghiệp kiểm toán ghi lại bản chất của nguy cơ và các biện pháp bảo vệ thực hiện hoặc áp dụng; và
- (b) Khi một nguy cơ cần được phân tích đáng kể và doanh nghiệp kiểm toán kết luận rằng nguy cơ ở mức có thể chấp nhận được, doanh nghiệp kiểm toán sẽ ghi lại bản chất của nguy cơ đó và lý do đưa ra kết luận.

900.40 A1 Tài liệu cung cấp bằng chứng về các xét đoán của doanh nghiệp kiểm toán để đưa ra kết luận về việc tuân thủ phần này. Tuy nhiên, việc thiếu các tài liệu không xác định liệu rằng doanh nghiệp kiểm toán có xem xét vấn đề cụ thể hay đảm bảo tính độc lập của doanh nghiệp kiểm toán đó.

[Đoạn 900.41 đến 900.49 được bỏ trống]

Vi phạm điều khoản về tính độc lập trong dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét

Khi doanh nghiệp kiểm toán xác định được sự vi phạm

R900.50 Nếu doanh nghiệp kiểm toán đưa ra kết luận rằng việc vi phạm yêu cầu của phần này đã xảy ra, doanh nghiệp kiểm toán sẽ:

- (a) Kết thúc, đình chỉ hoặc loại trừ lợi ích hoặc mối quan hệ mà gây ra vi phạm;
- (b) Đánh giá tầm quan trọng của việc vi phạm và ảnh hưởng của nó đến tính khách quan và khả năng phát hành báo cáo dịch vụ đảm bảo; và
- (c) Xác định hành động thực hiện đã giải quyết thoả đáng hậu quả của việc vi phạm.

Khi đưa ra quyết định, doanh nghiệp kiểm toán sẽ thực hiện xét đoán chuyên môn và xem xét bên thứ ba thích hợp và có đủ thông tin có thể kết luận về tính

khách quan của doanh nghiệp kiểm toán có bị ảnh hưởng không, và do đó, doanh nghiệp kiểm toán sẽ không thể phát hành báo cáo dịch vụ đảm bảo.

- R900.51** Nếu doanh nghiệp kiểm toán xác định hành động thực hiện không thể giải quyết hậu quả của việc vi phạm một cách thoả đáng, doanh nghiệp kiểm toán sẽ thông báo cho đơn vị ký hợp đồng hoặc Ban quản trị càng sớm càng tốt. Doanh nghiệp kiểm toán sẽ thực hiện các bước cần thiết để chấm dứt dịch vụ kiểm toán đảm bảo theo luật pháp hoặc các quy định hiện hành.
- R900.52** Nếu doanh nghiệp kiểm toán xác định hành động thực hiện có thể giải quyết hậu quả của việc vi phạm một cách thoả đáng, doanh nghiệp kiểm toán sẽ thảo luận về vi phạm và hành động thực hiện hoặc đề xuất để thực hiện với đơn vị ký hợp đồng hoặc Ban quản trị một cách thích hợp. Doanh nghiệp kiểm toán sẽ thảo luận về vi phạm và hành động đề xuất một cách kịp thời, có tính đến các tình huống của hợp đồng và việc vi phạm.
- R900.53** Nếu đơn vị ký hợp đồng hoặc Ban quản trị khách hàng không đồng ý hành động do doanh nghiệp kiểm toán đề xuất theo đoạn R900.50(c) nhằm giải quyết thảo luận đáng hậu quả của việc vi phạm, doanh nghiệp kiểm toán sẽ thực hiện các bước cần thiết để chấm dứt hợp đồng dịch vụ đảm bảo theo mọi yêu cầu pháp lý và quy định hiện hành có liên quan.

Tài liệu ghi chép

- R900.54** Trong việc tuân thủ các yêu cầu trong đoạn R900.50 đến R900.53, doanh nghiệp kiểm toán sẽ ghi lại:
- (a) Việc vi phạm;
 - (b) Hành động thực hiện;
 - (c) Các quyết định chính đã đưa ra; và
 - (d) Toàn bộ các trao đổi nào với đơn vị ký hợp đồng dịch vụ hoặc Ban quản trị khách hàng.
- R900.55** Nếu doanh nghiệp kiểm toán tiếp tục thực hiện dịch vụ đảm bảo, doanh nghiệp sẽ ghi lại:
- (a) Kết luận theo xét đoán chuyên môn của doanh nghiệp kiểm toán về tính khách quan của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng; và
 - (b) Cơ sở lý do tại sao hành động giải quyết thoả đáng hậu quả của việc phạm để doanh nghiệp kiểm toán có thể phát hành báo cáo dịch vụ đảm bảo.

MỤC 905

PHÍ DỊCH VỤ

Giới thiệu

- 905.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 905.2 Bản chất và mức phí hợp đồng hoặc các thù lao khác có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn liên quan đến vận dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phí dịch vụ - số tương đối

- 905.3 A1 Khi tổng mức phí dịch vụ từ một khách hàng dịch vụ đảm bảo chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp kiểm toán, sự phụ thuộc và mối lo ngại về việc mất khách hàng đó sẽ làm phát sinh nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa.
- 905.3 A2 Mức độ của các nguy cơ đó phụ thuộc vào các yếu tố như:
- Cơ cấu hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán.
 - Liệu doanh nghiệp kiểm toán mới được thành lập hay đã hoạt động ổn định.
 - Tầm quan trọng của khách hàng đối với doanh nghiệp kiểm toán, xét về mặt định lượng và/hoặc định tính.
- 905.3 A3 Ví dụ biện pháp bảo vệ cần thiết để loại trừ hoặc giải quyết nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa như giảm sự phụ thuộc vào khách hàng.
- 905.3 A4 Nguy cơ do tư lợi hay nguy cơ bị đe dọa cũng có thể phát sinh khi phí dịch vụ từ một khách hàng sử dụng dịch vụ đảm bảo chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng doanh thu từ số khách hàng của từng thành viên điều hành.
- 905.3 A5 Ví dụ các biện pháp bảo vệ cần thiết để loại trừ hoặc giải quyết nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa như:
- Tăng số khách hàng kiểm toán của thành viên điều hành phụ trách để giảm sự phụ thuộc vào khách hàng.
 - Cử một người soát xét thích hợp không phải là thành viên trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo soát xét lại công việc.

Phí quá hạn

- 905.4 A1 Nguy cơ do tư lợi có thể phát sinh nếu khách hàng dịch vụ đảm bảo vẫn chưa thanh toán một phần phí đáng kể trước khi phát hành báo cáo dịch vụ đảm bảo, nếu có, chỉ thanh toán cho kỳ tiếp theo. Thông thường doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu thanh toán phí trước khi phát hành báo cáo dịch vụ đảm bảo. Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu tại Mục 911 liên quan đến các khoản vay và bảo lãnh cũng có thể được áp dụng cho các tình huống tồn tại các khoản phí chưa thanh toán như vậy.
- 905.4 A2 Ví dụ các biện pháp bảo vệ cần thiết để loại trừ hoặc giải quyết nguy cơ do tư lợi như:
- Nhận được khoản thanh toán một phần phí quá hạn.
 - Cử một người soát xét thích hợp không tham gia nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo soát xét lại công việc đã thực hiện.
- R905.5** Khi một phần đáng kể phí quá hạn từ khách hàng dịch vụ đảm bảo vẫn chưa được thanh toán trong một thời gian dài, doanh nghiệp kiểm toán sẽ xác định:
- (a) Liệu phí quá hạn có thể được coi là tương đương với một khoản cho khách hàng vay hay không, và
 - (b) Liệu rằng có thích hợp đối với doanh nghiệp kiểm toán có được tái bổ nhiệm hoặc tiếp tục hợp đồng kiểm toán.

Phí tiềm tàng

- 905.6 A1 Là mức phí được tính toán dựa trên cơ sở định trước liên quan đến kết quả của giao dịch hoặc dịch vụ mà doanh nghiệp kiểm toán thực hiện. Mức phí tiềm tàng được tính thông qua một bên trung gian được gọi là phí tiềm tàng gián tiếp. Mức phí do tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác ấn định không được coi là phí tiềm tàng.
- R905.7** Doanh nghiệp kiểm toán không được tính phí tiềm tàng trực tiếp hoặc gián tiếp đối với hợp đồng dịch vụ đảm bảo.
- R905.8** Doanh nghiệp kiểm toán không được tính trực tiếp hoặc gián tiếp phí tiềm tàng của dịch vụ phi đảm bảo cung cấp cho khách hàng có dịch vụ đảm bảo nếu như kết quả của dịch vụ phi đảm bảo, và theo đó là mức phí phụ thuộc vào xét đoán hiện tại hoặc tương lai về một vấn đề liên quan trọng yếu đến thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo.
- 905.9 A1 Đoạn R905.7 và R905.8 ngăn ngừa một doanh nghiệp kiểm toán tham gia vào thỏa thuận phí tiềm tàng đối với một khách hàng dịch vụ đảm bảo. Ngay cả khi không có thỏa thuận về phí tiềm tàng khi cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán thì cũng có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi.

- 905.9 A2 Mức độ của nguy cơ trên phụ thuộc vào các yếu tố như:
- Khoảng tính phí tiềm tàng.
 - Liệu có một cơ quan có thẩm quyền nào có quyền xác định kết quả mà khoản phí tiềm tàng được tính dựa trên kết quả đó hay không.
 - Công bố cho đối tượng sử dụng định trước công việc thực hiện bởi doanh nghiệp kiểm toán và cơ sở tính khoản thù lao.
 - Bản chất của dịch vụ cung cấp.
 - Ảnh hưởng của sự kiện hoặc giao dịch đối với đối tượng dịch vụ đảm bảo.
- 905.9 A3 Ví dụ các biện pháp bảo vệ cần thiết để loại trừ hoặc giải quyết nguy cơ do tư lợi như:
- Cử một người soát xét thích hợp không tham gia cung cấp dịch vụ phi đảm bảo soát xét lại công việc; hoặc
 - Đạt được thỏa thuận trước bằng văn bản với khách hàng về cơ sở tính thù lao.

MỤC 906

QUÀ TẶNG VÀ ƯU ĐÃI

Giới thiệu

- 906.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Chương 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 906.2 Việc chấp nhận quà tặng hoặc ưu đãi từ một khách hàng dịch vụ đảm bảo có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn liên quan đến vận dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp cụ thể.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

- R906.3** Một doanh nghiệp kiểm toán, hoặc thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo không được nhận quà tặng hoặc ưu đãi từ khách hàng dịch vụ đảm bảo, trừ khi giá trị đó là không đáng kể.
- 906.3 A1 Khi một doanh nghiệp kiểm toán, hoặc thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo đề nghị hoặc chấp nhận sự ưu đãi đến hoặc từ khách hàng dịch vụ đảm bảo, các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn được nêu trong Mục 340 và việc không tuân thủ các yêu cầu đó có thể làm phát sinh các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 906.3 A2 Các yêu cầu được nêu trong Mục 340 liên quan đến việc đề nghị hoặc chấp nhận các ưu đãi không cho phép doanh nghiệp kiểm toán hoặc thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo chấp nhận quà tặng và sự ưu đãi mà có mục đích ảnh hưởng không phù hợp tới hành vi ngay cả khi giá trị đó là không đáng kể.

MỤC 907

TRANH CHẤP HOẶC NGUY CƠ XẢY RA TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Giới thiệu

- 907.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Chương 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 907.2 Khi xảy ra hoặc có khả năng xảy ra kiện tụng, tranh chấp giữa doanh nghiệp kiểm toán với khách hàng dịch vụ đảm bảo sẽ làm phát sinh nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa. Mục này đưa ra tài liệu hướng dẫn cụ thể liên quan đến vận dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Tài liệu hướng dẫn

Phân chung

- 907.3 A1 Mọi quan hệ giữa Ban Giám đốc của khách hàng và các thành viên nhóm thực hiện dịch vụ phải dựa trên nguyên tắc khách quan và công khai về tất cả các mặt hoạt động của khách hàng. Vị trí đối lập có thể là kết quả từ việc xung đột hiện hữu giữa khách hàng kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán, hay thành viên nhóm kiểm toán. Vị trí xung đột đó có thể ảnh hưởng đến mong muốn của Ban Giám đốc công khai đầy đủ các thông tin và có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa.
- 907.3 A2 Mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố như:
- Tính trọng yếu của vụ kiện tụng, tranh chấp;
 - Liệu vụ kiện tụng, tranh chấp có liên quan đến một cuộc kiểm toán trước đây hay không.
- 907.3 A3 Nếu vụ kiện tụng liên quan đến một thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo, một ví dụ để hạn chế nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ do bị đe dọa như rút thành viên ra khỏi nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
- 907.3 A4 Ví dụ biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ do tư lợi và nguy cơ bị đe dọa là cử một người soát xét thích hợp soát xét công việc của thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.

MỤC 910

LỢI ÍCH TÀI CHÍNH

Giới thiệu

- 910.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 910.2 Nắm giữ lợi ích tài chính tại khách hàng dịch vụ đảm bảo có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi. Mục này đưa ra các yêu cầu và việc áp dụng cụ thể liên quan đến vận dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp cụ thể.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- 910.3 A1 Lợi ích tài chính có thể được nắm giữ thông qua tổ chức trung gian như quỹ đầu tư tài chính hoặc quỹ đầu tư động sản, bất động sản. Khi chủ sở hữu có quyền kiểm soát bên trung gian hoặc có khả năng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư, Bộ quy tắc này định nghĩa đó là lợi ích tài chính trực tiếp. Ngược lại, khi chủ sở hữu lợi ích không có quyền kiểm soát bên trung gian hoặc không có khả năng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư thì được xác định là lợi ích tài chính gián tiếp.
- 910.3 A2 Mục này bao gồm các tham chiếu đến tính trọng yếu của lợi ích tài chính. Để xác định rằng lợi ích tài chính đó có trọng yếu đối với một cá nhân hay không thì có thể xem xét giá trị lợi ích tổng thể của cá nhân và các thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp với cá nhân đó.
- 910.3 A3 Việc nắm giữ lợi ích tài chính ở khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi. Mức độ của nguy cơ đó phụ thuộc vào các yếu tố như:
- Vai trò của người nắm giữ lợi ích tài chính.
 - Lợi ích tài chính đó là trực tiếp hay gián tiếp.
 - Tính trọng yếu của lợi ích tài chính.

Lợi ích tài chính nắm giữ bởi doanh nghiệp kiểm toán, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo và thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp

- R910.4** Lợi ích tài chính trực tiếp hoặc lợi ích tài chính gián tiếp trọng yếu trong khách hàng dịch vụ đảm bảo không nên được nắm giữ bởi:
- (a) Doanh nghiệp kiểm toán; hoặc
 - (b) Thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên thực hiện dịch vụ đảm bảo.

Lợi ích tài chính trong đơn vị kiểm soát khách hàng dịch vụ đảm bảo

R910.5 Khi một đơn vị có lợi ích kiểm soát trong khách hàng dịch vụ đảm bảo và khách hàng đó là trọng yếu đối với đơn vị đó, doanh nghiệp kiểm toán, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo và cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo không được nắm giữ lợi ích trực tiếp hoặc lợi ích tài chính gián tiếp trọng yếu trong đơn vị đó.

Lợi ích tài chính trong tổ chức ủy thác

R910.6 Đoạn R910.4 cũng áp dụng cho lợi ích tài chính từ quỹ ủy thác nắm giữ bởi khách hàng dịch vụ đảm bảo trong đó doanh nghiệp kiểm toán hoặc cá nhân nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo là thành viên, trừ khi:

- (a) Bên được ủy thác, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo, cá nhân có quan hệ gia đình thân trực tiếp của họ, doanh nghiệp kiểm toán không được hưởng lợi từ bên ủy thác;
- (b) Lợi ích của khách hàng dịch vụ đảm bảo trong tổ chức ủy thác là không trọng yếu;
- (c) Bên ủy thác không có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đối với khách hàng dịch vụ đảm bảo; và
- (d) Bên được ủy thác, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo, cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp của họ, doanh nghiệp kiểm toán không có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư liên quan đến lợi ích tài chính trong khách hàng thực hiện dịch vụ đảm bảo.

Lợi ích tài chính nhận được một cách thụ động

R910.7 Nếu doanh nghiệp kiểm toán, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp của họ nhận được lợi ích tài chính trực tiếp hoặc nhận được lợi ích tài chính gián tiếp trọng yếu từ khách hàng sử dụng dịch vụ đảm bảo như một khoản thừa kế, quà biếu hay do kết quả từ việc sáp nhập doanh nghiệp, hay những trường hợp tương tự mà các lợi ích như vậy không được phép nắm giữ theo quy định của Mục này, thì:

- (a) Nếu doanh nghiệp kiểm toán nhận được lợi ích, thì phải chuyển nhượng ngay toàn bộ lợi ích tài chính trực tiếp này hoặc chuyển nhượng một phần lợi ích tài chính gián tiếp sao cho phần còn lại là không trọng yếu; hoặc
- (b) Nếu thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp của họ nhận được lợi ích, thì phải chuyển nhượng ngay toàn bộ lợi ích tài chính trực tiếp này hoặc chuyển nhượng một phần lợi ích tài chính gián tiếp sao cho phần còn lại là không trọng yếu.

Lợi ích tài chính - các trường hợp khác

Quan hệ gia đình gần gũi

- 910.8 A1 Thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo có quan hệ gia đình gần gũi nắm giữ lợi ích tài chính trực tiếp hoặc lợi ích tài chính gián tiếp trọng yếu trong khách hàng dịch vụ đảm bảo có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi.
- 910.8 A2 Mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố như:
- Bản chất của mối quan hệ giữa thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo và cá nhân có quan hệ gia đình gần gũi đó.
 - Liệu rằng lợi ích tài chính đó là trực tiếp hay gián tiếp.
 - Tính trọng yếu của lợi ích tài chính đối với thành viên có quan hệ gia đình gần gũi đó.
- 910.8 A3 Ví dụ biện pháp bảo vệ cần thiết để loại bỏ nguy cơ do tư lợi như:
- Cá nhân có quan hệ gia đình gần gũi chuyển nhượng tất cả lợi ích tài chính trực tiếp hoặc một phần đáng kể lợi ích tài chính gián tiếp ngay khi có thể để phần lợi ích tài chính còn lại là không đáng kể.
 - Rút thành viên đó ra khỏi nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
- 910.8 A4 Ví dụ biện pháp bảo vệ cần thiết để làm giảm nguy cơ do tư lợi là cử một người soát xét thích hợp soát xét lại công việc của thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.

Mối quan hệ cá nhân khác

- 910.8 A5 Nguy cơ do tư lợi có thể phát sinh khi một thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo biết rằng một cá nhân nắm giữ lợi ích tài chính trong khách hàng dịch vụ đảm bảo là:
- Thành viên điều hành và nhân viên chuyên nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán, ngoại trừ những cá nhân không được phép nắm giữ lợi ích tài chính được nêu trong đoạn R910.4 hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp của họ.
 - Cá nhân có quan hệ cá nhân gần gũi với thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
- 910.8 A6 Ví dụ biện pháp bảo vệ cần thiết có thể loại bỏ nguy cơ do tư lợi là rút thành viên có mối quan hệ cá nhân ra khỏi nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
- 910.8 A7 Ví dụ các biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ do tư lợi:

- Rút thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo ra khỏi mọi quyết định quan trọng liên quan đến hợp đồng thực hiện dịch vụ đảm bảo.
- Cử một người soát xét thích hợp soát xét lại công việc mà thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo đó thực hiện.

MỤC 911

CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ BẢO LÃNH

Giới thiệu

- 911.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 911.2 Một khoản cho vay hoặc bảo lãnh cho vay với khách hàng dịch vụ đảm bảo có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi. Mục này đưa ra các yêu cầu riêng và tài liệu hướng dẫn cụ thể liên quan đến vận dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- 911.3 A1 Mục này bao gồm việc tham chiếu “tính trọng yếu” của khoản cho vay hoặc bảo lãnh cho vay. Khi xác định liệu rằng khoản cho vay hoặc bảo lãnh cho vay đó có trọng yếu đối với một cá nhân hay không, thì có thể xem xét giá trị lợi ích tổng thể của cá nhân và các thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp với cá nhân đó.

Các khoản cho vay và bảo lãnh vay cho khách hàng kiểm toán

- R911.4** Một doanh nghiệp kiểm toán, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo không được cho vay hoặc bảo lãnh vay cho khách hàng kiểm toán trừ khi khoản cho vay đó hoặc bảo lãnh vay đó không trọng yếu đối với cả:
- (a) Doanh nghiệp kiểm toán, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo thực hiện cho vay hoặc bảo lãnh vay; và
 - (b) Khách hàng dịch vụ đảm bảo.

Các khoản cho vay và bảo lãnh vay với khách hàng kiểm toán là ngân hàng hoặc tổ chức tài chính tương tự

- R911.5** Doanh nghiệp kiểm toán, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hoặc bất kỳ cá nhân nào có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo không được chấp nhận một khoản vay hoặc bảo lãnh vay từ khách hàng dịch vụ đảm bảo là ngân hàng hoặc một tổ chức tương tự trừ khi khoản vay đó hoặc bảo lãnh vay được thực hiện theo các thủ tục, điều khoản và điều kiện vay thông thường.
- 911.5 A1 Ví dụ về các khoản vay gồm vay thế chấp, thấu chi ngân hàng, vay mua ô tô và cung cấp hạn mức thẻ tín dụng.
- 911.5 A2 Ngay cả khi doanh nghiệp kiểm toán nhận được khoản vay hoặc bảo lãnh vay từ khách hàng là ngân hàng và các tổ chức tài chính được thực hiện theo thủ tục, điều khoản và điều kiện vay thông thường thì khoản vay này vẫn có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi nếu như khoản vay hoặc bảo lãnh vay đó là trọng yếu đối với khách hàng dịch vụ đảm bảo hoặc doanh nghiệp kiểm toán nhận khoản vay đó.

- 911.5 A3 Ví dụ biện pháp bảo vệ cần thiết để giải quyết nguy cơ do tư lợi là sắp xếp một người soát xét thích hợp từ một công ty mạng lưới không tham gia vào thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo và cũng không nhận khoản vay soát xét lại công việc.

Tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản môi giới

- R911.6** Doanh nghiệp kiểm toán, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo, hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp của họ không được có tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản môi giới tại khách hàng dịch vụ đảm bảo là ngân hàng, công ty môi giới chứng khoán hay tổ chức tài chính tương tự, trừ khi tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản môi giới đó được thực hiện theo các điều khoản kinh doanh thông thường.

Các khoản cho vay và bảo lãnh vay cho khách hàng kiểm toán không phải là ngân hàng hoặc tổ chức tài chính

- R911.7** Doanh nghiệp kiểm toán, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo không được nhận khoản vay hoặc có một khoản bảo lãnh vay từ khách hàng dịch vụ đảm bảo không phải là ngân hàng hoặc tổ chức tài chính, trừ khi khoản vay đó là không trọng yếu đối với:
- (a) Doanh nghiệp kiểm toán hoặc thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo nhận khoản cho vay hoặc bảo lãnh vay đó; và
 - (b) Khách hàng dịch vụ đảm bảo.

MỤC 920

CÁC MỐI QUAN HỆ KINH DOANH

Giới thiệu

- 920.1 Các doanh nghiệp kiểm toán cần phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 920.2 Một mối quan hệ kinh doanh gần gũi với khách hàng dịch vụ đảm bảo hoặc Ban Giám đốc của khách hàng kiểm toán có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cụ thể liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- 920.3 A1 Mục này bao gồm các tham chiếu hướng dẫn về “tính trọng yếu” của lợi ích tài chính và “tầm quan trọng” của mối quan hệ kinh doanh gần gũi. Khi xác định liệu rằng một lợi ích tài chính có trọng yếu đối với một cá nhân hay không thì có thể xem xét giá trị lợi ích tổng thể của cá nhân và các thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp với cá nhân đó.
- 920.2 A2 Ví dụ về mối quan hệ kinh doanh gần gũi phát sinh từ mối quan hệ kinh doanh hoặc lợi ích tài chính bao gồm:
- Có lợi ích tài chính trong một doanh nghiệp liên doanh với khách hàng hoặc chủ sở hữu, Giám đốc, quản lý cấp cao hoặc cá nhân khác có quyền thực hiện vai trò quản lý của khách hàng;
 - Thỏa thuận hợp tác một hoặc nhiều dịch vụ hoặc sản phẩm của doanh nghiệp kiểm toán với một hoặc nhiều dịch vụ hoặc sản phẩm của khách hàng và quảng bá gói sản phẩm hoặc dịch vụ đó ra thị trường dưới danh nghĩa của cả hai bên;
 - Thỏa thuận về phân phối hoặc tiếp thị, theo đó, doanh nghiệp kiểm toán phân phối hoặc tiếp thị sản phẩm, dịch vụ của khách hàng, hoặc khách hàng phân phối hoặc tiếp thị sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán.

Doanh nghiệp kiểm toán, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo, hoặc các mối quan hệ kinh doanh gia đình trực tiếp

- R920.4** Một doanh nghiệp kiểm toán hoặc thành viên nhóm thực hiện dịch vụ không được có mối quan hệ kinh doanh gần gũi với khách hàng dịch vụ đảm bảo hoặc

Ban Giám đốc của khách hàng dịch vụ đảm bảo, trừ khi bất kỳ lợi ích tài chính nào nếu có không mang tính trọng yếu hoặc mối quan hệ kinh doanh là không quan trọng với khách hàng dịch vụ đảm bảo hoặc Ban Giám đốc khách hàng dịch vụ đảm bảo và doanh nghiệp kiểm toán hoặc nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.

920.4 A1 Nguy cơ do tư lợi hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể phát sinh khi khách hàng dịch vụ đảm bảo hoặc Ban Giám đốc khách hàng dịch vụ đảm bảo có mối quan hệ kinh doanh gần gũi với thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp.

Mua sản phẩm và dịch vụ

920.5 A1 Việc doanh nghiệp kiểm toán, thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hoặc cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp của họ mua hàng hóa hoặc dịch vụ từ khách hàng dịch vụ đảm bảo, thường không làm phát sinh nguy cơ đe dọa tính độc lập nếu giao dịch được thực hiện theo điều kiện kinh doanh thông thường và theo giá cả thị trường. Tuy nhiên, bản chất hoặc quy mô của giao dịch có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi.

920.5 A2 Ví dụ các biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi gồm:

- Loại bỏ hoặc giảm quy mô của các giao dịch;
- Rút thành viên đó ra khỏi nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.

MỤC 921

CÁC MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH VÀ CÁ NHÂN

Giới thiệu

- 921.1 Các doanh nghiệp kiểm toán cần phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 921.2 Quan hệ gia đình và cá nhân giữa thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo và quản lý khách hàng có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi, nguy cơ bị đe dọa và nguy cơ từ sự quen thuộc. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cụ thể liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- 921.3A1 Nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc, hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể hình thành do có mối quan hệ gia đình hoặc cá nhân giữa thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo và Ban Giám đốc hoặc quản lý cấp cao, hoặc một số nhân viên trong đơn vị của khách hàng dịch vụ đảm bảo tùy theo vai trò của họ.
- 921.3 A2 Mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Trách nhiệm của cá nhân trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
 - Vai trò của thành viên có mối quan hệ gia đình, hoặc các cá nhân với khách hàng dịch vụ đảm bảo và mức độ gần gũi của mối quan hệ đó.

Quan hệ gia đình trực tiếp của thành viên nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo

- 921.4 A1 Nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc, hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể hình thành khi cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo là nhân viên giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể tới đối tượng dịch vụ đảm bảo.
- 921.4 A2 Mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Vị trí mà thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp đó nắm giữ.
 - Vai trò của thành viên đó trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
- 921.4 A3 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc, hoặc nguy cơ bị đe dọa đó là rút thành viên có mối quan hệ cá nhân ra khỏi nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
- 921.4 A4 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc, hoặc nguy cơ bị đe dọa đó là phân công lại trách nhiệm trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo sao cho thành viên nhóm này sẽ không phụ trách các vấn

đề thuộc phạm vi trách nhiệm của người có quan hệ gia đình trực tiếp với thành viên đó.

R921.5 Thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo không được tham gia vào nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo khi bất kỳ cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp là:

- (a) Giám đốc hoặc quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo.
- (b) Nhân viên có vị trí gây ảnh hưởng đáng kể đến thông tin nội dung hợp đồng dịch vụ đảm bảo; hoặc
- (c) Từng giữ một vị trí quan trọng trong bất cứ khoảng thời gian nào có liên quan đến những thông tin được sử dụng trong hợp đồng dịch vụ đảm bảo.

Quan hệ gia đình gần gũi với thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo

921.6 A1 Nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc, hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể phát sinh khi cá nhân có quan hệ gia đình gần gũi với thành viên của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo là:

- a) Ban Giám đốc hoặc quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo; hoặc
- b) Nhân viên nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đến thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo trong hợp đồng.

921.6 A2 Mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Bản chất mối quan hệ giữa thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo và cá nhân có quan hệ gia đình trực tiếp.
- Vị trí mà thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp đó tại khách hàng.
- Vai trò của thành viên trong nhóm thực hiện dịch vụ bảo đảm.

921.6 A3 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc, hoặc nguy cơ bị đe dọa đó là rút thành viên có mối quan hệ cá nhân ra khỏi nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.

921.6 A4 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc, hoặc nguy cơ bị đe dọa đó là phân công lại trách nhiệm của nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo sao cho thành viên nhóm không phụ trách các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của cá nhân có quan hệ gia đình gần gũi.

Mối quan hệ gần gũi khác với một thành viên nhóm thực hiện dịch vụ bảo đảm

R921.7 Thành viên trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo phải tham khảo ý kiến tư vấn theo các chính sách và thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán khi thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo có mối quan hệ gần gũi với một cá nhân không phải là thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp hoặc gần gũi, nhưng là:

- (a) Giám đốc hoặc quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo; hoặc
- (b) Một nhân viên ở vị trí gây được sức ảnh hưởng đáng kể đến thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo trong hợp đồng.

- 921.7 A1 Mức độ của các nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Tính chất mối quan hệ giữa cá nhân và thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
 - Vị trí mà cá nhân đó tại khách hàng kiểm toán.
 - Vai trò của thành viên trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
- 921.7 A2 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa là rút thành viên có mối quan hệ cá nhân ra khỏi nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
- 921.7 A3 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa là phân công lại trách nhiệm trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo để thành viên đó không phụ trách các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của thành viên có mối quan hệ gần gũi.

Mối quan hệ giữa thành viên điều hành doanh nghiệp kiểm toán và nhân viên doanh nghiệp kiểm toán

- 921.8 A1 Nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc, hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể phát sinh bởi mối quan hệ cá nhân hoặc quan hệ gia đình giữa:
- (a) Thành viên điều hành hoặc nhân viên doanh nghiệp kiểm toán mà không thuộc nhóm kiểm toán; và
 - (b) Ban Giám đốc hoặc quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo, hoặc một nhân viên giữ vị trí ảnh hưởng đáng kể đến thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo của hợp đồng.
- 921.8 A2 Mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Bản chất của mối quan hệ giữa thành viên điều hành hoặc nhân viên của một doanh nghiệp kiểm toán, và Ban Giám đốc hoặc quản lý cao cấp hoặc nhân viên của khách hàng.
 - Mối quan hệ giữa thành viên điều hành hoặc nhân viên chuyên nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán với thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
 - Vị trí của thành viên điều hành, hoặc nhân viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp kiểm toán.
 - Vai trò của cá nhân trong đơn vị của khách hàng.
- 921.8 A3 Ví dụ biện pháp bảo vệ có thể giải quyết giải nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc, hoặc nguy cơ bị đe dọa gồm:
- Phân công lại trách nhiệm của thành viên điều hành hoặc nhân viên chuyên nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán để làm giảm ảnh hưởng có thể có đối với dịch vụ đảm bảo; hoặc.
 - Cử một người soát xét phù hợp khác soát xét lại các công việc dịch vụ đảm bảo có liên quan đã thực hiện.

MỤC 922

DỊCH VỤ GẦN ĐÂY VỚI KHÁCH HÀNG DỊCH VỤ ĐẢM BẢO

Giới thiệu

- 922.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 922.2 Các nguy cơ do tư lợi, nguy cơ tự kiểm tra hay nguy cơ từ sự quen thuộc có thể phát sinh nếu thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo gần đây đã từng là Giám đốc hoặc quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cụ thể liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Dịch vụ trong giai đoạn thuộc kỳ kế toán được thực hiện dịch vụ đảm bảo

- R922.3** Nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo sẽ không có cá nhân mà trong khoảng thời gian thực hiện báo cáo dịch vụ đảm bảo:
- (a) Đã từng là giám đốc hoặc quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo; hoặc
 - (b) Đã từng là nhân viên giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đến thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo của hợp đồng dịch vụ đảm bảo.

Dịch vụ trong giai đoạn thuộc kỳ kế toán được thực hiện dịch vụ đảm bảo

- 922.4 A1 Nguy cơ do tư lợi, nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ từ sự quen thuộc có thể phát sinh nếu trước giai đoạn thuộc kỳ kế toán được thực hiện dịch vụ đảm bảo, có một thành viên trong nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo:
- (a) Đã từng là giám đốc hoặc nhân viên của khách hàng dịch vụ đảm bảo; hoặc
 - (b) Đã từng là nhân viên giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đến thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo của hợp đồng dịch vụ đảm bảo.

Ví dụ, nguy cơ có thể xảy ra khi một quyết định hay công việc của cá nhân đó khi còn làm việc cho khách hàng dịch vụ đảm bảo trong giai đoạn trước được đánh giá trong giai đoạn này như là một phần phạm vi công việc của dịch vụ đảm bảo cho giai đoạn này.

- 922.4 A2 Mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Vị trí mà cá nhân đã nắm giữ khi còn làm việc cho khách hàng dịch vụ kiểm toán.
 - Khoảng thời gian từ khi cá nhân đó không còn làm việc cho khách hàng dịch vụ kiểm toán.
 - Vai trò của thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
- 922.4 A3 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi, nguy cơ tự kiểm tra hoặc nguy cơ từ sự quen thuộc đó là cử một người soát xét thích hợp soát xét lại công việc của nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.

MỤC 923

LÀM VIỆC VỚI VAI TRÒ GIÁM ĐỐC HOẶC QUẢN LÝ CẤP CAO CỦA KHÁCH HÀNG DỊCH VỤ ĐẢM BẢO

Giới thiệu

- 923.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 923.2 Làm việc như một giám đốc hoặc quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo có thể làm phát sinh nguy cơ tự kiểm tra và nguy cơ do tư lợi. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cụ thể liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Làm việc với vai trò giám đốc hoặc quản lý cao cấp

- R923.3** Thành viên điều hành hoặc nhân viên doanh nghiệp kiểm toán không được nắm giữ chức vụ là Giám đốc, quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo.

Làm việc với vai trò thư ký công ty

- R923.4** Thành viên điều hành hoặc nhân viên doanh nghiệp kiểm toán không được nắm giữ chức vụ là thư ký của công ty của khách hàng dịch vụ đảm bảo, trừ khi:
- Việc này được pháp luật, các thông lệ và quy tắc nghề nghiệp cho phép một cách cụ thể;
 - Ban Giám đốc đưa ra mọi quyết định; và
 - Nhiệm vụ và hoạt động của thư ký công ty chỉ giới hạn ở các công việc có tính chất hành chính và theo thủ tục như chuẩn bị các biên bản họp, lưu giữ tài liệu theo luật định.
- 923.4 A1 Vị trí thư ký công ty có vai trò khác nhau trong từng doanh nghiệp. Nhiệm vụ có thể bao gồm: nhiệm vụ hành chính (ví dụ việc quản lý quản lý, lưu giữ tài liệu, danh sách đăng ký của doanh nghiệp) đến các nhiệm vụ đa dạng như đảm bảo cho doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật hoặc đưa ra tư vấn về quản trị doanh nghiệp. Nhìn chung, vị trí này có mối quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp. Vì vậy, nguy cơ có thể phát sinh nếu như thành viên điều hành hoặc nhân viên doanh nghiệp kiểm toán không được nắm giữ chức vụ là thư ký công ty của khách hàng dịch vụ đảm bảo. (Thông tin thêm về cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng kiểm toán được đề cập trong Mục 950, *Cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng dịch vụ đảm bảo*).

MỤC 924

LÀM VIỆC CHO KHÁCH HÀNG DỊCH VỤ ĐẢM BẢO

Giới thiệu

- 924.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 924.2 Mọi quan hệ việc làm với khách hàng dịch vụ đảm bảo có thể làm phát sinh nguy cơ do tư lợi, nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cụ thể liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phản chung

- 924.3 A1 Nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể phát sinh nếu các cá nhân sau đây là thành viên của nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hoặc là thành viên điều hành của doanh nghiệp kiểm toán:
- Giám đốc hoặc quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo.
 - Nhân viên nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đến thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo của hợp đồng dịch vụ đảm bảo.

Hạn chế đối với thành viên điều hành trước đây của doanh nghiệp kiểm toán hoặc nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo

R924.4 Thành viên điều hành trước đây làm việc tại công ty của khách hàng dịch vụ đảm bảo của doanh nghiệp kiểm toán hoặc một thành viên tiền nhiệm của nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo gia nhập vào đơn vị của khách hàng dịch vụ đảm bảo như:

- (a) Một giám đốc hoặc quản lý; hoặc
- (b) Một nhân viên giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đến thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo của hợp đồng dịch vụ đảm bảo thì cá nhân đó không được tham gia vào các hoạt động chuyên môn của doanh nghiệp kiểm toán.

924.4 A1 Ngay cả khi một trong những cá nhân được đề cập đến tại đoạn R924.4 gia nhập vào công ty của khách hàng dịch vụ đảm bảo ở những vị trí như vậy và không tiếp tục tham gia vào hoạt động chuyên môn của doanh nghiệp kiểm toán thì nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa có thể vẫn hình thành

924.4 A2 Nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ bị đe dọa vẫn có thể phát sinh nếu thành viên trước đây của Ban Giám đốc doanh nghiệp kiểm toán làm việc cho một doanh nghiệp ở trong vị trí mô tả trong đoạn 924.3 A1 và doanh nghiệp này sau đó trở thành khách hàng dịch vụ đảm bảo của doanh nghiệp kiểm toán.

- 924.4 A3 Mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Vị trí của cá nhân đó khi làm việc cho khách hàng dịch vụ đảm bảo.
 - Mức độ mối liên quan nào mà cá nhân đó có với nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.
 - Khoảng thời gian từ khi cá nhân đó không còn là thành viên của nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hoặc là thành viên của Ban Giám đốc doanh nghiệp kiểm toán.
 - Vị trí trước đây của cá nhân đó trong nhóm thực hiện hợp đồng đảm bảo, trong doanh nghiệp kiểm toán. Ví dụ, liệu cá nhân đó có chịu trách nhiệm giữ liên lạc thường xuyên với Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị của khách hàng dịch vụ đảm bảo hay không.

924.4 A4 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ bị đe dọa gồm:

- Sắp xếp sao cho cá nhân không được hưởng bất kỳ lợi ích hoặc khoản thanh toán nào từ doanh nghiệp kiểm toán, trừ khi thực hiện theo các thỏa thuận được xác định trước.
- Sắp xếp sao cho bất kỳ khoản nợ nào của cá nhân không phải là trọng yếu đối với doanh nghiệp kiểm toán.
- Điều chỉnh lại kế hoạch thực hiện dịch vụ đảm bảo.
- Phân công vào nhóm dịch vụ đảm bảo một thành viên có kinh nghiệm phù hợp để làm việc với thành viên đã chuyển sang làm cho khách hàng dịch vụ đảm bảo đó.
- Bố trí một người soát xét thích hợp soát xét lại công việc do thành viên trước đây của nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo thực hiện.

Thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo thương lượng cơ hội làm việc cho khách hàng dịch vụ đảm bảo

R924.5 Doanh nghiệp kiểm toán cần có các chính sách và thủ tục yêu cầu các thành viên trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo phải thông báo với doanh nghiệp kiểm toán ngay khi bắt đầu thương lượng cơ hội việc làm với khách hàng dịch vụ đảm bảo.

924.5 A1 Nguy cơ do tư lợi có thể phát sinh khi một thành viên nhóm dịch vụ đảm bảo biết rằng trong tương lai họ sẽ hoặc có thể làm cho khách hàng dịch vụ đảm bảo.

924.5 A2 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể loại bỏ nguy cơ do tư lợi là rút thành viên đó ra khỏi nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.

924.5 A3 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ do tư lợi là cử một người soát xét thích hợp soát xét lại nhận định của cá nhân đó khi thực hiện dịch vụ đảm bảo.

MỤC 940

CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐẢM BẢO CHO KHÁCH HÀNG TRONG NHIỀU NĂM

Giới thiệu

- 940.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 940.2 Việc một cá nhân của doanh nghiệp kiểm toán tham gia nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo cho cùng một khách hàng trong nhiều năm có thể làm phát sinh nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ do tư lợi. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- 940.3 A1 Nguy cơ từ sự quen thuộc có thể hình thành như là kết quả từ mối quan hệ lâu năm của cá nhân với:
- (a) Khách hàng dịch vụ đảm bảo;
 - (b) Quản lý cấp cao của khách hàng dịch vụ đảm bảo;
 - (c) Đối tượng và thông tin dịch vụ đảm bảo của hợp đồng dịch vụ đảm bảo.
- 940.3 A2 Nguy cơ do tư lợi có thể phát sinh do cá nhân e ngại mất đi một khách hàng lâu năm hoặc quan tâm đến việc duy trì mối quan hệ cá nhân chặt chẽ với thành viên Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị. Nguy cơ này có thể ảnh hưởng đến xét đoán cá nhân không thích hợp.
- 940.3 A3 Mức độ của nguy cơ phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- Bản chất của dịch vụ đảm bảo.
 - Việc cá nhân đó là thành viên trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo trong bao lâu, thâm niên của cá nhân đó trong nhóm, và các bản chất vai trò cá nhân đó thực hiện, gồm việc mối quan hệ có tồn tại trong khi cá nhân đó ở trong doanh nghiệp kiểm toán trước đây.
 - Mức độ công việc của cá nhân được chỉ đạo, soát xét và giám sát bởi nhiều quản lý cấp cao hơn.
 - Mức độ mà cá nhân có khả năng ảnh hưởng đến kết quả của dịch vụ đảm bảo dựa vào thâm niên trong công việc, ví dụ, bằng cách đưa ra các quyết

định quan trọng hoặc chỉ đạo công việc của các thành viên của trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo khác.

- Sự gần gũi của mỗi quan hệ cá nhân với Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị.
- Bản chất, độ thường xuyên và mức độ tương tác giữa cá nhân và khách hàng dịch vụ đảm bảo.
- Bản chất hoặc tính phức tạp của đối tượng chủ đề cơ bản hoặc thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo có thay đổi hay không.
- Có bất kỳ thay đổi gần đây nào đối với cá nhân hoặc cá nhân mà là bên chịu trách nhiệm hoặc quản lý cấp cao nếu có liên quan, hay không.

940.3 A4 Sự kết hợp của hai hoặc nhiều yếu tố có thể làm tăng hoặc giảm mức độ của các nguy cơ. Ví dụ, các nguy cơ từ sự quen thuộc được tạo ra bởi mối quan hệ chặt chẽ theo thời gian giữa một cá nhân và khách hàng dịch vụ đảm bảo có thể giảm đi khi cá nhân chịu trách nhiệm rời đi.

940.3 A5 Ví dụ về hành động có thể loại bỏ nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ do tư lợi liên quan đến một hợp đồng dịch vụ cụ thể có thể là việc đưa cá nhân đó ra khỏi nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo.

940.3 A6 Ví dụ về biện pháp bảo vệ có thể giải quyết nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ do tư lợi của cá nhân bao gồm:

- Thay đổi vai trò của cá nhân trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hoặc tính chất và mức độ của các nhiệm vụ mà cá nhân thực hiện.
- Cử một người soát xét thích hợp không phải là thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo soát xét công việc do cá nhân này thực hiện.
- Định kỳ thực hiện kiểm soát chất lượng nội bộ hoặc độc lập từ bên ngoài đối với các dịch vụ đảm bảo.

R940.4 Nếu doanh nghiệp quyết định rằng các nguy cơ được tạo ra chỉ có thể được giải quyết bằng cách luân chuyển cá nhân ra khỏi nhóm kiểm toán, doanh nghiệp sẽ xác định một khoảng thời gian thích hợp trong đó các cá nhân sẽ không:

- (a) Trở thành thành viên của nhóm kiểm toán;
- (b) Cung cấp kiểm soát chất lượng cho dịch vụ kiểm toán; hoặc
- (c) Gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của dịch vụ kiểm toán.

Khoảng thời gian phải đủ dài để cho phép giải quyết nguy cơ từ sự quen thuộc và nguy cơ do tư lợi.

MỤC 950

QUY ĐỊNH VỀ CÁC DỊCH VỤ PHI ĐẢM BẢO ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DỊCH VỤ ĐẢM ĐẢM BẢO NGOÀI KHÁCH HÀNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT

Giới thiệu

- 950.1 Các doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 950.2 Các doanh nghiệp kiểm toán có khả năng cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng dịch vụ đảm bảo, phù hợp với kỹ năng và chuyên môn của doanh nghiệp. Cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng dịch vụ đảm bảo có thể làm phát sinh các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và các nguy cơ đe dọa tính độc lập. Mục này đưa ra các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn cụ thể liên quan đến áp dụng khuôn khổ khái niệm trong các trường hợp như vậy.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phân chung

- R950.3** Trước khi chấp nhận hợp đồng dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng dịch vụ đảm bảo, doanh nghiệp kiểm toán phải cân nhắc liệu việc chấp nhận đó có làm phát sinh nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập của doanh nghiệp kiểm toán hay không.
- 950.3 A1 Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp kiểm toán phân tích một số loại dịch vụ phi đảm bảo và các nguy cơ ảnh hưởng có thể xảy ra nếu Doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng dịch vụ kiểm toán.
- 950.3 A2 Do sự biến động không ngừng trong môi trường kinh doanh, môi trường tài chính cũng như công nghệ thông tin nên gần như không thể đưa ra một danh sách đầy đủ các dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng dịch vụ đảm bảo. Do đó, Bộ Quy tắc sẽ không bao gồm đầy đủ tất cả các dịch vụ phi đảm bảo có thể được cung cấp cho khách hàng.

Đánh giá các nguy cơ ảnh hưởng

- 950.4 A1 Mức độ của các nguy cơ ảnh hưởng xảy ra khi cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng dịch vụ đảm bảo phụ thuộc vào các yếu tố, bao gồm:
- Bản chất, phạm vi và mục đích của dịch vụ.
 - Mức độ phụ thuộc vào kết quả của dịch vụ phi đảm bảo như một phần của dịch vụ đảm bảo.

- Môi trường pháp lý và quy định về việc cung cấp dịch vụ phi đảm bảo.
- Liệu rằng kết quả của dịch vụ có ảnh hưởng đến các vấn đề được phản ánh trong đối tượng chủ đề cơ bản hoặc thông tin đối tượng chủ đề cơ bản của hợp đồng dịch vụ đảm bảo, và nếu có thì:
 - Mức độ mà kết quả của dịch vụ sẽ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc quan trọng lên đối tượng chủ đề của dịch vụ đảm bảo.
 - Mức độ tham gia của khách hàng dịch vụ đảm bảo trong việc xác định các vấn đề xét đoán quan trọng.
- Trình độ chuyên môn của quản lý hoặc nhân viên của khách hàng liên quan tới dạng dịch vụ được cung cấp.

Tính trọng yếu liên quan đến thông tin của khách hàng dịch vụ bảo đảm.

950.4 A2 Khái niệm tính trọng yếu liên quan đến thông tin của khách hàng dịch vụ đảm bảo được trình bày trong *Chuẩn mực quốc tế về các hợp đồng dịch vụ đảm bảo (ISAE) 3000 (Đã sửa đổi)*. Các dịch vụ đảm bảo ngoài kiểm toán và soát xét thông tin tài chính trong quá khứ. Việc xác định tính trọng yếu liên quan đến việc thực hiện xét đoán chuyên môn và chịu ảnh hưởng bởi cả các yếu tố định lượng và định tính. Việc xác định này cũng chịu ảnh hưởng bởi quan điểm về nhu cầu thông tin tài chính và các nhu cầu thông tin khác của người sử dụng.

Cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo được cho cùng một khách hàng dịch vụ đảm bảo.

950.4 A3 Doanh nghiệp kiểm toán có thể cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo cho cùng một khách hàng dịch vụ đảm bảo. Trong các trường hợp này, việc xem xét ảnh hưởng kết hợp các nguy cơ phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến việc đánh giá các nguy cơ có thể phát sinh của doanh nghiệp kiểm toán.

Giải quyết nguy cơ phát sinh

950.5 A1 Đoạn 120.10 A2 mô tả về các biện pháp bảo vệ. Liên quan đến việc cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng dịch vụ đảm bảo, các biện pháp bảo vệ đưa ra là hành động, riêng lẻ hoặc kết hợp, giúp cho doanh nghiệp kiểm toán làm giảm các nguy cơ ảnh hưởng đối với tính độc lập xuống mức có thể chấp nhận được. Trong một số trường hợp, nguy cơ tạo ra do cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng dịch vụ đảm bảo mà chưa có biện pháp bảo vệ, thì việc áp dụng khuôn khổ khái niệm được nêu trong Mục 120 yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán từ chối hoặc chấm dứt dịch vụ phi đảm bảo hoặc dịch vụ đảm bảo.

Nghiêm cấm về việc đảm nhận trách nhiệm quản lý

R950.6 Doanh nghiệp kiểm toán không được phép đảm nhận trách nhiệm quản lý liên quan đến đối tượng chủ đề hoặc thông tin đối tượng chủ đề của hợp đồng dịch vụ đảm bảo được cung cấp bởi doanh nghiệp đó. Nếu doanh nghiệp đảm nhiệm

trách nhiệm quản lý như là một phần của bất kỳ dịch vụ nào được cung cấp cho khách hàng dịch vụ đảm bảo thì doanh nghiệp phải đảm bảo rằng trách nhiệm không liên quan đến đối tượng chủ đề hoặc thông tin đối tượng chủ đề của dịch vụ đảm bảo được cung cấp bởi doanh nghiệp.

950.6 A1 Trách nhiệm quản lý thường liên quan đến việc kiểm soát, lãnh đạo và định hướng hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm việc đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến việc mua bán doanh nghiệp, triển khai và kiểm soát các nguồn lực về nhân sự, tài chính, công nghệ, tài sản và nguồn lực vô hình.

950.6 A2 Cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng dịch vụ đảm bảo tạo thành nguy cơ tự kiểm tra và nguy cơ do tư lợi nếu doanh nghiệp kiểm toán đảm nhận trách nhiệm quản lý khi thực hiện dịch vụ. Liên quan đến cung cấp một dịch vụ liên quan đến đối tượng chủ đề và thông tin đối tượng chủ đề dịch vụ đảm bảo của một hợp đồng dịch vụ đảm bảo cung cấp bởi doanh nghiệp kiểm toán, đảm nhận trách nhiệm quản lý cũng tạo ra nguy cơ từ sự quen thuộc và có thể tạo ra nguy cơ về sự bào chữa bởi vì doanh nghiệp kiểm toán trở nên quá tương đồng với quan điểm và lợi ích của ban quản lý của khách hàng dịch vụ đảm bảo.

950.6 A3 Việc xác định một hoạt động có được coi là thuộc trách nhiệm quản lý hay không phụ thuộc vào hoàn cảnh và xét đoán chuyên môn. Ví dụ về các hoạt động có thể coi là thuộc trách nhiệm quản lý, bao gồm:

- Xây dựng chính sách và định hướng chiến lược.
- Thuê hoặc sa thải người lao động.
- Chỉ đạo hoặc chịu trách nhiệm về hành động của nhân viên đơn vị
- Phê duyệt các giao dịch.
- Kiểm soát hoặc quản lý tài khoản ngân hàng hoặc đầu tư.
- Quyết định việc thực hiện các đề xuất của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới thành viên hoặc bên thứ ba khác.
- Đại diện quản lý báo cáo cho những người chịu trách nhiệm quản trị.
- Chịu trách nhiệm thiết kế, thực hiện, điều hành, và duy trì kiểm soát nội bộ.

950.6 A4 Việc tư vấn và khuyến nghị để hỗ trợ Ban quản lý khách hàng dịch vụ đảm bảo trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý của mình sẽ không được coi là trách nhiệm quản lý. (Tham chiếu: các đoạn R950.6 đến 950.6 A3)

R950.7 Để tránh rủi ro trong việc đảm nhận trách nhiệm quản lý khi cung cấp dịch vụ phi đảm bảo cho khách hàng dịch vụ đảm bảo liên quan đến đối tượng chủ đề và thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo trong hợp đồng dịch vụ đảm bảo,

doanh nghiệp kiểm toán cần chấp thuận rằng toàn bộ các xét đoán và quyết định liên quan được đưa ra bởi Ban quản lý của khách hàng là phù hợp với trách nhiệm quản lý. Để đảm bảo điều này thì Ban quản lý của khách hàng phải thỏa mãn:

- (a) Chi định một cá nhân có kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm phù hợp để chịu trách nhiệm cho các quyết định và giám sát các dịch vụ. Cá nhân này ưu tiên là quản lý cấp cao có hiểu biết về:
 - (i) Mục tiêu, bản chất và kết quả của các dịch vụ; và
 - (ii) Tương ứng với trách nhiệm của khách hàng và Doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới.

Tuy nhiên, cá nhân không bắt buộc phải có chuyên môn để thực hiện và thực hiện lại tất cả các dịch vụ.

- (b) Giám sát các dịch vụ và đánh giá mức độ chính xác kết quả của dịch vụ được thực hiện theo mục đích của khách hàng; và
- (c) Chịu trách nhiệm đối với các hành động nếu có phát sinh từ kết quả của dịch vụ.

Các xem xét khác liên quan đến cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo

950.8 A1 Nguy cơ tự kiểm tra có hình thành nếu doanh nghiệp kiểm toán tham gia vào việc chuẩn bị thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo mà sau này là thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo của hợp đồng dịch vụ đảm bảo. Ví dụ về các dịch vụ phi đảm bảo có thể tạo thành các nguy cơ tự kiểm tra như vậy khi cung cấp dịch vụ liên quan đến thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo của hợp đồng dịch vụ đảm bảo bao gồm:

- (a) Phát triển và chuẩn bị thông tin sắp tới và sau đó phát hành báo cáo đảm bảo về thông tin này.
- (b) Tiến hành đánh giá mà nó có liên quan và hình thành một phần của thông tin đối tượng dịch vụ đảm bảo trong hợp đồng dịch vụ đảm bảo.

MỤC 990

CÁC BÁO CÁO CÓ BAO GỒM HẠN CHẾ SỬ DỤNG VÀ CUNG CẤP (HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ ĐẢM BẢO NGOÀI HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT)

Giới thiệu

- 990.1 Các doanh nghiệp kiểm toán cần phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, đảm bảo tính độc lập và áp dụng khuôn khổ khái niệm nêu tại Mục 120 để xác định, đánh giá và giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập.
- 990.2 Mục này quy định về một số sửa đổi được phép đối với phần 4A trong một số trường hợp liên cung cấp liên quan đến dịch vụ đảm bảo khi mà báo cáo gồm có hạn chế sử dụng và cung cấp. Trong Mục này, dịch vụ phát hành một báo cáo có hạn chế sử dụng và cung cấp trong một số trường hợp quy định tại đoạn R990.3 được gọi là một “Hợp đồng dịch vụ đảm bảo được lựa chọn”.

Các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn

Phần chung

- R990.3** Khi một doanh nghiệp kiểm toán dự định đưa ra một báo cáo về hợp đồng dịch vụ đảm bảo có hạn chế sử dụng và cung cấp, các yêu cầu về tính độc lập được nêu trong Phần 4B đủ điều kiện áp dụng đối với các sửa đổi được phép trong Mục này chỉ khi nếu:
- (a) Doanh nghiệp kiểm toán thông tin cho người sử dụng định trước về báo cáo liên quan yêu cầu về tính độc lập được sửa đổi áp dụng trong cung cấp dịch vụ với những đối tượng sử dụng báo cáo; và
 - (b) Những người sử dụng dự kiến báo cáo hiểu được mục đích, hạn chế của báo cáo, và đồng ý rõ ràng việc áp dụng các sửa đổi.
- 990.3 A1 Những đối tượng sử dụng báo cáo định trước có thể tìm hiểu về mục đích, thông tin về đối tượng chủ đề và hạn chế của báo cáo bằng việc tham gia xác định bản chất và phạm vi của dịch vụ một cách trực tiếp, hoặc gián tiếp thông qua người đại diện của những đối tượng sử dụng định trước báo cáo của hợp đồng. Trong cả hai trường hợp, việc tham gia này giúp doanh nghiệp kiểm toán trao đổi các vấn đề về tính độc lập với những đối tượng sử dụng báo cáo, bao gồm cả các tình huống phù hợp để áp dụng khuôn khổ. Việc tham gia cũng cho phép doanh nghiệp kiểm toán thỏa thuận của những đối tượng sử dụng báo cáo đối với các quy định về tính độc lập được sửa đổi.
- R990.4** Khi mà những đối tượng sử dụng thông tin là một nhóm những người sử dụng mà không xác định rõ vào thời điểm các điều khoản hợp đồng dịch vụ được thiết lập, doanh nghiệp kiểm toán sau đó phải cho những đối tượng

sử dụng thông tin này biết về việc đại diện của họ đã đồng ý với các quy định về tính độc lập được sửa đổi.

990.4 A1 Ví dụ, khi mà đối tượng sử dụng báo cáo định trước là một nhóm những người cho vay trong hợp đồng vốn vay, doanh nghiệp kiểm toán có thể mô tả các yêu cầu tính độc lập được sửa đổi trong thư đảm bảo cho đại diện của nhóm người đó. Người đại diện này có thể đưa thư đảm bảo này cho các thành viên của nhóm những người cho vay, để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp kiểm toán có để cho những đối tượng sử dụng thông tin này biết về việc đại diện của họ đã đồng ý với các yêu cầu về tính độc lập được sửa đổi.

R990.5 Khi doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một hợp đồng dịch vụ đảm bảo được lựa chọn, bất kỳ sửa đổi nào đối với phần 4B đều bị giới hạn đối với các đối tượng được đề cập đến tại các đoạn từ R900.7 đến R900.8.

R990.6 Nếu doanh nghiệp kiểm toán cũng phát hành một báo cáo dịch vụ đảm bảo mà không có hạn chế sử dụng và cung cấp cho cùng một đối tượng khách hàng, doanh nghiệp kiểm toán phải áp dụng phần 4B đối với hợp đồng dịch vụ đảm bảo đó.

Các lợi ích tài chính, khoản vay và bảo đảm tài chính, các mối quan hệ kinh doanh gần gũi, và các mối quan hệ gia đình và cá nhân

R990.7 Khi doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một hợp đồng dịch vụ đảm bảo được lựa chọn:

- (a) Các điều khoản phù hợp quy định tại các Mục 910, 911, 920, 921, 922 và 924 chỉ áp dụng đối với các thành viên của nhóm thực hiện dịch vụ, các thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp với họ, và có thể áp dụng đối với các thành viên gia đình gần gũi của họ;
- (b) Doanh nghiệp kiểm toán phải nhận diện, đánh giá, và giải quyết bất kỳ nguy cơ ảnh hưởng tới tính độc lập phát sinh do các lợi ích và mối quan hệ, như được quy định tại các Mục 910, 911, 920, 921, 922 và 924, giữa khách hàng dịch vụ đảm bảo và các thành viên nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo sau:
 - (i) Thành viên cung cấp ý kiến tư vấn về kỹ thuật hoặc các vấn đề cụ thể của ngành, các giao dịch hoặc sự kiện; và
 - (ii) Thành viên cung cấp kiểm soát chất lượng của hợp đồng, bao gồm cả những người soát xét việc kiểm soát chất lượng dịch vụ đó; và
- (c) Doanh nghiệp kiểm toán phải đánh giá và giải quyết các nguy cơ mà nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo có lý do để tin rằng nguy cơ đó phát sinh từ các lợi ích và mối quan hệ giữa khách hàng dịch vụ đảm bảo và các thành viên trong doanh nghiệp kiểm toán, những người mà có thể ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả dịch vụ đảm bảo, như được quy định tại các Mục 910, 911, 920, 921, 922 và 924.

990.7 A1 Tất cả các cá nhân trong doanh nghiệp kiểm toán có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của dịch vụ đảm bảo, bao gồm các cá nhân có quyền đề xuất chế độ lương,

thường, hoặc trực tiếp theo dõi, quản lý, giám sát đối với thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ đảm bảo trong việc thực hiện hợp đồng dịch vụ.

R990.8

Khi doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một dịch vụ đảm bảo được lựa chọn, doanh nghiệp không được phép có lợi ích tài chính trọng yếu trực tiếp hoặc gián tiếp tại đơn vị của khách hàng dịch vụ đảm bảo.

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ, GỒM CẢ DANH MỤC VIẾT TẮT

Trong *Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp (bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập)*, mỗi phần riêng lẻ sẽ được giải thích như ở phần chung và ngược lại, các thuật ngữ dưới đây giải thích chi tiết.

Trong bảng giải thích thuật ngữ, sự giải thích các thuật ngữ được trình bày bằng phông chữ thường, chữ in nghiêng được sử dụng trong các trường hợp có ý nghĩa cụ thể trong các phần nhất định trong Bộ Quy tắc hoặc cho các giải thích bổ sung của thuật ngữ đó. Phần tham chiếu cũng được đề cập cho các thuật ngữ mô tả trong Bộ Quy tắc này.

Mức có thể chấp nhận được Là mức mà tại đó bên thứ ba thích hợp và có đầy đủ thông tin, sau khi xem xét tất cả các sự kiện và tình huống cụ thể sẵn có cho kế toán viên chuyên nghiệp tại thời điểm đó, có thể kết luận một cách tương đối chắc chắn rằng các nguyên tắc cơ bản không bị vi phạm.

Quảng bá Là việc truyền thông, quảng bá cho công chúng các thông tin về những dịch vụ hoặc kỹ năng mà kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề cung cấp nhằm mục đích kinh doanh.

Người soát xét Là một người chuyên nghiệp có kiến thức cần thiết, kỹ năng, kinh nghiệm và được phân quyền soát xét công việc hoặc dịch vụ thực hiện một cách khách quan, công việc hay dịch vụ thích hợp được cung cấp. Ví dụ người soát xét có thể là kế toán viên chuyên nghiệp.

Thuật ngữ này được mô tả tại đoạn 300.8 A4

Khách hàng dịch vụ đảm bảo Bên chịu trách nhiệm là một người hoặc nhiều người:

- (a) Trong hợp đồng đảm bảo trực tiếp, chịu trách nhiệm về đối tượng chủ đề hoặc; hoặc
- (b) Trong hợp đồng đảm bảo chứng thực, chịu trách nhiệm thông tin đối tượng chủ đề và có thể chịu trách nhiệm về đối tượng chủ đề.

Dịch vụ đảm bảo Một hợp đồng dịch vụ mà kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề đưa ra kết luận nhằm tăng mức độ tin cậy cho đối tượng sử dụng thông tin định trước ngoài bên chịu trách nhiệm về các kết quả được đo lường hay đánh giá đối tượng chủ đề dựa trên các tiêu chí nhất định. (Hướng dẫn về dịch vụ đảm bảo có thể xem thêm trong “*Khuôn khổ quốc tế về hợp đồng dịch vụ đảm bảo*” của Ủy Ban quốc tế Chuẩn mực dịch vụ đảm bảo và kiểm toán. Khuôn khổ này mô tả các yếu tố, mục tiêu của dịch vụ đảm bảo và xác định các dịch vụ là đối tượng áp dụng *Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISAs)*, *Chuẩn mực quốc tế về hợp đồng dịch vụ soát xét (ISREs)* và *Chuẩn mực quốc tế về hợp đồng dịch vụ đảm bảo (ISAEs)*).

Nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo	<p>(a) Tất cả thành viên nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo;</p> <p>(b) Tất cả các cá nhân khác trong doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đảm bảo có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của dịch vụ đảm bảo, bao gồm:</p> <p>(i) Các cá nhân có quyền đề xuất chế độ lương, thưởng, hoặc trực tiếp theo dõi, quản lý, giám sát đối với thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ đảm bảo trong việc thực hiện hợp đồng dịch vụ;</p> <p>(ii) Các cá nhân đưa ra ý kiến tư vấn cho các sự kiện, giao dịch, các vấn đề về chuyên môn hoặc mang tính đặc thù ngành liên quan đến dịch vụ đảm bảo;</p> <p>(iii) Các cá nhân tham gia kiểm soát chất lượng dịch vụ đảm bảo, bao gồm cả người thực hiện soát xét việc kiểm soát chất lượng.</p>
Kiểm toán	<i>Trong phần 4A, thuật ngữ “kiểm toán” được sử dụng tương đương như thuật ngữ “soát xét”.</i>
Khách hàng kiểm toán	<p>Là đơn vị được doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán. Khi khách hàng là tổ chức niêm yết, khách hàng dịch vụ kiểm toán sẽ bao gồm tất cả các bên liên quan của tổ chức niêm yết. Khi khách hàng không phải là tổ chức niêm yết, khách hàng dịch vụ kiểm toán sẽ bao gồm các bên liên quan mà khách hàng kiểm toán có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp (<i>xem đoạn R400.20.</i>)</p> <p><i>Trong đoạn 4A, thuật ngữ “khách hàng kiểm toán” được sử dụng tương đương như thuật ngữ “khách hàng soát xét”</i></p>
Cuộc kiểm toán	<p>Là một dịch vụ đảm bảo hợp lý, trong đó kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu (hoặc đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu), phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng cũng như dịch vụ được thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế. Dịch vụ này bao gồm dịch vụ kiểm toán bắt buộc theo luật định, là cuộc kiểm toán theo yêu cầu của pháp luật hoặc các quy định khác.</p> <p><i>Trong đoạn 4A, thuật ngữ “Hợp đồng dịch vụ kiểm toán” được sử dụng tương đương như thuật ngữ “Hợp đồng dịch vụ soát xét”</i></p>
Báo cáo kiểm toán	<i>Trong đoạn 4A, thuật ngữ “Báo cáo kiểm toán” được sử dụng tương đương như thuật ngữ “Báo cáo soát xét”</i>

- Nhóm kiểm toán
- (a) Tất cả thành viên nhóm thực hiện dịch vụ kiểm toán;
 - (b) Tất cả các cá nhân trong doanh nghiệp kiểm toán có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của dịch vụ kiểm toán, bao gồm:
 - (i) Các cá nhân có quyền đề xuất chế độ lương, thưởng, hoặc trực tiếp theo dõi, quản lý, hay giám sát khác của thành viên điều hành phụ trách hợp đồng kiểm toán trong việc thực hiện cuộc kiểm toán, bao gồm từ nhân sự quản lý cấp cao hơn thành viên điều hành phụ trách hợp đồng kiểm toán cho đến Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc (Giám đốc điều hành hoặc tương đương) của doanh nghiệp kiểm toán hoặc cấp tương đương;
 - (ii) Các cá nhân đưa ra ý kiến tư vấn về các sự kiện, giao dịch, các vấn đề về chuyên môn hoặc mang tính đặc thù ngành liên quan đến cuộc kiểm toán;
 - (iii) Các cá nhân tham gia kiểm soát chất lượng cuộc kiểm toán, bao gồm cả người thực hiện soát xét việc kiểm soát chất lượng.

Tất cả các cá nhân thuộc công ty mạng lưới có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả cuộc kiểm toán.

Trong phần 4A, thuật ngữ “nhóm kiểm toán” được sử dụng tương đương như thuật ngữ “nhóm soát xét”.

Quan hệ gia đình gần gũi Gồm bố, mẹ, con cái hoặc anh, chị, em ruột mà những người này không phải là thành viên có quan hệ gia đình trực tiếp.

Khuôn khổ khái niệm *Thuật ngữ này được mô tả trong Mục 120.*

Phí tiềm tàng Là mức phí được tính toán trên cơ sở xác định trước phụ thuộc vào kết quả của giao dịch hoặc dịch vụ mà doanh nghiệp kiểm toán thực hiện. Mức phí do tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác ấn định không được coi là phí tiềm tàng.

Thời kỳ gián đoạn thực hiện kiểm toán *Thuật ngữ này được mô tả trong đoạn R540.5 cho mục đích trong đoạn R540.11 đến R540.19.*

Lợi ích tài chính trực tiếp	Là lợi ích tài chính: (a) Lợi ích tài chính do một cá nhân hoặc một tổ chức sở hữu trực tiếp và kiểm soát (bao gồm cả những lợi ích được các đối tượng khác quản lý trên cơ sở toàn quyền quyết định); hoặc (b) Lợi ích tài chính được sở hữu để hưởng lợi thông qua quỹ tín thác, quỹ đầu tư, bất động sản hoặc tổ chức trung gian khác mà cá nhân hoặc tổ chức nắm quyền kiểm soát, hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư.
Giám đốc và nhân sự cấp cao	Là thành viên Ban quản trị của một tổ chức, hoặc người được trao quyền tương đương, không phụ thuộc vào chức danh.
Cuộc kiểm toán đủ điều kiện	<i>Thuật ngữ được mô tả trong đoạn 800.2 cho các mục đích của Phần 800</i>
Dịch vụ đảm bảo đủ điều kiện	<i>Thuật ngữ được mô tả trong đoạn 990.2 cho các mục đích Phần 990.</i>
Thành viên điều hành phụ trách hợp đồng dịch vụ	Là thành viên điều hành hoặc người khác trong doanh nghiệp kiểm toán chịu trách nhiệm về việc thực hiện hợp đồng và kết quả của hợp đồng dịch vụ, ký báo cáo trên tư cách doanh nghiệp và là người có quyền thích hợp từ các tổ chức nghề nghiệp, pháp luật hay quy định.
Kỳ thực hiện hợp đồng (Dịch vụ kiểm toán và soát xét)	Là thời gian hợp đồng vụ được bắt đầu khi nhóm kiểm toán thực hiện cuộc kiểm toán. Kỳ thực hiện hợp đồng kết thúc khi báo cáo kiểm toán được phát hành. Khi hợp đồng kiểm toán được tiến hành tái tục, hợp đồng kết thúc khi có một thông báo bởi một trong hai bên về dịch vụ thực hiện đã hoàn tất hoặc báo cáo kiểm toán được phát hành.
Kỳ thực hiện hợp đồng dịch vụ (Dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét)	Là thời gian hợp đồng vụ được bắt đầu khi nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ cụ thể. Kỳ thực hiện hợp đồng kết thúc khi báo cáo của dịch vụ đảm bảo được phát hành. Khi hợp đồng dịch vụ được tiến hành định kỳ, hợp đồng kết thúc khi có một thông báo bởi một trong hai bên về dịch vụ thực hiện đã hoàn tất hoặc báo cáo của dịch vụ đảm bảo được phát hành.
Soát xét việc kiểm soát chất lượng dịch vụ	Là quy trình được thiết kế trước hoặc tại ngày phát hành báo cáo, nhằm đưa ra sự đánh giá khách quan về các xét đoán quan trọng của nhóm thực hiện dịch vụ và các kết luận của nhóm để hình thành báo cáo.

Nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ	Bao gồm tất cả các thành viên điều hành và các nhân viên khác và bất cứ cá nhân khác trong doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới thực hiện các thủ tục cho hợp đồng dịch vụ. Nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ không bao gồm các chuyên gia bên ngoài được doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới sử dụng.
	Thuật ngữ “Nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ” cũng không bao gồm những người thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ của khách hàng trực tiếp hỗ trợ cuộc kiểm toán khi kiểm toán viên tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán quốc tế 610 (đã được hiệu chỉnh năm 2013) - <i>Sử dụng tư liệu làm việc của kiểm toán viên nội bộ</i> .
Kế toán viên đương nhiệm	Một kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề hiện đang được bổ nhiệm đảm nhiệm cuộc kiểm toán hoặc thực hiện dịch vụ kế toán, thuế, tư vấn hoặc các dịch vụ tương tự cho khách hàng.
Chuyên gia bên ngoài	Là cá nhân (không phải là thành viên điều hành hoặc nhân viên chuyên nghiệp, kể cả nhân viên tạm thời, của doanh nghiệp kiểm toán hoặc công ty mạng lưới) hoặc tổ chức có kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm trong một lĩnh vực riêng biệt ngoài lĩnh vực kế toán hoặc kiểm toán, mà công việc của chuyên gia trong lĩnh vực đó được sử dụng để giúp kế toán viên chuyên nghiệp thu thập bằng chứng đầy đủ và thích hợp.
Lợi ích tài chính	Là lợi ích thu được từ cổ phiếu hoặc các công cụ vốn khác, từ trái phiếu, khoản vay hoặc các công cụ nợ khác của một tổ chức, bao gồm cả các quyền và nghĩa vụ nhằm có được lợi ích đó cũng như các công cụ phái sinh có liên quan trực tiếp đến lợi ích đó.
Báo cáo tài chính	Là sự trình bày một cách hệ thống về các thông tin tài chính quá khứ, bao gồm các thuyết minh có liên quan, với mục đích công bố thông tin về tình hình tài chính và các nghĩa vụ của đơn vị tại một thời điểm hoặc những thay đổi trong một thời kỳ, phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính. Các thuyết minh liên quan thường bao gồm tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thông tin giải thích khác. Thuật ngữ “Báo cáo tài chính” thường có nghĩa là một bộ đầy đủ báo cáo tài chính, nhưng cũng được sử dụng để chỉ một báo cáo trong bộ báo cáo tài chính riêng lẻ gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh và những thuyết minh liên quan.
Báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến	Trong trường hợp đơn vị riêng lẻ, báo cáo tài chính là của đơn vị đó. Trong trường hợp là báo cáo tài chính hợp nhất, được hiểu là báo cáo tài chính của tập đoàn, báo cáo tài chính hợp nhất.

Doanh nghiệp kế toán, kiểm toán	<p>Gồm:</p> <p>(a) Một văn phòng tư nhân, công ty hợp danh hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn của kế toán viên chuyên nghiệp;</p> <p>(b) Một tổ chức có quyền kiểm soát đối với các đối tượng trên (mục a) thông qua quyền sở hữu, quản lý hoặc các hình thức khác; và</p> <p>(c) Một tổ chức chịu sự kiểm soát của các đối tượng trên (mục a) thông qua quyền sở hữu, quản lý hoặc các hình thức khác.</p> <p><i>Đoạn 400.4 và 900.3 giải thích thuật ngữ “doanh nghiệp kiểm toán” được sử dụng nhằm nhấn mạnh đến trách nhiệm của kế toán viên chuyên nghiệp và doanh nghiệp kiểm toán phù hợp với Phần 4A và 4B tương ứng.</i></p>
Các nguyên tắc cơ bản	<p><i>Thuật ngữ này được mô tả trong Đoạn 110.1 A1. Từng nguyên tắc cơ bản được mô chi tiết trong các đoạn sau:</i></p> <p><i>Tính chính trực</i> <i>R111.1</i></p> <p><i>Tính khách quan</i> <i>R112.1</i></p> <p><i>Năng lực chuyên môn và tính thận trọng</i> <i>R113.1</i></p> <p><i>Tính bảo mật</i> <i>R114.1</i></p> <p><i>Tư cách nghề nghiệp</i> <i>R115.1</i></p>
Thông tin tài chính quá khứ	<p>Là thông tin được trình bày bằng thuật ngữ tài chính liên quan đến một đơn vị cụ thể, phát sinh chủ yếu từ hệ thống kế toán của đơn vị, phản ánh các sự kiện kinh tế xảy ra trong các kỳ trước hoặc các điều kiện, tình huống kinh tế tại một thời điểm trong quá khứ.</p>
Quan hệ gia đình trực tiếp	<p>Gồm vợ, chồng (hoặc tương đương) hoặc người phụ thuộc.</p>
Tính độc lập	<p>Gồm:</p> <p>(a) Độc lập về tư tưởng: Là trạng thái tư tưởng cho phép đưa ra kết luận mà không bị tác động bởi những yếu tố có ảnh hưởng đến xét đoán chuyên môn, cho phép một cá nhân hành động một cách chính trực và vận dụng được tính khách quan cũng như thái độ hoài nghi nghề nghiệp của mình.</p> <p>(b) Độc lập về hình thức: Là việc tránh các sự kiện và tình huống nghiêm trọng tới mức một bên thứ ba thích hợp và có đủ thông tin có thể đưa ra kết luận rằng tính chính trực, tính khách quan và thái độ hoài nghi nghề nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán hoặc một thành viên trong nhóm thực hiện dịch vụ đảm bảo hoặc kiểm toán đã bị ảnh hưởng.</p> <p><i>Như được nêu trong Đoạn 400.5 and 900.4, các tham chiếu đến một cá nhân hay doanh nghiệp kiểm toán là “độc lập”, có nghĩa cá nhân hoặc doanh nghiệp phải tuân thủ áp dụng Đoạn 4A và 4B.</i></p>

Lợi ích tài chính gián tiếp	Là lợi ích tài chính được sở hữu để hưởng lợi thông qua một quỹ tín thác, quỹ đầu tư, bất động sản hoặc tổ chức trung gian khác mà cá nhân hoặc tổ chức không nắm quyền kiểm soát, hoặc không có khả năng gây ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư.
Ưu đãi	<p>Một đối tượng, tình huống hay hành động cụ thể được sử dụng như phương tiện để gây ảnh hưởng tới hành vi cá nhân, nhưng không nhất thiết có mục đích là ảnh hưởng đến hành vi cá nhân đó.</p> <p><i>Ưu đãi này có thể gồm từ hành động hiếu khách nhỏ của các đồng nghiệp trong doanh nghiệp (đối với kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp) hoặc giữa các kế toán viên chuyên nghiệp và khách hàng tiềm năng hoặc khách hàng hiện tại (đối với kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề) đến các hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định. Ưu đãi có thể tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, ví dụ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Quà tặng.</i> • <i>Sự đón tiếp.</i> • <i>Hoạt động giải trí.</i> • <i>Ủng hộ quỹ từ thiện hoặc hoạt động chính trị.</i> • <i>Biểu hiện quan hệ bạn bè thân thiết và sự trung thành.</i> • <i>Cơ hội nghề nghiệp và kinh doanh khác.</i> • <i>Ưu tiên, quyền và đặc quyền.</i>
Thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán	Là thành viên điều hành phụ trách hợp đồng kiểm toán, các cá nhân chịu trách nhiệm soát xét việc kiểm soát chất lượng dịch vụ, thành viên khác (nếu có), chịu trách nhiệm đưa ra các quyết định hoặc các xét đoán quan trọng về các vấn đề trọng yếu liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến. Tùy thuộc vào tình hình thực tế và vai trò của từng cá nhân trong cuộc kiểm toán, “thành viên điều hành phụ trách cuộc kiểm toán khác” có thể bao gồm thành viên điều hành chịu trách nhiệm kiểm toán công ty con, chi nhánh hoặc phòng ban chính trong doanh nghiệp.
Tổ chức niêm yết	Là đơn vị có cổ phần, cổ phiếu, hoặc các công cụ nợ được chào bán hoặc niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, hoặc được giao dịch theo quy định của sàn giao dịch chứng khoán hoặc các định chế tương tự khác.
Có khả năng thực hiện được	<i>Thuật ngữ được sử dụng trong Bộ Quy tắc để biểu thị cho phép thực hiện một hành động cụ thể trong một số trường hợp nhất định, gồm cả ngoại lệ đối với một yêu cầu. Thuật ngữ này không được sử dụng để chỉ khả năng xảy ra.</i>

Có khả năng xảy ra	<i>Thuật ngữ được sử dụng trong Bộ Quy tắc để biểu thị khả năng xảy ra một vấn đề, một sự kiện phát sinh hay một quá trình thực hiện hành động. Thuật ngữ này không được gắn với bất kỳ cấp độ của khả năng hoặc khả năng cụ thể khi áp dụng với nguy cơ ảnh hưởng, vì việc đánh giá cấp độ nguy cơ ảnh hưởng phụ thuộc vào thực tế và tình huống của vấn đề, sự kiện hoặc quá trình.</i>
Mạng lưới	Là cấu trúc rộng lớn: <ul style="list-style-type: none"> (a) Hướng tới sự hợp tác chuyên môn; và (b) Hướng tới sự chia sẻ lợi nhuận hoặc chi phí hoặc cùng được sở hữu, kiểm soát hoặc quản lý chung, có chung các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng, chiến lược kinh doanh chung, sử dụng chung thương hiệu, hoặc cùng chung một phần đáng kể nguồn lực chuyên môn.
Công ty mạng lưới	Là doanh nghiệp hoặc đơn vị thuộc cùng một mạng lưới. <i>Để biết thêm thông tin, xem từ đoạn 400.50 A1 đến đoạn 400.54 A1.</i>
Không tuân thủ pháp luật và quy định (Kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp)	<i>Không tuân thủ pháp luật và quy định (“không tuân thủ”) gồm các hành động bỏ sót hoặc thực thi, cố ý hoặc vô ý trái với luật pháp và quy định hiện hành của các bên sau:</i> <ul style="list-style-type: none"> (a) Tổ chức nơi kế viên chuyên nghiệp làm việc; (b) Ban quản trị của tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp làm việc; (c) Ban Giám đốc của tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp làm việc (d) Các cá nhân khác làm việc hoặc nhận chỉ đạo từ tổ chức nơi kế toán viên chuyên nghiệp làm việc. <i>Thuật ngữ này được mô tả trong đoạn 260.5 A1</i>
Không tuân thủ pháp luật và quy định (Kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề)	<i>Không tuân thủ pháp luật và quy định (“không tuân thủ”) gồm các hành động bỏ sót hoặc thực thi, cố ý hoặc vô ý trái với luật pháp và quy định hiện hành của các bên sau:</i> <ul style="list-style-type: none"> (a) Khách hàng; (b) Ban quản trị khách hàng; (c) Ban Giám đốc khách hàng; hoặc (d) Các cá nhân khác làm việc hoặc nhận chỉ đạo của đơn vị khách hàng. <i>Thuật ngữ này được mô tả trong đoạn 360.5 A1.</i>

Văn phòng	Một nhóm làm việc riêng biệt, nơi được tổ chức theo địa lý hoặc chuyên môn.
Kế toán viên tiền nhiệm	Một kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề đã được bổ nhiệm đảm nhiệm cuộc kiểm toán gần nhất hoặc đã thực hiện dịch vụ kế toán, thuế, tư vấn hoặc các dịch vụ tương tự cho khách hàng, nơi mà họ không còn là kế toán viên đương nhiệm.
Kế toán viên chuyên nghiệp	Một cá nhân là thành viên của hội nghề nghiệp thuộc tổ chức IFAC. <i>Trong Phần 1, thuật ngữ “kế toán viên chuyên nghiệp” đề cập đến kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp và kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán nơi họ làm việc.</i> <i>Trong Phần 2, thuật ngữ “kế toán viên chuyên nghiệp” đề cập đến kế toán viên trong doanh nghiệp.</i> <i>Trong Phần 3, 4A and 4B, thuật ngữ “kế toán viên chuyên nghiệp” đề cập đến kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán nơi họ làm việc.</i>
Kế toán viên chuyên nghiệp trong doanh nghiệp	Là kế toán viên được tuyển dụng là nhân viên, nhà thầu, đối tác, giám đốc (điều hành hoặc không điều hành), chủ sở hữu hoặc tình nguyện viên trong các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như thương mại, công nghiệp, dịch vụ, lĩnh vực công, giáo dục, lĩnh vực phi lợi nhuận, cơ quan quản lý hoặc hội nghề nghiệp.
Kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề	Là kế toán viên chuyên nghiệp làm việc trong doanh nghiệp kiểm toán cung cấp các dịch vụ chuyên môn, không phân biệt chức năng (như kiểm toán, thuế hoặc tư vấn). <i>Thuật ngữ “kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề” được sử dụng để cập doanh nghiệp kiểm toán nơi họ hành nghề.</i>
Hoạt động chuyên môn	Một hoạt động đòi hỏi kỹ năng kế toán hoặc các kỹ năng liên quan được thực hiện bởi kế toán viên chuyên nghiệp, bao gồm kế toán, kiểm toán, thuế, tư vấn quản trị và quản trị tài chính.
Dịch vụ chuyên môn	Là hoạt động chuyên môn được cung cấp cho khách hàng.
Kế toán viên được đề nghị	Một kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề đang được xem xét để chấp thuận bổ nhiệm hợp đồng kiểm toán hoặc hợp đồng thực hiện các dịch vụ kế toán, thuế, tư vấn hoặc các dịch vụ chuyên môn tương tự cho khách hàng tiềm năng (hoặc trong một số trường hợp là khách hàng hiện tại).

- Đơn vị có lợi ích công chúng
- (a) Tổ chức niêm yết, hoặc
 - (b) Đơn vị:
 - (i) Được định nghĩa bởi pháp luật hoặc quy định là đơn vị có lợi ích công chúng; hoặc
 - (ii) Đối với đơn vị này, việc kiểm toán là yêu cầu bởi pháp luật hay quy định phải tuân thủ yêu cầu về tính độc lập áp dụng tương tự như đối với các tổ chức niêm yết. Các quy định như vậy ban hành bởi cơ quan chức năng phù hợp, gồm cả cơ quan quản lý cuộc kiểm toán.

Các đơn vị khác có khả năng xem xét là đơn vị có lợi ích công chúng, như đã nêu trong đoạn 400.8.

Bên thứ ba thích hợp và có đủ thông tin

Kiểm tra của bên thứ ba thích hợp và có đủ thông tin

Kiểm tra của bên thứ ba thích hợp và có đủ thông tin là việc xem xét của một kế toán viên chuyên nghiệp về việc liệu có đưa ra cùng kết luận bởi một bên khác hay không. Việc xét đoán như vậy được thực hiện từ quan điểm của một bên thứ ba thích hợp và có đủ thông tin để cân nhắc tất cả các sự kiện và tình huống liên quan mà kế toán viên có hiểu biết, hay kỳ vọng có hiểu biết, tại thời điểm đưa ra ý kiến. Bên thứ ba thích hợp và có đủ thông tin không nhất thiết là một kế toán viên, nhưng có kiến thức và kinh nghiệm phù hợp để hiểu biết và đánh giá thích hợp kết luận của kế toán viên một cách khách quan.

Những thuật ngữ này được mô tả trong Đoạn R120.5 A6.

Bên liên quan

Là đơn vị có một trong các mối quan hệ sau với khách hàng:

- (a) Một đơn vị có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp đối với khách hàng, với điều kiện khách hàng là trọng yếu đối với đơn vị đó;
- (b) Một đơn vị có lợi ích tài chính trực tiếp từ khách hàng, với điều kiện đơn vị đó có ảnh hưởng đáng kể tới khách hàng và lợi ích từ khách hàng là trọng yếu đối với đơn vị đó;
- (c) Đơn vị chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của khách hàng;
- (d) Đơn vị mà trong đó khách hàng, hoặc đơn vị có liên quan với khách hàng như nêu trong mục (c) ở trên, có lợi ích tài chính trực tiếp mang lại ảnh hưởng đáng kể và lợi ích này là trọng yếu đối với khách hàng và đơn vị có liên quan nói trên;

- (e) Đơn vị mà khách hàng và đơn vị đó (“công ty anh em”) cùng chịu sự kiểm soát của một đơn vị khác với điều kiện cả khách hàng và công ty anh em đều trọng yếu đối với đơn vị kiểm soát đó.

Khách hàng
dịch vụ soát xét

Một đơn vị mà doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ soát xét.

Dịch vụ
soát xét

Một dịch vụ đảm bảo, được thực hiện phù hợp các chuẩn mực quốc tế về hợp đồng dịch vụ soát xét hay tương đương, trong đó kế toán viên chuyên nghiệp hành nghề đưa ra kết luận về việc liệu dựa trên cơ sở thực hiện các thủ tục, mà những thủ tục này không cung cấp bằng chứng như yêu cầu của cuộc kiểm toán, bất cứ phát hiện nào khiến kiểm toán viên tin rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Nhóm thực
hiện dịch vụ
soát xét
- (a) Tất cả các thành viên nhóm thực hiện dịch vụ soát xét;
- (b) Tất cả các cá nhân khác trong doanh nghiệp kiểm toán có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của cuộc soát xét, bao gồm:
- (i) Các cá nhân đề xuất chế độ lương, thưởng, hoặc trực tiếp theo dõi, quản lý hay giám sát khác đối với thành viên điều hành phụ trách cuộc soát xét trong việc thực hiện dịch vụ, bao gồm từ nhân sự quản lý cấp cao hơn thành viên điều hành phụ trách tổng thể liên quan đến hiệu quả dịch vụ soát xét, bao gồm từ các nhân sự quản lý cấp cao hơn Ban Giám đốc phụ trách hợp đồng dịch vụ cho đến Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc (Giám đốc điều hành hoặc tương đương) của doanh nghiệp kiểm toán;
 - (ii) Các cá nhân đưa ra ý kiến tư vấn về các sự kiện, giao dịch, các vấn đề về chuyên môn hoặc vấn đề mang tính đặc thù của ngành liên quan đến cuộc soát xét;
 - (iii) Các cá nhân tham gia kiểm soát chất lượng dịch vụ soát xét, bao gồm cả người thực hiện soát xét việc kiểm soát chất lượng;

Tất cả các cá nhân thuộc công ty mạng lưới có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của cuộc soát xét.

Biện pháp bảo vệ	<p><i>Biện pháp bảo vệ là hành động, đơn lẻ hoặc kết hợp, được kế toán viên chuyên nghiệp sử dụng nhằm giảm thiểu một các có hiệu quả nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản xuống mức có thể chấp nhận được.</i></p> <p><i>Thuật ngữ này được mô tả trong Đoạn 120.10 A2.</i></p>										
Kế toán viên chuyên nghiệp cấp cao trong doanh nghiệp	<p><i>Kế toán viên chuyên nghiệp cấp cao trong doanh nghiệp là giám đốc, quản lý hoặc chuyên viên cao cấp có thể gây ảnh hưởng đáng kể và đưa ra các quyết định liên quan đến việc mua sắm, triển khai và kiểm soát nhân sự, tài chính, công nghệ, tài sản và nguồn lực vô hình của tổ chức nơi họ làm việc</i></p> <p><i>Thuật ngữ này được mô tả trong Đoạn 260.11 A1</i></p>										
Nguy cơ trọng yếu	<p><i>Thuật ngữ này được mô tả trong Đoạn 260.5 A3 và 360.5 A3.</i></p>										
Báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt	<p>Là báo cáo tài chính được lập và trình bày theo khuôn khổ báo cáo tài chính được xây dựng để đáp ứng nhu cầu về thông tin tài chính của những đối tượng sử dụng đặc biệt.</p>										
Ban quản trị	<p>Là các cá nhân hoặc tổ chức (ví dụ đối với các tổ chức ủy thác) chịu trách nhiệm giám sát việc điều hành hoạt động chiến lược và thực hiện nghĩa vụ giải trình, kể cả trách nhiệm giám sát việc lập và trình bày báo cáo tài chính của đơn vị. Đối với một số đơn vị trong một số thể chế, Ban quản trị có thể bao gồm thành viên quản lý, ví dụ giám đốc điều hành trong hội đồng quản trị của công ty tư nhân hay nhà nước, hoặc chủ sở hữu đồng thời là quản lý.</p>										
Nguy cơ	<p><i>Thuật ngữ này được mô tả trong đoạn 120.6 A3 và được phân loại chi tiết:</i></p> <table border="0" style="margin-left: 20px;"> <tr> <td><i>Nguy cơ do tư lợi</i></td> <td><i>120.6 A3(a)</i></td> </tr> <tr> <td><i>Nguy cơ tự kiểm tra</i></td> <td><i>120.6 A3(b)</i></td> </tr> <tr> <td><i>Nguy cơ về sự bào chữa</i></td> <td><i>120.6 A3(c)</i></td> </tr> <tr> <td><i>Nguy cơ từ sự quen thuộc</i></td> <td><i>120.6 A3(d)</i></td> </tr> <tr> <td><i>Nguy cơ bị đe dọa</i></td> <td><i>120.6 A3(e)</i></td> </tr> </table>	<i>Nguy cơ do tư lợi</i>	<i>120.6 A3(a)</i>	<i>Nguy cơ tự kiểm tra</i>	<i>120.6 A3(b)</i>	<i>Nguy cơ về sự bào chữa</i>	<i>120.6 A3(c)</i>	<i>Nguy cơ từ sự quen thuộc</i>	<i>120.6 A3(d)</i>	<i>Nguy cơ bị đe dọa</i>	<i>120.6 A3(e)</i>
<i>Nguy cơ do tư lợi</i>	<i>120.6 A3(a)</i>										
<i>Nguy cơ tự kiểm tra</i>	<i>120.6 A3(b)</i>										
<i>Nguy cơ về sự bào chữa</i>	<i>120.6 A3(c)</i>										
<i>Nguy cơ từ sự quen thuộc</i>	<i>120.6 A3(d)</i>										
<i>Nguy cơ bị đe dọa</i>	<i>120.6 A3(e)</i>										
Thời kỳ kiểm toán	<p><i>Thuật ngữ này được mô tả trong Đoạn R540.5</i></p>										

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải thích
Khuôn khổ khái niệm dịch vụ đảm bảo	Khuôn khổ quốc tế về hợp đồng dịch vụ đảm bảo
COSO	Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission - Ủy ban thuộc Hội đồng quốc gia Hoa Kỳ về chống gian lận trong lập báo cáo tài chính
CoCo	Chartered Professional Accountants of Canada Criteria of Control - Tiêu chí kiểm soát của Hội kiểm toán viên hành nghề Canada
IAASB	International Auditing and Assurance Standards Board - Ủy ban Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo quốc tế
IESBA	International Ethics Standards Board for Accountants - Ủy Ban Chuẩn mực đạo đức quốc tế cho kế toán viên
IFAC	International Federation of Accountants - Liên đoàn Kế toán Quốc tế
ISAs	International Standards on Auditing - Chuẩn mực kiểm toán quốc tế
ISAEs	International Standards on Assurance Engagements - Chuẩn mực quốc tế về dịch vụ đảm bảo
ISQCs	International Standards on Quality Control - Chuẩn mực quốc tế về kiểm soát chất lượng
ISREs	International Standards on Review Engagements - Chuẩn mực quốc tế về soát xét

DANH MỤC CHUẨN MỤC THAM CHIẾU

Chuẩn mực	Tên chuẩn mực
ISA 320	Materiality In Planning and Performing an Audit - Tính trọng yếu trong lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán
ISA 610 (Sửa 2013)	Using the Work of Internal Auditors - Sử dụng tài liệu của kiểm toán viên nội bộ
ISAE 3000 (Sửa)	Assurance Engagements Other than Audits or Reviews of Historical Financial Information - Dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét của thông tin tài chính quá khứ
ISQC 1	Quality Control for Firms that Perform Audits and Reviews of Financial Statements, and Other Assurance and Related Services Engagements - Chuẩn mực kiểm soát chất lượng doanh nghiệp thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo và các dịch vụ liên quan khác
ISRE 2400 (Sửa)	Engagements to Review Historical Financial Statements - Hợp đồng soát xét báo cáo tài chính

NGÀY CÓ HIỆU LỰC

- Phần 1, 2 và 3 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 6 năm 2019
- Phần 4A liên quan đến tính độc lập của dịch vụ kiểm toán và soát xét có hiệu lực cho kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính trong thời kỳ vào hoặc sau ngày 15 tháng 6 năm 2019.
- Phần 4B liên quan đến tính độc lập của dịch vụ đảm bảo với các đối tượng có hiệu lực cho giai đoạn bắt đầu hoặc sau ngày 15 tháng 6 năm 2019; nếu không, sẽ có hiệu lực vào ngày 15 tháng 6 năm 2019.

Việc áp dụng sớm được cho phép.

Việc tham khảo trang 5 của cuối sách về thông tin có hiệu lực cho các điều khoản phù hợp được Ban chuẩn mực đạo đức quốc tế cho kiểm toán viên ban hành vào tháng 1 năm 2017 như một tài liệu gắn với quy ước và cấu trúc trước đây.

SỔ TAY
BỘ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ
CHO KẾ TOÁN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP
Bao gồm các chuẩn mực quốc tế về tính độc lập
Phiên bản 2018

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung:

Giám đốc - Tổng biên tập: PHAN NGỌC CHÍNH

Chỉ đạo thực hiện

Chủ tịch

PH M S DANH

Biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THƯ

Trình bày: HOASACH, JSC

Đơn vị liên kết xuất bản:

Công ty CP Hoa Sách
Số 32, ngõ 353/38, đường An Dương Vương,
phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

In 500 cuốn, khổ 21× 29,7 cm tại Công ty Cổ phần Hoa Sách.

Địa chỉ: Số 32, ngõ 353/38, đường An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3171-2021/CXBIPH/1-73/TC.

Quyết định xuất bản số 226/QĐ-NXBTC của Nhà xuất bản Tài chính, cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Mã ISBN: 978-604-79-2913-9.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.



**International
Federation
of Accountants®**

**529 Fifth Avenue, New York, NY 10017
T +1 (212) 286-9344 F +1 (212) 286-9570
www.ifac.org
ISBN: 978-1-60815-464-7**